



VĂN HOÁ VIỆT NAM

SỐ TÁM MƯƠI MỘT O MÙA HÈ 2018

- 1 ● MỤC LỤC
- 2 ● THƯ TOÀ SOẠN * VHVN
- 4 ● SỔ TAY VĂN HỌC ● KHUYA KHUYA MỘT CHÚT * GS Đoàn Xuân Thu
● HÙM CHẾT ĐỀ DA NGƯỜI TA CHẾT ĐỀ TIẾNG * Châu Lê
- 20 ● VĨNH BIỆT TÔNG THÔNG GERALD R. FORD (*trưởng nhiệm*)
* Huy Lực Bùi Tiên Khôi
- 25 ● TÔI NÓI VỚI HOA HỒNG (*thơ*) * Trần Văn Lệ
- 26 ● ÁO TRẮNG PHƯỢNG HỒNG (*thơ*) * Phạm Tương Như
- 27 ● TÀN MẠN TỪ CHUYỆN CON RUỒI CỦA LÊ CÔNG TÂM (*khảo luận*)
* GS Nguyễn Văn Trường
- 41 ● NẶNG OẢN VAI GÁNH (*thơ*) * Trần Bang Thạch
- 42 ● BÀI HÀNH THẮNG TƯ (*thơ*) * Cao Vị Khanh
- 44 ● ĐIỀN ĐIỀN (*thơ*) * Nguyễn Đâu Lộc
- 45 ● CỬA THẦN PHỦ (*nước Việt mến yêu*) * Trần Khánh Liễm
- 56 ● CHUYỆN CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG MỸ THUẬN (*truyện*) * Cao Vị Khanh
- 69 ● CẦU HÒ GIỌNG NÓI QUÊ TÔI (*thơ*) * Diễm Phượng
- 70 ● MẸ ƠI THÁNG NHỰC LẠI VỀ ● RAY RÚT TÌNH THÂM (*thơ*) * Thy Lan Thảo
- 73 ● VÍ DẦU TÌNH BẬU MUỐN THÔI (*truyện*) * Diễm Phượng
- 79 ● CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG (*nam quốc sơn hà...*) * GS Tạ Quốc Tuấn
- 90 ● THƯ SỐ 77a GỎI NGƯỜI LÍNH QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN VIỆT NAM (*nam quốc sơn hà...*) * Phạm Bá Hoa
- 104 ● TÀN MẠN BÊN ĐỒI II (*truyện*) * Lê Cận Thơ
- 118 ● VĂN HỌC THỂ GIỚI CHỌN LỌC (*chuyện văn học*) * GS TS Đàm Trung Pháp
- 127 ● LÚ LẪN (*truyện phóng tác*) * Trần Hồng Văn
- 134 ● U CƯ NGUYỄN DU (*chuyện văn học*) * Thầy đồ Đỗ Chiêu Đức
- 137 ● KHÔN NGOAN ĐỐI ĐÁP NGƯỜI NGOÀI (*truyện*) * Đào Anh Dũng
- 141 ● NHỮNG CÂY CẦU TRONG ƯỚC MƠ (*truyện*) * Nguyễn Văn Sâm
- 151 ● ĐIỀN CỎ TÌNH YÊU TRONG CA DAO (*chuyện văn chương*) * Trương Thy
- 161 ● LẠNG MỘT ĐỜI RIỀNG ● KIẾP SAU CÒN CÓ... (*thơ*) * Hoài Ziang Duy
- 163 ● BUỔI RA MẮT SÁCH và CD... (*giáo dục - văn hoá - văn nghệ*) * Linh Vàng
- 170 ● BÓNG THỜI GIAN (*thơ*) * Huyền Vân Thanh
- 171 ● THÌNH CỒ HỒN VẮN (*văn học chữ nôm*) * GS Lê Văn Đặng
- 180 ● ĐIỀU VĂN PHẦN ƯU CỐ THIẾU TƯỚNG NGUYỄN VĂN KIỂM...
- 181 ● DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN ỦNG HỘ TẠP CHÍ * VHVN
- 182 ● GIỚI THIỆU CÁC CƠ SỞ ỦNG HỘ TẠP CHÍ VHVN
- TẠI CÁC TRANG ● 55 ● 72 ● 78 ● 182 ● 183 ● 184 * VHVN



THƯ TOÀ SOẠN

*Tạp chí Văn Hoá Việt Nam số 81 mùa Hè 2018 đến với quý bạn đọc là số kỷ niệm bước sang năm thứ 21. Cứ mỗi dịp Hè, chúng tôi nhìn lại, có những diễn tiến ngoài xã hội không thể nào quên: "... sinh hoạt của các hội đoàn tập trung kỷ niệm, nhắc nhớ ngày 30 tháng 4-1975, ngày quốc hận, ngày mất Việt Nam Cộng Hoà. Dĩ nhiên nhắc nhớ này là một nỗi đau khó thể xoá mờ trong tâm trí của người dân tị nạn cộng sản khắp nơi trên thế giới nói riêng, cho cả dân tộc Việt Nam không chấp nhận chế độ cộng sản nói chung". Nhắc lại trong dòng lịch sử Việt Nam có những điều xảy ra xem như xưa cũ, có người muốn bỏ qua, đừng nhắc tới bởi nó thuộc về quá khứ. "Như trường hợp nhà văn Nhất Linh trước khi tự tử đã để lại những dòng chúc thư **"Đời tôi để cho lịch sử xử. Tôi không muốn ai xử tôi cả"**. Hay như câu nói của nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh, đúng ra phải viết đủ là nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật, nhà văn hoá, một học giả uyên bác mới tròn vẹn, căn dặn con cháu là **"còn tôi, xin để cho tôi yên phận"**. Ở đây, chúng tôi muốn trích lại một đoạn trong thư toà soạn cách đây mười năm: "Vâng, mong muốn đó đã kéo dài trên 73 năm kể từ khi cụ mất, chẳng có một cơ quan nào, một tổ chức nào "tưởng niệm" cụ hết (ngoài lễ giỗ hằng năm của thân tộc), cho nên thấy rằng đó là một sự bất công đối với một con người tài ba, lỗi lạc, có một tâm huyết, một nghị lực phi thường. Nhóm chủ trương tạp chí VHVN đã quyết định tổ chức buổi lễ tưởng niệm cụ Nguyễn Văn Vĩnh (15-6-1882 - 01-5-1936) vì nghĩ đến những hoài bão to lớn của cụ khi vận động dùng chữ quốc ngữ trong sinh hoạt văn hoá của dân tộc. Cụ đã nêu khẩu hiệu: **"Nước Nam ta đã bị mất bởi những người trí thức Nho học chỉ biết làm văn học Tàu. Chúng ta hãy cố gắng đừng để trở thành những người trí thức mới chỉ biết làm văn học Pháp"** ["L'Annam a été perdu par les lettres qui n'avaient fait que de la littérature, chinois, tachons de ne pas devenir des lettres qui ne font que la littérature française:"] (Notre journal 1908). Cụ đã dịch truyện KIM VÂN KIỀU từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ, in ra thành sách rê tiền để truyền bá chữ quốc ngữ, ngoài bia có in phưng châm **"Nước Nam ta mai sau này, hay dở cũng ở chữ quốc ngữ"**. Cụ đã khởi sự làm cuộc cách mạng văn hoá chữ quốc ngữ từ năm 1907..." (VHVN số 45 - mùa hè 2009). Chúng tôi đã tổ chức lễ tưởng niệm Cụ Nguyễn Văn Vĩnh nhân kỷ niệm 123 năm ngày mất của Cụ và đã dành nhiều trang in trong VHVN số 44 (284 trang) bài viết của nhà văn lão thành Doãn Quốc Sỹ, Tiến sĩ Nguyễn Minh Triết, Nhà văn Nguyễn Tuấn Khanh, Nhà nghiên cứu Nguyễn Vy Khanh, Cụ Thiên Lương & GS Trần Huy Bích, GS Lê Văn Đăng, Nhà văn Nguyễn Văn Sâm cùng nhiều tài liệu quý báu từ Cô Mimi Nguyễn (trong thân tộc của Cụ). *Cũng nhằm mong muốn nhắc nhớ**

nhau một số sự kiện "xấu, tốt" để đời trong lịch sử, tạp chí kỳ này chúng tôi có bài của Châu Lê "**hùm chết để da, người ta chết để tiếng**" trong mục Sổ Tay Văn Học; và có bài "**Thư số 77a gửi người lính quân đội nhân dân Việt Nam**" của cựu đại tá Phạm Bá Hoa trong chuyên mục Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... cùng nhiều trang bài chọn lọc của các tác giả là GS, nhà Văn, nhà Thơ, nhà làm công tác Văn Hoá Giáo Dục... cộng tác thường xuyên trên VHVN thân quen với bạn đọc từ trước đến nay. Mong được quý bạn tìm đọc để chia sẻ và cảm thông.

Tình hình quân sự, an ninh, chính trị, văn hoá, xã hội, kinh tế... ở Hoa Kỳ và các nước trên thế giới cứ chuyển biến liên tục. Các nhà bình luận mặc tình bày tỏ cảm nhận khách quan của mình. Tin hay không là quyền tự do, không ai áp đặt cho ai, đó cũng là quyền căn bản của con người. Không biết đến bao giờ trên đất nước Việt Nam con người thật sự hưởng được quyền tự do đó khi mà chế độ độc tài đảng trị cộng sản còn tồn tại? Chúng tôi có dịp nói đến bản chất "**hèn với giặc, ác với dân**" của đảng cộng sản cầm quyền, dưới sự giáo dục nhồi sọ một chiều... đã khiến con người - nhất là thế hệ trẻ hầu như không còn dũng khí đối với kẻ thù Trung Cộng đang xâm chiếm nước ta.

Việc quốc hội Việt Nam Cộng Sản chuẩn bị thông qua hai dự luật Địch Khu Kinh Tế bán nước (Vân Đôn, Bắc Phong và Phú Quốc cho Tàu Cộng thuê 99 năm), và bịt miệng dân "An ninh mạng" vào ngày 15 tháng 6/2018, nên từ ngày 10 tháng 6 đã rộ lên khắp nơi nhiều cuộc biểu tình bày tỏ sự chống đối mạnh mẽ. Mãi đến bây giờ người dân mới thấy được nguy cơ mất nước, hoạ Bắc thuộc tái diễn... và quyền tự do đã bị bóp chết đã quá muộn màng! Chính quyền CS cố tình ngăn trở và nhiều nơi trấn áp, bắt bớ người biểu tình và gây thương tích đổ máu. Dù vậy luật "bịt miệng dân" đã được quốc hội bấm nút thông qua" còn dự luật bán nước dờn lại... nhưng biết chắc sẽ thi hành tháng giêng năm 2019. Trong khi đó, được biết môn học Anh Văn trong các trường học đã hủy bỏ để thay vào môn tiếng Tàu ngay trong năm học này. Chính vì thế, thời điểm ngày 5 tháng 7 năm 2020 tới đây, Việt Nam sẽ là quốc gia tự trị, dưới quyền của Tổng Đốc Quảng Châu bên Tàu, theo đúng tinh thần hội nghị Thành Đô năm 2000 mà Nguyễn Văn Linh và đồng bọn Cộng sản VN đã ký văn kiện bán nước cho Tàu Cộng. Việt Nam còn hay đã mất? Một câu hỏi vô cùng đau xót...

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 82 phát hành mùa Thu 2018 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Chín 2018. Bài viết cho số Tám Mươi Hai sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Tám 2018. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta.

Tạp chí VĂN HOÁ VN

SỞ TAY VĂN HỌC



I

ĐOÀN XUÂN THU

KHUYA KHUYA MỘT CHÚT

Trong chốn văn nghệ, trước 75, nhà văn phải viết truyện dài đăng nhiều kỳ trên nhật báo, gọi là viết Feuilleton (phoi-dơ-tông) để kiếm sống. Nhưng trước cái biến cố đau thương, miền Nam sụp đổ, nhiều nhà văn vượt thoát ra nước ngoài làm người tị nạn lại chuyển qua làm thơ. Và thơ rất hay vì ý thơ phát xuất từ đáy lòng đang đau đớn.

Nhà văn Thanh Nam (1931-1985) là một trong những nhà văn đó. Cuộc đời tị nạn cũng ông thật ngắn ngủi chỉ 10 năm; nhưng khoảng thời gian đó cũng đủ để lại cho đời tập thơ với nhan đề "Đất khách" (1983).

Tháng Tư lại về trên Đất khách, tôi nhớ đến thơ Thanh Nam: "*Ngó ra buổi sáng quê người/ Tiếng xe lăn bánh nhịp đời trôi mau/ Già từ ngôn ngữ đã lâu/ Hôm nay thèm nói một câu chửi thề!*"

Nhà thơ sống bằng chữ nghĩa nên thèm nói một câu chửi thề; riêng tui lại thèm một tô hủ tiếu Mỹ Tho mới chết.

Nói nào ngay Footscray, nơi tui đến ở, cũng có quán bán hủ tiếu đó chớ. Nhưng khi ăn ở mấy tiệm này tui lại càng nhớ hủ tiếu Mỹ Tho hơn. Vì ăn không hẳn chỉ là ăn mà còn trong đó một cái tình quê tha thiết nữa đó bà con ơi!

Tui nhớ quê mình mỗi vùng đều có những món ăn nức tiếng trên chốn giang hồ nhưng đều tụ lại Thủ đô Sài Gòn, dân tứ xứ!

Nào là Phở Bắc theo đồng bào di cư vào Nam năm 1954. Nào là Bún Bò Huế từ cố đô, đất thân kinh cũng vào cho cay như ớt!

Rồi thời Phan Thanh Phục Minh Tầu, mấy chú Ba thím Xẩm, người Quảng Đông, Triều Châu chóng không lại cái nhà Thanh, đàn ông mà thất bím, bèn lên đường bôn tẩu.

Ra đi mang theo quê hương; mang theo hủ tiếu, mì, hoành thánh, bò vò viên đến Cù lao Phố Biên Hòa, đến Mỹ Tho, Sóc Trăng và cả đất Hà Tiên.

Người Tầu hồi mới đến Việt Nam thì cũng nghèo sặc gạch bèn bán hủ tiếu trên xe. Xe thì đậu một chỗ nơi có đông người qua lại. Vốn lấy công làm lời vì đâu có tiền mà mượn phố để kinh doanh.

Úc hay Mỹ giờ đây mới có cái vụ đặt đồ ăn nhờ 'Uber Eats' giao tới tận nhà, chớ chú Ba đã có cái dịch vụ phục vụ hủ tiếu, mì hoành thánh tới ngay tại chỗ; chỉ còn thiếu cái điều là gấp đút luôn vào miệng khách hàng thương mến thương mà thôi.

Đó là hủ tiếu gỗ! Hang cùng ngõ hẻm nào của tám nẻo đường thành Sài Gòn nào mà không có nó.

Trong ngõ, xe đậu lại ngã ba, thẳng nhỏ cầm hai thanh tre ngắn, gõ lóc cóc luồn quanh hẻm nhỏ lúc đêm về. "*É cho một tô hủ tiếu nhiều thịt ít tiền đi mậy!*" là 5 phút sau một tô hủ tiếu nóng hổi mang tới tận nơi.

Ngôn ngữ người Sài Gòn rất hay nhe. Nói cho một tô hủ tiếu tuy xin như vậy nhưng có trả tiền đằng hoàng chớ không ăn quỵt rồi chày bao giờ!

Bán hủ tiếu gỗ đã lâu, làm ăn chí thú, ky còm tiền bạc; không chơi số đề hay vào sòng bài Kim Chung hay Đại Thế giới thua sặc máu thì trước hay sau chú Ba sẽ lên đời bằng cách sắm một chiếc xe bán hủ tiếu trụ lại ngã tư đường có nhiều ông đi qua bà đi lại!

Chiếc xe này có miếng gỗ có thể bật lên, gài chốt làm thành một cái bàn hình chữ nhật dài và hẹp, vừa đủ để đặt lên tô hủ tiếu còn bốc khói và chai xì dầu, giấm đỏ và hũ ớt sừng trâu ngâm dấm và một lọ tiêu xay.

Khách ngồi trên ghé xếp, ngồi chờ, xem tranh Tàu vẽ trên mặt kiếng hình Quan Công quán nhau với Tào Tháo trong Tam Quốc Chí của Trần Thọ hay Tề Thiên Đại Thánh quán nhau với Ngưu Ma Vương trong Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân...

Những chiếc xe hủ tiếu kỳ cựu, chủ nhân nó luôn chung thủy với những đũa, muổng, tô, vớt lưới to để trưng vớt bánh hủ tiếu hay trưng mì.

Ghế xếp mặt ngồi bóng lưỡng bằng gỗ và chân sắt mộc mạc cũ kỹ, nhưng chắc chắn.

Rồi lại làm ăn chí thú, ít xít ra nhiều, chú Ba nấu, thiếm Xẩm rửa chén, con Muối chạy bàn kha khá hơn bèn ra ngã tư mượn nhà mặt tiền mở quán nước.

Nhưng bất cứ quán nước nào xe hủ tiếu cũng chiếm vị trí mặt tiền, trung tâm của quán. Vì mùi thơm của nồi nước lèo bốc ra ngào ngạt, lan tỏa trong buổi sáng tinh sương của đất Sài Gòn làm ai nấy đi qua mà không đói bụng, thêm một tô hủ tiếu mì nóng hổi... vừa thổi vừa ăn chớ?

Giờ ngoài hủ tiếu, mì hoành thánh ra còn thêm bánh bao, xú mại, cà phê cà pháo kể cả la ve cho bà con ăn sáng, ăn trưa, ăn chiều ăn luôn bữa tối.

Bà con mình đi qua những ngã tư đường ở vị trí tiện lợi sẽ gặp: Tuyên Kỳ, Hưng Ký, Phánh Ký, Phát Ký, Gia Ký, Oai Ký... Mì gia!

Sao chú Ba nào cũng ‘Ký’ hết vậy cà? Té ra chữ Ký trên bảng hiệu nghĩa là nhãn hiệu, thương hiệu như Phánh Ký là tiệm mì của chú Phánh vậy mà.

Trên bước đường hành hiệp chốn giang hồ, tui đã ăn hủ tiếu nhiều nơi nhiều chỗ. Ở Cần Thơ, Tây Đô thì có Hoạt Ký, Khung Ký đối diện rạp hát Minh Châu trên đường giữa Phan Đình Phùng thưở ấy. Rồi về lại Sài Gòn ra đường Trần Quý Cáp gần tới đường Cao Thắng quận Ba, ăn hủ tiếu Nam Vang Hồng Phát.

(Đường Trần Quý Cáp đặt tên một nhà Nho yêu nước đất Điện Bàn Quảng Nam vì tham gia Phong trào Duy Tân nên bị án tử yêu trăm là chém ngang lưng; nhưng sau này VC vô đặt lại tên đường là Võ Văn Tần!

Tui thú thiệt không biết ông nội con nít này là ai? Có công trạng gì với đất nước mình mà dám cả gan thay thế nhà chí sĩ Trần Quý Cáp?!). Rồi trên đường Huỳnh Thúc Kháng ở quận Một có quán hủ tiếu Thanh Xuân quảng cáo là hủ tiếu Mỹ Tho; nhưng ăn có cả rau tần ô nữa (?!).

Hai quán này bán đắt ắt hẳn là ngon nhưng không thể nào làm tui quên được xe hủ tiếu của em yêu bên hông rạp Định Tường nằm trên đường Lý Thường Kiệt, chỉ đi chục bước chân là ra tới đường Trưng Trắc, dọc theo bờ sông Bảo Định.

Em yêu, Á xắm, con chú Phu bán hủ tiếu ngày xưa là vợ yêu, má của hai thằng cu tui bây giờ.

Chẳng qua mất nước, đi "học tập cải tạo" nghĩa là ở tù VC về, tui đi chạy xích lô.

Bữa nào trúng mồi, thèm tui ghé xe hủ tiếu của Ba má em để thêm xúc một tô, làm thêm xì để mà bù ngùi nhớ những huy hoàng ngày cũ. (Dẫu sao mình cũng từng làm quan đóng tới lon Thiếu Úy chớ bộ!)

Ăn riết rồi quen. Rồi được em lên Tía em cho tui thiếu chịu. Nói nào ngay thiếu cũng chừng chục tô thôi. May mắn canh me, vượt biên ra khỏi nước, rồi bèo giạt hoa trôi tới tận cái nước Úc này đây, nhớ cái ơn cho ăn chịu ngày xưa tui quay về mà rước em qua.

Qua tới đây em chỉ lo cơm nước, tui đi cày mà trả nợ em. Trả hoài mà tới giờ chưa có hết. Hu hu!

Chiều này quê người đất khách. Tháng Tư lại về mặt tui rầu rầu như vừa bị ăn cướp. Phải rồi tui nó đã cướp nước tui, cướp quê hương tui, cướp luôn một thời tuổi trẻ nhiều ước vọng của tui thì hỏi tui không buồn sao đặng!

Vợ chồng đâu áp tay gối bấy lâu em yêu thấy tui rầu nên lòng em cũng xót.

Em thở thè rằng: "*Ngộ sẽ nấu hủ tiếu cho nị ăn! Rồi còn xí quách làm một tô cho nị nhậu để bớt buồn nhớ quê vì xa xí! Thấy nị buồn, ngộ chịu không có nổi!*"

He he! Lầy vợ là Á xắm mấy chục năm nay mà em yêu nói tiếng Việt chưa rành.

Tiếng Việt em chưa sõi nhưng tài nấu hủ tiếu gia truyền của em đã chinh phục lòng anh (lòng nghĩa đen là cái bao tử) thì không cần phải hỏi. Nói theo kiếm hiệp là công phu đã đạt đến chốn thượng thừa!

Sáng hôm sau em đi chợ Footscray một mình rồi linh kinh mang về hầm bà lằng đủ thứ.

Em giảng rằng: Bánh hủ tiếu hồi xưa ở Mỹ tho làm bằng gạo phải là từ Gò Cát, bên kia sông Bảo Định, từ cây lúa mùa mới đặng. Bằng lúa thân nông cọng hủ tiếu sẽ không dẻo, không dai và cũng không thơm.

Sau đó là xay gạo ra thành bột. Thêm bột lọc và trộn cho đều. Xong tráng bột thành bánh rồi đem phơi ngoài nắng. Cuối cùng là cắt thành sợi. Mình ăn hủ tiếu tươi không hề!

Giờ hủ tiếu để trong bọc, có chất phụ gia bảo quản. Chết em; em không tiếc nhưng chết anh em không đành... Vì cứ hai tuần ai lãnh lương về đưa tiền chợ cho em?

Cái quan trọng không kém một ly ông cụ nào là nồi nước lèo.

Cho xương heo, khô mực, tôm khô vào nồi ninh, thêm củ cải trắng, củ cải muối thêm chút muối, đường phèn, bột ngọt, nước mắm. Để lửa riu riu khoảng 3 tiếng, đun sôi, hớt bọt cho nước lèo nó trong.

Cho vào nồi thảo quả, đại hồi, tiểu hồi, quế (gọi là bí quyết gia truyền ai cũng giấu) trong nồi nước lèo.

Để có mùi thơm vị ngọt, tấn công vào vị giác và khứu giác của mình thì phải phi hành tím!

Thịt mỡ luộc lên, rồi cắt nhỏ, lớn hơn hạt bắp. Khi thắng tếp mỡ, cho lửa lớn đảo đều cho tếp săn lại, khi đó hạ lửa xuống và chiên riu riu cho tếp vàng, săn lại và giòn. Đập vài tếp tỏi sống để cho vào mỡ khi lấy ra khỏi bếp, là đủ độ nóng cho tỏi vàng rồi.

Bàn tay thoăn thoắt, em ngắt một nhúm bánh hủ tiếu khô, nhét sâu vào cái vọt cán tre, cùng ít giá, trụng vào nồi nước sôi, dạo lên dạo xuống mấy lượt, xúc lên xúc xuống cho ráo nước. Xong, cho vào tô, cho ít mỡ tỏi phi và hành phi trộn nhẹ cho đều thêm cải bắp thảo.

Lấy dao bén em xắt miếng thịt nạc heo mỏng còn hơn tờ giấy quyển trải đều lên mặt, vài lớp gan heo cũng mỏng không kém. Không phải hà tiện gì đâu! Ở Úc mà. Nhưng phải xắt mỏng như vậy để cho nước lèo mới thấm vào từng sơ thịt; ăn mới ngon.

Rau kèm theo thì có ngò rí, hẹ, hành lá thêm hai lá xà lách to, ít cọng hẹ rẫy, một miếng bánh tôm chiên.

Em dọn tô hủ tiếu bốc khói ra để trước mặt chàng. Chàng hỏi còn 'giảm sừ' đâu?

Em hiểu ý; hứ nghe cái cóc. "*Ban ngày ban mặt mà giám sừ cái gì? Nị ăn hủ tiếu của ngô với xì dầu và giám đồ đi! Còn 'giám sừ' thì để khuya khuya chút nữa nhe!*"

đoàn xuân thu.

melbourne

II

CHÂU LÊ

"HÙM CHẾT ĐỂ DA NGƯỜI TA CHẾT ĐỂ TIẾNG"

Có lẽ ai trong cuộc sống này, ít nhất đã một lần nghe câu nói của người xưa "*hùm chết để da, người ta chết để tiếng*", nhằm nhắc nhở nhau về đạo lý ở đời, cố làm điều tốt, điều thiện, tránh xa cái xấu, cái ác... Chẳng hạn, vị vua cuối cùng nhà Hậu Lê là Lê Duy Khiêm (B. tuất 1766 - Q. sừ 1793) miếu hiệu Mẫn đế, vì hiệu năm là Chiêu Thống nên cũng gọi là vua Lê Chiêu Thống. Năm M. thân 1788, Tây Sơn ra Thăng Long lần II, ông bỏ ngôi chạy trốn quanh quất trong hai miền Kinh Bắc và Sơn Nam. Rồi vì ông cầu cứu với nhà Thanh, dẫn đường cho Tôn Sĩ Nghị đem quân Thanh xâm lược nước ta. Đến tháng giêng năm K. dậu 1789, Tây Sơn đánh tan quân Thanh, Chiêu Thống và đám quần thần lưu vong ở Trung Quốc, bị bạc đãi, hắt hủi, vua tôi ông xiết bao tủ nhục. Bọn quan lại nhà Thanh bắt một số tòng thần cho lên xe trâu đày ra xa ngoài 300 dặm. Tình thế ngày càng tuyệt vọng, Chiêu Thống bệnh nặng, đến ngày 16 tháng 10-1793 chết tại Yên Kinh (*). Cuộc đời Lê Chiêu Thống là một bài học xấu muôn đời trong lịch sử. Còn Trần Ích Tắc là con thứ của vua Trần Thái tông, tước Chiêu Quốc Vương, khi quân Mông Nguyên sang xâm lược (Â. dậu 1285), ông ta đầu hàng quân Nguyên rồi theo chúng về Trung Quốc, ngụ ở Hán Dương (thuộc tỉnh Hồ bắc). Lúc đầu, vua Nguyên phong ông ta làm An Nam Quốc vương, định dùng ông ta làm chiêu bài để thi hành mưu chước xâm lược lần nữa, nhưng thất bại, sau chỉ làm Bình Chương ở Hồ Quảng. Khi Nguyễn Đại Pháp đi sứ sang Trung Quốc

có gặp Trần Ích Tắc nhưng không chào hỏi. Ông ta ngạo mạn bảo Đại Pháp: "*Nhà ngươi là gia đồng của Chiêu Đạo Vương ngày trước phải không?*". Đại Pháp đáp: "*Việc đòi thay đổi, Đại Pháp tôi ngày trước là tên hầu trà của Chiêu Đạo Vương, mà nay là sứ thần. Cũng như ngài, trước là con vua mà nay là tên hàng thần nước người!*". (*) Câu trả lời của vị sứ thần là cái tát vào mặt Trần Ích Tắc để đòi trong lịch sử.

Nhắc lại hai sự kiện trong lịch sử trên đây, tôi lại nhớ đến những chuyện, dù xảy ra mới hơn nửa thế kỷ mà tôi được nghe và biết liên quan đến số phận dân tộc Việt Nam ta. Tôi xin đề cập một nhân vật đi vào lịch sử, biết rằng những người thân tính, có thể gia tộc hoặc người thân của ông ấy hiện còn có mặt trong cõi nhân sinh này, nhưng tôi vẫn phải nói lên cảm nhận của mình: đó là tướng Dương Văn Minh. Tôi biết tên ông là một trong những quân nhân cầm đầu cuộc đảo chánh lật đổ vị Tổng thống Đệ nhất cộng hoà Ngô Đình Diệm ngày 1 tháng 11 năm 1963, nhưng khi Tổng thống Ngô Đình Diệm và cố vấn Ngô Đình Nhu bị giết chết (rạng sáng ngày mùng 2 tháng 11-1963), ông chẳng làm nên thành tích nào để đòi cả. Nền đệ nhị cộng hoà, do những phức tạp khác mà dẫn đến hệ lụy năm 1975, tôi xin nhắc đến những ngày cuối cùng có sự xuất hiện của ông lần hai (xin được giao quyền Tổng Thống) rồi để đòi câu nói lịch sử "*buông súng đầu hàng vô điều kiện!*". Sau Hiệp định Paris ký ngày 27 tháng giêng 1973, Mỹ lần lượt rút quân ra khỏi Việt Nam, viện trợ của Hoa Kỳ đã cắt giảm nhiều, trong đó vũ khí đạn dược trang bị cho quân lực ngày càng cạn kiệt, trong khi



miền Bắc Việt Nam, Nga Xô và Trung Cộng tăng cường viện trợ, trang bị vũ khí đạn dược tối tân cho bộ đội để ào ạt chuyển quân vào đánh cướp miền Nam. Trên chính trường miền Nam, những thành phần chủ hoà, thân cộng... đã gây áp lực buộc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức, Cụ Trần Văn Hương lên thay chức Tổng Thống. Tôi xin nhắc lại chi tiết này, vì nghĩ rằng ai trong chúng ta cũng xem và nghe được trên

đài truyền hình Sài Gòn. Cụ Trần Văn Hương kể: "Đại tướng Dương Văn Minh nói với tôi: *"Thưa Thầy, suốt cuộc đời Thầy đã hy sinh vì dân vì nước nhiều rồi. Bây giờ thầy hy sinh một lần nữa cũng chẳng sao. Thầy giao chức Tổng Thống lại cho tôi"*. Cụ Hương trả lời: *"Xin lỗi Đại Tướng, chức Tổng Thống do dân bầu ra chứ không phải là cái khăn mu-soa, một tờ giấy bạc trong tay tôi móc ra muốn trao ai thì trao nghe Đại tướng!"*. Dù nói khẳng khái như vậy, nhưng do áp lực của những người làm chánh trị trong Lưỡng Viện Quốc Hội, lúc 5 giờ chiều ngày 28 tháng 4 năm 1975 tại Hội trường Diên Hồng trong Dinh Độc Lập, với sự hiện diện của khoảng 200 người gồm đại diện Thượng và Hạ Viện, Tối Cao Pháp Viện, Giám Sát Viện và một số tổng bộ trưởng trong chánh phủ Nguyễn Bá Cẩn, và hàng trăm ký giả chứng kiến buổi lễ "trao quyền". Cụ Tổng Thống Trần Văn Hương đọc bài diễn văn cuối cùng "trao quyền" cho ông Dương Văn Minh, để rồi chỉ trong một thời gian ngắn ngủi, ông đã tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Hãy nghe nhân chứng có mặt trong Dinh Độc Lập kể:

*"Sau khi cựu TT Trần Văn Hương trở về chỗ ngồi, bục diễn đàn vẫn trống trơn. Dương Văn Minh vẫn ngồi yên không hề nhúc nhích. Một người lính tiến vào dưới hàng đèn phản chiếu và **gỡ hai lá cờ đem ra khỏi phòng**. Sau đó anh ta trở lại tháo gỡ quốc huy cũ của Việt Nam Cộng Hoà gắn trước bục diễn đàn rồi một người lính khác mang đến gắn huy hiệu mới của Dương Văn Minh, đó là hình hoa mai năm cánh nằm trong dấu hiệu âm dương của người Trung Hoa, tượng trưng cho hai yếu tố đối nghịch tạo thành sự đồng nhất trong vũ trụ". Ông Dương Văn Minh chỉ đọc diễn văn mà không hề tuyên thệ. Như vậy, cho tháo gỡ hai lá quốc kỳ trước khi đọc diễn văn và không thêm tuyên thệ khi nhậm chức Tổng Thống VNCH, phải chăng ông Dương Văn Minh muốn gián tiếp nói với phe Công sản rằng ông ta đã xé bỏ bản Hiến Pháp năm 1967 của Việt Nam Cộng Hoà, không còn liên hệ gì đến chế độ Đệ Nhị Cộng Hoà nói riêng và cả lịch sử ba mươi năm chống lại Đảng Công sản Việt Nam để bảo vệ tự do cho những người Việt Nam không chịu sống chung với Cộng sản từ miền Bắc cho đến miền Nam sau này nói chung?"(**).*

Vào lúc 10 giờ 24 phút sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, "Tổng Thống" Dương Văn Minh đã đọc nhật lệnh trên đài phát

thanh Sài Gòn ra lệnh cho tất cả mọi quân nhân thuộc Quân Lực VNCH phải buông súng đầu hàng. Ông Dương Văn Minh tuyên bố như sau:

"Đường lối, chủ trương của chúng tôi là hoà giải và hoà hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hoà giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu của người Việt Nam. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà hãy bình tĩnh ngưng nổ súng và ở đâu thì ở đó.

*"Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng, vì chúng tôi ở đây đang chờ gặp Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự, tránh sự đổ máu vô ích cho đồng bào".(**).*

Lúc 12 giờ 15 trưa ngày 30-4, khi chiến xa mang số 879 của Lữ Đoàn Thiết Giáp 203 của quân đội Cộng sản Bắc Việt ủi sập hàng rào sắt tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, "Tổng Thống" Dương Văn Minh thấy vị sĩ quan Cộng Sản đeo đầy sao vàng trên cầu vai nền đỏ, vì không biết cấp bậc của Quân đội Nhân Dân miền Bắc nên ông Minh tưởng rằng đang đứng trước một tướng lĩnh cao cấp: *"Thưa Quan Sáu, tôi đã chờ ông từ ban sáng để trao quyền cho ông".* Viên sĩ quan Bắc Việt chỉ huy đoàn chiến xa này là Thượng Tá Bùi Tùng đã dùng danh từ "mày, tao" xẵng giọng hách dịch và đánh đá lên tiếng:

"Mày dám nói trao quyền hả? Mày chỉ là một kẻ cướp quyền và một bù nhìn. Mày làm gì có quyền nào để trao cho tao? Chúng tao lấy được quyền đó bằng khẩu súng này đây. Ngoài ra tao xác nhận với mày là tao không phải là tướng mà chỉ là một trung tá ủy viên chính trị của một đơn vị chiến xa. Kể từ bây giờ tao cấm mày không được ngời xuống!" (**). [Đoạn trích trên đây được Trần Đông Phong tác giả cuốn VNCH Mười Ngày Cuối Cùng ghi chú ở cuối trang 362: "Dương Hiếu Nghĩa: "**Hồi Ký Dang Dở**", kể lại theo lời của Trung Tá Nguyễn Văn Bình, cựu Quận Trưởng Gò Vấp, cựu dân biểu, có mặt tại Dinh Độc Lập vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975 khi quân Bắc Việt chiếm Sài Gòn. Xuân Thời Luận, California 2004, trang 141 - *CL ghi chép thêm*].

Thế nhưng, chiều hôm đó bọn chúng không cho phép Dương Văn Minh đọc lời đầu hàng tại Dinh Độc Lập tức là Phủ Tổng

Thống VNCH mà áp giải đến đài phát thanh Sài Gòn để đọc lời kêu gọi như sau: "**Tổng Thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng Hoà hạ vũ khí, đầu hàng vô điều kiện Quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn, từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam**".

Khác với hình ảnh và tư cách của ông Minh, tôi lại muốn đem so sánh đến hành xử và tư cách của một vị tướng khác mà tôi vừa đọc được bài viết của tác giả Lê Văn Hường. [xin mở ngoặc nhắc chi tiết: Sở dĩ tôi đề ý đến vị tướng này, vì thời ông làm Tỉnh Trưởng Phong Dinh thì tôi là học sinh trường trung học Phan Thanh Giản, từng được lãnh thưởng danh sự của Tổng thống Ngô Đình Diệm và của Tỉnh trưởng tặng mỗi cuối năm học. Khi miền Nam bị cộng sản cưỡng chiếm thì ông là Thiếu Tướng, còn tôi chỉ là Trung Úy biệt phái ngoại ngạch, cùng lúc ra trình diện tại Quân trấn Cần Thơ trên đường Ngô Quyền (đối diện trường Nữ tiểu học). Tôi nhớ khoảng hơn 9 giờ sáng ngày 5 tháng 5 năm 1975, những quân nhân chúng tôi gồm Thiếu tướng Trần Bá Di (vừa mới chết tại Florida), Đại Tá Bùi Quang Hiền (phụ tá Tư lệnh Quân đoàn - đặc trách Nhân Dân Tự Vệ QĐ IV - quân khu 4 - đã chết), Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Lưu (phụ tá Tỉnh Thị Trưởng - đặc trách Nhân Dân Tự Vệ tỉnh Phong Dinh và thị xã Cần Thơ - đã chết), Đại Úy Huỳnh Quang Toàn (Trưởng Ty Nhân Dân Tự Vệ tỉnh Phong Dinh - ông là anh em bạn rể với hai tướng Đặng Văn Quang và Nguyễn Xuân Trang - đã chết trong trại tù ở Cù lao Dung), Trung Úy Huỳnh Long Nhứt (Trưởng Ban Kế hoạch phòng NDTV thị xã Cần Thơ - không biết tin), Trung Úy Lư Hình (Trưởng Ban Tuyên Huấn phòng NDTV thị xã Cần Thơ - Calgary Canada) và tôi - Trung Úy biệt phái ngoại ngạch - phụ trách Trưởng Ban Tuyên Huấn kiêm Kế Hoạch ty NDTV tỉnh Phong Dinh. Đóng ngoặc].

Xin phép tác giả Lê Văn Hường



cho tôi đưa trọn bài viết ngắn "**Ông Lão Bán Kem**" được ghi chú thời gian năm 1994 tại địa điểm khu giải trí Splendid China, Orlando để giới thiệu cùng bạn đọc trang số tay kỳ này.

"Trời nắng chang chang, với cái nóng nung người của tiểu bang Florida vào mùa hè lối 90 độ F (32 độ C). Trước cửa tiệm bán hàng lưu niệm (Gift Shop) đông người, một ông lão người Việt Nam đứng bán kem cho du khách. Xe bán kem có hình dáng như cái thùng vuông dài, bên ngoài có sơn chữ và hình vẽ mấy bịch kem đông lạnh. Khách khá đông, ông tươi cười với mọi người. Cách đó không xa, một du khách Việt Nam khác, đứng tuổi, nhìn ông bán kem một cách chăm chú, nghĩ mình đang gặp lại một người quen biết từ khi còn ở quê nhà mấy mươi năm về trước. Khách lạ bước đến gần xe kem trong khi ông bán hàng đang bận rộn với khách. Nhìn bảng tên gắn trên áo ông lão bán kem, khách lạ mừng thầm vì đúng tên người mình quen biết. - Chà! "Tha hương ngộ cố tri", còn gì quý cho bằng? - ông suy nghĩ. Đợi đến khi xe kem vắng khách, người khách lạ lên tiếng: - Xin lỗi ông, có phải khi xưa ông làm tình trưởng tình Cần Thơ không? Ông bán kem giật mình, phản ứng ngay: - Không phải đâu, chắc ông lầm người rồi! Người khách lạ "cụt hứng" rồi tự trách: - Mình hấp tấp quá, không lẽ khi xưa ông làm tình trưởng, giờ này lại đứng ở đây? Suy tới suy lui, khách lạ chưa chịu thua, nghĩ thêm: - Rõ ràng tên ông trên thẻ trước ngực, sao lầm được? Dáng vóc cũng cao ráo như xưa, nét mặt, cũng vậy, tuy phong trần hơn trước? Khách lạ trở lại ông lão bán kem: - Thưa ông, tôi không lầm đâu, tôi nhớ ơn ông lắm, nhờ ông mà anh em nhà cháu chúng tôi làm ăn rất thoải mái dưới thời ông về làm đầu tình Cần Thơ. Thấy người khách lạ quả quyết, ông bán kem mỉm cười: - Đúng là tôi, nhưng đó là chuyện xa xưa rồi, nhắc làm gì? Từ đó, người khách lạ kết thân với ông bán kem, vì thương mến một công bộc liêm chính mà giờ này sa cơ thất thế. Trong mấy lần gặp gỡ sau đó tại tiệm ăn ngoài Splendid China, khách lạ tâm tình với ông bán kem: - Em thường đầu thầu xây cát cho tỉnh, đời mấy ông tình trước, tụi em gặp khó khăn nhiều, nhưng từ khi ông về làm tình trưởng mấy năm 63 tới 65, tụi em dễ thở hơn nhiều, người nào làm đúng luật lệ thì được trúng thầu, tụi em làm ăn thoải mái, bởi vậy, tụi em nhớ ơn ông hoài... Gặp người tri kỷ, ông lão bán kem thổ lộ: - Tôi có giúp gì ông đâu, đó chẳng qua là nhiệm vụ của tôi

thôi. Tổng Thống tin nhiệm tôi, giao chức vụ tỉnh trưởng là để tôi lo an ninh cho người dân, công tác chánh của tôi là về mặt quân sự, dẹp CS quấy rối đồng bào. Dưới quyền tôi, có ông phó tỉnh trưởng dân sự, mọi việc về hành chánh, tôi giao cho ông phó làm hết, nhưng tôi có đặt tiêu chuẩn làm việc, là phải hết sức liêm chánh, không được ăn lồi lộ hay có hành vi tham nhũng, v. v... thì ta mới được lòng dân. Trong thời gian ông bán kem tại khu giải trí SC, cũng có một số du khách người Việt Nam nhận ra ông, tỏ lòng thương mến, "tội nghiệp" ông. Ông khăng khái trả lời: - Cám ơn quý vị đã còn nhớ tới tôi, có cảm tình với tôi nhưng xin quý vị đừng tỏ ra tội nghiệp cho tôi, tôi không thích như thế. Có gì đáng phải tội nghiệp đâu? cộng sản nhốt tôi, giam cầm mấy mươi năm tù, ra được xứ tự do, làm nghề gì đi nữa, miễn chính đáng, vẫn còn sướng hơn ở với CS mà! Nhắc đến việc CS giam cầm, ông nhấn mạnh: - **Không nên dùng chữ "tù cải tạo" đối với chúng tôi, nhà tù CS là nơi chúng hành hạ, trả thù, hạ nhục người Quốc Gia, tù là tù chớ không có "cải tạo" gì hết.** Ông bán kem trong khu giải trí Splendid China nói trên là cựu Thiếu Tướng Trần Bá Di. Vinh danh một bậc đàn anh gương mẫu.

Bài viết ngắn hôm nay chỉ nêu vài sự kiện nổi bật, chớ không thể nói lên hết sự nghiệp to lớn của ông trên chiến trường. Lúc còn là tỉnh trưởng Cần Thơ, cấp bậc ông là Thiếu Tá, sau lên Trung Tá. Ông nổi tiếng trong các trận đánh như sau: - Giải tỏa tỉnh Vĩnh Long trong Tết Mậu Thân 1968. Sự việc diễn tiến như dưới đây: Gần Tết Mậu Thân, (tháng 1/1968), hai ông đầu tỉnh là Trung Tá Nguyễn Ngọc Diệp và Phụ Tá đi hành quân. Trên đường về, hai ông bị VC phục kích và bị thương, phải chở vào bệnh viện điều trị. Tỉnh Vĩnh Long như rắn không đầu. Thiếu Tướng Lâm Quang Thi, Tư Lệnh Sư Đoàn 9, chỉ định Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa tạm thời phòng thủ Vĩnh Long. Khi tiếng súng Tết Mậu Thân bùng nổ, Thiếu Tá Nghĩa đã về Sài Gòn thăm gia đình và bị kẹt lại đó. Tướng Thi chỉ thị Đại Tá Trần Bá Di, đang là Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 9, vào Vĩnh Long để nghiên cứu tình hình và đối phó với Việt Cộng. Vào chiều tối, một mình với máy truyền tin trên lưng, ông được trực thăng chở đi, dự định đáp vào khuôn viên của tỉnh, nhưng trực thăng bị VC bắn rớt, phải thả ông tại cầu tàu, rồi từ đó, ông chạy bộ vài chục bước vào được dinh tỉnh trưởng. Tại đây, ông bắt

đầu liên lạc với các đơn vị chiến đấu để lo việc phòng thủ, chỉ dẫn trực thăng, pháo binh... bắn vào các điểm tập trung của VC. Nhưng VC vẫn cầm cự, quyết tâm đánh úp tinh lý, ông phải xin tướng Thi cho tăng viện, nhờ vậy, mấy ngày sau, một Trung Đoàn của ta mở đường tiến vào căn cứ của tỉnh. Sau cùng, ông chỉ huy phá tan lực lượng VC, chúng bị giết hay đầu hàng gần hết. - Trận đánh vào đất Miên, danh ông càng nổi lên năm 1970, khi ông làm Tư Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh đánh vào mật khu Ba Thu của VC trên đất Miên (tỉnh Tà Keo), phá hủy cơ sở của chúng, tịch thu vô số chiến lợi phẩm... Ngoài ra, quân ta còn tìm thấy nhiều nhà in và máy in tiền của Mặt Trận Giải Phóng, tiền này chúng tính đem ra thay thế tiền VNCH nếu chúng thắng Miền Nam năm 1968. Ông được thăng cấp đặc biệt tại mặt trận này. Anh hùng sa cơ. Đến năm 1975, khi VC vào chiếm miền Nam, chúng bắt ông và đẩy ả vào các trại tù trong hơn 17 năm trời. Hai năm sau khi VC thả, ông qua Mỹ năm 1993 theo diện HO (Humanitarian Operation: Chương trình định cư tại Mỹ dành cho người bị CS giam cầm sau 1975). Ba tháng sau khi hoàn tất thủ tục nhập cư, y tế, bằng lái xe, ông bắt đầu đi làm tại hãng Dobbs, hãng chuyên cung cấp thức ăn cho hành khách trên máy bay. Làm việc tại đây hơn 6 tháng, ông qua khu du lịch Splendid China như có nói trên. Thời gian sau, ông xin vào làm tại Disney World với nhiệm vụ "trung bày hàng lên kệ" (floor stacker). Ông làm việc tại đây trong 12 năm trời, từ 1999 đến 2011, chỉ thôi việc vì bị đau nhức vào tuổi 80. Tổng cộng thời gian làm việc tại Dobbs, Splendid China và Disney World, ông đã đóng thuế Liên Bang Hoa Kỳ 18 năm, quá tiêu chuẩn 10 năm để được tiền hưu. Có lần, một giám thị ở Disney World khuyên ông: - "You" lớn tuổi rồi, sao "you" không ở nhà nghỉ cho khỏe? - Tuy tuổi đã cao nhưng sức khỏe còn tốt là tôi không nghĩ!- ông đáp ngay. Cũng có người thấy ông cao tuổi, hỏi ông: - Cụ đi làm chi cho khổ, ở nhà lãnh tiền trợ cấp có sướng hơn không? Câu trả lời: - Tôi không "chơi" mấy thứ đó. Tôi rất tự hào không "ăn" một ngày tiền an sinh xã hội, tiền già, tiền tàn tật... Đối với anh em chúng tôi ở tù CS, người Mỹ dành một chương trình đặc biệt để đem chúng tôi đến xứ tự do, hưởng được cuộc sống an toàn trong công bằng, chừng đó thôi đủ để mình biết ơn chính phủ và nhân dân Hoa kỳ rồi, vì lẽ đó, tôi không muốn ngồi chơi để lãnh tiền cấp dưỡng, tạo thêm gánh nặng xã hội cho đất

nước này trong khi tay chân còn lạnh lặn, còn đủ sức khỏe để đi làm.

Theo trên, tướng Trần Bá Di là một người rất đặc biệt. Khi còn trong Quân Đội, ông là một công bộc liêm chính, một cấp chỉ huy tài ba, gan dạ, bình dân, yêu thương lính. Đến tuổi cao niên, ông vẫn giữ khí phách của một người hùng. Thiếu Tá Nguyễn Kim Sơn, cựu Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Sư Đoàn 9 Bộ Binh, từng làm việc dưới quyền của tướng Trần Bá Di, có viết trong tuyển tập "Cái Chết Của Một Dòng Sông" như sau: "Thiếu Tướng Trần Bá Di có tấm lòng hiền hòa đức độ nên được thuộc cấp kính trọng và thương mến. Ngày ông rời khỏi Sư Đoàn 9 Bộ Binh, quân dân tỉnh Vĩnh Long đã giăng biểu ngữ khắp đường phố trong tỉnh lỵ để tỏ lòng thương mến và luyến tiếc ông". Mặt khác, trong phúc trình 6 trang giấy gửi về chánh phủ Hòa Kỳ ngày 5 tháng 12 năm 1973, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Graham Martin, có ca ngợi cuộc đời và binh nghiệp của tướng Trần Bá Di trải qua mấy mươi năm chỉ huy các đơn vị tác chiến trên chiến trường miền Nam, từ cấp Trung Đội, Đại Đội, Tiểu Đoàn, Trung Đoàn, đến Sư Đoàn... Nhắc đến sự liêm chính của tướng Di, phúc trình của Đại Sứ Martin có ghi một đoạn như sau: "Gia đình có 4 con, ba trai một gái từ 17 đến 8 tuổi. Báo cáo cho biết là gia đình ông sống bằng lương bổng nhà binh của ông và không có ghi nhận hành vi tham nhũng nào của ông hay của phu nhân ông". Nguyên văn Anh văn như sau: "They have four children, three boys and a girl from 17 to 8. The Di's reportedly live on his military income and there has been no mention of corrupt activities on his or his wife part". Tài liệu trên được chánh phủ Hoa Kỳ giải mật ngày 13 tháng 8, năm 2009. Thiếu Tướng Trần Bá Di mất ngày 23 tháng Ba, năm 2018, tại Orlando, Florida, hưởng thọ 87 tuổi. Người đời có câu: "**Hùm chết để da, người ta chết để tiếng**", Tướng Trần Bá Di ra đi để lại danh thơm muôn đời!

Tôi đã dài dòng như trên để muốn gọi lại một chi tiết quan trọng, mà một nhân vật cũng là tướng lãnh quân lực VNCH, theo tôi thật xứng đáng được đời đời nhắc nhở và thương kính (dù biết rằng cũng có nhiều người chỉ trích ông), đó là cố Trung Tướng - cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Câu nói để đời trong lịch sử: "**Đừng tin đừng nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm**". Với riêng tôi, tôi rất tâm đắc câu nói này,

và rất kính phục khi đọc lại, nghe lại bài nói chuyện của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ngày 24 tháng 10 năm 1972, trước khi Việt Nam Cộng Hoà bị áp lực buộc phải ký vào Hiệp định Paris 1973. Xin trích như sau:

"Tôi thiết tha kêu gọi những ai, ở miền Nam này, đang ăn cơm miền Nam, đang thở không khí miền Nam, đang được sự che chở của xương máu Dân Quân miền Nam, mà đến ngày nay, còn âm thầm tiếp tay với Cộng sản, còn lén lút đi đêm với Thực dân, Ngụy hòa, còn tính dâm sau lưng chiến sĩ đồng bào... Tôi kêu gọi lương tri của mấy người, vì đất nước, vì dân tộc, hãy dừng chân lại, hãy dừng tay lại, hãy từ bỏ ý định đi đi mà cùng với 17 triệu rưỡi Dân Quân miền Nam chiến đấu chống kẻ thù Cộng sản. Tôi kêu gọi mấy người hãy suy nghĩ, nếu thích Cộng sản thì hãy có can đảm ra ngoài Bắc ở với Cộng sản, như vậy Cộng sản còn ít khinh rẻ mấy người hơn là làm tay sai cho chúng ở miền Nam này.

Có thể không ai ở miền Nam tự do này giết mấy người đâu, nhưng chính Cộng sản sẽ giết mấy người.

Mấy người nếu muốn có tên trong lịch sử, thì cũng có hai lối có tên trong lịch sử. Một đảng khi nhắc đến, thì toàn dân cúi đầu khâm phục, con cháu lại ngẩng đầu lên hãnh diện. Một đảng khác, khi nhắc đến, thì toàn dân ngẩng đầu lên nguyên rủa, còn con cháu mấy người lại cúi đầu tui nhục. Tôi chắc mấy người sẽ được lịch sử ghi tên vào hạng thứ hai này.

Nếu mấy người không cảm sung xông pha lửa đạn để chiến đấu, nếu không làm được một việc gì hữu ích cho hậu phương thì mấy người đừng làm gì hại dân bán nước.

Một hành động ngu xuẩn, phản bội Tổ Quốc, Chiến Sĩ và Nhân Dân, dù có gặt được ai 5, 3 tháng, 5, 3 năm, rồi cũng sẽ bị lịch sử lôi ra chứng minh và cũng sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Họ là những kẻ góp phần lớn vào sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hoà. Họ không ngừng cực lực lên án chính phủ Quốc gia và không ngừng xuống đường liên tục với đủ sắc áo màu cờ nhân danh phản chiến và hòa bình. Những chiến sĩ VNCH hy sinh biết bao xương máu ngoài mặt trận trong suốt 21 năm trời để bảo vệ hậu phương cho họ tự do lợi dụng và khai thác thể chế dân chủ và tự do để gây rối loạn ở hậu phương. Vô tình hay hữu ý hay thơ ngây, họ trở thành ngọn giáo nối dài của Cộng sản đâm vào hậu phương từng

nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ họ và gia đình. Họ là những sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ, chính trị gia, tu sĩ, và thành phần thứ ba ở miền Nam.

Những kẻ phản chiến và nguy hòa này, tức những kẻ đối lập của trước rước giặc của sau vì, xét cho cùng, trung lập trong chiến tranh chính là bạn của kẻ thù. Nhưng cuối cùng khi cuộc chiến tàn, họ bị Cộng sản bỏ rơi, coi thường, hay cả bị tù đầy. Họ chính là những kẻ mà Lenin đặt tên là “những kẻ ngu xuẩn có ích” cho cộng sản. Họ hiện diện thường xuyên trên các đường phố ở miền Nam và Mỹ kêu gọi hòa bình mà thực tế mở đường cho cuộc chiến tranh mới không tiếng súng nhưng tàn ác gấp bội lần”.

Cựu Tổng Thống từ chức Nguyễn Văn Thiệu đã ra người thiên cổ, nhưng qua lời phát biểu trên rất hay và chính xác; câu nói đề đòi của ông nhân định về cộng sản với cái nhìn cùng sự hiểu biết rất đáng khâm phục, nghĩ rằng những người viết lịch sử chân chính không nên bỏ qua. Cũng như tác giả Lê Văn Hưởng đã viết: *Người đời có câu: “Hùm chết để da, người ta chết để tiếng”, Tướng Trần Bá Di ra đi để lại danh thơm muôn đời!* Tôi nghĩ, cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và các vị tướng lãnh, quân nhân các cấp dũng cảm tuân tiết khí nghe Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, dù chết đi cũng đã để lại danh thơm muôn đời.

CHÂU LÊ

[(*) Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam của Nguyễn Quyết Thắng - Nguyễn Bá Thế - NXB Khoa Học Xã Hội 1992, bản in lần thứ 2, tr 330 và tr 866]

[(**) Việt Nam Cộng Hoà, Mười Ngày Cuối Cùng của Trần Đông Phong - S Nam Việt 2006].

Sở tay VĂN HỌC kỳ này xin được dừng nơi đây. VĂN HOÁ VIỆT NAM kính xin quý anh chị Nhà Văn - Nhà Thơ - Nhà hoạt động Văn Hoá - Giáo Dục... mỗi người một tay về xây dựng ngôi nhà VĂN HOÁ VIỆT NAM để mỗi ngày thêm khởi sắc. Mong lắm thay.



Huy Lực BÙI TIÊN KHÔI

VĨNH BIỆT TỔNG THÔNG GERALD R. FORD

Tin Tổng thống Gerald R. Ford qua đời lúc 6h45 chiều ngày 26 tháng 12, 2006 đến với người Mỹ gốc Việt tại Hoa kỳ, đánh thức dậy một dĩ vãng bi thảm khốc liệt trong đời người với những khắc khoải ưu tư.

Ngày 23-4-1975, Tổng thống G. R. Ford đến đại học Tulane thành phố New Orleans thuộc tiểu bang Louisiana để đọc một bài diễn văn đã được soạn thảo thật kỹ; bài diễn văn hàm súc bóng bẩy văn chương ẩn dụ, hầu tuyên bố chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Tại sao Tòa Bạch Ốc lại chọn đại học Tulane? Lý do thứ nhất, đại học Tulane là một trong 50 đại học danh tiếng tốt nhất Hoa Kỳ, được sắp ngang hàng với đại học Harvard, MIT (thuộc tiểu bang Massachusetts), đại học Stanford (California), đại học Rice (Texas). Lý do thứ hai, người Hoa Kỳ vô cùng hãnh diện trận chiến ngày 08 tháng 1 năm 1815 tại New Orleans, trận chiến thắng vẻ vang trong công cuộc giành độc lập, quân đội Hoa Kỳ chỉ với một lực lượng tham chiến gần 5000 người đã đánh bại quân Anh với quân số 14,450 người, gây thiệt hại cho quân Anh 2,000 người, trong khi quân lực Hoa Kỳ chỉ có 13 người tử thương. Tướng Andrew Jackson, người anh hùng của chiến thắng này, đã được dân chúng bầu ông vào chức vụ Tổng thống thứ 7 của Hoa Kỳ và sau đó được tái đắc cử nhiệm kỳ thứ hai.

Vì vậy, đây là nơi tốt nhất cho vị Tổng thống thứ 38 Hoa Kỳ, G.R. Ford, vị Tổng thống không phải do dân bầu lên, trong bài diễn văn dài 26 phút ngày 23-4-1975, tại đại học Tulane, New Orleans, Tổng thống Ford tuyên bố: *“Ngày hôm nay Hoa Kỳ có thể lấy lại niềm hãnh diện tự hào đã từng có, trước cuộc chiến Việt*

Nam. Nhưng Hoa Kỳ không thể đạt được thành công cho một cuộc chiến mà Hoa Kỳ xem như đã chấm dứt.” (Nguyên văn: “*Today America can regain the sense of pride that existed before Vietnam. But it cannot be achieved by refighting a war that is finished as far as America is concerned.*”)

Lời tuyên bố của Tổng thống G.R. Ford đã dập tắt hy vọng mong manh cuối cùng vào sự viện trợ của Hoa Kỳ để Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục chiến đấu sống còn.

Ngày hôm nay, sau gần 32 năm bỏ nước ra đi, nhờ đọc nhiều tài liệu lịch sử được giải mật, ngồi bình tâm lại, riêng cá nhân tôi, tôi thấy rõ hơn Tổng thống G.R. Ford: một con người trung thực, thẳng thắn và nhân ái.

Trong lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng thống ngày 09 tháng 8 năm 1974, ông Ford nói: “*Nếu dân chúng đã không chọn tôi bằng phiếu kín, và tôi cũng không nhận chức vụ này với bất cứ lời hứa hẹn nào. Tôi đã không có cuộc tranh cử cho chức vụ Tổng thống hay Phó Tổng thống. Tôi không mang nợ ai, ngoại trừ một người đàn bà, người vợ yêu dấu của tôi khi tôi bắt đầu nhiệm vụ khó khăn này.*” (Nguyên văn: “*If you have not chosen me by secret ballots, neither have I gained office by any secret promises. I have not campaigned either for the presidency or the vice presidency. I am indebted to no man, and only to one woman, my dear wife, as I begin this very difficult job*”). Ông G.R. Ford đã rõ ràng minh bạch như vậy, ông nhậm chức Tổng thống vào một thời kỳ quốc gia Hoa Kỳ đang đương đầu với những khủng hoảng cực kỳ khó khăn chưa từng có, ông nói: “*Đây là một giờ phút lịch sử làm nhức óc và đau tim chúng ta.*” (Nguyên văn trong bài diễn văn nhậm chức: “*This is an hour of history that troubles our minds and hurts our hearts.*”)

Lúc bấy giờ, nhiều người Hoa Kỳ đã thất vọng bất bình Tổng thống G.R. Ford về hành động ông ân xá Tổng thống Richard Nixon vì vụ tai tiếng Watergate, cũng như nhiều người Việt Nam oán hận ông về bài diễn văn tuyên bố chấm dứt chiến tranh Việt Nam tại đại học Tulane. Hai vụ mưu sát Tổng thống G.R. Ford vào những ngày 05-5-1975 và 22-9-1975 không thành, ông thoát hiểm nhờ những bất ngờ may mắn. Vì vậy, trong tháng 10-1975, Tổng thống G.R. Ford đến trại Fort Chaffee, tiểu bang Arkansas, thăm viếng 20 ngàn người Việt Nam tỵ nạn đang tạm trú ở đây, cơ quan

bảo vệ yếu nhân Tòa Bạch Ốc đã áp dụng một biện pháp an ninh vô cùng gắt gao chặt chẽ, an toàn khoảng cách, nhưng Tổng thống Ford đã bất chấp rẽ đảm bảo vệ, đến bắt tay một số người cao tuổi, khuôn mặt ông đượm nét u buồn, xót xa, chia xẻ, thương người.

Gia đình chúng tôi đến trại tỵ nạn Fort Chaffee vào ngày 09-5-1975, 12 ngày trước khi Tổng thống G.R. Ford ký đạo luật dành một ngân khoản 405 triệu đô la cho Chương trình Định cư Người tỵ nạn Đông Dương. Theo cuộc trưng cầu dân ý lúc bấy giờ, tháng 5-1975, có đến 74% dân số Hoa Kỳ chống đối người tỵ nạn Việt Nam, vì những hình ảnh xấu xa do những phóng viên chiến tranh thiên tả gởi từ Việt Nam về Hoa Kỳ. Tại thành phố Fort Smith gần trại Fort Chaffee, dân chúng tụ tập biểu tình chống đối liên miên, nhiều hình ảnh biểu tình đăng trên báo chí thành phố Fort Smith, với những khẩu hiệu xúc phạm đau đớn sâu xa đến người Việt Nam tỵ nạn chính trị vừa mới đến quốc gia này với hai bàn tay trắng. Tôi thảo luận với một số người hiểu biết và quyết định tình nguyện đứng ra đương đầu giải thích với nhóm biểu tình chống đối người tỵ nạn Việt Nam. Lúc đầu Ủy ban Điều hành Trại tỵ nạn không đồng ý, nhưng sau đó với sự giúp đỡ giải thích của ông Dave Lewis, một cựu đại úy Thủy quân lục chiến đã từng tham gia chiến trận tại Việt Nam, hiện làm Giám đốc Cơ quan Thiện nguyện Công giáo Hoa Kỳ tại Fort Chaffee, Ủy ban Điều hành Trại tỵ nạn đã nhờ hai quân cảnh Hoa Kỳ lái xe đưa tôi ra thành phố Fort Smith gặp nhóm biểu tình. Khi tôi đứng trên khán đài với bộ quần áo đơn giản bạc màu chỉ có trên người khi vượt thoát ra đi, đoàn biểu tình họ biết ngay tôi là người tỵ nạn Việt Nam.

Trước sự im lặng chờ đợi của hơn 200 người chống đối đó, tôi đồng dục:

“Thưa quý vị, trong quý vị hôm nay ở đây, có ai đã từng thăm viếng hay làm việc ở Việt Nam?”

Có một số bàn tay giơ lên, tôi liếc mắt nhìn đảo qua và chọn mời hai người Mỹ có vẻ hiền hậu trí thức nhất lên đứng bên cạnh và tôi bắt đầu phỏng vấn.

Cuộc phỏng vấn hai người Mỹ kéo dài hơn nửa giờ, khi họ trả lời với những nhận xét tốt về đất nước Việt Nam, con người Việt Nam, tôi cướp lời họ để quả quyết nói với đoàn biểu tình rằng, người tỵ nạn chính trị Việt Nam đã liều chết bỏ nước ra đi với hai

bàn tay trắng, nhưng một dân tộc cần cù, chịu khó, kiên nhẫn như người Việt Nam, nhất định chúng tôi sẽ sớm tự túc tự cường, nhất định không là một gánh nặng cho ngân sách Hoa Kỳ và sẽ đóng góp vào quốc gia này về mọi mặt.

Tôi hùng hồn say sưa trình bày giải thích và được sự hỗ trợ của hai nhân chứng, nên dần dà nhóm biểu tình từ từ giải tán. Ngày hôm sau tôi lại được xe chở ra thành phố Fort Smith để nói chuyện thảo luận với số người chống đối, vắng vẻ ít hơn nhiều và tiếp tục làm việc như vậy vài ngày sau đó, cho đến khi chấm dứt hẳn, không còn nhóm biểu tình chống đối. Tin tức tốt đẹp này được nhật báo thành phố Fort Smith đăng tải và sau đó đã được Tổng thống G.R. Ford đến Fort Chaffee tán thưởng khen tặng.

Từ đó tôi ý thức được một điều: phải nói, phải viết, phải làm bất cứ điều gì trong khả năng của mình để giải thích, trình bày nền văn hóa, văn minh Việt Nam, đánh tan những ngộ nhận của dân chúng Hoa Kỳ do sự bóp méo xuyên tạc của những người phóng viên báo chí, truyền hình phản chiến thiên tả đưa vào trí óc người Hoa Kỳ trước năm 1975.

Và tại trại tỵ nạn Fort Chaffe, bài thơ đầu tiên bằng Anh ngữ tôi đã sáng tác như sau:

The Vietnamese Refugee

*The Vietnamese Refugee
What does he bring to American room?
A rose planted itself on the rock
And learning to bloom...*

Dịch nghĩa:

Người tỵ nạn Việt Nam

*Người tỵ nạn Việt Nam ra đi
Họ mang những gì đến Mỹ
Một cây hồng tự mọc trên đá
Và biết cách nở hoa đâm chồi kết lá...*

Hoa hồng, một loại hoa ưa thích tượng trưng cho vẻ đẹp Việt Nam, bài thơ ý nghĩa đã được hiểu ngay là người tỵ nạn Việt

Nam với truyền thống tinh thần đầy ý chí kiên nhẫn nghị lực và đầu gặp nhiều khó khăn nhưng biết làm cho đời sống phát triển nở hoa. Nhưng bài thơ còn gửi một ý nghĩa thứ hai ẩn giấu như nhiều bài thơ Việt Nam khác. Hoa hồng tượng trưng cho nền văn minh tinh thần Việt Nam và đá là tượng trưng cho văn minh kỹ thuật vật chất Hoa Kỳ. Cùng nhau bổ túc phát triển cả hai nền văn hóa sẽ tạo ra cái tốt nhất cho một cuộc sống đẹp hơn, đầy ý nghĩa phong phú hơn.

Bài thơ này đã được tác giả đọc trước cử tọa sinh viên đại học Tulane vào cuối tháng 4-1981, sáu năm sau khi Tổng thống G.R. Ford đến đây để tuyên bố chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Bài thơ này cũng được in trên nhiều tạp chí lớn Hoa Kỳ và trong tập thơ **“America my first feelings”** của tôi xuất bản vào cuối năm 1981; được gửi tặng Tổng thống Ford cùng nhiều vị Tổng thống khác Hoa Kỳ. Sau khi gửi thư cảm ơn tôi với lời nồng nhiệt chúc mừng, Tổng thống Ford còn yêu cầu người bí thư gọi điện thoại cho tôi biết ông rất thích bài thơ **The Vietnamese Refugee**.

Ngày 30-4-1975, ngày buồn thảm nhất của dân tộc Việt Nam, không có một lãnh tụ nào, chỉ có Tổng thống G.R. Ford, ông đã tuyên bố: *“Đó là ngày giờ buồn thảm nhất của tôi tại tòa Bạch ốc.”* (Nguyên văn: *“It was the saddest hour of my time in the White House”*). Trong niềm cảm thông sâu xa đến sự bất hạnh của một dân tộc, Tổng thống G.R. Ford đã hành động nhanh chóng với một tấm lòng quảng đại, rộng lượng để giúp người tỵ nạn Việt Nam. Tôi xin ghi lại một câu trong bài diễn văn của tôi đọc đón tiếp Tổng thống G.R. Ford tại trại tỵ nạn Fort Chaffee tháng 10-1975, như một lời đưa tiễn ông đến nơi an nghỉ cuối cùng:

“Thưa Tổng thống, cảm ơn ông và lòng tốt của ông sẽ mãi mãi ở trong tim của người Việt Nam tỵ nạn can trường.”

Huy Lực BÙI TIÊN KHÔI

TRẦN VĂN LỆ

TÔI NÓI VỚI HOA HỒNG

Mở cửa chào ngày mới, tôi nói với hoa hồng: "Good Morning Em Nhé!". Hoa mừng tôi rót lệ, giọt mù sương sớm mai!

Tôi chào buổi sáng, ai / áo dài vừa ngang ngõ / đẹp ơi một con phố...tôi hạnh ngộ người xưa!

Không phải là giấc mơ: Hôm nay ngày đại hội của những người trôi nổi / gặp gỡ nhắc Cố Hương...

Đã bốn ba năm hơn...chưa một người quên được! Hồn những người chết trước chắc phảng phất hôm nay...

Vào nhà, quần áo thay / tôi cũng đi Đại Hội! Tôi chắc ai cũng nói: "Chào tất cả Cố Nhân!"

Chúng ta là mùa Xuân! Mùa Xuân thời "quá vắng", mùa Xuân "tự xuất cảng", ngao ngán...mà cũng vui!

Thương lắm chớ những người / vì ngày mai con cháu! Tới đây sống nương náu, "tạm dung" ngày lại ngày...

Chào nhau và bắt tay...Chào nhau, cười và khóc...Ai cũng yêu Tổ Quốc, ai cũng nhắc Quê Hương!

Quê Hương thành Cố Hương...chữ nào buồn hơn nữa? Và..áo dài, đây đó...là Cố Nhân...là sao?

*

Sáng, gặp nhau, ôi chào! Chữ Ôi nằm phía trước, từng đôi người sánh bước, Good Morning! Mộng mênh...

Những nụ hồng bình minh cũng đang nhìn người Việt...một cái nhìn tha thiết...một cái nhìn xót xa!

Xin lỗi nhé "người ta", tôi gọi là "người cũ", là "cố nhân" không rủ... đều tìm về "cố hương"...

Nhắc Âu Cơ, quá thương! Giận Lạc Long Quân lắm...Một đoàn
quân-lạc-lông / đi, đi...vào Hội Trường!
Cờ bay trong khói sương...Tinh bay trong khói nhang...Nước mắt
hai hàng chảy... Nước Non ngàn dặm xa!

Ngực tôi một nụ hoa... thưa em: Hoa Hồng Trắng!

Trần Văn Lệ

PHẠM TƯƠNG NHƯ

(Houston - Texas)

ÁO TRẮNG PHƯỢNG HỒNG

*Một thời dễ mấy ai quên
Áo dài, nón lá làm nên học trò
Tung tăng bè bạn hát hò
Lớp trường một thuở dịu mơ mộng về.*

*Lời thơ rói nổi si mê
"Quần tây áo trắng" vụng về nắm tay
Gió lùa tà áo trắng bay
Nắng vàng vũ lụa, bướm lay hoa tình.*

*Nhạc ve sầu gọi hồn trinh
Kìa cảnh phượng thắm trở hình môi cong
Gió xe đạp chở phượng hồng
Là đem thương nhớ ngập lòng tặng nhau.*

*Hạnh tâm, kiến thức dồi trao
Thầy Cô dạy bảo khác nào Mẹ Cha
Mùa hoa phượng, buổi chia xa
"Học sinh hành khúc" lời ca thanh trầm.*

*Phượng hồng áo trắng trăm năm
Mở trang lưu bút thì thầm gọi tên.*

PHẠM TƯƠNG NHƯ

(Áo Trắng Phượng Hồng - Phù Sa Sông Cửu ấn hành - 2017)



GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG



[GS Nguyễn Văn Trường, cựu Tổng Trưởng Giáo Dục VNCH, cộng tác đặc biệt với tạp chí VHAVN, sinh năm 1930 và từ trần ngày 03 tháng 01 năm 2018, hưởng thượng thọ 88 tuổi. Kể từ tạp chí kỳ này, chúng tôi lần lượt giới thiệu một số bài viết của GS còn lưu lại trong trang nhà ptgtdusa.com, để tưởng niệm và nhắc nhớ một bậc 'ân sư" đối với nhóm sáng lập tạp chí VHAVN. Mời quý bạn cùng đọc và chia sẻ với tác giả đã quá vãng loạt bài viết này được biên soạn rất công phu. Trân trọng]



TẢN MẠN: TỪ CHUYỆN "CON RUỒI" CỦA LÊ CÔNG TÂM ĐẾN "TO KILL A MOCKINGBIRD" CỦA HARPER LEE VÀ GƯƠNG CỦA MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG TU TẬP.

1. Duyên đưa.

1.1. Sự. Tôi, là một đứa bé của đồng quê, học Trường Tiểu học Vũng Liêm, từ lớp tư đến lớp nhất, cách nhà 4 cây số, đường đất, phải qua bốn cây cầu - cầu tre lắt léo, khó đi.

Cả quận Vũng Liêm, năm 1943, chỉ có hai trò trúng tuyển vào Trường Phan Thanh Giản Cần Thơ, thằng cháu tôi đậu cao, nhưng vì không được học bổng, nên bỏ học, và tôi, hạng chót.

Với cái tuổi 12-13, đi học Trường PTG, là rời làng mạc, lên thành thị, lần đầu đi học xa, ***như đi du học***. Vào Trường PTG, là:

* Rời bỏ cuộc sống thư thả của nhà quê, dễ dãi trong gia đình;

* Rời cái học: "Thương cho roi cho vọt", của các lớp Tiểu học;

* Vào "trường lớn", tập tành học trách nhiệm, học sống với tha nhân;

* Và ít nhiều dần thân vào cuộc sống chen lấn của thị thành.

Những ấn tượng đầu đời này, ăn sâu trong tôi, và lớn mạnh khi tôi từ Huế về Sài Gòn, 1963, gặp lại các bậc đàn anh đi trước trong Hội Liên Trường.

*Tóm lại, tôi lớn lên trong cái nôi của Trường PTG, về Sài Gòn được sinh hoạt với bậc đàn anh, rồi sang đây, xứ lạ quê người, với các bạn trẻ, cùng là học trò cũ của trường xưa, tiếp tục gặp nhau hàng tháng, hoặc trong những Đại Hội Thường Niên, **nuơng nhau, tạo cho nhau một sinh khí quê hương.***

Trong bối cảnh đó, tháng 5 vừa qua, chúng tôi, những học trò cũ, giáo sư của ***hai trường Phan Thanh Giản và Đoàn Thị Điểm Cần thơ*** cùng thân hữu có tổ chức ba ngày Đại Hội, đánh dấu lần thứ 21, thường niên gặp nhau.

Sau đó là một chuyến đi du thuyền, một tuần lễ.

Tôi, vì những lý do riêng, phải ở nhà: Đọc Đặc San PTG-ĐTĐ 21. Đọc để vui đọc. Đọc để nghe nhịp sống chung chung của anh chị em chúng tôi, của quý vị giáo sư trường chúng tôi, đọc để đón gió bốn phương, Canada, Úc, Pháp, Garden Grove, San-Jose, Seattle, Virginia, Maryland. Đọc cũng là để sống lại thuở ban đầu, nhiều vất vả và thách đố ấy.



Duyên đưa, cho tôi gặp "Con Ruồi" của anh Lê Công Tâm, trang 141, Đặc San PTG-DTĐ 21, 2017.

*** ảnh Tác giả ƯU THỨC (Lê Công Tâm)**

1.2. Lý. Cách đây hơn 4 thập niên, tôi gặp cảnh cùng khổ, tôi phải gõ cửa nhà Thờ, nhà Chùa, đọc Thánh Kinh, đọc Kinh Phật, hỏi Lão Trang, tìm lại Nho Giáo. Duyên đưa, tôi gắn bó với Phật Gia, tu Thiền Tứ Niệm Xứ, hành Tứ Vô Lượng Tâm. Tôi được dạy: Tiệm Tu và Đốn Ngộ. Và tôi cũng có những chứng nghiệm cụ thể, tiêu cực và tích cực.

Quý thầy thường dạy: *"Mỗi người chúng ta đều có Phật tánh, ai cũng có thể thành Phật."* Kinh Pháp Hoa, Quyển VI, Phẩm 20, Thường Bất Khinh Bồ Tát hay nói: *"Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật"*. Có thầy thúc dục: *"Tu mau, kéo trễ."*

Tri tụng Kinh Bát Nhã, **hiều nghĩa**, tôi lại hiểu là: vì **"vô sở đắc mà tam thể chư Phật viễn ly điên đảo, vọng tưởng Niết Bàn"**.



* Thế nên, tôi nhập tâm và hoan hỷ nhận cái ý, cái hướng là: *Tu Phật, không là để đạt một sở đắc, một quả A La Hán, Bồ Tát, hay bất cứ một quả vị nào;*

* Tôi lại nhận thấy: *Hầu như ai ai cũng*

muốn về Nước của chư Phật, nước của Chúa, mà khi đến ngày về thì tìm mọi cách nấn ná ở lại trần gian;

* Tu là một quá trình hình thành, luôn sẽ thành, sắp Giác Ngộ Chân Như; vậy, người tu là một **đức Phật** sắp thành. Cho nên, phải biết vui với tâm thái đang hình thành, **giác ngộ cái đúng, cái chân như, đúng đó nhưng rồi trong một sát na, một khắc, một thời gian sau thì nó không còn đúng nữa, để bước tới, vui với đúng sai, hay dở, thành bại.**



Tâm thái dính mắc này (1.2), và bối cảnh nêu trên(1.1), đưa **duyên** tôi được gặp "Con Ruồi của anh Lê Công Tâm.

2. Con Ruồi

"Con Ruồi" là chuyện của một **tu sĩ chuyên tu-chuyên cần tu**



hành, mà tác giả gọi là "đức Phật", với chữ "đức" nhỏ-lower case; có lẽ nhằm để phân biệt với Đức Phật-Như Lai, Đấng Giác Ngộ.

Tuy nhiên, hai hiện hữu của tôi, có phản ứng rõ ràng, dứt khoát.

* Người thứ nhất, một bà Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử, mà cũng là người mà tôi thường hỏi, để học, mỗi khi có một vấn nạn khi tu học. Đại để, Bà khẳng định: "Nói Phật là nói Đấng Giác Ngộ, không có chuyện một "đức Phật sắp thành". Đó là chuyện bịa đặt, không có thật. Thầy nên bỏ đi; Người thứ hai, đàn anh của tôi **vừa ở tuổi tác, vừa trong làng giáo, vừa chịu khó đầu tư công sức và thời gian, nhiều năm,**

cho nhiều công trình nghiên cứu nghiêm túc về Phật Học. Anh viết cho tôi: "Ở đây, danh từ 'đức Phật' (trong câu: đức Phật mở mắt) dùng không đúng, là vì nếu là 'đức Phật' thì câu chuyện sẽ không thể xảy ra như theo óc tưởng tượng của Lê Công Tâm. Đáng lý phải dùng cụm từ 'đức Phật đang thành', hay ngắn gọn hơn, 'cư sĩ'. Chính vì ở trong địa vị cư sĩ thời óc tưởng tượng (óc phịa chuyện) mới tác động được. Những lời kêu thảm thiết của con ruồi hay câu hỏi giận dữ của con nhện, và ngay cả câu trả lời của 'đức Phật đang thành' đều do óc tưởng tượng (của Lê Công Tâm?) phịa ra. Câu 'Đức Phật thấy con đường còn rất xa' là một câu vô nghĩa. Phật là Giác ngộ hay Tánh Không. Vậy Ngài chẳng thấy con đường nào rất xa như Lê Công Tâm tưởng."

Anh xác quyết lời của Bà Huỳnh Trùng mà tôi vừa nêu trên.

*Dùng chữ "phịa" thì hơi nặng. Nhưng thật thì đó là chuyện phịa; mà phịa được một chuyện như vậy, **không phải dễ**; và **đức** được một từ "**đức Phật**", để gán cho một cư sĩ chuyên tu - **một đức Phật đang thành** mà trong khoảnh khắc, tưởng rằng sắp thành đạt, thì ngộ ra rằng con đường còn xa, càng khó hơn.*

Câu chuyện là "phịa" đấy, nhưng rất là người. Những đối thoại qua lại giữa Nhện và "đức Phật" hay giữa Ruồi và đức Phật, là những tiếng nói nội tâm - khéo gói ghém - của người cư sĩ chuyên tu.

Nghĩ cho cùng, cái chuyện phịa đó, là một sáng tạo ít có:

** Đã tạo những phản ứng thăng thấn, từ những hiền hữu mà tôi hằng kính thương. Nhờ đó, tôi được biết quý hiền hữu của tôi còn mạnh khỏe - ở thể chất, trí tuệ và tâm linh. Ở tuổi quá 80, hay đã tròn 92, mà còn giúp tôi hiểu thêm là khi nói là Phật, tức là **Đấng Giác Ngộ**. Cho nên, tôi vui và thích thú đón nhận lời phê phán. Ở tuổi của chúng tôi, quỹ thời gian sắp cạn, mà còn dành cho nhau, một lời khuyên, một xác quyết, thảo luận với nhau, email cho nhau, thật là quý;*

** Đã thành công, tạo duyên cho tôi bị dẫn, hết chuyện này sang chuyện khác. Từ chuyện, ngỡ rằng đến đích, nhưng rồi thức ngộ con đường còn xa, thì giờ đây sang chuyện giáo dục con em.*

3. Duyên khởi thêm duyên. *To Kill a mockingbird.*

3.1. Sự. Cũng trong khoảng thời gian trên - trước spring break vài hôm - Catherine, cháu nội chúng tôi, 13 tuổi, lớp 8, ở một Middle School, ở Austin, phải đọc quyển "*To Kill a Mockingbird*", trong chương trình do nhà trường qui định. Cháu gọi tôi, và muốn "trao đổi" với tôi về một vài điều trong nội dung quyển sách này.

Nội dung mà cháu đưa ra gồm ở hai điểm:

* *Mình không bao giờ thực sự biết lòng người ta cho đến khi "mình đi guốc trong bụng họ".* [1]

* *"Hãy nhớ nhé: đó là tội lỗi khi giết một con chim nhại". "Chim nhại không làm gì khác hơn là líu lo ca hát, hát tự trong tâm, cho ta thưởng thức. Đó là lý do tại sao nói là tội lỗi để giết một con chim nhại."* [2]

Cháu nói: "*Killing a mocking bird is like killing man's innocence*", mentioning especially kid's innocence.

3.2. Lý. Hầu hết, chúng ta, ai ai cũng được duyên làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị, hướng dẫn, dạy dỗ con em mình. Riêng tôi, lại thêm cái nghề làm thầy: thầy giáo. Làm thầy giáo, tôi được học trò tôi cho tôi một "bí danh", mà tôi không thấy hãnh diện chút nào: "tuổi con cọp". Và đã có ít nhất hai giáo sinh viết thơ cho tôi: "Thầy nóng nảy. Càng nóng nảy, càng làm tụi con quở, không có ích lợi gì".

Tôi cũng nhớ những năm học Tiểu học, cái giáo dục "thương cho roi cho vọt". Vì sợ đòn mà tôi học giỏi. Và tôi - và bạn bè tôi - có bị những trận đòn oan.

Pháp và Mỹ có câu tương đương với "thương cho roi cho vọt": "Qui aime bien, châtie bien." [3] "Spare the rod, spoil the child."⁴ Nhưng trong học đường Pháp, từ lâu đã cấm "peine corporelle". Ở Mỹ, từ lâu, dùng roi vọt với trẻ con sẽ bị Child Protective Service can thiệp và có thể ra hầu tòa.

Thiết nghĩ: làm cha, làm mẹ, làm thầy cô giáo, trong giáo dục con em, nên ghi trong tâm hai điều:

* **Phải biết lắng nghe, để hiểu biết chúng nó. Không có sự hiểu biết này, thì làm sao thể hiện giáo dục?**

* **Thiếu sự hiểu biết này, không khéo ta bạo hành đứa nhỏ, nói riêng, có thể giết chết tính ngây thơ trong sáng của nó.**

Vậy, nếu ta bắt gặp một chân lý, chân thật bất hư, chắc như bấp rang, thì hãy nhớ lại gương của người cư sĩ của anh Lê Công Tâm, trong phút chốc đã ngộ được rằng "con đường còn rất xa", để không trông, không giam, không nhốt trẻ trong bất cứ một giá trị nào: **hãy để trẻ con là trẻ con, để cho cái thơ ngây của chúng bắt gặp các giá trị, để chúng nghĩ suy, phát triển, và dần dần êm ả hội nhập.**

3. 3. "To Kill a mockingbird." là tựa và là đề tài chính của quyển truyện của bà **Nelle Harper Lee**, một quyển truyện được giải thưởng Pulitzer, năm 1961, được Presidential Medal of Freedom for literature, năm 2007, và cũng trở thành quyển truyện cổ điển trong văn học hiện đại Mỹ; được quay thành phim truyện, và phim này được nhiều giải thưởng.

3.3.1. Chim nhại[4]-mockingbird - ẩn dụ cho sự **ngây thơ**. "Ngây" hàm ý, ngây dại, dại khờ, "thơ" nói: thơ ấu, trong sáng, chưa nhiễm bụi đời. Ngây thơ, trong trong bối cảnh này có hai nghĩa tương đương nhau:

* **Innocence của người Mỹ. Innocence gồm có tiếp đầu ngữ "in", có nghĩa phủ định, và nocence mà gốc la-tinh là "nocere" có nghĩa là "to harm"; như vậy innocence có nghĩa là không hại ai, not-nocere.[5]** Trong cái nghĩa này, ngây thơ cũng nói: vô-tội;

* **Thiện, trong "nhân chi sơ tánh bốn thiện" của Mạnh Tử, hoặc là "tốt" trong "con người sinh ra vốn tốt, chính xã hội làm nó băng hoại"[6] của J.J. Rousseau. "Thiện" và "tốt" chính là cái hồn nhiên, thơ ngây, trong sáng của tuổi thơ, phi giá trị, phi không gian, phi thời gian; "thiện" không phải là thiện đối với ác; "tốt" không là tốt đối với xấu. "Bản lai diện mục của nhà Phật" có thể - trong cái nhìn này - là trở về với cái tính phi giá trị, "phi thiện phi ác"[7], của trẻ thơ.**

* **Câu nói của Rousseau làm cho ta nghĩ đến 'tính người vốn gần nhau, do tập tính mà xa nhau'[8] trong Luận Ngữ.** Tuy nhiên, Rousseau nói rõ hơn, Ông khẳng định: "chính xã hội làm nó băng hoại". Xác quyết này là cho chúng ta phải nghĩ:

1. Giáo dục - do gia đình, học đường hay cuộc sống hợp quần - có hai mặt - mâu thuẫn hay xung đột nhau: giúp đưa trẻ thành người và cũng làm băng hoại tính ngây thơ, cái tốt tự nhiên của nó;

2. Hình như ông phân biệt "trồng người" với giáo dục. Ông phân biệt culture với education: Culture - trồng trọt - trong nghĩa agriculture.[9] Giáo dục là đem lại cho trẻ thơ một nếp sống văn hóa. Trồng cây, thì trong ruộng lúa, vườn dừa, vườn mận, cây cối đồng loạt như nhau cùng một thứ đất, thứ phân, thứ nước tưới. Nhưng trong giáo dục, mỗi con người mỗi khác, mỗi cá tính đặc thù, không thể xem chúng in nhau, dù chúng cùng tuổi tác, cùng giới tính, cùng cha cùng mẹ..."*Mỗi lứa tuổi, mỗi điều kiện của cuộc sống đều có sự hoàn hảo phù hợp, một sự chín chắn phù hợp với nó*",[10] "*Trường thành là một tâm thái sẵn sàng hội nhập vào thế giới lý luận. Hãy cho phép trẻ con là trẻ con trước khi trưởng thành*".

Cái ý của Rousseau như tô đậm nét đề tài "to Kill a Mockingbird."

3.3.2. Thời tiểu học của tôi, hình như không một ai hiểu, thấy cái sự roi vọt của chúng tôi, hình như cũng không một ai trân trọng cái thơ ngây của tuổi thơ trong chúng tôi. Thời tôi làm thầy giáo, giáo sinh của tôi nhìn tôi trong hình ảnh của một thầy giáo nóng nảy, và đã gán cho tôi cái bí danh "tuổi con cọp". Tôi có ý thức điều này, có tiêm tu - tu thân, để trở về với cái "bản lai diện mục" của tôi là "tuổi con ngựa," mà làm thế nào được: cái gì đã qua rồi, làm sao sửa được. Thế nên, tôi ước mong: quý vị lãnh đạo tinh thần, lãnh đạo chánh trị, lãnh đạo cộng đồng lớn nhỏ, lãnh đạo giáo dục, phụ huynh, thầy cô giáo:



* Thận trọng, trân trọng cái tính ngây thơ, vô tội - trong cả hai nghĩa nêu trên - của con người;

* Đùng vì thiên kiến, do đức tin - tín ngưỡng, chủ nghĩa, triết thuyết, dư luận quần chúng, phong tục, tập quán, hoặc những sở đắc của tự thân - mà bạo hành trẻ con, xem rẻ quyền sống của con người;

* Thiên kiến làm ta nhìn lệch, nhìn sai, không thấy thật. Nhưng thiên kiến rất là **người**, ai ai cũng có; cho nên, khi ngỡ rằng mình thành đạt, bất gặp chân lý, thì nên nhớ người cư sĩ trong chuyện "con ruồi", ***trục ngộ con đường còn xa, mà dẫn đo, nghĩ lại;***

* Giáo dục là phương tiện gỡ bỏ cái màng che thiên kiến. Giáo dục là khai mở: mở, vớt bỏ màng che, giải phóng con người. Cho nên **một đặc tính của giáo dục là khai-phóng**. Vậy, ***giáo dục không là nhồi sọ***. Nhồi sọ - nhồi nhét, bắt buộc hằng ngày phải lặp đi lặp lại cùng một động tác, cho đến nhuần nhuyễn, mới thôi. Nhồi sọ nhằm điều kiện hóa con người, để tiện điều khiển, sai khiến, khi cần. Nhồi sọ nhằm đóng khung con người trong một mẫu người ít nhiều rõ nét;

* Giáo dục nhằm tạo ra những cá thể có một cá tính, một tâm tư, một lý trí, biết thương yêu hờn giận, biết lý luận, phê phán, ý thức mình đối chiếu với tha nhân và môi trường, ý thức quyền hạn và trách nhiệm; trong giới hạn nào tôi là tôi, và tôi là một thành phần của cộng đồng của tôi;

* Nói riêng, ***mỗi cá thể phải biết lắng nghe, tìm hiểu những cá thể khác***, và như thế phải nghe được tiếng nhạc trầm bổng, bá vạt âm vận của môi trường.

Tôi tha thiết với những điều vừa nêu, nhưng nhìn lại tự thân: là một thầy giáo, tôi cảm nhận tôi có một cách dạy áp đặt, và điều đó ít nhiều vì tự tin. Thế nên, tôi đã xa lạ với cái lắng nghe của nhà Phật, tôi thiếu tâm từ, tâm bi, tôi không biết ngưng động tâm thái trong một thời lúc, để bất gặp ít nhiều những nghĩ suy, dòng suy luận, hay sự dao động trong học trò của tôi. Có lẽ vì đó, mà câu chuyện giác ngộ rằng "con đường còn rất xa" trong bài "Con Ruồi" là một gương sáng cho tôi.

Tôi mong những đồng nghiệp trẻ của tôi, lưu tâm đến cái gương sáng này.

4. Duyên lại dẫn thêm duyên.

Tuy nhiên, "noi gương" không có nghĩa là "xưa bầy, nay làm". Xưa, "Thân thể phát phu, thọ chi phụ mẫu bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã"[11], thì ngày nay, hầu hết, ở mọi nơi, nam, nữ, già trẻ, đều hớt tóc, cắt móng tay, thậm chí có người xăm mình.

Trong một giới hạn nào đó, Đức Không, giam người trong một chữ Trung - **lắm người thành danh vì chết lảng xẹt cho - hay vì - một hôn quân vô đạo.. Và như thế, trong nhiều thế kỷ. Vì nhẹ dạ, chạy theo dư luận, tin ở giới khoa bảng, phong các ngài là thánh; thế rồi nghe các ngài xúi dại, mà lắm người thiệt thân.**

Vì cái trật tự Quân Sư Phụ, Tứ thư, Ngũ kinh mà cả dân tộc Việt Nam, dưới các triều đại chịu làm nô lệ cho triều đình nhà vua. Đất đai, tài sản, sinh mạng của riêng mình và của con cháu ba đời, đều thuộc nhà vua.

Có thể nói: cho đến khi tiếp cận với Tây Phương, trong ngôn ngữ kể sử, của triều đình Việt Nam, hay cả của Trung quốc, không có từ "tự do", và theo đó, cũng không có từ "nô lệ". Dân Việt hay dân Tàu, có một thời gian dài nhiều thế kỷ xem việc nô lệ cho nhà vua và triều đình là một giá trị luân lý tối thượng.

Nói đi rồi cũng phải nói lại: Không phải tất cả cái di sản của cha ông chúng ta đều lỗi thời, phải đập bỏ. Cái di sản của tiền nhân là công sức, trí tuệ, thời gian và không biết bao nhiêu tâm huyết mà các thế hệ đi trước áp ủ, ân cần trao lại, không phải để ta thụ động, ôm cây đợi thỏ, cũng không phải để ta ý lại mà phung phí, hay tự cao tự mãn, đập bỏ, phá sạch, để rồi, mất gốc, chơi vơi, không còn một cơ sở nào, không còn một nền tảng giá trị nào, để trên đó ta xây dựng một nền văn minh, văn học VN, có khả năng đi cùng nhịp với thời đại hôm nay. Ta phải biết trân quý, nghĩ suy, cân nhắc, dẫn dắt, để khai triển, mở rộng, làm giàu mạnh cái di sản của cha ông, làm cho phong phú hơn mãi và nói riêng, làm cho đời sống mọi người ngày càng dễ chịu hơn.

5. Con đường còn xa?

Nên chăng kết luận bài này bằng một chữ: **Duyên?** Duyên đưa, từ cái gốc - Trường Phan Thanh Giản Cần Thơ - cho gặp CON RUỒI của Lê Công Tâm, đưa vào những suy nghĩ, rồi nhờ bằng hữu mở rộng tâm nhìn, lại được cô cháu kéo vào một thế giới khác, thế giới phía của bà Harper Lee, đầy kịch tính, làm tôi nhớ chuyện xưa,

ngẫm chuyện nay, nghĩ đến thân phận nô lệ của các quan lại, giới khoa bảng thời xưa, nghĩ đến đôi nét Việt Nam, xưa và nay. Duyên thống nhất bài viết. Tôi thích thú theo Duyên.



Thế nhưng, tôi lại muốn kết luận bằng câu chuyện xưa, học trong Cổ Học Tinh Hoa:

Thầy Tử Công hỏi Khổng Tử: "Tử này mệt về học, khôn về đạo, bây giờ muốn nghỉ để thờ vua có nên không?"

Đức Khổng Tử nói:

- Phận làm tôi thờ vua, sớm tối kính cẩn, mà cho trọn được chức trách cũng là việc khó, nghỉ thế nào được.

- Vậy xin nghỉ để thờ song thân?

- Lòng con hiếu thờ cha mẹ thật là vô cùng, lại có thể lấy sự hiếu thảo của mình cảm hoá được lòng người cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để vui chơi với vợ con?

- Đạo làm chồng phải làm gương cho vợ, lại để cho anh em và thiên hạ trông vào mà bắt chước cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để chơi với bầu bạn?

- Nghĩa bầu bạn phải giúp đỡ nhau, hết lòng hết sức với nhau, cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để làm ruộng?

- Công việc nhà nông phải cày, cấy, gặt hái hai sương một nắng, chân lấm tay bùn, cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Như thế thì Tử này không lúc nào được nghỉ ư?

- Có chứ. Lúc nào ngắm thấy cái huyết đào nhẵn nhụi, trông thấy cái mỏ đập chắc chắn, ngó thấy người đi đưa cách biệt hẳn mình, ấy lúc bấy giờ mới là lúc được nghỉ đó.

Thầy Tử Công nói:

- *Như thế cái chết chẳng là cái hay à! Người quân tử đến bây giờ mới được nghỉ; kẻ tiểu nhân đến bây giờ mới chịu thôi, cái chết thật là hay vậy!*

@ *Con, hậu sanh, hậu học, không hiểu được cái học xưa nặng nhọc như thế nào, mà làm Thầy thấm mệt.* Con cũng không rõ cái Đạo của người quân tử khó như thế nào để làm Thầy phải khổ.

Con, không vì chỉ một câu chuyện nhỏ đọc trong Cổ Học Tinh Hoa, thời thơ ấu, mà dám phê phán hay bình luận về người xưa.



Con chỉ muốn nhờ câu chuyện của Thầy làm duyên, để chúng con học hỏi.

Bỏ khó tìm dễ và cái tâm lý muốn nghỉ ngơi, trong cái nghĩa câu chuyện vừa nêu, là thường tình, rất là người. Ai ai trong chúng con cũng ít nhiều mắc phải. Nhất là trong cái học làm người.

Cái học của người xưa, trong cái nhìn Khổng gia, có thể tóm lại trong câu: "Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ."

Cái học hôm nay không khác mấy. Có khác chăng là nội dung của mỗi từ, mỗi chặng đường học hỏi. Ví dụ: trí tri xưa như ngâm hiểu phải tới cùng lý, thì hôm nay đông đảo người nghĩ rằng **trong tri** (nhận thức, hiểu biết) **có tri**; trí tuệ (minh trí thông đạt) có thể giúp con người:

- *Không tự xây* cho mình cái tháp ngà thành kiến, tiên kiến, định kiến, để tự giam mình trong ấy, giam mình trong một tâm thức tự mãn, tự kiêu, ung dung tự tại, *nghỉ ngơi* trong một cái nhìn lệch về cuộc sống;

- *Luôn mở rộng tri thức, ý thức rằng mỗi thành quả chỉ đánh dấu một chặng đường, để khởi đầu cho một chặng đường khác, và như thế mãi.*

Có lúc, con người ngủ nghỉ, để tái tạo sinh lực cần thiết. Trong những lúc ấy, tim vẫn không ngừng đập, máu vẫn tuần hoàn, hô hấp hít vô thở ra vẫn điều hòa, không ngừng nghỉ. Cho nên, ngừng nghỉ, nghỉ ngơi như trong câu chuyện Thầy Tử Cống, là hình

ảnh thu hẹp cuộc sống, rút lui khỏi giòng đời. Nó biểu hiện cái chết. Chết một phần khả năng sống. **Chết trước khi chết**. Vì vậy, mà Đức Không dạy là chỉ khi nằm dưới ba tác đất mới được nghỉ ngơi.

Cuộc sống là một giòng chảy, không ngừng luân lưu, biến chuyển.

Theo đó, cái học cũng là một giòng chảy, thường xuyên tiến hóa. Tím hiểu - phân tích, sắp loại, tổng hợp, làm công phu, vấn hỏi - hỏi sách vở, hỏi người xưa, người nay, rồi phải nghĩ suy, thảo luận, luận bàn, lắng nghe lẫn nhau, nhận thức dị biệt, và chứng nghiệm trong thực tiễn hằng ngày. Đó cũng là ý "**học, vấn, tư, biện, hành**", là lời dạy của Thầy Mạnh.

Như thế, **học là tiệm tu**. Tu là sửa, sửa sai, sao cho cái sai, ước tính độ sai tiến về "không", gần mãi "không" mà chẳng bao giờ triệt tiêu: Chẳng bao giờ triệt tiêu vì rằng cuộc đời vốn gần đúng. Nói khoa học, và riêng khoa học thực nghiệm là nói sai số. Tiến bộ trong một giới hạn nào đó là sự tiến dần của sai số về không. Tiệm nói dần dần. Quá trình học - hay tiệm tu, là quá trình cái tiến dần dần, độ sai tiến dần về không, để cái đúng tiệm cận - dần dần, đúng hơn, đúng hơn mãi, mà không bao giờ đúng rốt ráo, đúng tuyệt đối.

Hiểu như vậy, hiểu rằng cuộc đời vốn khuyết, biết **rằng con người vốn bất toàn**, cho nên có cầu toàn, có muốn làm đầy cái mà vốn chẳng bao giờ đầy, như thế mãi, thường xuyên cho cái biết luôn rộng mở và sâu, cho cái trí được khoáng đạt, thông minh - làm sáng cái biết, để mỗi ngày mỗi biết hơn, hiểu hơn, thấy rõ hơn, và như thế mãi.

Gọi như vậy là sống, sống đầy, **sống hết cái ân sủng** Trời ban; không buộc cuộc sống phải thế này, thế khác, không buộc con mình, cháu mình phải hiểu đề như người này, người kia; không có điềm đến đề mà nhìn mà trông, mà đợi, thì: **thấy hay không thấy con đường còn xa là tâm thái của mỗi người ở mỗi thời lúc, mỗi hoàn cảnh cụ thể trong giòng đời.**

@

Thế kỷ thứ 20 nhìn thấy sự tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật, gần như ở mọi lãnh vực. Người ta cảm nhận như thế giới thu nhỏ lại, Paris - New York, bình thường khoảng 10 giờ bay; một ông ngoại - ở Sài Gòn - liú lo với cháu ngoại ở Houston, hầu như hằng ngày, và thấy hình ảnh nhau qua iphone; các sắc tộc như xích gần

nhau hơn. Vì vậy, có người nghĩ đến Nhân Loại, với một chữ N và L lớn.

Thế nhưng, thế kỷ thứ 20 cũng chứng kiến hai thế chiến tàn khốc. **Thế chiến thứ I**, mà có người gọi là *The War to End All Wars*. **Thế chiến thứ II**, rộng lớn hơn và cũng tàn khốc hơn gấp bội.

1946, hòa bình trở lại. Nhưng rồi **chiến tranh lạnh** (1947-1991), **chiến tranh cục bộ**: *Triều Tiên (1950-53)*, *Cách Mạng Nicaragua (1976-79)*, *Chiến tranh Algeria (1954-62)*; *Nội chiến Nigeria (1966-70)*; *xung đột Ả-rập - Do Thái (1966-đến giờ)*; *Iran - Iraq (1980-88)*; *Chiến tranh Vùng Vịnh (1990-91)*; *Chiến tranh Ấn - Hồi (1947-99, 1965, 1971)*, *Chiến tranh Việt Nam (1945-1975)*, *Chiến tranh Kosovo, Serbia*. Và thế kỷ 21 bắt đầu bằng **Chiến tranh Afganistan (2001-..)**; **Chiến tranh Iraq (2003-1014)**, **Chiến tranh ISIS (2014 -..)**.

Chiến tranh cùng khắp, và hình như ở mọi thời lúc. Kỹ thuật càng cao, khí giới càng tinh vi, chết chóc, tàn phá, tang thương càng thảm khốc. Nhân loại, *xưa: bình thiên hạ, nay: mộng hòa bình*; và mọi người như luôn thiết tha muốn đem cho nhau an cư lạc nghiệp. Thế mà nghĩ cho cùng, quả thật:

CON ĐƯỜNG CÒN RẤT XA, QUÁ XA.

Houston, Texas, October 1st, 2017

Nguyễn Văn Trường

[1] Tạm dịch câu: "you never really know a man until you stand in his shoes and walk around in them."

[2] Tạm dịch câu: "Remember it's a sin to kill a mockingbird." "Mockingbirds don't do one thing but make music for us to enjoy . . . but sing their hearts out for us. That's why it's a sin to kill a mockingbird."

[3] Tạm dịch. Càng thương, càng phải phạt.

[4] Google Translate.

[5] Theo Wikipedia.

Cũng theo Wikipedia, innocence cũng được tầm nguyên sai quấy, false etymology, là in và gốc latin "noscere" (to know, to learn)-not-knowing, không biết, dốt.

[6] L'homme est né bon, c'est la société qui le corrompt.

[7] Lục Tồ Huệ Năng: " không nghĩ **thiện**, không nghĩ **ác**, cái gì là bán lại diện mục của Thượng tọa Minh"

[8] *tính tương cận dã, tập tương viễn dã.*

[9] Tạm dịch "On façonne les plantes par la culture, et les hommes par l'éducation" Emile. Livre I,

[10] Tạm dịch: "Each age, each condition of life, has its suitable perfection, a sort of maturity proper to." Internet: Article Myriad. Summary, Analysis & Insights on Emile by Rousseau

[11] Minh mấy tóc da, cha mẹ sinh ra, chớ nên huỷ hoại, là hiểu trước tiên vậy.

TRẦN BANG THẠCH

NẶNG OẢN VAI GÁNH

*Tôi nhìn hoài những cơn mưa khuya
Em cô phụ nhọc nhằn quá đổi
tân tảo nuôi con, nuôi chồng tù tội
đâu sá gì vóc hạc, hình mai*

*Tôi mười năm rồi gánh nước ở đây
Vai không nặng mà tim chùng đã nặng
Gánh hận bại binh, gánh ngàn cay đắng
Gánh nhớ, gánh thương nghĩa vợ tình chồng*

*Em một thân cò vắt vãi ven sông
Tôi nát thân tù nơi đèo heo hút gió
Khi nhớ nhau ta có vàng trắng cổ độ
để nghe lòng ấm chút hơi quen*

*Ta tìm nhau giữa lối nhớ trong tim
Ta nói với nhau những lời trong mộng
Hơi thở ta quyến nhau giữa đất trời cao rộng
Thù hận nào tạo được cách chia?!*

*Em gánh gồng vạm dặm đường khuya
Chân phải vững để đá mòn dưới gót
Tôi cắn chặt răng những đêm dài lạnh buốt
để ngày mai còn đủ sức dựng cờ.*

tbt

2000

CAO VỊ KHANH BÀI HÀNH THÁNG TƯ

Vậy đó, tưởng quên mà vẫn nhớ
Từ đêm vỡ tuyến lạc ven đô
Người thua trận chót đèn trăm tuổi
Ta gánh thù sâu chốn hải hồ

Những tưởng mười năm đời sáng lại
Ta về bơi kiếm miếng xương khô
Vết hết oan khiên người lỡ vận
Vùi sâu xóa dấu một hoang mô

Ta đi rong khắp Nam cùng Bắc
Gom hết muôn ngàn vải tám thô
May đủ hai hàng cờ lá phượng
Treo lên trắng toát một cơ đồ

Vậy đó, tưởng quên mà vẫn nhớ
Mười năm đủ lạnh một hương nguyên
Người thơm áo mới mùi hoa vải
Ta cứ u hoài một nỗi riêng

Đã quá xa xôi ngày thất tán
Biển xưa chùng lảng những con thuyền
Ôi trinh tiết gái ngoài hoang đảo
Chắc cũng nhạt nhòa chuyện đảo điên

Vậy đó, tưởng quên mà vẫn nhớ
Mười năm đánh đổi chuyện keo sơn
Người thân biệt xứ lên rừng núi
Kẻ ngóng đầu non đến mỗi mòn

Thư nhắn trên đầu trang giấy rách
"quên đi mà cứu trẻ măng non
mười năm thân đã mềm như lá
như xác ve sâu đã héo hon
bồng bế con ra ngoài cõi ngoại
giữ lấy giùm nhau chút mộng tròn "

Vậy đó, tưởng quên mà vẫn nhớ
Mười năm giậu đổ nát bìm xanh
Mười năm thôn xóm thành hang ổ
Người sống như loài thú mọc nanh

Con lớn hoang đàng theo cỏ dại
Mẹ buồn như cái vạc sang canh
Mẹ gọi con đi ngoài biển lạnh
Bằng như cọng cỏ ném sau gành

Thuyền con mỏng mảnh trời đen kịt
Mẹ thức từng đêm mắt lạnh tanh
Con đi một sống trăm lần chết
Mẹ đứt từng khoanh ruột đoạn đành

Vậy đó, tưởng quên mà vẫn nhớ
Mười năm ngợ ngợ giữa chiêm bao
Ngày đi tóc rối còn đen mượt
Mắt sáng còn nguyên đốm lửa sao

Lòng đã dạn lòng chờ Câu Tiễn
Gom mộng bình sinh nói chí cao
Ai kẻ mài gươm về đất cũ
Ai mang đoản kiếm nhập Tân sâu

Hẹn nhau xẻ núi dầu sạn đạo
Miễn thấy cờ bay ai địa đầu
Vậy đó tưởng quên mà vẫn nhớ
Mười năm ném đủ vị chua cay

Mười năm mòn lẩn đôi giày cỏ
Ngó lại xem còn mắt những ai
Đất khách đãi nhau toàn mặt đắng
Tâm giao chưa quá một đêm say

Người ơi... đất nước mà rao bán
Thiên hạ muôn người sợ lấm tay
Vậy đó tưởng quên mà vẫn nhớ
Mười năm... một giấc mộng không thành

*Người chờ cho hết đời cô quạnh
Ta đứng bên trời, lệ chảy nhanh*

cao vị khanh

tháng tư 1985

NGUYỄN ĐẤU LỘC

ĐIÊN ĐIÊN

*Cây diên diên trên ruộng đồng bát ngát
cũng nổi trôi theo vận nước bênh bồng
Khấp quê mình,
giờ khó kiếm một dòng sông
còn nước sạch,
mang phù sa về tưới ruộng.*

*Ở đầu nguồn, đập mắc giăng thủy điện
Nước mặn triều cường xâm thực cửa sông
Hạn nắng khô,
gây nứt nẻ khắp ruộng đồng
Cây Diên Diên
cũng chết mòn theo năm tháng.
Nguồn nước bản
nhiễm thuốc trừ sâu, phân bón.
Loài thủy sin
luôn chết ngộp dưới lòng sông.*

*Cảm ơn anh người tị nạn, lưu vong
nơi đất khách chưa quên tình Diên Diên
vẫn ôm ấp chất chiu lưu luyến
sắc hoa vàng, bông Diên Diên quê hương.*

Nguyễn Đấu Lộc

(Toronto - Canada)

[trích đặc san PTG - ĐTD Cần Thơ - San Jose 19 năm hạnh ngộ 2018]



TRẦN KHÁNH LIỄM

CỬA THẦN PHÙ

Thần Phù là một địa danh của cửa biển nổi tiếng. Nhiều thế kỷ trở về trước nó là nơi nguy hiểm đối với những thuyền bè vượt sông biển. Những núi đá nhô nhô nằm ngay ở cửa biển, với những tảng đá ngầm có thể làm bể những chiếc tàu hay thuyền bất cứ cỡ nào. Từ sườn núi dốc dựng đứng chạy xuống phía thành vách núi ở dưới chân, sóng gió đánh thật mạnh vào đã tạo thành những hang sâu thẳm người ta không nhìn được cái chân tận cùng của nó. Khi thuyền bè gặp giông tố, gió thổi mạnh với bão lực không thể chống chọi được. Những con thuyền định mệnh đó, dù người ta có lèo lái tài giỏi tới đâu, cũng khó thoát hiểm nguy.



Cũng chính thế vào thời đó người ta vẫn truyền tụng cho nhau hình ảnh nguy hiểm qua cửa Thần Phù:

Lênh đênh qua cửa Thần Phù

Khéo tu (chèo) thì nổi, vụng tu thì chìm.

Nhìn lại sử sách, kể cả những chuyện xa xưa đã trở nên gần như hoang đường mà nhiều người tưởng rằng cái tên đó không có thực trong địa danh của miền đông nam tỉnh Ninh Bình và đông bắc tỉnh Thanh Hóa.

Những chuyện An Tiêm từ thời vua Hùng. Nói như thế nó đã quá xa xôi rồi. Nhưng nếu đứng từ làng Tòng Chính nhìn về phía đông thì núi Nhân Sơn, người ta cũng gọi là núi An Tiêm, vẫn sừng sững đứng ngạo nghễ qua nhiều thế kỷ, trên sườn núi cao là một ngôi mộ của An Tiêm sơn trắng vẫn thi gan cùng tuế nguyệt. Dưới chân núi phía bên kia, một ngôi đền vẫn được sơn phết bảo trì qua nhiều thế kỷ. Người dân ở đây có thể là giòng tộc họ Mai vẫn hằng năm nhớ ngày cúng tổ tới đây dâng hương tưởng niệm.



Đền thờ An Tiêm

Từ chân núi Nhân Sơn, đi theo quốc lộ số một vào phía bên

phải, ngay qua cánh đồng Chưa, là đến làng Thành, làng Hà. Hai làng này vẫn có những thửa ruộng đất cát của bãi biển, nơi đây vợ chồng An Tiêm đã trồng trái dưa đỏ.

Ngày nay dân làng vẫn trồng thứ dưa đỏ. Thứ dưa hầu tròn bằng chiếc tô nhỏ, vỏ xanh đậm, ruột đỏ thẫm. Cứ năm nào cũng thế, đến mùa hè, người trong vùng lại được thưởng thức món dưa này. Người trong vùng gọi trái dưa này là dưa hầu.

Vì đất cát thiếu màu mỡ, dân hai làng này thường đi tới những làng lân cận để kiếm phân trâu, phân bò về bón cho ruộng nương tươi tốt.

Hòn núi mà bao nhiêu thế kỷ trước đây nó còn nằm ngoài biển khơi xa tấp tận chân mây. Từ đó, vợ chồng An Tiêm chiều chiều vẫn ngồi trên bãi biển hướng về quê nhà. Nỗi thất vọng tràn ngập tâm hồn, tưởng sẽ không bao giờ được đặt chân trở lại đất liền.

Cũng trong huyền sử, người ta kể chuyện thần tiên của Từ Thức lạc vào động tiên. Câu chuyện của Từ Thức cũng thụt lùi vào bao nhiêu thế kỷ. Có ai tin được chuyện thần tiên đó. Tưởng chừng như hoang đường. Thế nhưng động Từ Thức vẫn là nơi thắng cảnh tại Huyện Nga Sơn, thuộc tỉnh Thanh Hóa. Hàng ngày có biết bao nhiêu du khách đến thăm đông.

Một hôm đọc trong Hợp Lưu, tôi thấy một mảng văn trong dịp nhìn lại 30 năm sau khi mất miền Nam Việt Nam, Đinh Từ Bích Thúy đã kể lại chuyện ông nội đặt tên cho bố mình là Đinh Từ Thức. Cái tên được đặt cho người con trai út sau khi ông bà tới văn cảnh động Từ Thức.

Mảng văn ấy đơn sơ dí dỏm đã nói lên cái địa danh thật sự nằm trong huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cái huyền thoại từ thuở xa xưa thuở nào như chuyện hoang đường. Nhưng địa danh của nó vẫn còn đó. Tôi muốn nhắc lại cái mảng văn này để đưa cái tên Từ Thức đến gần với thế kỷ của chúng ta đang sống.

Theo chuyện thì chiếc động này khi xưa cũng ở xa ngoài biển khơi cửa Thần Phù, xa nhưng không xa tí mù như nơi An Tiêm bị đi đây. Thế nhưng từ động Từ Thức hiện nay tới núi An Tiêm chỉ cách khoảng trên dưới năm cây số theo đường chim bay. Từ Thức trong lúc ngao du đã cặp thuyền vào một hòn đảo, nơi đây chàng đã được đón vào động tiên. Thế mà nay cái động tiên đó đã nằm vào đất liền, cách biển cả trên mười mấy cây số. Cũng nên ghi nhận khi

Từ Thức dùng lá thuyền nhỏ đi ngao du tại Cửa Thần Phù, lúc đó Thần Phù đã được đất bồi nhiều, đã đưa gần vào đất liền để Từ Thức có thể đi du thuyền mà không bị sóng gió nguy hiểm.

Rồi trong những thế kỷ trước đây, những nét được ghi trong sử sách, những tài liệu truyền giáo, tài liệu văn học chúng ta cũng thấy mỗi thế kỷ, giòng nước mang đất phù sa của hai con sông Hồng và sông Đáy đã bồi đắp, đưa những núi non hiểm trở trước kia nằm rải rác xa đất liền cứ từ từ nổi vào làm thành giải đất màu mỡ của châu thổ thuộc vùng cửa Thần Phù.

Thần Phù khi xưa cũng là một cửa biển chiến lược rất quan trọng. Theo sử sách, sau khi vua Duệ Tông tiến đánh Chiêm Thành bị tử nạn rồi. Quân của Chế Bồng Nga thừa thắng xông lên, lại đưa quân sang chiếm đánh nước ta. Ngày 11 tháng 6 năm Đinh Tỵ (1377) quân Chiêm Thành lại khởi quân tiến đánh, thấy cửa Đại An lúc bấy giờ theo lệnh vua có quan quân chuẩn bị canh gác kỹ lưỡng, nên đã xua quân vào cửa Thần Phù (sông Chính Đại, thuộc huyện yên Mô, tỉnh Ninh Bình) tiến chiếm kinh thành Thăng Long, khiến vua Trần Dụ Tông phải bỏ trốn.

Trong các tài liệu giáo sử của đạo Công giáo, người ta có ghi việc Linh Mục Alexandre de Rhodes, vị sáng lập chữ quốc ngữ mới viết theo mẫu tự Latin, cùng linh mục P. Marquez đã được gửi từ Macao ngày 12 tháng 3 năm 1627 đến Việt Nam để giảng đạo. Sau 6 ngày thuận buồm xuôi gió, tiếp theo sau đó là gặp bão táp. Tàu phải dạt vào cửa Bạng, Thanh Hóa để tạm trú.

Các nhà truyền giáo đã dừng lại đây để lo việc truyền giáo. Khi đó có nhiều người ở những vùng chung quanh cũng tới thọ giáo. Cũng chính thời gian này, Linh Mục Marquez đã dựng cây thập giá trên núi. Hai tháng sau, chúa Trịnh trên đường đi đánh chúa Nguyễn về, thấy thập giá trên núi Vân No tức Hảo Nho, liền mời hai linh mục này tới và dẫn về Thăng Long. Chúa xây cất một căn nhà ở gần phủ và cho phép tự do giảng đạo.

Núi Vân No sau này đổi tên là Hiếu Nho, rồi Hảo Nho. Cho đến nửa thế kỷ hai mươi, người trong vùng cửa Thần Phù vẫn còn trông thấy thập giá bằng đá thật lớn đứng trên cao ngọn núi này.

Từ cửa sông Chính Đại, chúng tôi vẫn trông thấy cây thập tự này. Từ cửa sông Chính Đại theo đường chim bay chỉ cách xa những núi nguy hiểm cho cảnh vượt biển hơn một cây số. Như thế

chúng ta có thể chấp nhận cái giả thuyết phía các núi An Tiêm, Chóp Chài, Sơn Tiên đã đi gần sát vào đất liền, đã vào gần đến núi Hào Nho vào khoảng thế kỷ thứ mười bảy, nên Chúa Trịnh mới trông thấy cây thập giá và cho mời hai nhà truyền giáo ra Thăng Long để giảng đạo.

Trong hai thế kỷ vừa qua, Thần Phù không còn là nơi nguy hiểm cho những người vượt biển e ngại sóng gió. Bởi lẽ khúc biển khơi nguy hiểm nhất tại cửa Thần Phù đã được đất phù sa bồi đắp đưa vào đất liền rồi.

Cái cửa sông đầy nguy hiểm bão tố ấy là do núi non nằm ở biển khơi. Dãy núi được tạo thành đó là những núi: Bầu Tiên (làng Văn Đức), núi Nhân Sơn, núi Đầu Trâu, núi Sen, núi An Tiêm (làng Nhân Sơn) núi Chóp Chài, Núi Quan Lợn, núi Chính Đại, núi Miêu (làng Chính Đại), núi Tân Tòng (làng Tân Chính, Hoài Lai).

Khúc biển nguy hiểm trước kia, nay nằm yên tĩnh, ngao nghề tại cửa sông Chính Đại và từ Chính Đại tới mấy làng lân cận vón vện mấy chục cây số vuông thôi.

Có những ghi nhận cửa Thần Phù trước kia là cửa sông Chính Đại, điều đó không sai. Cũng có những ghi nhận Yên Mô là cửa Thần Phù. Từ Yên Mô tới cửa sông Chính Đại chỉ có mấy cây số thôi. Với khoảng cách như thế trên biển khơi, đâu có gì là xa xôi cho lắm.

Thực ra sông Hồng và sông Đáy là hai con sông đã đưa nước phù sa chảy ra cửa sông như tôi đã nói trên, đưa nước phù sa trôi về phía Nam, bồi đắp và biến bề khơi thụt lùi vào đất liền sau nhiều thế kỷ cho tới nay.

Cửa Thần Phù khi xưa ăn từ cửa sông Đáy (phía bắc), tới cửa Sung ngay phía trong hòn Nẹ (phía Nam). Người ta ít nói tới con sông này, mà thường hay nhắc tới con sông Càn là một nhánh nối tiếp cửa sông Chính Đại, khi biển khơi hãy còn nằm ở vị trí này. Một nhánh sông Chính Đại khác, sông Trinh chảy qua làng Hào Nho, rồi qua Yên Mô, tới Cầu Yên để nhập vào sông Đáy.

Khi Doanh Điền Sứ Nguyễn Công Trứ được sai tới để khai khẩn vùng đất bồi này, thì cửa Thần Phù với những bão táp, vách đá nguy hiểm qua nhiều thế kỷ đã làm chìm nhiều thuyền bè và giết nhiều nhân mạng, tới thế kỷ này chỉ là một vùng đất bồi cần phải được khai quang, thiết kế, chiêu dân lập ấp.

Theo kỷ yếu Phát Diệm 1891-1991 của Linh Mục Trần Phúc Long, phát hành nhân 100 năm kỷ niệm giáo phận Phát Diệm có nhắc tới cuốn sách của ông Beren, người Pháp trong thời kỳ đó có nói đến việc triều Nguyễn. Trong đó Nguyễn Ánh đã mộ dân xây một thành lũy rất lớn tại Huế, với số nhân công là tám chục ngàn người. Số dân bị trưng dụng nhiều như thế làm giảm mức sản xuất lúa gạo trong nhiều năm. Sau đó là nạn đói năm 1825. Tựa trên câu chuyện này, chúng ta có thể suy luận việc nhà vua đã chấp thuận sai ông Nguyễn Công Trứ tới khai khẩn phần đất bồi tại Cửa Thần Phù để giải quyết việc cung cấp lúa gạo cho dân thoát khỏi cảnh thiếu thốn thực phẩm.

Doanh Điền Sứ Nguyễn Công Trứ năm 1828 đã tới lập huyện Tiền Hải (tỉnh Thái Bình). Huyện này gồm bảy tổng: Tân Cơ, Tân An, Tân Định, Tân Thành, Tân Hưng, Tân Phong và Tân Bồi. Tới Năm 1829 ông lập huyện Kim Sơn thuộc tỉnh Ninh Bình. Huyện Kim Sơn gồm bảy tổng: Chất Thành, Hồi Thuần, Quy Hậu, Hường Đạo, Tụ Tân, Tuy Lộc và Lai Thành. Nguyễn Công Trứ cũng lập hai huyện nữa ở Nam Định, đó là huyện Nam Trực và huyện Giao Thủy.

Công việc chiêu dân lập ấp thực phức tạp và khó khăn trong buổi đầu, vì trong vùng đất bồi hoàn toàn chỉ là một vùng sinh lầy nước đọng, muối bọ đầy đàn cũng giống như vùng đồng bằng Tháp Mười. Muối có thể cắn làm chết trâu bò. Phía gần biển là những ao đầm chỉ có sù với vẹt có thể mọc và chịu đựng được nước mặn. Để cho nước đỡ mặn, phía trong những hàng vẹt rộng bao la, người ta phải trồng cói một thời gian thật lâu để sau này có thể cấy lúa. Cũng vì thế việc trồng cói vừa dùng để cho đất già mặn, vừa tạo cuộc sống kinh tế cho người dân trong vùng. Chiêu Phát Diệm nổi tiếng trong nước về mỹ thuật và phẩm lượng. Vào cuối thế kỷ mười chín sang đầu thế kỷ hai mươi, sản phẩm cói đã được xuất cảng sang các nước Âu Châu và được rất nhiều khách hàng ưa chuộng.

Để định cư dân chúng trong vùng Nguyễn Công Trứ đã phải qui tụ dân, vượt đất đắp nền nhà, chỗ trũng mới đào đất dùng làm ao. Khai mương để đắp đường, tạo nên sự giao thông thủy bộ, làm cầu tre hay cầu nổi đi qua sông. Ông còn cho đào những sông lạch nhỏ vừa để dẫn thủy nhập điền, vừa dùng những ghe thuyền để di chuyển và chuyên chở thóc gạo. Con sông Ân ở gần Dưỡng Điền

là một trong những con sông được đào rất công trình. Những con rạch có thể đi thuyền được từ Lai Thành qua Bình Sa ra tới cầu Trì Chính, Phát Diệm. Những con rạch từ Văn Hải ra tới Tuy Lai, Cồn Thoi.

Công trình của Nguyễn Công Trứ thật lớn đối với dân cư trong vùng này. Một đền thờ được xây ngay ở thôn Lạc Thiện, huyện Kim Sơn vào năm 1856, để ghi ơn ông Nguyễn Công Trứ, người đứng chiêu dân lập ấp, ngay khi ông hãy còn sống.

Trong những năm trước đó như tôi đã nói trên, vì mất mùa và đói kém là lý do khiến nhiều người đã tới đây theo kế hoạch doanh điền.

Trong vùng này chúng ta cũng thấy có rất nhiều người công giáo tụ tập thành làng, xây cất nhiều thánh đường. Có giả thuyết cho rằng vì việc cấm đạo, sau nhiều năm trốn tránh tại những nơi khác, nhất là trốn tránh nơi những vùng núi Ninh Bình, những dãy núi mở đầu cho dãy Trường Sơn chạy dọc xuống miền Trung Việt như vùng núi Bạch Bát, núi Hảo Nho, núi Chính Đại. Khi được chiêu mộ về để khai khẩn đất đai, người dân vừa được bảo đảm cơm no áo ấm, vừa ít bị dòm ngó vì do việc cấm đạo. Cũng chính lý do này mà rất nhiều người đã tới đây, đóng góp nhân lực lớn lao cho việc khai hoang vùng đất bồi thành những cánh đồng thẳng cánh cò bay, những nơi đông dân cư trù phú vào hậu bán thế kỷ mười chín và suốt thế kỷ hai mươi.

Dân trong vùng đã ghi ơn Nguyễn Công Trứ, nên chuyên miệng từ đời nọ tới đời kia:

*Kim Sơn Huyện ta,
Bởi ai sáng lập,
Dựng thành dân ấp,
Trước tự thuở nào
Tham tri bộ hình
Xung dinh điền sứ
Tướng Nguyễn Công Trứ,
Tân bồi bãi biển.*

Cũng lòng biết ơn sâu xa đó nên:

*Truy tư mới lập đền thờ
Ghi công đức để đến giờ làm gương.*

Rất nhiều người vào cỡ tuổi chúng tôi vào những thập niên

năm mươi, khi học văn chương đã say sưa ghi nhận những bài thơ thật quý giá ông đã để lại cho giới trẻ với cung cách: Chí làm trai. Học để hiểu văn chương, mặc dầu cũng được nhắc tới tài thao lược của ông, việc khẩn hoang đất đai của ông. Thế mà những khi nhìn lại một công trình thật lớn lao đó, sống ngay trên những phần đất khẩn hoang này, đi qua đền thờ của ông, kẻ hậu lai không nhận được chân giá trị thật lớn lao về tài kinh bang tế thế của bậc vĩ nhân đã mang lại cảnh sống trù phú cho dân làng, tổng huyện của mình.

Đất bồi ở vùng Kim Sơn do cụ Nguyễn Công Trứ khai khẩn được cụ Trần Lục tiếp tay cho tới khi hoàn thành.

Khi nói tới cụ Trần Lục, người ta thường nhắc tới công trình kiến trúc giáo khu nhà thờ Phát Diệm hơn là những công trình khai khẩn đất đai. Điều này cũng dễ hiểu, vì công trình kiến trúc tại đây là một công trình quy tụ một nền kiến trúc Việt Nam với những đặc trưng về đồ gốm, khảm xà cừ trên những cây cột lim trong thánh đường, việc khắc trên đá để trang điểm cho thánh đường. Những công trình kiến trúc cổ điển tả hình ảnh sinh hoạt của giáo hội, nhưng cái hình ảnh đó đã biến chuyển sang lối kiến trúc Á Châu diễn tả nhiều cảnh sinh hoạt tôn giáo. Thế nhưng nếu nói tới việc khẩn hoang thì cụ Sáu cũng mất rất nhiều công trình trong việc đào thêm sông rạch, khai khẩn thêm đất đai của những vùng còn sót lại của kế hoạch dinh điền của cụ Nguyễn Công Trứ để lại cho hoàn thành phần cuối của huyện Kim Sơn, nhất là vùng Cồn Thoi.

Một nhân vật nữa ít được ai nói tới trong cùng thời với cụ Trần Lục mà theo sự công bằng tôi phải nói lên. Đó là cụ Trần Văn Kỳ, tức cố chánh và cụ Trần Văn Sao, tức cố phó là hai vị đã đứng ra chiêu dân lập ấp ở phần cuối của cửa sông Thần phù từ làng Chính Đại trở ra tới Mông Ân, Trí Cú, Văn Hải và Cồn Thoi.

Cụ Trần Văn Kỳ (1820-1897) là người từ làng Chính Đại, đó là người chúng tôi thường gọi là cố chánh chiêu mộ dân làng để lập nên làng Tòng Chính, rồi sau đó là Tân Chính là hai làng gốc từ làng Chính Đại mà ra. Cái tên Điền Hộ mà nhiều người biết tên này hơn là tên làng Tòng Chính. Tên Điền Hộ dùng cho giáo xứ nằm trong vùng làng Tòng Chính, làng Tân Chính.

Cụ Trần Văn Kỳ đã có công rất nhiều trong việc chiêu mộ dân làng để khẩn hoang trên bốn ngàn mẫu ruộng phía nam cửa Thần Phù. Số ruộng dành cho dân làng: những trai tráng đến tuổi mười

tám, người ta thường gọi là những người có bốn phần gánh vác việc làng, đều được nhận lãnh một số ruộng, gọi là ruộng công điền. Những người này sử dụng phần đất của mình để cấy lúa, sinh lợi tức cho gia đình. Riêng con cháu của cụ, không được nhận lãnh đất riêng cho mình, mà tới khi khôn lớn cũng được lãnh những phần đất như những người trong dân làng. Cụ sợ con cháu sau này sinh tật cờ bạc mà bán ruộng đi. Và lại cụ cũng coi dân làng như con cháu, nên đối xử đồng đều.

Để có thể chứng minh sự liên hệ giữa cụ Kỳ và cụ Sáu, mong quý độc giả có thể dễ hiểu hơn. Vì cụ Sáu sinh ra tại làng Mỹ Quan, ngay bên cạnh chiến lũy Ba Đình, kế cận ngay đó ra về cửa Thần Phù chỉ có hai ba cây số là làng Chính Đại, nơi chôn nhau cắt rốn của cụ Kỳ. Cụ Kỳ là người mới theo đạo, nhưng cụ thật tốt với giáo phận. Trong những năm cầm đạo, hai cụ Kỳ và cụ Trần Lục đều bị bắt và giam cầm cùng với nhau, theo gia phả của dòng họ Trần. Vì cũng là bạn bè với nhau, khi cụ Trần Lục xây nhà thờ Phát Diệm, cụ cố Trần Văn Kỳ đã dâng cho giáo phận hai ngàn mẫu ruộng. Tới khi giáo phận Phát Diệm chia vùng để có giáo phận Thanh Hóa, thì số ruộng này được chuyển về giáo phận Thanh Hóa, ngoại trừ vùng Cồn Thoi mà cụ Kỳ đã dâng cúng 400 mẫu ruộng để lập giáo xứ Văn Hải, nay thuộc sở hữu của giáo phận Phát Diệm. Cũng chính nhờ số ruộng này mà dân làng và những người cấy ruộng chia của giáo phận, họ có đủ lúa gạo sống qua nạn đói năm Ất Dậu (1945). Hơn thế nữa, trong thời gian nạn đói lan tràn ở miền Bắc, rất nhiều người đã đi tìm về vùng này kiếm ăn. Dân làng và nhà thờ đã tổ chức phát đồ ăn cho những người tới đây. Những người này vì đói lâu ngày, khi tới đây đã chết lả. Mỗi ngày làng phải đưa cả xe bò chở xác chết vào chôn trong nghĩa trang. Những xác chết được bó trong mỗi chiếc chiếu trước khi đi chôn.

Để ghi ơn tổ tiên và đáp lễ với dân làng Chính Đại, cụ Kỳ đã tặng cho làng Chính Đại 30 mẫu đất gọi là đất hương hỏa. Riêng nhà thờ Diên Hộ cũng được dâng 30 mẫu để yểm trợ tài chánh và cho những sinh hoạt tôn giáo của giáo xứ.

Đó là những dự án lớn chúng ta có thể kể ra trong vùng cửa Thần Phù. Tuy thế với khả năng bồi đắp của đất phù sa, các dân làng ở lân cận như vùng Liên Quy, ngay gần núi An Tiêm, dân làng cũng trông cói để rồi sau ít năm có thể cấy lúa giúp cho việc sản

xuất lúa gạo.

Đề có cái nhìn tổng quát lịch sử và địa lý về cửa Thần Phù, chúng ta có thể thấy, phía biển tính từ hai bên vùng đất bồi cửa sông Đáy (phía Bắc) và tận cùng ở cửa Sung có hòn Nẹ gần nằm phía nam. Đề định vị trí những vùng nguy hiểm, núi non nằm ngoài biển gây nhiều thiệt hại cho thuyền bè, chúng tôi đề nghị là vùng ngay cửa sông Chính Đại, được nối tiếp với con sông Càn và con sông Trinh. Hai bên có những dãy núi nguy hiểm như: núi Bàu Tiên, núi Đầu Trâu, núi An Tiêm, núi Nhân Sơn, Núi Sen, núi Chóp Chài, núi Quan Lợn, núi Chính Đại, núi Miếu, núi Tân Tông. Vùng núi này bao quanh làng Chính Đại, làng Tông Chính, làng Tân Chính, làng Lai Thành, làng Văn Đức, làng Nhân Sơn, làng Thịnh Phú.

Những vùng đất này đã nằm sâu trong đất liền qua nhiều thế kỷ phải kể đến các huyện Tiên Hải, thuộc tỉnh Thái Bình, huyện Nam Trực và Giao Thủy, thuộc tỉnh Nam Định, Huyện Kim Sơn thuộc tỉnh Ninh Bình, Huyện Nga Sơn, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Trong hai thế kỷ, công việc khẩn hoang vùng cửa Thần Phù đã mang lại cho dân trong vùng một đời sống trù phú và ổn định. Từ vùng đất mới này, cũng tạo nên những khuôn mặt đáng kể trong công việc kiến trúc, văn hóa, binh nghiệp và tham chánh đã mang lại niềm hạnh diện cho những người dân sống trong vùng.

TRẦN KHÁNH LIÊM

Tài liệu tham khảo:

- Đại Việt sử ký toàn thư
- Đại Nam Nhất Thống Chí
- Việt Nam Sử lược của Trần Trọng Kim
- Lịch sử giáo phận Thanh Hoá, LM Nguyễn Tự Do
- Lịch sử giáo hội Công Giáo, LM Bùi Đức Sinh
- Le Père Six, Curé de PhatDiem, Mgr Armand Olichon (1941)
- Ký yếu Phát Diệm 1891-1991, LM Trần Phúc Long

(Trích: **Làng Tôi Tại Cửa Thần Phù**, tác phẩm thứ tư của nhà văn **Trần Khánh Liêm**, ra mắt sách tại thư viện Nhà Việt - Houston TX ngày 17 tháng 3-2018, nhà văn nữ Nguyễn Nhung, khuôn mặt quen thuộc của Houston đã hân hạnh giới thiệu tác phẩm với tư cách thân hữu và tình anh em kết nghĩa với nhà văn tác giả. Sau khi tóm lược một phần về địa lý lịch sử và văn học liên quan đến cửa Thần Phù qua nhiều thế kỷ với những

danh lam thắng cảnh nằm trên địa bàn giữa đông nam tỉnh Ninh Bình và đông bắc tỉnh Thanh Hoá. Cuối cùng nhà văn đã ví lòng yêu quê hương của tác giả giống như đàn cá hồi khi trôi dạt trên khắp biển đông, tới mùa lại ngược dòng trở về nguồn, nhưng cũng có nhiều con cá hồi đã trôi dạt không về tới nơi, bỏ xác nơi viễn xứ. Giáo sư Đặng Phùng Quân, nguyên giáo sư triết học tại đại học văn khoa Sài Gòn trước 1975, nhấn mạnh về sự tồn tại chữ Việt và sự sống còn của nó sẽ là sức mạnh cho việc bảo tồn văn hoá và văn học Việt. Giáo sư Trần Quang Tuấn, đã một thời là chủ nhiệm báo Dân Ta Mới, cũng là bạn học của tác giả từ thiếu thời, người thuộc dòng tộc con cháu họ Mai cư ngụ tại cửa Sung, chặng chót thuộc cửa Thần Phù, đã đưa người nghe tới một số địa danh thuộc tỉnh Thanh Hoá sau khi nói về cửa Thần Phù. Ông Nguyễn Khắc Lai, một trong những thành viên của bán nguyệt san Dân Ta phụ trách giới thiệu chương trình và là điều hợp viên buổi ra mắt sách).



VISION OUTLET

8200 Wilcrest # 26 B - Houston, TX 77072
 (Góc Wilcrest & Beechnut - Cảnh Quê Hương Restaurant)

Tel: 281-495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 20 năm qua.
- * Tiệm kính thuốc của mọi gia đình và mọi lứa tuổi.
- * Contact lenses đủ loại, đủ màu.
- * Tiệm có đủ mọi hiệu.
- * Áo đầm giá hạ nhất Houston.

- * Lấy đo kính cũ làm kính mới.
- * Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn
- * Nhân làm kính gởi đi xa không tính tiền cước phí.



Một trong những tiệm:
 Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO.
 Best của Texas trong sách Underground Shopper.
**CHÚNG TA YÊU CUỘC SỐNG BẰNG TRÁI TIM,
 VẢ NHÌN RÕ NHỮNG XUÂN SẮC THÂN THƯƠNG
 QUA ĐÔI KÍNH.**
 Hãy đến Vision Outlet để được săn sóc xứng đáng

Giờ làm việc:
 Thứ Hai - Thứ Bảy:
 10:00am - 7:00pm
 Đóng cửa Thứ Ba.







QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



CAO VỊ KHANH

CHUYỆN CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG MỸ THUẬN

Đã lâu lắm tôi không về lại Việt Nam. Nói vậy không có nghĩa là tôi không nhớ quê hay nhớ ít hơn những người đi đi về về từ mấy năm nay. Không, tôi nhớ quê tôi lắm chứ. Tôi nhớ đâu ngay từ khi mới vừa đặt chân xuống ghe trong đêm vượt biển. Nỗi nhớ như những lọn máu nhỏ từ đời kiếp nào vẫn chảy rì rầm trong trái tim héo mồi. Tôi có quên đâu. Thấp thoáng giữa đám lau lách của trí nhớ bội bạc, quê hương vẫn còn đó, lẻ loi như một bông cúc vàng nở muộn, đẹp đến xót xa. Tôi nhớ quê như một người tình bị phụ rẫy nhớ lời day nghiến. Dù là một lời day nghiến. Vậy mà tôi không về. Hay chưa về lại đó một lần. Nghe thì rắc rối như bày đặt. Nhưng mà cuộc đời cũng có sông sẽ gì đâu.

Những năm mười tám, đôi mươi từ tỉnh nhỏ lên Sài Gòn trọ học, cách quê đâu chừng trên trăm cây số là tôi đã bắt đầu thấy nhớ. Lạ vậy đó. Vẫn có những chiều đang lang thang giữa phố, lòng bỗng nhiên chùng xuống khi chợt thấy chân mình lỡ đạp trùng lên mấy lọn nắng cũ vàng hoe. Hay những sớm thức dậy bỗng thấy buồn ngang vì một tiếng xe thô mộc lóc cóc đều đều như gõ nhịp vào thiên cổ. Có một cái gì trùng lẩn ở đâu đây. Như đã gặp rồi đâu đó, quen quen. Như đã nghe rồi đâu đó, mại mại. Ly hương, người đi xa tưởng là bỏ hình lại ở chốn cũ mà quên rằng bóng cứ lúc thúc theo sau. Nó cặp kè, léo lách, lẩn lút loanh quanh. Cứ như vậy mà dằng co níu kéo. Hết nhớ rồi quên. Hết quên rồi lại nhớ. Riết rồi tôi cứ thả mặc cho dòng đời xô nổi, bởi góc vốn từ đất ruộng bốc bụi

bay đi thì làm sao chẳng có lúc tấp lại bên đường mà không nhớ xô đất quê !

Vậy đó, suốt mấy năm lang bạt ở Sài Gòn, dẫu người ở phố thị mà lòng vẫn đặc sệt nhà quê. Hờ ra là nhớ. Nhớ từ cọng cỏ ướt sương nhớ đi. Nhớ từ bụi lúa trở đòng đòng nhớ lại. Người tình đầu đời sao tôi quên cái một. Mà khoảnh đất quê nhà sao tôi nhớ hoài. Có lúc tôi thấy thèm về ngôi lại trên bực đá lở bên bờ sông Cái, một buổi trưa hè, lượm đá thả lia thia trên mặt sóng mà đầu thì thả lông bông như một người vô tích sự. Có lúc tôi muốn được quay lại bãi cỏ xanh cạnh ngôi đền văn miếu cũ, chấp hai tay sau gáy nằm dài ra đó ngó lơ mơ ngủ dật dờ mặc cho cuộc đời xoay trở chung quanh. Cả cái tỉnh nhỏ mà gần như ai nấy đều biết mặt nhau, ở thì rầu muốn chết mà đi xa thì nhớ đến đứt ruột. Nhớ đủ thứ. Kể cả những thứ không đáng nhớ. Nói gì đến thứ không thể nào quên.

Như cái bến phà Mỹ Thuận vậy đó, tôi đã đi qua lần đầu đầu thuở chín mười tuổi rồi cứ nhớ hoài mặc dầu sau này, lớn lên đã qua không biết bao nhiêu là bến đò khác. Có một cái gì lạ lắm như nối kết tôi, thẳng con trai sinh ra và lớn lên ở bên này sông cứ nhìn ngó bên kia sông như chót đỉnh của một giấc mơ phiêu lãng. Có phải con sông lớn mệnh mông đó như một ranh giới vô tình đã chẳng giữ những con mơ tuổi nhỏ. Hay chính những lượn sóng cuộn cuộn đó đã một thời đẩy đưa hồn tôi phiêu lưu đến những chân trời xa tít. Bằng lý do nào, thì đó vẫn là nơi ưa thích nhất và cũng là nơi tôi nhớ nhiều nhất. Nhất là từ lúc biết mình khó có dịp qua lại nữa.

Những năm mới bỏ xứ ra đi, năm ba hôm là lại chiêm bao thấy về quê cũ. Mà lần nào cũng vậy, cũng thấy mình trẻ nãi, về tới bến rồi mà cứ hụt hoài chuyến phà chót qua sông... Thần thờ đứng lại đó, nhìn ngó băng quơ rồi thấy lại y nguyên cái cõi thân quen, y như khi đời còn thơm thảo. Từng mặt người qua kẻ lại, từng lối tắt đường quanh...

Nghĩ lại cũng lạ. Lội sông lội suối đã đời rồi mà rốt lại chỉ nhớ có khúc sông trác trở đó thôi. Dĩ nhiên điều đó chắc không ăn nhằm gì với cái vị trí quan trọng của nó trong việc thông thương ở miền tây. Quốc lộ số 4 từ Sài Gòn xuôi nam đến đó là phải khựng lại. Sông rộng mệnh mông, tách nguồn từ Tiền giang ở phía bắc chảy nghiêng nghiêng theo hướng tây nam đến đó phát đồ ròng

ròng đến sạt bờ lở bãi. Thuở ấy, tiền bạc và kỹ thuật chắc còn non yếu quá, người ta chưa đủ sức bắc cầu. Xe dò, xe hàng tới đó là phải đậu lại, sắp hàng dài thậm thọt đợi lượt xuống phà qua sông. Gặp lúc có công-voa nhà binh chiếm ưu tiên là thời chờ đợi dài người ra. Xe cộ phì phò hục hặc, khách khứa nhón nháo, mấy chú lơ xe hấp ta hấp tấp xách thùng xuống sông mức nước đổ cho nguội máy, mấy bà mấy cô cũng vội vội vàng vàng chạy tìm mấy chỗ giải thủy cho nhẹ mình, khi thì bờ ruộng lúc lại mấy lùm cây khuất khuất hờ hờ. Cái hoạt cảnh ồn ào náo nhiệt không có chỗ nào giống được. Lạ lắm. Làm như đó là một nơi người ta rất mong cho mau tới, mà tới rồi lại cứ mong cho mau đi.

Nói vậy mà lỡ có kẹt lại lâu lâu thì cũng chẳng lấy gì làm phiền hà cho lắm. Xe tắt máy, khách bước xuống bãi đậu, vung vai vẩy mình vài cái cho dân gân cốt rồi là miệng chất lưỡi, hoặc lằm thâm rửa xả vài tiếng trong khi chân thì xấn xả nhắm hướng mấy cái quán nước hai bên đường. Mấy chốc, đời vui trở lại. Giữa đồng không rồi bỗng thành ra một buổi chợ đông. Hai bên lộ, người ta che bạt, dựng chòi lợp lá, khá hơn chút gá vài ba tấm tôn, khá hơn chút nữa tụ lại thành một dãy tiệm có cửa neo hẫ hời. Mà điều lều trại hay phố xá cũng đều xập xệ như chỉ để che mưa đụt nắng qua ngày. Ở mà đúng vậy, có ai mà nghĩ được ghé qua đây rồi ở lại luôn đây. Cái chỗ giữa đường giữa xá!

Hàng hóa thì chung dọn luông tuông đến luộm thuộm, đồ khô trộn lộn với đồ tươi, bánh mứt xen kẻ với túi xách giỏ đệm, đồ ăn thức uống tràn ra tới lề đường vậy mà len qua lách lại sao thấy ngộ ngộ y như những cái ngoác tay khều vai bá cổ. Bởi vậy người qua lại rồi thấy vui tai lạ mắt, Rồi ai nấy cũng thành ra dễ tánh. Vậy đó đời vui biết mấy. Cái chỗ không phân biệt giàu nghèo sang hèn, ai đến rồi cũng phải lợi bộ ngang qua. Đã không tránh được thì sao không há lòng ra mà hưởng. Mà hơn nữa, thực phẩm trần gian thì bày ra ê hề mời đón. Người đi xa lỡ độ đường chưa đói vẫn nghe ruột dạ cồn cào. Cơm nước trái cây bốn mùa, mùa nào thức nấy. Cứ nhìn mấy giỏ mận hồng đào chín mọng là bắt khát nước, mấy giỏ ổi xá-ly căng da xanh mượt mà phát thèm. Những xâu mía ghim tươm nước ngọt như đọng sương mai, những trái khóm Bến Lức xẻ năm xẻ bảy rịn mật vàng lừm, những chùm nem Nha Môn treo xum xoe ngả ngón... Điều đời hơn nữa, những xâu chim trao trao quay

vàng ngậy chảy mỡ bóng lưỡng chấp chới trong lòng kiếng, quyen rữ còn hơn cao lâu Chợ Lớn. Kế bên, mấy miếng thịt sườn nướng than tại chỗ bốc mùi thơm thấu tới thiên đình. Kế đó, mấy chai bia con cộp sắp hàng dọc ngang như nghinh nghinh thách đố ai mà chịu nổi. Bởi vậy mà khách giang hồ qua đó thể nào rồi cũng phải có lần ngã bàn nhậu dọc đường. Mà bởi vậy khách đa tình qua đó cũng không thiếu người vướng lại những cuộc tình tứ chiếng. Bà lớn bà nhỏ em gái em nuôi gì không biết chớ chuyện ghen bóng ghen gió vẫn xảy ra hà rầm làm cho cái bến đò vốn đã ồn ào lại được thêm phần...âm ỉ.

Nhưng mà tại sao là Mỹ Thuận mà không là một cái bến khác. Dọc theo miền tây còn bao nhiêu là bến phà. Vàm Cống, Cần Thơ, Rạch Miễu, Chợ Gạo, Cổ Chiên... sao không nhớ. Mà chỉ nhớ rất có Mỹ Thuận? Hay tại tôi cũng nòi tình như ông cò quận chín trong tuồng cải lương Tuyệt Tình Ca có bà vợ nhỏ ở Vĩnh Long đã chèo xuồng đưa chồng qua sông Mỹ Thuận, về Mỹ Tho thăm vợ lớn rồi biệt tăm biệt tích luôn mấy chục năm trời. Không, tôi biết cái bến phà đó từ lúc còn rất nhỏ, chưa tới tuổi có một vợ chớ đừng nói tới vợ hai. Kỷ niệm của tôi với cái bến phà đó không dính líu gì hết tới mấy cái chuyện tình duyên tằm mấn. Nó chỉ dính líu tới cái tuổi nhỏ mà mộng lớn của tôi thôi.

Vốn là quê tôi cách bến phà Mỹ Thuận đâu chừng chín mười cây số gì đó. Con đường nổi liền bên nước với tình lý chạy qua những thửa ruộng nhỏ nhỏ cắt chia bằng mấy bờ đê lúp xúp, ngang qua vài xóm nhà lá lụp xụp và một hai chiếc cầu xi-măng làm điệu bắc cong cong. Con đường hiền lành thơ mộng một cách quê mùa, cũng chẳng có gì là đặc sắc. Chỉ có điều con đường đó là cái ngõ thoát êm đềm nhất để chạy trốn nhịp sống trĩu trĩu nhàm chán của tỉnh nhỏ buồn hiu. Con đường là cái gạch nối ngắn nhất đưa đứa con trai mới lớn từ thực tế vây khốn đến mộng mị phiêu lãng qua trung gian là cái bến phà rộn rịp đầy khách lữ hành xuôi ngược. Lần đầu tiên qua đó một lần năm chín tuổi là bắt mê ngay cái không khí rộn rịp, tất tả, lảng xảng của kẻ đến người đi, của người qua kẻ lại làm như ai nấy đều vội vã lắm. Người ta sốt ruột trông cho mau đến, đến rồi sốt ruột trông cho mau đi, đi hấp ta hấp tấp như chỉ sợ trễ một chuyến qua sông là sẽ trễ luôn cả một cuộc đời. Làm như cuộc sống không chịu ngừng lại một chút, cứ phải là những chuyến lên đường.

Ồ, những chuyến lên đường! Hình ảnh những khách bộ hành lật đật xuống xe, tay xách nách mang kéo nhau đi như chạy qua phà là cái biểu lộ tuyệt diệu nhất cho sức hút của dặm trường thiên lý, của kiêu đòi gạo chợ nước sông đã làm tôi mê mẩn suốt một thời mới lớn.

Hình dung trở lại đứa trẻ sinh ra ở một tỉnh nhỏ lần đầu tiên được cha mẹ dẫn cho đi Sài Gòn. Chuyến xe tài nhứt khởi hành đầu khoảng bốn giờ sáng. Trời gần tắt đẫm sương. Lòng xe tối mò. Hơi khói xăng xông lên mũi kích thích. Đứa bé cố nhướng mắt thật to để nhìn cho hết con đường mơ trước mặt. Mà có được đâu. Cái ngủ đầu chực hờ trên mí mắt. Tiếng xe chạy ù ù êm tai như tiếng ru em. Nó chịu thua. Nhưng mà mới ngủ gà ngủ gật đầu được một chút đã giật mình nghe tiếng anh lơ la oang oang. Bà con cô bác xuống xe qua đò. Có ăn gì thì xả rác trong xe bà con ơi... Đứa bé giật mình mở choàng mắt dậy. Ôi thôi đâu mà đèn đuốc sáng trưng. Người qua lại rộn rịp, kêu réo thúc hối kèn cựa tự nhiên như giữa chỗ không người. Đứa bé ngơ ngác tưởng trong chiêm bao. Bờ ngõ, chớp chớp con mắt mấy cái là tỉnh như sáo sậu. Nó khoái chí dòm cái hoạt cảnh mới thấy lần đầu. À thì ra người ta có ngủ như nó đâu. Người ta đi đi lại lại, chạy tới chạy lui, cười giỡn nạnh hẹ nhau suốt đêm suốt ngày. Cái cõi người lớn này lạ thiệt. Đêm hào hứng như vậy cách chỗ nó ở có bao xa, bằng đầu một chớp mắt thôi. Vậy mà ở nhà mới chạng vạng ba má đã bắt nó phải lên giường ngủ một mạch cho tới sáng trưng. Như vậy ở ngoài căn nhà nó ở, ngoài con đường tráng nhựa nó đi tới trường hàng ngày, ngoài ngôi chợ lớn cạnh bờ sông thỉnh thoảng có mấy gánh sơn đông về mùa võ bán cao-đơn-huần-tán, ngoài cái rạp xi-nê chiếu phim cao bồi bắn lộn với mọi da đỏ... còn có cả một thế giới lạ lùng, vui tươi, rộn rịp, chòn vòn một sức sống mãnh liệt, bùng bùng ngay kề bên cái phố nhỏ buồn hiu của nó. Đúng là cả một khám phá kỳ diệu. Xe chạy chậm lại rồi rả rả tìm chỗ đậu. Mọi người lục tục xuống xe. Thằng bé nắm chặt tay mẹ đi những bước như nhảy. Nó cố làm ra vẻ người lớn như để được hòa hết mình vào cái thế giới sôi sùng sục quanh nó. Nó nờ mũi hít thật dài một hơi không khí mát lạnh từ ngoài sông thổi tới, thấy như hít luôn cả cái chộn rộn của đoàn người đang vội vã đi bên cạnh, luôn cả cái mùi kỳ lạ pha trộn đủ thứ thập vật trần gian: hơi người, hơi gà vịt treo buộc tòn teng dưới

cặp đòn gánh của mấy bà bạn hàng, hơi trái cây vừa mới hái đổ đống trên sạp, hơi nước lèo của mấy xe hủ tiếu thơm phức, hơi xăng nhớt nồng nồng, cả hơi tinh sương của một ngày đang trời dấy. Trong khi đó đoàn xe chạy chậm chậm cẩn thận từng chiếc một xuống phà theo sự chỉ dẫn của ông “xếp bắc”, miệng ngâm tu-huyết mặt căng căng như tự thấy mình quá sức quan trọng. Mỗi chiếc xe bò lên cầu từ tốn, vừa chạy vừa run run chắc vì lòng cầu nhỏ quá chỉ vừa lọt chí mí. Kề bên một anh lơ chạy lúp xúp tay cầm cục gỗ chặn như để sẵn sàng can thiệp khi xe lỡ trớn. Chiếc cầu sắt lót ván kêu rần rần dưới vòng bánh xe nặng trĩch. Xe chạy tới đầu “bông-tông” thì ngừng lại, khục khà khục khặc như vừa thấy nguy hiểm chòn vờn trước mặt. Mà nguy hiểm thật. Ở giữa “bông-tông” là một cái cầu quay hình chữ thập, bề ngang đầu cũng chỉ vừa lọt hai bánh xe, cái nhánh thẳng nối với đường cầu đầu chỉ dài hơn chiều dài chiếc xe dờ một chút mà lại đâm thẳng ra dòng sông đang chảy cuộn cuộn. Ngó mà thấy rùng mình. Hèn chi ngay đầu cầu lúc nãy thấy có một tấm bảng đỏ ghi mấy hàng chữ trắng: "Coi chừng thử thẳng xe qua phà". Điều này không khéo xe chạy tuốt xuống sông như chơi. À thì ra tại vậy người ta bắt bộ hành xuống xe đi bộ, bỏ mặc chiếc xe với ông tài xế thử thời vận. Mà chắc cũng quen rồi vì ông tài xế coi bộ bình tĩnh lắm, miệng ngâm trệch điệu thuốc lá, từ từ rà thẳng cho xe rề rề chạy xuống tới nút bưng cầu thì ngừng lại đúng lúc ông kiểm soát khoác hai tay ra dấu ngừng. Tất cả ăn khớp đúng phóc như dứt hết sáu câu mà rơi ngay đúng nhịp song lang. Tức tốc, anh lơ xe chêm ngay hai khúc cây chặn cứng hai bánh xe hết đường nhúc nhích. Rồi đợi đầu sẵn, bốn người phu đứng ngay bốn đầu cầu quay, người kéo người đẩy vận sức xoay bàn cầu quay một phần tư vòng tròn cho đầu mũi xe hướng ngay mũi phà đã hạ bưng đợi sẵn. Chiếc xe rú một hơi dài rồi chồm lên chạy xuống phà. Vậy là xong một chiếc xe. Phà nhỏ chở được có bốn năm xe là đầy một chuyến. Ông tài công ngồi tuốt trên phòng lái ra lệnh dờ bưng. Ai đó đánh một tiếng keng. Vậy là coi như nội ngoại bất xuất, trên dưới không được lên xuống nữa, hành khách và xe cộ không được chộn rộn chàng ràng nữa. Phà dờ dờ rồi từ từ lùi ra bến. Trời hung hửng sáng. Gió bốc theo khói sóng thổi phần phật mấy tấm bạt che hàng trên mũi xe. Nước bắn tung toé hai bên thành phà làm ướt nhem mấy dây băng dành cho hành khách. Mặt trời hà tiện chút ánh

sáng vàng cam không soi nổi con sông lớn quẫy sóng đen ngòm. Phà chạy chậm như thong thả lấm hay là tại không có sức nhanh hơn. Máy nổ rì rì đến sốt ruột. Ngồi trên mấy cái băng gỗ có lúc người ta tưởng chừng như đang đứng yên một chỗ nếu không có mây về lục bình trôi phăng phăng ngược chiều. Gặp mùa lũ chướng xem chừng phà còn nhàn nhã hơn nữa. Phà qua ngang không nổi, phải thả trôi theo con nước xuống tuốt đuôi cồn rồi mới ì ạch vòng lên phía bờ bên kia. Như vậy mà chắc ăn nếu không phà trông chừng có thể lật ngang như chơi. Vậy mà thằng bé vẫn khoái như thường. Dễ chừng nó còn mong cho lâu tới nữa. Đâu phải lúc nào cũng được đi trên sông một cách ngênh ngang như vậy, ngó mấy chiếc tam bản chèo chông lê thê bị sóng tàu nhồi ì ạch mà tội nghiệp. Nó ngửa mặt hứng mấy giọt nước bay trong gió, tóc dựng đứng như bờm ngựa, lòng mơn man một nỗi vui kỳ lạ. Cùng lúc trời lộ hết bình minh. Con sông hiện rõ dần, lớn lao, chói lọi, bất trắc và mê hoặc như một huyền nhiệm. Đứa bé thấy con sông và bên nước lần đầu tiên mà sao có cảm tưởng như sẽ thấy đến hết đời. Tấm lòng nhỏ xíu của nó như đã dành một chỗ rất lớn cho khoảnh sông nước đó. Nó chăm bẵm cái hình ảnh của thiên nhiên tựa mình sống dậy như một khám phá bất ngờ. Và lớn lên một cách đột ngột, từ đó.

Như vậy mà tôi qua phà Mỹ Thuận lần thứ nhất. Tôi trở ngược lại qua phà lần thứ hai ít ngày sau gì đó. Cũng y như lần đầu. Chỉ khác là vào buổi chiều, trời sắp tắt nắng. Bóng đêm chực chờ càng làm con sông, chiếc phà và người ta thêm gấp gáp. Cũng cái vội vã thêm một chút lo lắng. Cũng cái ồn ào nhưng bớt đi một chút náo nhiệt. Nhưng không có vẻ gì là sắp ngừng nghỉ. Sông nước có trôi chảy đâu. Và người ta cũng đâu có hết lên đường. Ở đó là hình ảnh một dòng sông không có khởi đầu và cũng không có kết thúc.

Có phải tại vậy mà tôi mê cái bến Mỹ Thuận hay không? Tôi đã giữ trong tôi cái hình ảnh qua lại bất tận trên dòng sông bất tuyệt này rất lâu. Mãi đến khi lên trung học, tôi vẫn thường trốn nhà những ngày nghỉ học đạp cái xe đạp cà tàng chín cây số lên đó, đứng ngó ngu ngơ một hồi rồi đạp xe trở về. Một đừ mà lòng lại thấy vui sướng như vừa làm một chuyến đi xa, hồn mê mãi với cuộc mộng du giữa ban ngày ban mặt. Không biết có phải tại tôi chịu ảnh hưởng của đứa bé mê nhà ga và xe lửa trong thơ Tế Hanh hay không mà tôi cứ hay làm như nó. *“Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt.*

Lòng buồn đau xót nỗi chia xa”. Cái hình ảnh đẹp và buồn đến đại người nên tôi mê cái bến phà Mỹ Thuận đến đại đột. Bạn bè trai gái, thân sơ bất kể, ai tôi cũng mời cũng rủ rê cho được. Ở đó tôi huyền thuyên dẫn giải hoặc trầm ngâm tâm sự làm như chỗ đó là giang sơn riêng của tôi vậy. Có người cũng kiên nhẫn ngồi nghe nhưng đa số thì dấy nẩy đòi về. Nhưng mặc. Rốt lại chỉ còn tôi với cái bến nước của riêng tôi. Nơi vừa có gió sông lồng lộng, có phà trôi rập rình, có đủ thứ quà cáp trần gian và nhất là có những vóc dáng giang hồ qua qua lại lại.

Bến nước là nơi tao ngộ của những tay tứ chiếng, là ngã tư gặp gỡ của trăm họ miền Tây. Cà Mau, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh... Họ băng ngang thì thôi chớ còn xô dọc là gặp nhau ở đó. Không hẹn mà gặp. Gặp không chào không hỏi. Gặp một lần trong một đời. Rồi thôi. Rồi mất biệt như chưa từng đã gặp. Dĩ nhiên chắc họ cũng có trở đi trở lại nhưng rồi có ai gặp lại ai đâu. Tôi đã thấy ở đó bao nhiêu là mặt người, bao nhiêu là nhân dáng mà rồi có gặp lại ai bao giờ. Phải vậy không, ở đó giống y như cái cõi đời này mà một ông Tàu xưa đã cảm thán đến rơi nước mắt: *“tiền bất kiến cổ nhân, hậu bất kiến lai giả, niệm thiên địa chi du du, độc thương nhiên nhi lệ hạ*”. Đó là một quán trạm bên đường mà mọi người phải ghé qua trong cuộc hành thiên lý dù có muốn hay không. Ghé qua một chút, vui vẻ hay buồn rầu, nhẹ nhàng hay gồng gánh thì cũng phải ghé qua, đi tới đi lui, dòm ngó loanh quanh rồi quay lưng đi mất biệt. Đó chẳng giống cái đường trần thăm thẳm này sao mà khách lữ chính là chúng ta đó. Chúng ta đến rồi đi có ai biết, dòng đời vẫn chảy đến biệt mù cũng chẳng làm sao hay. Thuở ấy tôi đã triết lý vụn như vậy với bạn bè mà không ai chịu nghe. Thì thôi ai có phần này.

Vậy mà hay, bởi vì ở đó tôi đã học được bao nhiêu điều của trường đời mà trường học thì không thấy đâu có dạy. Bãi trường năm 67, tôi từ Sài Gòn về quê nghỉ hè, cô bạn con nhà giàu được cha mẹ lo cho đi du học ở Pháp, ngày đi quá bất ngờ cô ta đáp xe đò về tìm tôi từ già. Không biết lúc ấy lòng buồn đến đâu mà sau khi đưa cô ta qua sông trở lại Sài Gòn, một mình đón phà ngược trở lại, bỗng nhiên tôi khái ngộ được một điều thắc mắc từ thuở mới mê thơ. *Đưa người ta không đưa qua sông. Sao có tiếng sóng ở trong lòng*. Trời ơi lần ấy tôi mới thấy hết cái tài hoa của người thi sĩ

mệnh bạc. Đưa người, ông không đưa qua sông mà nghe sóng vỗ ở trong lòng. Còn tôi đưa người, tôi lại đưa ngang sông thì sóng vỗ biết cơ man nào mà kể. Con tim dù lớn cách mấy cũng chỉ bằng nắm tay thì chỉ có nước chết đuối thôi. Lần đó tôi tôn ông Thâm Tâm làm sư phụ. Mấy thằng bạn cùng tuổi, tôi ngày chúi mũi vào sách vở làm sao hiểu thấu được cái lớn lao u trầm của người thơ. Đòi mộng và thực như vậy đó bàng bạc trên từng ngọn sóng, từng khúc quanh, từng vết xe lăn, từng chuyến phà ngang trắc trở. Sao không tới đó mà coi, không tới đó mà nghe tiếng đời kêu réo.

Phải rồi còn cái tiếng đời huyền hoặc này nữa, tiếng độc huyền của ông ăn mày mù ngồi trước hàng ba một tiệm nước. Ông ta ngồi đó tự lúc nào tôi không biết. Chỉ biết khi tôi bắt đầu qua lại thường xuyên thì ông ta đã có ở đó rồi. Ông ta ngồi đó lặng lẽ, nhỏ nhoi, có mà như không có, giống như cây cột đèn bữa cháy bữa không. Sự có mặt của ông có làm bận tâm ai đâu họa chăng là mấy thầy phú-lít. Nhưng mà ông ta mờ nhạt quá nên riết rồi người ta cũng lờ đi coi như một tấm phong cảnh cũ mèm bỏ quên trong một góc hậu trường sau khi gánh hát dọn đi. Ông ta ngồi yên như một khúc gỗ đẽo sẵn sùi, lưng cong vòng, mặt nghiêng nghiêng, đôi mắt sâu hoắm, hai chân xếp lại, gần như không nhúc nhích. Chỉ có tiếng đàn của ông là bay lượn thâm sâu. Cái giọng i ôi như kêu rêu, như trách cứ mà cam phận, nghe nghèn nghẹn đến tức tưởi. Nó gần như gom hết tất cả cái gì oan nghiệt nhất, cái gì đoạn trường nhất, cái gì tang thương nhất của cuộc đời này lại rồi phát ra một lượt làm chết điếng lòng người. Đàn chỉ có một dây thôi mà đủ hết mùi trường hận. Tôi khám phá ra ông một bữa về ngang trời đổ mưa bất chợt. Mọi người chạy tủa vào mấy cái mái hiên tìm chỗ đụt. Vừa tấp vào một quán nước tôi để ý tới người đàn ông mù tức khắc. Có một vẻ gì lạ lẫm toát ra trên gương mặt vô tri như trét sáp. Ông ta ngồi đó, lặng lẽ như một vệt khói, mặc cơn mưa rào rơi lộp độp, mặc đám phàn nhân lao xao. Ông làm như không hay biết gì hết, ông chỉ biết tiếng đàn của ông thôi. Mấy ngón tay xương xẩu, đen đúa thoăn thoắt bắt nắm sợi dây đàn độc nhất, còn bàn tay trái vịn vẹo cái cần gỗ đã lên nước bóng ngời. Tôi không biết ông đàn bản gì chỉ nghe được cái não nuột của âm thanh như từng mũi kim chích thẳng vào da thịt mình đến nhúc buốt. Tiếng đàn thoát đi bay lượn lẹo trong không khí ảm đục nghe như tiếng khóc từ cõi âm vọng lại, kêu réo,

van nài làm tôi rùng mình muốn phát lạnh. Nó bay ra xa, uốn éo rồi vòng lại, oằn oại. Nó vút lên cao, lạnh lạnh rồi chúi xuống thấp, rưng rờ. Người ăn mù mù vẫn say mê đàn như không biết cái tiếng đàn ma quái đang truyền nhiễm về đời bóng tối của u minh, dẫn đường cho những hồn oan kéo nhau về lúót thướt. Một lúc mưa bỗng tạnh. Mọi người lục tục bỏ đi. Có bà nhón vài đồng bạc các bỏ nhẹ vào cái hộp thiếc đặt trên góc chiếu. Còn đa số thì chắc quá vội đi mà không kể gì đến tiếng đàn bỏ lại. Còn tôi sao tôi bỗng nhiên thấy đi không nữa. Sao tôi có cảm giác như thiên hạ quá vô lễ với nghệ nhân. Người ăn xin mù đó đúng là một nghệ nhân. Con người đó, tiếng đàn đó sao tôi thấy tài hoa đến tột vời. Mù đã là một thiệt thòi. Mù mà tài hoa thì đúng là tội nghiệp. Có phải ông mù đã gởi tâm sự mình trong tiếng đàn tận tuyệt đó không? Tôi quay vào quán, gọi một ly cà-phê bảo người hầu bàn đem ra cho người ăn xin rồi đến ngồi trong một góc nhìn ra. Suốt buổi chiều, tôi ngồi nghe lóm hết khúc này đến khúc khác, lòng cứ thắc thỏm từng hồi theo mấy cung bậc mệnh. Mà thật ra tôi có biết bài bản nào đâu. Thuở đó đối với tôi, những kim tiền bản, khúc hoàng thiên hay gì gì nữa cũng là quê mùa hết. Tôi chỉ khoái rum-ba với lại xì-lô. Đã nói tôi còn dại dột lắm mà. Vậy mà buổi chiều đó tôi ngồi im như chết trong góc quán, hồn mỗi mê như bị ma ám, lần đầu tiên khám phá ra cây độc huyền quái đản. Tại sao có loại đàn kỳ dị như vậy. Và tuyệt diệu như vậy. Còn người mù đó nữa, có phải chính cặp mắt đục lờ đó mới nhìn thấu được tới vô thanh để biến ngũ cung thành trăm bài kinh khổ? Đã có lúc tôi tưởng chừng ông ta biến đi đâu mất tiêu mà chỉ còn tiếng đàn ở đó thay ông kêu khóc. Hay có thể nói ông ta và đàn như nhập làm một. Làm sao có sự hóa thân kỳ diệu đó nếu không là một bậc dị nhân. Có lúc thần trí tôi mê hoang, tưởng như Sư Khoáng đội mồ trở về vác đàn đi tìm bạn tri âm... Rồi tiếng đàn dứt. Tôi giật mình thấy mình ngồi ử rữ. Trời ngoài kia đã chạng vạng, bên phà cũng thưa bớt người qua.

Bữa đó khi ra về tôi đã dốc hết tiền còn lại trong túi cho ông ta rồi nhảy lên đeo xe hàng có giang về chợ.

Đấy cái bến Mỹ Thuận nó hỗn mang như vậy đó, nó tập trung tất cả mọi hạng người từ cùng căn mạt kiếp tới lên xe xuống ngựa, từ bậc tài trí đến kẻ ngu ngơ, những tay đâm thuê chém mướn, coi trời bằng vung, trước ngực thì xăm “hận kẻ bạc tình” sau lưng thì

xâm “ thù người hại bạn” đến người cuồng sĩ tối ngày cứ đón phà từ bờ này qua bờ kia mà hể mở miệng ra là cứ “liên hoành” với lại “hợp tung”. Tôi đã thấy có ông tự chặt ngón tay thề thối cờ bạc, có ông cầm dao đòi rạch bụng khi người yêu đòi “tách bến sang ngang”, có ông dẫn cô nhân tình bụng mang dạ chứa đầu từ dưới quê lên tới đó rồi... quất ngựa truy phong bỏ cô ngồi khóc bù lu bù loa bên bờ sông định mạng. Tôi đã thấy những anh lơ xe mở miệng ra là chửi thề thí mạng mà giữ chữ tín còn hơn cả đám anh hùng Lương Sơn Bạc, những em bé bán hàng rong nhỏ như ngón tay út tối ngày chạy theo mấy chuyến xe đồ ép nài từng gói đậu phộng rang để nuôi bà mẹ tật nguyền. Mấy ông già ngồi bán báo mà thông hiểu trời đất không sót một mảy may, bình chuyện đời xưa không thua gì Mao Tôn Cương hay Kim Thánh Thán. Thời thì đủ thứ cảnh đời mà có học đến già người trong trường lớp cũng không làm sao biết được. Bởi vậy tôi kết cái bến phà Mỹ Thuận như bạn tâm giao, mà hơn nữa như một bậc thầy lão luyện đã dạy tôi bao nhiêu ngón khôn khéo mà cũng không biết bao nhiêu món đoạn trường. Giữa tuổi đôi mươi có lúc tôi thấy tự tin như một kẻ lỏi đời. Kẻ ra cũng đáng cho một kiếu đời gao chợ nước sông mà ăm ắp tình người.

Bởi vậy bỏ đi xa rồi mới thấy đời sao hệt hăng!

Ở đây xa quá lắm lúc nhớ quê, tôi hay làm thơ kể lể. Có khi nhắc tô canh chua tôm nấu với bông súa dưa, nhắc tộ cá lòng tong kho khô rắc chút tiêu thơm, có khi nhớ đĩa cơm sườn ram mặn, nhắc tô hủ tiếu của chú Thoàng có cái bụng to bằng thùng nước lèo, có khi thèm nghe lại một điệu vọng cổ mà hồi trước cứ chề lên chề xuống. Trời ơi bây giờ mà cho tôi chui vào rạp Miếu Quốc Công đeo tòn teng mấy chiếc cột chỗ hạng cá kèo mà coi tuồng cải lương Con gái chị Hằng chắc là tôi sướng lắm. Nhưng mà sướng hơn nữa nếu được về đứng lại dòm ngó ngu ngơ hai bên bờ sông Mỹ Thuận như ở tuổi mới vào đời.

Vậy đó tôi vẫn nhớ quê như mọi người nhớ quê của họ. Tôi còn nhớ thêm cái bến nước ơn nghĩa của tôi nữa. Nơi mà không ai chịu nhớ tới chỉ bởi cái tội nằm ở giữa một chặng đường. Người ta chỉ nhớ nơi đi và nơi đến. Đâu ai bỏ công đi thương nhớ một trạm dừng. Rồi bây giờ nghe đâu người ta đã bỏ luôn cái bến phà đó nữa. Người ta đã cất cầu treo ở trên dòng sông lớn. Những chuyến phà chắc đã kéo vào ụ hay rã ra đem bán sắt vụn. Hàng quán hai bên bờ

chắc cũng phải đóng cửa. Máy người chủ quán chắc đã đổi nghề khác làm ăn. Con đường đá chạy xuống phà chắc bây giờ bỏ hoang cho cỏ dại mọc lan. Tôi không về nên chỉ tưởng tượng được thôi. *Sông kia rày đã nên đồng. Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai. Đêm nghe tiếng ếch bên tai. Giọt mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.* Đây ông Tú Xương ngày xưa cảm khái như vậy đó sau khi con sông ở Nam Định quê ông bị Tây tới lấp đi. Nghe mà thấy tội tình. Tôi nghĩ ông chưa nói hết những điều muốn nói. Ông không chỉ nhớ tiếng gọi dò thôi đâu. Chắc chắn ông còn rất nhiều kỷ niệm khác mà ông giữ kín cho riêng mình. Bởi vì nói ra cũng không hết được. Mà lắm khi còn bị bĩu môi là hoài cổ, là không thức thời. Cũng như tôi bây giờ vậy, tôi cứ bị người quen kể lạ rầy rà, lắm khi mắng nhiếc khi thấy tôi cứng đầu cứ khư khư giữ riết lấy cho mình những hình ảnh cũ, những thương tiếc này, những ngậm ngùi nọ. Chi mà mệt vậy. Quên phức cái cho được việc. Cuộc đời còn hàng trăm chuyện phải lo, hàng ngàn chuyện phải làm, nhắc làm chi cái chuyện đất nước cũ xì, mốc thếch. Chuyện đời thay ngôi đổi chúa là thường tình, trăm họ có khốn khó thì cũng là vận số thôi. Thì vâng. Nhưng vận số gì mà quái đản. Kẻ quyền thế chuyên bóp hầu bóp cổ dân đen vốn đã dư ăn dư mặc thì ngày càng thêm phục phịch phủ phê. Còn người bị đày đọa vốn đã mất từng hạt gạo thì cứ tiếp tục trần ai khổ lụy. Nếu tin được vào vận số thì cũng phải tin vào một quyền lực thiêng liêng nào đó. Mà hệ thiêng liêng thì phải có công bằng. Đẳng này chuyện bất công ngang trái cứ xảy ra nhan nhản. Như vậy thì đâu phải là vận số nữa. Mà cái này đúng là chuyện thế gian rồi. Ai đời một dân tộc với đức kiên nhẫn, tánh cần cù, lòng đặm bạc đã đi vào huyền thoại mà mấy mươi năm rồi trẻ con vẫn phải lội sông lội suối để đến trường, mà con bệnh trăm kha vẫn phải châu chực dứt lốt để có được viên thuốc, mà tuổi già đã sát kề miệng huyệt còn phải gồng gánh để lấp liếm cái miệng ăn, mà nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam được đem ra trưng bày và rao bán qua những chợ thịt người được tráo danh là gả-chông-xa-xứ, mà, mà, mà kể ra có xuê đầu những trái oan ở đó, thì thử hỏi có lạ không. Đã không còn giặc giã để đổ thừa, cũng không ai chen vào phá đám. Vậy thì tại sao? Chắc chắn không phải tại đám con đò đang chạy gạo từng bữa toát mồ hôi, càng không phải tại đám con ghẻ lang bạt

kỳ hò tứ tán ngoài cõi tạm. Vậy thì tại ai? Hỏi thì cứ hỏi chớ câu trả lời đã sờ sờ ra đó.

Gần đây bè bạn ân cần gợi cho mấy tấm hình chụp chiếc cầu trên sông Mỹ Thuận. Cầu mới tinh, cất theo kiến trúc và kỹ thuật tân kỳ, thoát nhìn ngất ngưỡng chẳng thua gì Kim môn kiều ở Cự Lưu Kim Sơn, chỉ thiếu có một chút sương muối lừng tha lừng thừng là lẫn lộn như chơi. Cũng mấy cột tháp cao treo mấy sợi giây cáp cong cong. Nhìn trong hình chắc không đẹp bằng cảnh thực. Ngoài đó có con sông lớn, có gió lồng lộng, có mặt trời dát vàng buổi sáng, có mặt trăng dát bạc đêm rằm chắc còn đẹp hơn nữa. Ở xa tôi hình dung xe cộ qua lại suông sẻ, khách đi đường khỏi phải lên xe xuống phà lồi thồi. Nghĩ tới nghĩ lui thấy cũng mừng. Mặc dầu trong bụng vẫn có chút nao nao khi biết đã mất rồi nơi chốn cũ. Bến phà xưa không còn nữa thì những vóc dáng xưa chắc cũng đã biệt mù. Chén cơm nóng lờ đường, gió ôi làm quà đường xa, ly nước mía mới ép ngọt lịm, người chủ quán hay kể chuyện Tam quốc mấy buổi trưa ế khách, những cuộc tình xốc nổi, những gặp gỡ bất chợt, người hành khách khát mù và ngón đàn tận tuyệt... tất cả rồi sẽ được xếp vào loại chuyện cổ tích mà người kể nào cũng bắt đầu bằng hai tiếng “hồi xưa...”. Có thể mấy chi tiết mà tôi vừa nhắc đã mất đâu từ nhiều năm trước. Có thể trong thời buổi gạo châu củi quế người ta phải vội vã hơn trước, ăn uống nhìn nhút, nói cười dè sẻn chớ không còn bung thả như thuở tôi còn đi lại. Có thể cái bến nước đó đã mất phong độ từ lúc mới đổi đời. Nếp tinh thần đã khác thì nếp sống cũng khác theo. Người đi lại ơ thờ thì sông nước cũng chỉ là một cõi bơ vơ có lấy gì làm thân thiết. Nếu bây giờ đường đi phải rẽ qua hướng khác để đắp cao dốc cầu, bỏ lại xóm cũ hắt hiu thì cũng chỉ là nối tiếp một cách hợp lý cái cuộc sống đã bị bỏ quên từ lâu lắm. Bởi vậy mà càng nhìn tấm hình chiếc cầu mới, tôi càng thấy buồn hơn vui. Chiếc cầu được xây cất bằng vốn liếng tiền bạc và kiến thức của người nước ngoài để nối hai bờ con sông trắc trở. Mừng thì có mừng cho việc đi lại đỡ phần vất vả nhưng sao vẫn tiếc cho một nếp đời đã ăn sâu trong lòng của một số không ít người.

Và nhất là cứ tự hỏi, sao còn hàng chục triệu chiếc cầu lồi nhịp trong lòng người mà không chịu lo bắc lại để mọi tấm lòng người Việt không còn những bờ bến phân chia?

Chính vì những chiếc cầu lỗi nhịp đó mà tới giờ này tôi chưa trở lại được quê nhà.

CAO VỊ KHANH

thơ

DIỄM PHƯỢNG

(Về Nguồn - Tây Đô)

CÂU HÒ GIỌNG NÓI QUÊ TÔI

Miền Nam sóng nước Cửu Long
Sông Tiền, sông Hậu cuộn dòng phù sa.
Mướt mà chiếc áo bà ba
Bên con đò nhỏ thiết tha đợi chờ.
Bụi tre, bờ giậu, tuổi thơ
Hồn nhiên đuổi bắt - ngẩn ngơ mắt nhìn.
Xa quê mới thấy thương mình
Thương con đò nhỏ - nặng tình non sông.
Miền Nam lúa trổ đòng đòng
Sông tiền, sông Hậu, Cửu Long - tuyệt vời!
Thoảng như tiếng gọi: "*mình ơi*"
Sao quen giọng nói quê tôi - ngậm ngùi!

DIỄM PHƯỢNG

Tháng 4-2018

THY LAN THẢO

(Houston - Texas)

MẸ ƠI THÁNG NHỤC LẠI VỀ

Ba mươi năm cách biệt
Tiên hiền dụ đời con
Lòng hiếu thương tha thiết
Không giảm sút hao mòn...!

Ly hương luôn nặng dạ
Nhìn lịch thấy tháng tư
Lòng người đau phải đá
Xao gợn xót hận thù!

Tâm còn thương còn nhớ
Dạ còn nặng oán hờn
Biết đời là tạm bợ
Đâu thể làm khác hơn...!

Mẹ cưng con nuôi dưỡng
Mãng sữa đến trưởng thành
Mẹ chưa được an hưởng
Con bỏ Mẹ đoạn đành!!

Bảy năm con làm lính
Ngày tháng Mẹ buồn vương
Tử sinh số trời định
Súng vang dội chiến trường...!

Tám năm con tù tội
Lòng Mẹ quặn đắng cay
Con Mẹ đâu có lỗi
Sao chịu án lưu đày...!?

Mẹ banh da xẻ thịt
Áp yêu quý thương chiều
Giặc bắt thẳng con Mẹ
Chia cách tình thương yêu!!

*Gia bản Mẹ buồn khổ
Chạy vạy thăm nuôi con
Không quản thân đời bệnh
Chỉ mong con sống còn..!*

*Tháng Tư nay lại đến
Cờ đỏ còn trên người
Mẹ cõi bình an đó
Con khóc trời xa xôi...!!*

Viết tại Kỳ Đà Động 29-4-2018

RAY RÚT TÌNH THÂM

Ngày đi con hứa về thăm mẹ
Gắng đợi vài năm mẹ của con
Nước Việt quê mình đâu có lẽ
Sống hoài trong tấm tối mỗi mòn...

Giặc chiếm miền Nam con của mẹ
Oằn vai đau nhọc nhận đòn thù
Xiềng xích lưu đày ra đất Bắc
Tám năm cay đắng sống trong tù...

Con đi mẹ ở, lòng con xót
Tuổi mẹ đã tròn tám mươi ba
Một chút ủi an còn có chị
Chăm lo cho mẹ ở quê nhà...

Đôi mắt mẹ nhìn quên sao được
Trừu thương lưu luyến nặng tình thâm
Làm sao mà mẹ không lo lắng
Lệ già nua rơi rớt âm thầm!

Đất người xứ lạ thân cô cút
Mẹ trĩu tình lo lắng cho con
Cùng giống Tiên Long còn chém giết
Người dung nước lũ dễ gì hơn!

Bị rịn luyến lưu rồi cũng phải

Nói lời sau cuối tiễn đưa nhau
Mắt mẹ nhìn theo đầy lo ngại
Giọt lệ tình thâm đỏ mắt trào!!



Cũng tưởng vài năm về gặp mẹ
Đâu ngờ cờ đỏ mãi trên người
Mẹ về lòng đất đau lòng trẻ
Đất khách hay tin đáng ghen lời...

Mắt Phật Quan Âm hay mắt mẹ
Bao giờ cũng rõ nét trong tâm
Ánh mắt hay tin con thi đậu
Sáng vui hiền dịu ánh trăng rằm

Đôi mắt tiễn con ngày nhập ngũ
Nhìn con tha thiết lúc thăm tù
Đỏ mắt tiễn con về đất hứa
Chứa ngàn lời nhớ gửi thiên thu!!

Con biết có ngày con mắt mẹ
Có ngày con phải khóc trong đêm
Ước mơ được mẹ về thăm trẻ
Triu mến nhìn con thật dịu hiền.

TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN
THÀNH LỢI
JEWELRY
(trong khu HONG KONG 4)
11209 Bellaire Blvd # C9B
Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate
bảo đảm của hãng GISA, EGL,HRD, IGI

Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

THÀNH LỢI
kính mời



DIỄM PHƯỢNG

(Houston, Texas USA)

VÍ DẦU TÌNH BẬU MUỐN THÔI

Ngồi trước vị thẩm phán già là đôi vợ chồng trẻ, có thể nói còn rất trẻ và đưa con gái khoảng sáu tuổi hơi ốm yếu gầy gò. Từ lúc theo mẹ bước chân vào căn phòng, con bé vẫn đứng khép nép yên lặng, dường như có một linh cảm nào đó khiến cho con bé đoán hiểu được sự hiện diện của gia đình nó ở đây. Dù có đủ ba, mẹ cũng không phải là điều hạnh phúc.

Bà thẩm phán cảm cúi bên xấp giấy tờ, gọng kính hơi trễ xuống sống mũi tạo cho khuôn mặt bà có nét hơi trang nghiêm pha chút diều cọt. Anh con trai tự nãy giờ vẫn chú mục nhìn xuống đôi bàn tay, chợt ngẩng lên một thoáng đưa mắt lạnh lùng ném về phía cô vợ và đứa con, đôi môi anh hơi biu ra khó chịu. Đột nhiên, giọng bà thẩm phán vang lên phá tan bầu không khí yên lặng đến ngột thở:

- Đã hai lần hoà giải phường mời anh chị đến làm việc, cố gắng thuyết phục hai bên hàn gắn để đi đến giải pháp sum họp mà vẫn không thực hiện được. Bây giờ ở dưới đưa lên đây, anh chị tính thế nào? Có giải toả những mâu thuẫn được không? Theo những biên bản đính kèm, tôi đã đọc và nghiên cứu kỹ, thấy rằng anh chị còn rất nông nổi...

Đưa đôi mắt qua làn kính nhìn về phía đôi vợ chồng, bà thẩm phán nhếch môi cười khê:

- ... Anh thì khăng khăng buộc tội chị khinh rẻ gia đình bên chồng, thiếu lễ độ; còn chị thì cho là chồng ngoại tình, thủ đoạn, giả dối... nhưng toàn là những lời buộc tội thiếu cơ sở, không đủ lý lẽ để hình thành một tội trạng. Do đó, tốt hơn hết tôi khuyên anh chị

một lần nữa hãy trở về suy nghĩ thật chín chắn, tự mình nhìn lại bản thân của mỗi người, cố gắng dung hoà sửa đổi lại cho tốt đẹp và nhất là anh chị hãy nghĩ đến đứa con!

Đưa tay sửa lại gọng kính cho nó nằm ngay ngắn trên sống mũi, bà thăm phán đăm đăm nhìn con bé:

- ... Anh chị có thể mỗi người đi mỗi ngã, nhưng con bé dù ở với cha hay ở với mẹ đều bị mất mát và thiệt thòi... Tôi thật tâm khuyên anh chị hãy nghĩ đến con, nó "vô tội"!

Người mẹ trẻ hơi cúi đầu nhìn xuống đất. Bàn tay chị ôm lấy vai con bé, khuôn mặt buồn bã đến thẫn thờ. Anh con trai sửa lại dáng ngồi cho thẳng lưng lên, khẽ tăng hắng mấy tiếng. Bà thăm phán mỉm cười:

- Anh cứ nói... Anh có thể nói tất cả những điều anh suy nghĩ, nhưng tôi vẫn giữ lời khuyên đó đối với anh!

Anh mắt đưa qua chỗ ngồi của vợ, và chột nhìn lại rất lâu trên khuôn mặt thơ ngây của con gái, một chút cau mày nhưng anh chồng vẫn không che giấu sự lạnh lùng:

- Đối với cô ấy tôi không thể chung sống thêm nữa được... Cô ấy là một người đàn bà ích kỷ, hẹp hòi, xem thường chồng, coi rẻ gia đình chồng..., tôi muốn ly hôn! Còn bé Trang, nếu cô ấy đồng ý cứ giao cho tôi. Về tài sản tôi hoàn toàn không đòi hỏi bất cứ một thứ gì, cho cô ấy hết! Tôi ra đi mình không. Tôi sẽ tạo lập lại tất cả...

Đôi môi cô vợ thoáng chút run rẩy, nhưng chị không nói gì. Bà thăm phán lặng lẽ quan sát con bé. Khi anh con trai nói, con bé có vẻ chăm chú với đôi mắt buồn buồn pha lẫn nét sợ hãi. Bà thăm phán quay qua cô vợ:

- Còn chị thế nào? Anh ấy đã nói như thế chắc chúng tôi phải giải quyết cho ly hôn thôi!

Cô vợ hơi giật mình. Chị vội ngược nhìn lên như sừng sốt:

- Tôi còn thương chồng... Tôi không muốn ly hôn... Anh ấy nghe lời gia đình nên muốn bỏ vợ. Xin bác hãy khuyên can anh ấy giúp con. Nếu con có lỗi, con sẽ sửa chữa. Còn anh ấy phải "dứt khoát" với cô gái đó, thực tình đúng như lời bác nói, con không muốn bé Trang mất cha!

- Chị muốn được hàn gắn nhưng liệu chị có đủ sức chịu đựng để níu kéo anh ấy về với chị không? Tôi muốn nói chị có đủ kiên nhẫn chịu đựng thái độ và cư xử của chồng chị không?

Cô gái mím môi, gật đầu:

- Được. Con sẽ cố hết sức!...

Anh con trai nhìn vợ gắt gỏng:

- Không! Cô ta làm bộ để có dịp hành hạ tôi, cô ấy sống ích kỷ... không bao giờ biết thương chồng. Cô ấy chỉ chờ dịp là "bêu xấu" tôi đủ điều...

Bà thăm phán ôn tồn:

- Cô ấy bêu xấu anh điều gì?

- Nói tôi cặp bồ bịch và dẫn người tình đi nạo thai...

- Thế... anh có "bồ" không?

Anh con trai lắc đầu:

- Cô ấy "ghen" bậy. Chúng tôi chỉ quan hệ trong bạn bè. Nói chung đôi lúc buồn tôi có đi chơi chung vậy thôi...

Bà thăm phán nhìn thật nghiêm khắc:

- Như vậy vợ anh "ghen" không phải là vô lý. Một người đàn ông có vợ không thể đi chơi "lung tung" với các cô gái khác được.

- Dù thế nào cô ấy cũng không được "hỗn láo" với cha mẹ tôi!

- Vợ anh "hỗn láo" ra sao?

- Có lẽ cho là gia đình bao che chuyện "bồ bịch" của tôi nên cô ấy lên tiếng oán trách ba mẹ tôi rất nặng lời. Khi bị tôi tát tai thì cô ta chửi tôi "vô giáo dục". Nói tôi "vô giáo dục" là đã chửi cha mẹ tôi không biết dạy con. Đó là chuyện không thể chấp nhận ở vai trò người vợ của cô ấy được...

Bà thăm phán hóm hỉnh cười:

- Khi anh tự đặt mình vào vị trí cô ấy, thì theo anh phản ứng đó như thế nào?

- Chịu đựng và khuyên lơn chồng, đó là điều rất cần thiết mà bất cứ người vợ nào cũng phải hiểu!

Xoay qua cô vợ, bà thăm phán hỏi:

- Thế chị có lần nào khuyên lơn chồng chưa?

Người vợ khẽ gật đầu buồn bã:

- Con đã nhiều lần khuyên lơn anh ấy, và cũng có khi con đem chuyện "mét" với ba má ảnh thì gia đình giữ thái độ lặng im. Quá bức tức nên có lần không dẫn được con đã cư xử thiếu lễ độ với ba má chồng... Bây giờ vịn vào duyên có đó anh ấy đòi "ly hôn"!

- Sống không có hạnh phúc sao chị không chịu ly hôn?

Tránh ánh mắt tò mò chăm chú của bà thẩm phán, cô vợ cúi đầu nhìn vào khuôn mặt con bé, thở dài:

- Thân con đã gặp những nỗi bất hạnh của một đứa con không cha rồi, con không muốn một đoạn đời như vậy xảy đến cho bé Trang nữa. Con hy vọng vì tương lai của con, anh ấy sẽ thay đổi...

- Nhưng... như chị thấy đó, chồng chị nhất quyết đòi ly hôn!

Một thoáng sững sờ trong đôi mắt đẹp u hoài, cô vợ đáp khẽ:

- Nói mãi không được thì đành chớ biết làm sao bây giờ!

Bà thẩm phán cúi xuống, hí hoáy ghi chép một lúc, đoạn đẩy tập hồ sơ sang hai người:

- Anh chị ký tên vào tờ biên bản này. Độ vài tuần sau có kết quả chúng tôi sẽ gửi thư thông báo cho biết.

Đợi họ đặt bút xuống bàn xong, bà thẩm phán đứng lên rời khỏi bàn làm việc, bước lại xoa đầu con bé:

- Thôi, mẹ con về đi...

Anh con trai lạnh lùng đi nhanh ra cổng, cúi xuống mở công tắc xe, dẫn đi. Lúc đó cô vợ đang nắm tay con đứng ở bậc thềm. Tiếng máy nổ giòn và chiếc xe lao nhanh. Hai mẹ con im lặng nhìn theo. Bất chợt, cô vợ đưa tay ôm lấy mặt sợ hãi kêu lên, cô bé cũng hoảng hốt bầu cứng vào mẹ hét to: "Ba ơi!".

Ngay lúc đó tại ngã tư cách cơ quan Tư Pháp không xa, một tai nạn xe gắn máy đâm vào nhau. Anh con trai đòi "ly hôn" ban này bị hất văng lên lề đường trước sự chứng kiến của cô vợ trẻ và đứa con gái ngây thơ.

Con gió mang chút ẩm ướt của trận mưa vừa dứt lất phất qua cánh màn cửa sổ. Dững chổng tay ngồi dậy. Anh hơi nhăn mặt cố gượng giữ thăng bằng cho cánh tay bị thương treo tòn teng trước ngực không bị va chạm. Từ hôm xảy ra tai nạn. Dững nằm viện hơn một tháng. Anh bị thương ở đầu và gãy tay trái. Mặc dù vết thương lành hạ, luôn mê man, nhưng có đôi khi tỉnh táo Dững vẫn cảm nhận được sự hiện diện và nỗi lo toan vất vả của Trâm; cùng với cơn đau đớn của thể xác có cả sự ân hận dày vò trong anh đến tê dại. Đâu rồi những cuộc mua vui suốt sáng bên giọng kèn tiếng uyển? Đâu rồi những mặt hoa da phấn cho má tựa vai kê? Chung cuộc rồi cũng chỉ có riêng Dững nằm bất động trong căn phòng lạnh lẽo với mùi ê te hăng hăng khó chịu, và một gánh nặng oằn vai người vợ trẻ.

Từ hôm xuất viện về nhà cho đến nay gia đình Dũng thường xuyên lui tới thăm anh, chia sẻ phần nào trách nhiệm với bé Trang và đối với Trâm, những người thân của anh cảm thấy như mình có lỗi. Cho đến bây giờ Dũng mới thật sự rút ra từ trong cuộc sống tình cảm của anh một chân lý sống về tình yêu! Đúng như vậy, tình yêu không phải là món đồ trang sức, phải biết trân trọng và nuôi dưỡng nó mới tồn tại và xanh tốt trong mỗi con người.

Dũng đưa mắt nhìn ra ngoài. Sau cơn mưa bầu trời đã trở nên quang đãng. Tia nắng chiều yếu ớt thấp thoáng trên ngọn cây. Bé Trang từ công rào chạy vào đưa cho anh giấy mời của ban Tư Pháp giải quyết về "ly hôn" của vợ chồng Dũng - Trâm. Mân mê tờ giấy trên tay, anh hỏi con gái:

- Ai đưa con vậy?

- Cô Bảy tổ trưởng biểu đem về cho mẹ.

Dũng dùng cánh tay còn lại choàng qua vai con, dặn nhỏ:

- Thôi, đừng cho mẹ biết. Để mai ba lên đó làm việc với Bác

Tư.

Bé Trang đưa mắt thơ ngây nhìn Dũng. Không hiểu từ trong ý nghĩ nó đã đoán biết những chuyện gì mà tự dung con bé ôm lấy anh, nức khóc:

- Đừng bỏ mẹ, bỏ con nghe ba? Con thương ba lắm...

Dũng nghe nghẹn đắng nơi cổ họng. Anh vuốt tóc con triu mến, nói với nó cũng như muốn nói với lòng mình:

- Không, ba đã có lỗi với mẹ con... Không bao giờ ba còn có ý định rời bỏ mái ấm gia đình này nữa... Hãy tha thứ cho ba, Trang ơi! Hãy tha lỗi cho anh, Trâm ơi...

Tiếng động nơi bậc cửa làm cho cha con Dũng giật mình quay lại. Trâm đứng lặng yên nhìn chồng con. Nơi khoé mắt chị dường như hơi ngân ngấn nước. Dũng thoáng bối rối. Anh lọng cọng nhét vội tờ giấy mời vào túi áo, nhưng vẫn không qua được sự phát hiện của Trâm. Trâm nhìn sâu vào ánh mắt chồng rần rụa:

- Giấy mời ra Ban Tư Pháp phải không anh?

Dũng yên lặng. Quên lời dặn của ba, bé Trang đột ngột:

- Mẹ ơi, cô Bảy gọi giấy mời...

Con bé lại bắt gặp cái nhìn của Dũng, nó vội khựng lại. Trâm cũng đã hiểu. Vậy là chuyện gì đến nó phải đến. Chị buồn bã quay đi, nhưng Dũng kịp nhoài tới giữ cánh tay vợ:

- Trâm! Mai anh lên Bác Tư xin rút lại hồ sơ. Tất cả tại anh, em hãy tha lỗi cho anh...

Trâm im lặng cúi đầu. Nước mắt từ trong sâu thẳm đột nhiên chảy ra ràn rụa, khiến Trâm nấc lên đến tội nghiệp.


Đã chiều rồi mà giọng hát ru con của nhà hàng xóm còn văng vẳng đưa sang, khiến cho cả Trâm và Dũng nghe cay đắng, sững sờ; trong khi bé Trang hết nhìn cha lại nhìn mẹ bằng ánh mắt thơ ngây, khờ dại...

*"Ấu ơ..., ví dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dĩa cho rồi bậu ra...
ờ..."*

Cần Thơ 19 tháng 5 năm 1990

DIỄM PHƯỢNG

(Trong tập *NẮNG NHẬT HOÀNG HÔN* - Bản Thảo Lưu Lại - Thư Án Quán 2009)



NHA SĨ

NGUYỄN VĂN NĂM

Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ

** Địa chỉ mới:*

2808 MILAM ST. Suite B
(trong khu Mekong Center)
HOUSTON, TEXAS 77006


** Điện thoại (không thay đổi)*

713 – 520 – 7950

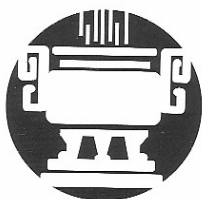
Ngày giờ làm việc:

- * Thứ Hai đến Thứ Sáu: **09:00 AM – 5:00 PM**
- * Thứ Bảy – Chúa Nhật: **09:00 AM – 02:00 PM**
- * Thứ Năm: **NGHỈ**

Vui lòng gọi trước để lấy hẹn
ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng
cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)



NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



*Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư,
Tiệt Nhiên Định Phận Tại Thiên Thu.
Như Hà Nghịch Lỗ Lai Xâm Phạm,
Nhữ Đẳng Hành khan Thủ Bại Hư!*

Lý Thường Kiệt

Lời Giới Thiệu:

Đất nước Việt Nam một dải giang sơn gấm vóc từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, có được như ngày nay là do biết bao công lao xương máu của ông cha đã tạo thành.

Là một nước lúc nào cũng bị nước láng giềng phương bắc đe dọa, do đó đã xảy ra nhiều cuộc chống xâm lăng của dân tộc ta để bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải và chủ quyền dân tộc. Ngày 19 tháng giêng năm 1974, nhân lúc nước ta đang có nội chiến giữa hai miền Nam Bắc, Trung Cộng mang quân xâm đoạt Hoàng Sa, thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa. Sau hai ngày chống trả mãnh liệt, vì sức yếu quân thưa nên Hoàng Sa đã thất thủ vào ngày 20 tháng giêng năm 1974. Đây là ngày uất hận của dân ta, ngày chúng ta cảm thấy muôn vàn hổ thẹn vì chúng ta đã không gìn giữ được một phần lãnh thổ của ông cha để lại. Quân dân miền Nam chưa kịp củng cố lại lực lượng để tái chiếm Hoàng Sa thì với sự trợ giúp của Nga Sô và Trung Cộng. Cộng Sản Bắc Việt đã xua quân cưỡng chiếm miền Nam vào ngày cuối tháng 4 năm 1975.

Hàng triệu người Việt Quốc Gia đã phải bỏ nước ra đi, sống cuộc sống lưu vong nơi đất khách quê người. Dù xa cách quê hương tổ quốc, nhưng lúc nào chúng ta cũng hằng quan tâm đến tiền đồ dân tộc, đến một dải giang sơn cẩm tú của ông cha để lại, lúc nào cũng tha thiết đến phần lãnh thổ của chúng ta đã bị Trung Cộng xâm chiếm bằng võ lực. Do đó chúng tôi cùng một số học giả, giáo sư, nhà văn, nhà thơ... xuất bản cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư...2001 (tập 1) và Nam Quốc sơn Hà Nam Đế Cư ...2002-2003 (tập 2) để chứng minh Hoàng Sa thuộc chủ quyền của

dân tộc chúng ta và nhắc nhở mọi người Việt và giới trẻ tại hải ngoại rằng Trung Cộng đang cưỡng đoạt một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

Nhận thấy hai cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... 1 và 2 cũng khá đầy đủ những dữ kiện để chứng minh chủ quyền của dân tộc Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Chúng tôi đính bản bộ Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... Và để theo sát những biến động về lãnh thổ, lãnh hải những năm gần đây, kể từ số này chúng tôi sẽ mở chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ trên tạp chí Văn Hoá Việt Nam với mục đích tiếp tục đăng tải những bài viết mới nhất của các học giả, giáo sư, nhà văn... đang quan tâm, theo dõi về vấn đề này. Đây là một vấn đề rất hệ trọng của dân tộc Việt Nam. Rất mong sự hợp tác của quý vị.

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ chúng tôi đã giới thiệu 2 **BẢN LÊN TIẾNG VỀ VỤ TAM SA** của Ủy Ban Bảo Vệ Sự Toàn Vẹn Của Lãnh Thổ liên quan đến hai quần đảo HOÀNG SA và TRƯỜNG SA của Việt Nam bị Cộng Sản Trung Quốc lập thành huyện Tam Sa trước sự phẫn nộ của toàn dân trong khi đảng cầm quyền CSVN im hơi lặng tiếng lộ rõ ý đồ dâng đất cho kẻ thù. Chính thái độ nhu nhược của nhà nước cầm quyền CS nên chúng tôi cũng dành thêm nhiều trang để phổ biến những bài viết ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam chống quân Trung Quốc Xâm Lược trong công cuộc dựng nước và giữ nước suốt dọc chiều dài lịch sử trên VHVN số 40... Chúng tôi rất xúc động trước làn sóng nổi dậy chống Trung Cộng của nhiều thế hệ trong nước nhất là lực lượng sinh viên các trường Đại Học Hà Nội và Sài Gòn; cũng như các hoạt động tích cực của đồng bào hải ngoại trong việc tố cáo nhà cầm quyền CSVN đã chuyển giao một phần lãnh thổ, lãnh hải cho Trung Quốc. Chúng tôi cực lực lên án đảng CSVN dâng đất và bòn bá quyền Trung Quốc cướp đất đã thuộc chủ quyền lâu đời của Việt Nam.

Đối với Trung Quốc từ ngàn xưa, ý đồ thôn tính đất nước Việt Nam lúc nào cũng nung nấu trong lòng bọn chúng. Nhưng nổi nhục mà những người lãnh đạo đảng CSVN đã và đang làm dẫn đến mất nước, qua tài liệu mà VHVN số 64 đã đăng bài viết của nhà văn Trần Nhu "**Đường đến thành đô Bắc triều vừa nhục vừa mất nước**", trong đó tác giả đã viết: *"nhìn lại lịch sử Đảng CSVN, chúng ta thấy rất rõ những người lãnh đạo đảng CSVN từ Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh đến Nguyễn Phú Trọng không một ai có tư cách và bản lĩnh chính trị, trong họ thiếu vắng hẳn đức tính "tự tin", họ luôn luôn phải nương tựa vào một thế lực bên ngoài, khi thì dựa vào Liên Xô, khi thì dựa vào Tàu để tồn tại"*. Chính Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) lên nắm chức Tổng bí thư, tức khắc nổi lại bang giao với Trung Quốc bằng một câu nói đê đờ trong lịch sử: "**Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước nhưng còn hơn mất đảng**".

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ, chúng tôi đăng tiếp phần V bài CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA HAI BÀ TRƯNG, biên khảo của GS Tạ Quốc Tuấn, và bài viết THƯ SỐ 77a GỎI NGƯỜI LÍNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM của Cựu Đại Tá Phạm Bá Hoa để những người lính có súng trong tay thấy được sự thật mà hành động kịp thời, vì phần đông người dân trong nước hôm nay quá thờ ơ, vô cảm khi bước chân người Trung Hoa Cộng Sản đang thực hiện trên đất nước ta từ Bắc vô Nam. Mời quý vị cùng chia sẻ nội dung bài biên khảo của GS Tạ Quốc Tuấn và bức THƯ của Cựu Đại Tá Phạm Bá Hoa trong chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ kỳ này.

Trân trọng,
PHẠM QUANG TÂN

I TẠ QUỐC TUẤN

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

(kỳ 5 - tiếp theo VHVN số 80 - mùa xuân 2018)

Phần V: Hán Chuẩn Bị Chiến Tranh Xâm Lược

Chẳng may nhân dân Việt không được hưởng độc lập và tự do bao lâu thì ánh lửa chiến tranh lại bắt đầu lóe ra, đe dọa họ phải trở lại sống dưới ách nô lệ của Trung Quốc.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên chép rằng:

"Nhà Hán thấy việc họ Trưng xưng vương, cử binh đánh hãm các thành ấp, khiến các quận biên thùy bị khổ, nên lệnh cho Trường Sa, Hợp Phố, và Châu Giao chúng ta sắp sẵn xe thuyền, sửa sang cầu đường, khai thông các khe lạch, trữ lương thực, phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, lấy Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó sang xâm lược." (NK, q. 3, tờ 2b)

Sách **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục** của Quốc sử quán triều Nguyễn cũng chép tương tự. Trong phần *Cương Mục* sách kể rằng:

"... nhà Hán phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm phó, dẫn bọn Lâu Thuyền tướng quân Đoàn Chí sang đánh." (TB, q. 2, tờ 10b).

Và trong phần Mục, sách thuật tương tự **Toàn Thư** rằng:

"Nhà Hán thấy việc họ Trưng xưng vương, cử binh đánh hãm các thành ấp, khiến các quận biên thùy bị khổ sở, nên lệnh cho Trường Sa, Hợp Phố và Giao Chỉ sắp sẵn xe thuyền, sửa sang cầu đường, khai thông các khe lạch, trừ lương thực, phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó, dẫn bọn Lâu Thuyền tướng quân Đoàn Chí sang đánh." (TB, q. 2, tờ 10b-11a)

Điều đáng chú ý là theo **Toàn Thư**, việc này xảy ra vào mùa xuân, tháng 2 năm Tân sửu (NK, q. 3, tờ 2b), tức là năm 41 dương lịch. Trái lại, **Cương Mục** chép rằng việc này xảy ra vào mùa đông tháng chạp năm Tân sửu (TB, q. 2, tờ 10b). Thuyết nào đúng?

Đáng tiếc là các tài liệu Việt khác, cũng như **Hậu Hán Thư** của Triệu Diệp, tập tài liệu quan trọng nhất của người Trung Quốc ghi chép những gì đã xảy ra ở Trung Quốc hay có liên can đến Trung Quốc về mọi phương diện cũng như những nước lân cận hay phiên thuộc trong thời nhà Hậu Hán 後漢 (còn gọi là Đông Hán 東漢, 25-220 SCN), và **An Nam Chí** của Cao Hùng Trung, v.v., không nói gì về điểm này.

Sách **An Nam Chí**, sau khi nói đến việc Hai Bà Trưng đánh hãm các thành ấp, với sự hưởng ứng của hai quận Cửu Chân và Nhật Nam, đã kể tiếp luôn rằng:

"Quang Vũ bèn chiếu cho Trường Sa, Hợp Phố, sắp sửa thuyền, sửa sang cầu đường, khai thông các khe lạch, trừ lương thực, phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, lấy Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó, Đoàn Chí làm Lâu Thuyền tướng quân, thủy lục cùng tiến." (q. 2, tr. 109-110)

(Quang Vũ nãi chiếu Trường Sa, Hợp Phố cộ châu thuyền, tu kiều đạo, thông chương Khê, trừ lương cốc, bái Mã Viện vi Phục Ba tướng quân, dĩ Phù Lạc hầu Lưu Long phó chi, Đoàn Chí vi Lâu Thuyền tướng quân, thủy lục tịnh tiến. 光武乃詔長沙, 合浦 具舟

船, 修 橋道, 通障溪, 儲糧穀, 拜馬援為伏波將軍, 以扶樂侯劉隆副之, 段志為 樓船將軍, 水陸並進.)

Hậu Hán Thư nói về việc này trong 3 quyển.

Quyển *Mã Viện Liệt Truyện* 馬援列傳, sau khi nói về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (đã trích dẫn ở một đoạn bên trên), đã kể tiếp rằng:

"*Vì thế [nhà vua] mới xuống tể thư phong [Mã] Viện làm Phục Ba tướng quân, lấy Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó, dẫn bọn Lâu Thuyền tướng quân Đoàn Chí xuống nam đánh Giao Chỉ.*" (q. 24, tr. 838)

(Ở thị tể thư báii Viện Phục Ba tướng quân, dĩ Phù Lạc hầu Lưu Long vi phó, đốc Lâu Thuyền tướng quân Đoàn Chí đẳng, nam kích Giao-chí. 於是璽書拜援伏波將軍, 以扶樂侯劉隆為副, 督樓船將軍段志 等, 南擊交趾.)

Mặt khác, quyển *Chu Cảnh Vương Đổ Mã Lưu Phó Kiên Mã Liệt Truyện* 朱景王杜馬劉傳堅馬列傳, trong mục Lưu Long Truyện 劉隆傳, còn chép đơn sơ hơn nữa:

"*Năm sau [tức năm 41], lại phong [Lưu Long] làm Phù Lạc hương hầu, lấy làm Trung Lang tướng phụ Phục Ba tướng quân Mã Viện đánh bọn man di Giao Chỉ Trung Trắc...*" (q. 22, tr. 781)

(Minh niên, phục phong vi Phù Lạc hương hầu, dĩ Trung Lang tướng phó Phục Ba tướng quân Mã Viện kích Giao Chỉ man di Trung Trắc đẳng... 明年, 復封為扶樂鄉, 以中郎將副伏波將軍馬援擊交趾蠻 夷徵側等...)

Ngay cả quyển *Nam Man Tây Nam Di Liệt Truyện* 南蠻西南夷列傳 cũng chỉ chép là:

"*Quang Vũ bèn chiếu cho Trường Sa, Hợp Phố, Giao Chỉ sắp sửa xe thuyền, sửa sang cầu đường, khai thông các khe lạch, trừ lương thực. Năm thứ 18, phái Phục Ba tướng quân Mã Viện, Lâu Thuyền tướng quân Đoàn Chí phát binh Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, Thương Ngô hơn vạn người sang thảo phạt.*" (q. 86, tr. 2836)

(Quang Vũ nãi chiếu Trường Sa, Hợp Phố, Giao Chỉ cụ xa thuyền, tu đạo kiêu, thông chướng khê, trừ lương cốc. Thập bát niên, khiển Phục Ba tướng quân Mã Viện, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí, phát Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, Thương Ngô binh vạn dư nhân thảo chi. 光武乃詔長沙, 合浦, 交趾具車船, 修道橋, 通障溪, 儲糧穀. 十八年, 遣伏波將軍馬援, 樓船將軍段志, 發長沙, 桂陽, 零陵, 蒼梧 兵萬餘人討之.)

Theo thiên ý của chúng tôi, thuyết của **Toàn Thư** đáng chấp nhận hơn.

Không có lý gì mà Hán triều phải chờ tới 22 tháng (từ tháng 2 năm Canh tí đến tháng 12 năm Tân sửu) mới ra lệnh cho Trường Sa, Hợp Phố và Châu Giao (**Cương Mục** và **Hậu Hán Thư** viết là Giao Chỉ) làm những công việc cần thiết cho cuộc chiến tranh dẹp khởi nghĩa cũng như là phong cho một số quan chức phụ trách cuộc chiến. Vụ nổi dậy của nhân dân Việt lật đổ chính quyền đô hộ Hán và việc bọn Tô Định chạy trốn về nước chắc phải đến tai triều đình nhà Hán trong thời gian rất ngắn (có lẽ không quá 1 tháng), cho nên ngay việc Hán triều đề tới 12 tháng (từ tháng 2 năm Canh tí đến tháng 2 năm Tân sửu) mới ban lệnh chuẩn bị chiến tranh theo như thuyết của **Toàn Thư** cũng đã là trễ lắm rồi.

Hơn nữa, nếu mãi đến tháng 12 năm Tân sửu Hán Quang Vũ mới phong chức cho Mã Viện và Lưu Long để dẫn quân sang đánh nước Việt như lời thuật trong phần *Cương* sách **Cương Mục** thì việc nhà vua ra lệnh chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược kể trong phần *Mục* xảy ra lúc nào? Nếu cũng xảy ra cùng một lúc với việc phong Mã Viện và Lưu Long thì làm sao các công việc chuẩn bị chiến tranh như sắp sửa xe thuyền, sửa sang cầu đường, khai thông khe lạch, trữ lương thực, là những việc đòi hỏi một thời gian rất lâu dài lại có thể hoàn tất trong 1 tháng để đến tháng giêng năm Nhâm dần (năm 42) quân của Mã Viện đã có thể sang đánh nước Việt được như lời tường thuật của **Toàn Thư** (sẽ nói ở một đoạn bên dưới). Cho dù là mãi đến tháng 3 năm Nhâm dần quân Mã Viện mới đánh Lăng Bạc như lời **Cương Mục** thì thời gian 3 tháng (từ tháng 12 năm Tân sửu đến tháng 3 năm Nhâm dần) chuẩn bị không đủ được. Đó là một lý do khác cho thấy lời ghi chép của **Toàn Thư** có lẽ đúng hơn.

Còn có một điểm khác đáng chú ý là theo **Việt Sử Lược** của soạn giả khuyết danh, **Toàn Thư**, và **Cương Mục**, việc Hán Quang Vũ ra lệnh chuẩn bị cuộc xâm lăng xảy ra năm thứ 17 niên hiệu Kiến Vũ 建武 (25-56), tức là năm 41.

Tuy *Lưu Long Truyện* dùng chữ "minh niên" (năm sau), nhưng qua câu chuyện kể về các việc làm của Lưu Long trước và sau khi có lệnh này chúng ta cũng tính được lệnh ban ra năm 41.

Mã Viện Truyện cũng vậy, tuy đoạn nói về lệnh này không ghi thời gian, nhưng vì được kể tiếp theo một việc khác xảy ra đối với Mã Viện năm Kiến Vũ thứ 17 và trước việc quân Mã Viện đánh nhau với quân Hai Bà Trưng ở Lăng Bạc năm thứ 18, nên chúng ta cũng có thể suy luận được rằng lệnh chuẩn bị chiến tranh xâm lược xảy ra năm Kiến Vũ thứ 17.

Trái lại, *Nam Man Truyện* không nói rõ Hán Quang Vũ ra lệnh chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược, mà chỉ nói việc bà Trưng Trắc làm phản năm Kiến Vũ thứ 16 (năm 40) và việc phái Mã Viện và Đoàn Chí mang quân Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng và Thương Ngô ⁽¹⁾ sang thảo phạt năm Kiến Vũ thứ 18 (năm 42). Như vậy, theo *Nam Man Truyện*, có hai việc xảy ra trong hai thời gian khác nhau: lệnh chuẩn bị chiến tranh xảy ra năm Kiến Vũ thứ 17 (tức năm 41) và việc phái bọn Mã Viện đem quân sang đánh nước Việt xảy ra năm Kiến Vũ thứ 18 (tức năm 42).

Ngoài ra, cũng cần nói là cả *Mã Viện Truyện* lẫn *Lưu Long Truyện* chỉ chép việc Hán Quang Vũ phong cho Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó để dẫn bọn Lâu Thuyền tướng quân Đoàn Chí xuống nam đánh Giao Chỉ thôi. Chỉ có *Nam Man Truyện* mới nói đến việc vua ra lệnh cho Trường Sa, Hợp Phố và Giao Chỉ chuẩn bị chiến tranh như các tài liệu của người Việt Nam đã chép.

Việc Hợp Phố và Giao Chỉ được lệnh chuẩn bị chiến tranh khiến chúng ta phải chú ý.

Việc quận Hợp Phố được lệnh chuẩn bị chiến tranh một lần nữa xác nhận quan niệm của chúng tôi cho là chỉ có người Man Di hay Man Lý trong quận này hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thôi (như đã trình bày trong các phần "*Số Các Quận Hưởng Ứng*" và "*Số Các Thành Lược Định Được*"). Hơn nữa, nếu toàn thể nhân dân quận Hợp Phố cũng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa thì làm

sao Hán triều lại lệnh cho quận Hợp Phố chuẩn bị cho cuộc chiến tranh xâm lược được? Lệnh ban ra trong trường hợp này chắc chắn sẽ không được tuân theo. Vì thế chỉ trong trường hợp chỉ có người Man Di hay Man Lý trong quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thôi thì lệnh của vua Hán mới có thể thi hành được.

Mặt khác, chúng ta phải hiểu từ "*Giao Chi*" dùng trong *Nam Man Truyện* và trong **Cương Mục** như thế nào: quận Giao Chi? hay bộ Giao Chi?

Nếu Hán triều ra lệnh cho quận Giao Chi chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược thì việc làm này không hợp lý chút nào khi chính nhân dân quận Giao Chi đã khởi nghĩa mở đầu cho công cuộc chống lại chính quyền đô hộ Hán. Không ai lại chuẩn bị giúp chính quyền đô hộ đánh lại chính mình cả.

Cũng không thể nói rằng lệnh ban cho những người không tham dự cuộc khởi nghĩa, bởi vì những người này nếu có thì cũng chỉ là thiểu số.

Hơn nữa, quân đội Hán thuộc phủ đô úy ở huyện Mê Linh đã bị giết sạch, hơn 1.000 người, còn chính quyền hành chính đô hộ Giao Chi ở huyện Luy Lâu đã bị đánh đuổi đi hết, Tô Định và đồng bọn đã chạy trốn về nước rồi, thì lệnh của Hán Quang Vũ ban ra có còn ai đâu mà điều khiển những người không theo khởi nghĩa (nếu có) thi hành lệnh?

Nói cách khác, từ "*Giao Chi*" nói trong **Cương Mục** và **Nam Man Truyện** về điểm này không thể hiểu là quận Giao Chi được, mà phải hiểu là bộ Giao Chi (hay Châu Giao, theo lời **Toàn Thư**).

Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa của nhân dân quận Giao Chi đã được nhân dân hai quận Việt khác là Cửu Chân và Nhật Nam hưởng ứng. Nói cách khác, toàn thể nhân dân Việt trên đất Việt đã hưởng ứng và tham gia cuộc khởi nghĩa rồi và nếu Hán Quang Vũ có ra lệnh cho họ chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược thì chắc chắn nhân dân ba quận Việt Giao Chi, Cửu Chân và Nhật Nam sẽ không tuân lệnh. Như vậy, tại sao Hán Quang Vũ lại ra lệnh cho Giao Chi (theo **Cương Mục** và *Nam Man Truyện*) hay Giao-châu (theo **Toàn Thư**) chuẩn bị cho cuộc chiến tranh xâm lược?

Điều này chỉ có thể giải thích bằng sự kiện là bộ Giao Chi hay Châu Giao không chỉ gồm có 3 quận Việt là Giao Chi, Cửu

Chân và Nhật Nam, mà còn có thêm 6 quận Hoa nữa là Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Đạm Nhĩ và Chu Nhai. Tất cả 9 quận được đặt dưới sự giám sát của một bộ thứ sử, gọi là Giao Chỉ bộ thứ sử 交趾部刺史.

Nguyên sau khi lật đổ nhà Tần 秦 (221-206 TCN) và đánh bại Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ 西楚霸王項羽 (232-202 TCN), Lưu Bang 劉邦 (256-195 TCN) đã lên ngôi hoàng đế, tức Hán Cao Tổ 漢高祖 (Hán Vương 漢王 năm 206-202 TCN, Hán Cao Tổ năm 202-195 TCN), khai sáng nhà Hán 漢 (206 TCN – 9 SCN và 25-220 SCN). Một trong những việc làm đầu tiên của Hán Cao Tổ là phân chia đất nước, ngoại trừ vương điện 王甸 (đặt dưới quyền cai quản trực tiếp của nhà vua, bao gồm địa khu nay là các tỉnh Thiểm Tây 陝西, Sơn Tây 山西, Hà Nam 河南, Tứ Xuyên 四川, Hồ Bắc 湖北 và một phần tỉnh Cam Túc 甘肅) ra làm các quận 郡 và quốc 國. Quận là đơn vị hành chính địa phương cao nhất do các quan chức hành chính và quân sự, được triều đình bổ nhiệm, cai quản và thuộc toàn quyền sử dụng của triều đình. Quốc cũng là quận nhưng khác ở điểm là quốc là khu vực do nhà vua ban cho anh em, con cháu, hoàng thân quốc thích hay các công thần và do triều đình của quốc (tổ chức dập khuôn triều đình trung ương) cai trị.

Việc giám sát các viên chức trong quận mới đầu do giám ngự sử 監御史 dưới quyền điều khiển của ngự sử đại phu 御史大夫 (từ năm 1 TCN trở đi gọi là đại tư không 大司空) phụ trách, nhưng sau vì trong năm 167 TCN có một số giám ngự sử đã xao lãng bốn phần một cách quá đáng nên từ đó Hán triều mới cử một số sử 史 trực thuộc thừa tướng 丞相 đi thanh tra các quận cũng như là các giám ngự sử. Đến năm 106 TCN, Hán Vũ Đế đã bãi bỏ chế độ giám ngự sử và chia toàn quốc (ngoại trừ các khu vực quanh vương điện) ra làm 13 bộ và tại mỗi bộ đặt một viên bộ thứ sử phụ trách công

việc giám sát các viên chức các quận (như chế độ cũ) và các quốc (chức trách mới) trong khu vực quản hạt của mình.

Như vậy, bộ chỉ là đơn vị giám sát, còn quận (và cả quốc nữa) mới thực sự là đơn vị hành chính địa phương cao nhất.

Khi chiếm được nước Nam Việt 南越 của nhà Triệu 趙 năm 111 TCN, Hán Vũ Đế đã chia đất nước này làm 9 quận (đã kể tên trong một đoạn bên trên), trong đó có 3 quận nằm trên lãnh thổ nước Việt (Giao Chi, Cửu Chân và Nhật Nam). Ở mỗi quận, các việc hành chính và chính trị do thái thú 太守 điều khiển, còn các việc binh do đô úy 都尉 phụ trách. Tất cả 9 quận này đặt dưới quyền giám sát của một bộ thứ sử gọi là Giao Chi bộ thứ sử. Vì lý do này các sử sách gọi 9 quận bằng một tên chung là bộ Giao Chi.

Cũng cần nói thêm là bắt đầu từ bộ **Hán Thư** 漢書 (tục gọi là **Tiền Hán Thư** 前漢書) của Ban Cố trở đi, các tài liệu đã dùng lẫn lộn hai từ "*quận*" 郡 và "*châu*" 州. Thực vậy, khi nói về nhiệm vụ của bộ thứ sử, **Hán Thư** đã viết là bộ thứ sử có nhiệm vụ giám sát các "*châu*" về những vấn đề qui định trong các sắc chiếu bổ nhiệm (thay đổi tùy trường hợp). Các tài liệu biên soạn sau **Hán Thư**, có tài liệu dùng từ "*quận*", có tài liệu dùng từ "*châu*", lại có khi trong cùng một tài liệu, lúc thì dùng từ "*quận*", lúc lại dùng từ "*châu*".

Khi viết về bộ Giao Chi cũng vậy, các tài liệu của người Trung Quốc thường dùng lẫn lộn "*Giao Chi bộ*", "*Giao Chi quận*" hay "*Giao Châu*", lại nhiều khi viết một cách mơ hồ "*Giao Chi*". Thí dụ: **Hậu Hán Thư** của Phạm Diệp trong các đoạn nói về bà Trưng Trắc viết là "*Giao Chi man di Trưng Trắc*" (Lưu Long Xuyên, q. 22, tr. 781) hay "*Giao Chi nữ tử Trưng Trắc*" (Mã Viện Xuyên, q. 24, tr. 838; Nam Man Truyện, q. 86, tr. 2836); và khi viết về việc Hán Quang Vũ ra lệnh chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược cũng viết là "*chiếu ... Giao Chi cụ xa thuyền...*" (Nam Man Truyện, q. 86, tr. 2836).

Các tài liệu xưa do người Việt biên soạn vì căn cứ vào các tài liệu Trung Quốc nên cũng mắc lây sự lẫn lộn này (**Toàn Thư** và **Cương Mục** là thí dụ điển hình), khiến cho khi đọc các tài liệu

Việt và Hoa chúng ta không hiểu các soạn giả khi nói tới Giao Chỉ lúc nào có ý nói tới quận Giao Chỉ, lúc nào nói tới bộ Giao Chỉ, lúc nào nói tới Châu Giao.

Như vậy, đọc **Toàn Thư, Cương Mục** và **Hậu Hán Thư** chúng ta phải hiểu rằng Hán Quang Vũ đã ra lệnh cho bộ Giao Chỉ chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược. Tuy nhiên, vì ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam đã nổi lên chống lại chính quyền đô hộ Hán rồi, nên chúng ta còn phải hiểu là lệnh cho Giao Chỉ ở đây phải hiểu là lệnh cho 6 quận Hoa còn lại mà thôi.

Hiểu như vậy thật hợp lý, nhưng lại có một thắc mắc khác. Một trong 9 quận thuộc quyền giám sát của Giao Chỉ bộ thứ sử (tức là Giao Châu, dùng danh từ của **Toàn Thư**) là quận Hợp Phố; vậy thì tại sao **Toàn Thư, Cương Mục** và **Hậu Hán Thư** lại chép rằng Hán Quang Vũ ra lệnh cho "*Hợp Phố và Giao Châu*" chuẩn bị cho cuộc chiến tranh dẹp khởi nghĩa? Chép như vậy chẳng là dư thừa hay sao?

Có lẽ vì thấy có sự vô lý này nên sách **An Nam Chí** của Cao Hùng Trưng chỉ nói là Hán Quang Vũ chiếu cho Trường Sa, Nhật Nam chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược thôi, chứ không nói đến lệnh cho Giao Chỉ.

Tuy nhiên, trong sách này lại có một điểm vô lý nữa khi chép rằng Hán Quang Vũ lệnh cho Nhật Nam chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược. Vô lý là bởi vì Nhật Nam tuy là 1 trong 9 quận thuộc bộ Giao Chỉ nhưng toàn dân đã nổi lên chống lại chính quyền đô hộ Hán rồi thì sao Hán Quang Vũ lại lệnh cho quận này chuẩn bị chiến tranh xâm lược? Không có một giải thích nào hợp lý cả.

Chú Thích

(1) **Thương Ngô**: cương vực này là địa khu gồm các huyện Đức Khánh 德慶, Hoài Tập 懷集 và thành phố Cao Yếu 高要 thuộc tỉnh Quảng Đông 廣東 và thành phố Hạ Châu 賀州, các huyện Lệ Phố 荔浦, Bình Nam 平南, Phú Xuyên Diêu tộc tự trị huyện 富川瑶族自治縣 và vùng đất đông bộ huyện Hoàn Hạc (phần đất xưa là huyện Chương Bình 彰平) thuộc Quảng Tây Tráng tộc tự trị khu 廣西壯族自治區.

II

PHẠM BÁ HOA

THƯ SỐ 77a GỎI NGƯỜI LÍNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Tôi chào đời năm 1930, vào quân đội Việt Nam Cộng Hòa năm 1954, chống lại cuộc chiến tranh do nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa gây ra. Trong bang giao quốc tế, quốc gia này đánh chiếm quốc gia kia, không có tên gọi nào khác ngoài hai chữ “xâm lăng”. Sau ngày 30/4/1975, lãnh đạo cộng sản Việt Nam với lòng thù hận đã đẩy đọa 500.000 Sĩ Quan chúng tôi trong hơn 200 trại tập trung mà họ gọi là trại cải tạo, hằng trăm Bạn tôi đến 17 năm, riêng tôi là 12 năm 3 tháng. Tuy tên Quốc Gia và Quân Lực mà tôi phục vụ không còn nữa, nhưng **linh hồn trong quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ vẫn nguyên vẹn trong tôi**. Tôi không hận thù lãnh đạo Các Anh, **nhưng tôi không bao giờ quên chuỗi tội ác mà họ đã gây ra cho Dân Tộc và Tổ Quốc từ năm 1945 đến nay!** Vì vậy mà tôi vẫn tiếp nối trách nhiệm của Người Lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, chống lại nhóm lãnh đạo Việt Cộng theo cách mà tôi có thể thực hiện được. Cũng vì vậy mà tôi chưa bao giờ, và sẽ không bao giờ về Việt Nam cho đến khi quê hương tôi có một chế độ dân chủ tự do thật sự.

Các Anh là Người Lính Quân Đội Nhân Dân Việt Nam. Xin gọi Người Lính Quân Đội Nhân Dân ngắn gọn là “Các Anh” để tiện trình bày. Chữ “Các Anh” viết hoa mà tôi sử dụng ở đây, bao gồm từ người lính đến các cấp chỉ huy, ngoại trừ lãnh đạo cấp Sư Đoàn, Quân Đoàn, Quân Chung, Bộ Tổng Tham Mưu, và Bộ Quốc Phòng. Là Người Lính trong quân đội “Nhân Dân”, **Các Anh phải có trách nhiệm bảo vệ Tổ Quốc Nhân Dân**, vì Tổ Quốc với Nhân Dân là trường tồn, trong khi đảng cộng sản hay bất cứ đảng nào cầm quyền cũng chỉ một giai đoạn của lịch sử, và nội dung tôi gửi đến Các Anh được đặt trên căn bản đó.

Nội dung thư này, tôi tổng hợp một số tài liệu một số tin tức liên quan đến bộ sách giáo khoa mới theo bộ chữ cải tiến mà ông Bùi Hiền nói là do ông nghiên cứu trong 20 năm qua, thật ra đây là một chiến lược của Trung Cộng nhằm xóa bỏ ngôn ngữ Việt Nam và chính họ soạn thảo, để hình thành một thứ ngôn ngữ cho mỗi quốc gia tự trị của họ, còn Bộ Giáo Dục & Đào Tạo Việt Cộng chỉ là cơ quan thi hành theo từng giai đoạn, mà năm học 2019-2020 sẽ giảng dạy ở bậc tiểu học.

Thứ nhất. Tiến Sĩ Việt Cộng Bùi Hiền cải tiến ngôn ngữ Việt.

Tiểu sử của Tiến Sĩ Việt Cộng Bùi Hiền.

Tôi vào trang Wikipedia.org và trang Google.vn tìm tiểu sử của Tiến Sĩ Việt Cộng Bùi Hiền, nhưng không thấy. Chỉ biết rằng, Phó Giáo Sư Tiến Sĩ Bùi Hiền đã lần lượt giữ chức vụ Chủ Nhiệm khoa tiếng Nga tại Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội 1958 - 1967, Hiệu Phó Trường Đại Học Sư Phạm Ngoại Ngữ Hà Nội 1967-1978, và Phó Viện Trưởng Viện Nội Dung & Phương Pháp Dạy & Học Phổ Thông 1978-1993.

Năm 1972, ông Bùi Hiền tốt nghiệp Phó Tiến Sĩ tại trường Đại Học Tổng Hợp Quốc gia Lômônôxốp Liên Xô (bằng cấp của cộng sản quốc tế), và ông đã công bố khoảng 300 công trình nghiên cứu, sách báo, và tự điển về tiếng Nga (những công trình này cũng là “kiến thức cộng sản”).

Xin giải thích nhóm chữ “Tiến Sĩ Việt Cộng”. Vì dù ông Bùi Hiền tốt nghiệp với bằng đại học tại Liên Xô - quốc gia lãnh đạo quốc tế cộng sản - hay tại Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thì kiến thức mà bằng cấp đó chứng nhận chỉ là kiến thức cộng sản độc quyền, độc tài, độc đoán, độc ác, chỉ biết còn đảng là được chớ không cần biết đến quốc gia dân tộc, và tất cả được gói trọn trong nhóm chữ “bản chất đối trá của Việt Cộng dẫn đến hệ thống giáo dục đối trá”. Vì vậy mà tôi gọi là “Tiến Sĩ Việt Cộng” để nói lên kiến thức của họ không đem lại lợi ích gì cho người dân, nếu không nói “kiến thức cộng sản chỉ để đàn áp bất cứ người dân nào không tuân phục họ”.

Cải tiến tiếng Việt như thế nào?

Theo báo Thanhnien online ngày 24/11/2017, thì nhà xuất bản Dân Trí ở Hà Nội vừa phát hành quyển sách “Ngôn ngữ ở Việt

Nam, hội nhập và phát triển” (tập 1) dày 2.200 trang của Tiến Sĩ Việt Cộng **Bùi Hiền**. Tác giả nhận định rằng: “*Chữ Việt hiện tại không theo một nguyên tắc chung nào nên rất khó khăn cho người đọc, người viết, thậm chí gây hiểu lầm, hoặc không hiểu được chính xác nội dung. Trong khi chữ quốc ngữ cải tiến này dựa trên tiếng nói văn hóa của Hà Nội, cả về âm vị căn bản lẫn sáu thanh điệu chuẩn. Cải tiến này thay đổi giá trị âm vị của 11 chữ cái hiện có. Vì âm "nhờ" (nh) chưa có kí tự mới thay thế, nên tạm thời dùng kí tự ghép N' để trình bày.*”

Bây giờ Các Anh hãy đọc hàng chữ nguyên gốc là **Tiếng Việt** mà ông Bùi Hiền cải tiến thành **Tiểu Việt**, chữ Giáo Dục thành **Záo Zục**”, và Các Anh sẽ cảm nhận âm thanh vừa nặng vừa thô, trong khi chữ Việt mà chúng ta sử dụng hơn 100 năm qua với những âm thanh trầm bổng, nhẹ nhàng, thanh thoát, nói chung là âm thanh đó mang theo cả tâm hồn của người nói nữa.

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

HIỆN HÀNH		THAY BẰNG
CH	TR	= C
Đ		= D
G	GH	= G
PH		= F
C	Q K	= K
NG	NGH	= Q
R		= R
S		= S
KH		= X
TH		= W
D	GI R	= Z
NH		= N'

Chữ Việt hiện hành
= **Chữ Việt thay bằng**:

Các Anh hãy đọc nhóm chữ “**Hiện Hành**” và nhóm chữ “**Thay bằng**” bên trái trước, rồi hãy cố gắng đọc đoạn văn dưới đây trích trong Điều 7/120 Điều của Luật Giáo Dục do Quốc Hội Việt Cộng ban hành ngày **31/12/2015** để làm thí dụ cho tiếng Việt hiện dùng:

Chữ Việt hiện sử dụng”

Điều 7. Ngôn ngữ dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác, dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số; dạy ngoại

ngữ.

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cụ thể về nội dung giáo dục, Thủ tướng chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

2. Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Ngoại ngữ quy định trong chương trình giáo dục là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong giao dịch quốc tế. Việc tổ chức dạy ngoại ngữ trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác cần đảm bảo để người học được học liên tục và có hiệu quả.

Và đây là chữ mà Tiên Sĩ Việt Cộng **Bùi Hiến** cải tiến:

LUẬT ZÁO ZUK

Điều 7. Qôn qữ zùq coq n' à cườq và kơ sớ záo zúk xák, zay và hợk tiếq nói, cũ viết kũa zân tộk wiểu số, zay qoại qữ.

1. Tiếq Việt là qôn qữ cín' wừk zùq coq n' à cườq và kơ sớ záo zúk xák. Kăn kú vào mục tiêu záo zúk và yêu kầu kụ về về nội zúq záo zúk, Wu tướq cín' fủ kuy địn' việq zay và hợk bằq tiếq nướk qoại coq n' à cườq và kơ sớ záo zúk xák.

2. N' à nướk tạo điều kiện để qười zân tộk wiểu số đượk hợk



tiếq nói, cũ viết kũa zân tộk mìn' n' ằm zữ zìn và fát huy bản sắc văn hoá zân tộk, zúp co hợk sin' qười zân tộk wiểu số zễ zàq tiếq wu kiến wừk xi hợk tập coq n' à cườq và kơ sớ záo zúk xák. Việq zay và hợk tiếq nói, cũ viết kũa zân tộk wiểu số đượk wừk hiện weo kuy địn' kũa Cín' fủ.

3. *Qoại qĩ kuy dịn' coq cươq cìn' záo zúk là qôn qũ đượq sử zúq fở biền coq zao zík kuốk tế . Việtk tổ cữk zay qoại qũ coq n' à cườq và kơ sớ záo zúk xák kần dảm bảo để qườì họk liền tuk và kó hiệu kuả.*

Tiền Sĩ Việt Cộng **Bùi Hiền** nói về lợi ích của cải cách chữ Việt, rằng: *"Khi chuyển đổi đoạn văn "Luật Giáo Dục" thành "Luật Záo Zúk", tôi nhận ra mình đã tiết kiệm được 8%. Nếu như 8% trong 1 trang giấy không đáng bao nhiêu, nhưng nếu tính in ấn của một nhà xuất bản, thì cả nước này tiết kiệm được hàng vạn tấn giấy. Tôi nghĩ là nên làm chứ chả có gì xấu ở đây cả. Bởi, chữ viết hiện tại gây rắc rối khi quá nhiều chữ ghép, gây lỗi chính tả tràn ngập các văn bản. Không chỉ các em học sinh mà thậm chí là tôi và bạn hiện nay vẫn hay nhầm lẫn, muốn biên tập bài cũng phải tra từ điển. Áp dụng chữ mới, chúng ta sẽ không phải đi sửa chữa lại lỗi chính tả nữa. Mục đích của tôi là dẹp bớt sự loạn chữ trong tiếng Việt. Tôi làm không vụ lợi, và giờ đây tôi thấy bước đầu đã có thành công nhất định.*

Nhận định.

Góc nhìn thẳng. Ông Bùi Hiền so sánh lạ thật, chuyển đổi nhóm chữ *"Luật Giáo Dục"* thành *Luật Záo Zúk*, tiết kiệm được 8% *trang giấy*", nhưng tiết kiệm giấy mà không ai hiểu gì hết, thì **tiết kiệm** là mục đích, hay **hiểu nghĩa** là mục đích? Ông ta chỉ trích *"chữ viết hiện tại không theo nguyên tắc nào, lại gây rắc rối khi quá nhiều chữ ghép, gây lỗi chính tả tràn ngập các văn bản"*, nhưng ông không nêu một dẫn chứng nào để chứng minh điều mà ông ta chỉ trích là có không nguyên tắc, là gây rắc rối, là quá nhiều lỗi chính tả. Cách viết như vậy thì lớp 3 trường làng cũng viết được, cần gì đến một ông tiến sĩ nghiên cứu đúng 20 năm như ông nói.

Tai hại của cải tiến tiếng Việt đang xảy ra trên đất Bắc. Chuyện là **ngày 12/12/2017**, báo chí tỉnh Hòa Bình đã sử dụng chữ viết cải tiến của ông Bùi Hiền, nên toàn dân tỉnh này trở thành người dốt hết rồi, vì không biết đọc chữ mới này ra làm sao cả.

Góc nhìn khác. Liệu công trình mà tác giả tự cho là ông nghiên cứu, có liên quan gì đến năm thứ 30 sẽ là năm 2020 trước mắt về kế hoạch của lãnh đạo Việt Cộng âm thầm đến mức người dân không biết, để đưa Việt Nam sáp nhập vào Trung Cộng? Vì lãnh đạo Việt Cộng đã âm thầm thực hiện xây dựng Viện Khổng Tử,

đã và đang thay đổi thế căn cước 12 số, đã bỏ môn học lịch sử trong nhà trường, bây giờ đang xóa luôn ngôn ngữ Việt. Trong khi Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng vào cuối năm 2016 và tháng 11/2017, đã ký khoảng 25 văn kiện gọi là “hợp tác” với Trung Cộng trên hầu hết các lãnh vực sinh hoạt, từ kinh tế, quốc phòng, giáo dục, truyền thông, thuế vụ, ngân hàng, đến văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch, ..v..v... như thể **hai quốc gia chỉ là một**. Hay là công trình nghiên cứu cải tiến chữ Việt này chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên? Cho dù ở vào trường hợp nào đi nữa, thì đây là một hành động đang gây hoang mang trong người dân, thậm chí là phẫn nộ. Và biết đâu, từ hoang mang, phẫn nộ, sẽ dẫn đến những hành động gì đó thể hiện sự phẫn uất của họ từ lâu, như thể “giọt nước làm tràn ly nước” chẳng?

Thứ hai. Chiến lược của lãnh đạo Việt Cộng xóa bỏ ngôn ngữ Việt Nam.

Xin lỗi tác giả **Nguyễn Hoàng Hân**, Viện Nghiên Cứu Tài Nguyên Biển Đông, tôi có thu gọn vài đoạn ngắn, cũng như thay chữ Trung Quốc hay Việt Nam, bằng chữ Trung Cộng hay Việt Cộng, trong bài viết của tác giả mà tôi tìm thấy trên internet ngày 28/2/2018. Tôi cũng có đưa thêm vào đoạn văn như di chúc của Mao Trạch Đông để lại cho những người thừa kế ông ta.

Theo tác giả thì quyển sách “Cải Tiến Tiếng Việt” của **Tiền Sĩ Bùi Hiền**, là loại tiếng Việt đã Hán hoá, phiên âm theo tiếng Trung Hoa tổng hợp gồm đơn âm Quan Thoại và Bạch Thoại. Nói cho dễ hiểu hơn, đây là một kiểu chữ Trung Hoa áp dụng cho người Việt Nam vào những thập niên sắp tới, phiên âm từ tiếng Trung Hoa, nhằm địa phương hoá ngôn ngữ, tương tự như tiếng Tàu Quảng Đông, Tàu Hồ Nam, Tàu Tây Tạng, Tàu Tân Cương, Tàu Nội Mông.... trong thời gian tự trị trước khi sáp nhập.

Quyển sách dày 2000 trang, mà ông nói là do ông mất đúng 20 năm để biên soạn và được Bộ Giáo Dục Việt Cộng cho xuất bản. **Hoàn toàn không phải vậy**, mà đây là một chiến dịch quy mô được phát động theo một chiến lược do Trung Cộng soạn sẵn, và phổ biến rộng rãi trong mục đích chuẩn bị tư tưởng cho người Việt Nam tránh sự ngỡ ngàng, vì một ngày không xa trước mắt tiếng Việt gốc sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn.

Lãnh đạo Trung Cộng tạo ra một thứ tiếng Tàu riêng cho từng vùng, từng khu vực, mục đích là đánh lừa một dân tộc trước khi tiêu diệt ngôn ngữ của dân tộc đó, đồng hoá dân tộc đó một cách êm thấm do người bản xứ lãnh đạo, chỉ huy và thực thi phương thức sáp nhập trong thời hạn 40 năm bắt đầu năm 2020. Và từ năm 2060, lúc đó Việt Nam chỉ còn là một tỉnh lỵ.

Ông Bùi Hiền nói láo, mà Đảng cũng nói láo luôn.

Bởi vì, nguồn gốc “Bộ Chữ Cải Tiến Tiếng Việt ” này hoàn toàn do “Cục Ngôn Ngữ Trung Cộng” mà Cục Trưởng là giáo sư Từ Hường Hòa - con trai thứ ba của Thống Chế Từ Hường Tiền - soạn thảo xong từ tháng 3/1998, thời kỳ Giang Trạch Dân làm Tổng Bí Thư 1989-2002. Bây giờ đã đến lúc Lãnh đạo Việt Cộng thi hành nhiệm vụ hướng dẫn người Việt đi từ từ vào con đường đồng hoá, cũng như hội nhập vào xã hội của Trung Cộng một cách nhẹ nhàng êm thấm, và tự nguyện dâng hiến đất nước của mình trở thành một tỉnh lỵ của Trung Cộng!

Con trai trưởng của Ông Triệu Quang là Ông Dương, đệ tử ruột Tập Cận Bình, Ủy Viên Thường Vụ Bộ Chính Trị, Phó Thủ Tướng Quốc Vụ Viện, kiêm luôn 5 chức vụ :

1. Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Tân Cương
2. Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Tây Tạng
3. Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Nội Mông
4. Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Đài Loan
- 5. Tổ Trưởng Tổ Công Tác Điều Phối Việt Nam.**

Nói cách khác, Ông Dương là “Chủ Nhiệm Đô Hộ Phủ” có thẩm quyền tuyệt đối về vận mệnh các quốc gia khác nói chung, và Việt Nam nói riêng. Lúc 4 giờ chiều, ngày 12/1/2017, tại Sân Đường Nhân Dân Bắc Kinh, ông Nguyễn Phú Trọng đã ký “15 Hiệp Ước” có tính cách lệ thuộc và thân phục Bắc Kinh. Nhưng Hiệp Ước thứ 16 thì không ký trên văn bản mà ký bằng miệng, tức “thỏa hiệp ngầm”.

Đó là văn kiện “Cải Tiến Mẫu Tự Tiếng Việt” thành âm điệu tiếng “Trung Hoa” do Ông Dương trao tận tay ông Nguyễn Phú Trọng. Theo chỉ thị của Trung Cộng, Bộ Giáo Dục Việt Cộng sẽ dạy “tiếng Việt đã Hán Hoá” này cho bậc tiểu học vào năm 2023, bậc trung học phổ thông vào năm 2026 và bậc đại học vào năm 2030.

Nhớ lại vào năm 1969, Chu Ân Lai thông báo với Lê Duẩn là họ có kế hoạch bang giao với Hoa Kỳ, yêu cầu Việt Cộng hãy dùng giải pháp chính trị hơn là quân sự, không nên liên tục tấn công Miền Nam.

Tháng 3/1970, Lê Duẩn sang yết kiến Mao Trạch Đông tại Hồ Nam. **Mao Trạch Đông** hỏi một câu rất xỏ lá: “*Có phải trong lịch sử, người Việt Nam đã đánh bại quân Mông Cổ không?*”

Lê Duẩn khiêm tốn đáp: “*Dạ phải*”.

Mao Trạch Đông nói tiếp: “*Đó là chuyện ngày xưa. Còn chuyện ngày nay và sau này, thì tôi muốn di 500 triệu người dân của tôi định cư toàn vùng Đông Nam Á, mà Việt Nam là bàn đạp trong chiến dịch di dân của người Trung Hoa, đồng chí nghĩ sao?*”

Lê Duẩn trả lời: “*Đồng chí Chủ Tịch muốn gì cũng được, miễn là đừng đẩy Việt Nam vào đường cùng bằng pháo binh, thiết giáp, và tên lửa*”.

Mao Trạch Đông nói tiếp: “*Muốn sử dụng Việt Nam làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á, mà không áp dụng chiến tranh thì chỉ còn một cách duy nhất là hai nước phải “hợp tác” với nhau thôi.*”



Mao Trạch Đông: “*Nước ta và nhân dân Việt Nam có mối hận thù dân tộc hàng nghìn năm nay. Chúng ta không được coi họ là đồng chí chân chính của mình, đem tất cả vốn liếng của ta trao cho họ. Ngược lại chúng ta phải tìm mọi cách làm cho nước họ ở trong tình trạng không mạnh, không yếu mới có thể buộc họ ở trong tình trạng hiện nay. Về bề ngoài chúng ta đối xử với họ như đồng chí của mình, nhưng trên tinh thần ta phải chuẩn bị họ trở thành*

kẻ thù của chúng ta...”

(Mao Trạch Đông qua sách báo Trung Quốc ngày nay
Kỳ 43: Tư vấn kiện tuyệt mật chống VN đến 600 ngày tam
tối của Mao)

Ý nghĩa của hai chữ “hợp tác”, được hiểu là Việt Nam sáp nhập vào Trung Hoa, dĩ nhiên là ông Lê Duẩn hiểu điều đó. Vì vậy mà ông Lê Duẩn dựa vào lưng lãnh

đạo Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản là Liên Xô.

Và Đặng Tiểu Bình phản ứng. Đại Tướng Dương Đắc Chí và Đại Tướng Hứa Thế Hữu nhận lệnh lãnh đạo 600.000 quân cùng với Pháo Binh, Thiết Giáp, Hỏa Tiễn, ngày 17/2/1979, tràn qua

biên giới tàn phá 6 tỉnh miền Bắc dưới tên gọi “dạy cho Việt Nam một bài học”.

Lê Duẩn chết ngày 10/7/1986. **Nguyễn Văn Linh** lên thay chức Tổng Bí Thư, triệt để hợp tác với Bắc Kinh qua thoả hiệp ngầm tại Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên ngày 4/9/1990, trong đó có 10 điều khoản ghi rõ ràng:

1. Sáp nhập đất liền. **2.** Sáp nhập biển. **3.** Sáp nhập kinh tế. **4.** Sáp nhập quốc phòng. **5.** Sáp nhập an ninh. **6.** Sáp nhập gián điệp. **7.** Sáp nhập tinh báo. **8.** Sáp nhập di dân. **9.** Sáp nhập văn hoá. **10.** Trước khi sáp nhập sẽ có thời hạn 17 năm sáp nhập ngôn ngữ.

Từ xa xưa đến thời cận đại, dân tộc Việt Nam kiên trì giữ vững phong tục, luật lệ, tiếng nói của dân tộc mình nên Việt Nam là quốc gia độc nhất trong Bách Việt không bị Tàu đồng hoá, trường tồn trên 4000 năm nay. **Nhà văn hoá Phạm Quỳnh**, trước khi bị cộng sản xử tử bằng cách sử dụng búa tạ đập đầu ông cùng với ông Ngô Đình Khôi, và con trai ông Khôi là Ngô Đình Huân, tại rừng Hắc Thú (Huế) hồi tháng 8/1945, để lại câu nói lịch sử: “Tiếng Việt còn, nước ta còn. Tiếng Việt mất, nước ta sẽ mất”.

Đại văn hào Pháp là ông Voltaire cũng có câu rằng: “*Tổ quốc chính là điểm mà trái tim chúng ta buộc vào*”.

“Tiếng nói bị xoá mất, dân tộc sẽ mất theo! Bởi vì, tiếng nói làm nên con người. Con người dựng thành tổ quốc. Ngôn ngữ không còn, con người biến thành nô lệ, và tổ quốc sẽ bị diệt vong, bị xoá tên trên bản đồ thế giới, trái tim vỡ nát, nước mắt sẽ chảy thành sông” (Tần Đà).

Thứ ba. Sách giáo khoa với chữ cái tiền đã in xong.

Trích trong <japan24h.net> ngày **28/11/2017**, theo kế hoạch của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo, thì Vụ Giáo Dục Trung Học và Vụ Giáo Dục Tiểu Học cùng trách nhiệm phối hợp các đơn vị liên quan, thực hiện Chương Trình Sách Giáo Khoa Mới tuần tự bắt đầu học theo từng bậc, như sau:

Năm 2019-2020 bắt đầu lớp 1 bậc tiểu học.

Năm học 2020-2021 bắt đầu lớp 6 bậc trung học cơ sở.

Năm học 2021-2022 bắt đầu lớp 10 bậc trung học phổ thông.



Theo Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục & Đào Tạo Phùng Xuân Nhạ, công tác chuẩn bị các điều kiện để áp dụng chương trình sách giáo khoa mới, sẽ được đưa ra

lấy ý kiến dư luận trước ngày 12/1/2018. Bộ Trưởng Phùng Xuân Nhạ cũng yêu cầu Ban Quản Lý dự án Hỗ Trợ Đổi Mới Giáo Dục Phổ Thông phối hợp các đơn vị liên quan, căn cứ chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, để thảo kế hoạch biên soạn một bộ “sách giáo khoa đủ các môn học ở các lớp học đúng lộ trình thực hiện “chương trình sách giáo khoa mới” mà Quốc Hội quy định, rồi trình Bộ Trưởng phê duyệt và ban hành kế hoạch trước ngày 31/1/2018.

Đào tạo giáo viên cho chương trình sách giáo khoa mới.

Cũng trong phần kết luận, Bộ Trưởng Phùng Xuân Nhạ giao trách nhiệm cho Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, phối hợp các đơn vị liên quan tiếp tục xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, và tiêu chuẩn nghề nghiệp giảng viên sư phạm.

Một điểm mới về tập huấn giáo viên các môn học trong chương trình sách giáo khoa mới lần này, là Bộ Giáo Dục & Đào Tạo tổ chức theo hình thức tập trung tại trung ương, hoàn thành công việc này trước thời điểm thực hiện chương trình sách giáo khoa mới 6 tháng, để địa phương có thời gian tổ chức thực tập huấn luyện, và bồi dưỡng chung cho giáo viên. Đồng thời, tiếp tục kiểm soát và xác định nhu cầu giáo viên khi chuẩn bị thực hiện chương trình sách giáo khoa mới, và có biện pháp giải quyết số giáo viên thừa thiếu trong từng cấp học, môn học trước ngày 30/6/2018.

Nhận định.

Theo tài liệu của tác giả **Nguyễn Hoàng Hân** thuộc Viện Nghiên Cứu Biển Đông, thì không còn gì phải bàn cãi về nội dung Biên Bản tại Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên của Trung Cộng ngày 3 và 4/9/1990, về thắc mắc “Việt Nam có thật sự sáp nhập vào Trung Cộng hay không”, vì chiến lược sáp nhập đã được Trung Cộng hoạch định qua từng giai đoạn, mà lãnh đạo Việt Cộng đang thực hiện để kịp đưa vào chương trình giảng dạy từ năm học 2019-2020 tới đây. Với bộ sách giáo khoa theo bộ chữ mới mà cái ông tiến sĩ Bùi Hiền nói là do ông nghiên cứu đã ấn hành rồi, và có ghi giá bán hẳn hoi. Vậy là, lãnh đạo Việt Cộng chánh thức bắt đầu chiến lược của Trung Cộng xóa bỏ ngôn ngữ Việt Nam, cũng là bước chuẩn bị cuối cùng để sáp nhập vào Trung Cộng từ tháng 7 năm 2020 dưới tên gọi “quốc gia tự trị”, dưới quyền thống lĩnh của Tổng Đốc Quảng Châu.

Xin phép cho tôi được trình tấu lên Hoàng Đế Trần Nhân Tông, rằng:

“Kính thưa Hoàng Đế Trần Nhân Tông, vào nửa cuối thế kỷ 13, khi trao quyền cho Thái Tử Trần Anh Tông, Ngài có lời dạy rằng: *“Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo làm người. Vì rằng họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo, vô luân. Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa Trung Hoa. Chớ coi thường chuyện vụn vặt xảy ra trên biên ải, các việc trên khiến ta nghĩ tới chuyện khác lớn hơn là họa ngoại xâm. Họ không tôn trọng biên giới theo qui ước, cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm*

Tổng bí thư VC Nguyễn Văn Linh đã làm ô danh và điểm nhục HCM và đảng CSVN hơn nữa khi hắn nói

Nguyễn Văn Linh



Chức vụ

Tổng Bí Thư ban chấp hành
Trung Ương Đảng CS Việt Nam

“Tôi cũng biết rằng dựa vào Trung Quốc sẽ mất nước nhưng thà mất nước còn hơn mất đảng ”

nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai và hải đảo của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích. Vậy, các người phải nhớ lời ta dặn: “Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác”.

Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu."

Kính thưa Hoàng Đế, kẻ khác mà Ngài nói đến, thườ ậy là Trung Hoa phong kiến, và bây giờ là Trung Hoa cộng sản mà con gọi ngắn gọn là Trung Cộng. Hơn 700 năm sau lời dạy của Ngài, lần lượt các nhóm lãnh đạo Việt Cộng chỉ lo bảo vệ đảng của họ bằng cách thẳng tay đàn áp đồng bào đứng lên chống Trung Cộng, đồng thời với những hành động rất lưu manh để cướp đoạt tài sản quốc gia và tài sản của người dân, cứ mặc cho Trung Cộng tự do gặm nhấm đất đai và hải đảo Việt Nam.

Thưa Ngài, "cái tổ đại bàng" ngày trước, đến năm 2017 chỉ bằng "cái tổ chim chích" thôi. Và hơn một năm nữa thì "cái tổ chim chích" của dân tộc Việt cũng không còn cọng cỏ nào nữa, nghĩa là "cái tổ chim chích" cũng biến mất cùng với tên Việt Nam. Vậy, con cầu xin Ngài dạy chúng con phải làm gì đây, thưa Ngài?

Con xin trình thêm với Ngài rằng, Cộng Đồng Việt Nam tự do chúng con với hơn 3.000.000 người đang tị nạn cộng sản tại 91 quốc gia trên thế giới. Chúng con đã liên tục vận động các cơ quan hành chính - nhất là Hoa Kỳ - với kết quả là từ ngày 19/2/2003 đến ngày 16/4/2017, đã có 18 tiểu bang + 8 quận hạt + 112 thành phố tại Hoa Kỳ công nhận quốc kỳ, và Australia có 5 thành phố đã công nhận. Cộng chung tại Hoa Kỳ và Australia, có 143 đơn vị hành chính cấp tiểu bang + cấp quận + cấp thành phố, đã chính thức công nhận quốc kỳ truyền thống Việt Nam nền vàng ba sọc đỏ. Trong cùng thời gian, cuộc vận động của Cộng Đồng chúng con dẫn đến kết quả là đã xây dựng được 24 Tượng Đài và 10 Bia Đá tưởng niệm Chiến Sĩ hy sinh trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc, và tưởng niệm Thuyền Thân đã chết mất xác trên đường vượt biên vượt biển.

Nước Việt Nam đang trong tay Nguyễn Phú Trọng - tức Lê Chiêu Thống thời nay - đang thu hẹp đất liền biển đảo, ngôn ngữ cũng sắp bị tiếng Tàu thay thế, và sẽ là quốc gia tự trị thuộc Tàu dưới quyền của Tổng Đốc Quảng Châu từ tháng 7/2020. Vì vậy, Cộng Đồng Việt Nam chúng con tị nạn cộng sản tại hải ngoại, *"nuôi dưỡng ước mơ hình thành một quốc gia, tuy không lãnh thổ, cũng không biên giới, để làm điểm tựa cho người Việt tại hải ngoại mà gìn giữ giống nòi và ngôn ngữ, cùng với lá quốc kỳ truyền thống*

phát phối khắp đông tây nam bắc địa cầu. Chúng con có một thực lực nhân sự đông đảo thuộc thể hệ thứ 2 thứ 3, với kiến thức chính trị, kinh tế, khoa học, nói chung là kiến thức vững vàng về các ngành sinh hoạt quốc gia, kể cả trong bang giao quốc tế. Chúng con cũng có khối tài chánh, khả dĩ góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển quốc gia. Với phương tiện truyền thông ngày nay, internet và các loại điện thoại tối tân, đã, đang, và sẽ giúp người Việt Nam chúng con trên thế giới liên lạc trao đổi với nhau dễ dàng. Chúng con quyết tâm gìn giữ tâm hồn Việt Nam, gìn giữ ngôn ngữ cùng với phong tục tập quán Việt Nam, vẫn tiếp tục dựng lại lá quốc kỳ truyền thống dân tộc Việt tại hải ngoại. Và hơn hết, là chúng con sẵn sàng cho một quốc gia Việt Nam không biên giới, khi nước Việt Nam trên dải đất có dạng hình cong chữ S bị mất tên. Vậy, con cầu xin Ngài dạy chúng con phải làm gì để sớm đạt đến ước mơ, thừa Ngài?

Kết luận.

Các Anh nhận ra được "cái kiến thức" của lãnh đạo Việt Cộng rồi chứ? Với thứ kiến thức cộng sản của họ, chỉ giúp họ bảo vệ đảng chứ họ đâu màng gì đến mắt giang sơn tổ quốc! Chẳng những vậy, họ lại vội vàng bằng những cách khác nhau để cướp đoạt tài sản quốc gia và tài sản của đồng bào nữa.

Vậy, các Anh còn chần chờ gì nữa mà không đứng lên cùng đồng bào triệt hạ cái chế độ độc đảng, độc quyền, độc tài, và độc ác đó, để có cơ hội nâng cao đầu trước một thế giới văn minh lịch sự.

Tôi hiểu rằng, xã hội Việt Nam trong hơn 40 năm hòa bình, có phát triển với nhà cửa cao hơn, kang trang hơn mà Các Anh gọi là *hoành tráng*, đường sá nhiều hơn, xe cộ cũng nhiều hơn, và con người có ăn có mặc nhiều hơn, nhưng chỉ để so với thời gian Việt Nam xã hội chủ nghĩa đóng cửa rút cầu thôi. Các Anh phải nhớ rằng, 21 năm thời Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi bị lãnh đạo Việt Cộng ngày đêm tấn công để nhuộm đỏ toàn cõi Việt Nam, theo lệnh của đệ tam quốc tế cộng sản. Vậy mà chen lẫn trong tiếng súng, chúng tôi vẫn tạo dựng được bước phát triển đầu tiên đến mức mà nhà văn nữ Việt Cộng Dương Thu Hương ngay khi đặt chân vào Sài Gòn chúng tôi, đã vô cùng ngỡ ngàng về một xã hội văn minh lịch sự Việt Nam Cộng Hòa đúng nghĩa, và bà ta khóc... Bà ta khóc, vì

bà ấy nhận ra bà - và đồng chí của bà - đã bị dối gạt toàn diện bởi nhóm lãnh đạo của bà.

Các Anh cũng nên nhớ rằng, cái gọi xã hội chủ nghĩa phát triển nhà cao cửa rộng, mà trong cùng thời gian đó thì **lòng người ngày càng nhỏ lại**, nhỏ đến mức hầu như không còn chỗ chứa “*đạo đức, chân thành, sự thật, tình thương,...* thậm chí đến những lời xin lỗi hay tiếng nói cảm ơn của người lịch sự khi tiếp xúc với nhau cũng cạn kiệt!” Đó chính là một xã hội phát triển hỗn loạn, vì nét thẩm mỹ của thành phố không còn, ngay cả hệ thống thoát nước cũng không phát triển cùng nhịp với những ngôi nhà xây cất trên đó, nên mỗi khi mưa lớn là đường phố Sài Gòn và Hà Nội chìm dưới màn nước đen ngòm.

Phát triển là phải toàn diện, bắt nguồn từ **nền tảng giáo dục**, bao gồm giáo dục ý thức con người ngay từ bậc tiểu học cho đến bậc cuối cùng, mới đúng nghĩa của một xã hội phát triển.

Vậy, Các Anh còn chần chờ nữa, vì thời gian cấp bách lắm rồi... Ngày 5/7/2020 tới đây, Việt Nam sẽ là quốc gia tự trị, dưới quyền của Tổng Đốc Quảng Châu bên Tàu đó.

Và Các Anh phải hiểu rằng: “**Tự do**, không phải là điều đáng sợ, mà là nền tảng cho sự thịnh vượng của đất nước. Không có **dân chủ**, không thể có sự trỗi dậy và phát triển bền vững. **Và chính chúng ta phải tranh đấu, vì Dân Chủ Tự Do không phải là quà tặng**”.

Texas, tháng 3 năm 2018.

PHẠM BÁ HOA

Mời bạn chia sẻ cùng **TRẦN HOÀI THU**
qua **phụ tập đặc biệt** của THƯ QUẢN BẢN THẢO:

TÀN MẠN VĂN CHƯƠNG.

(tập I) *Liên lạc:*

THƯ ẢN QUẢN

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaithu16@gmail.com



LÊ CÀN THƠ

TẢN MẠN BÊN ĐỒI "II"

Ngày mùng 5 tháng 8 năm 2013, khi đặt bút viết mấy chữ số này ở những dòng sau cuối của truyện TẢN MẠN BÊN ĐỒI, tôi đã hứa *"Nếu có điều kiện, tôi sẽ nói với ông ấy kể tiếp những gì cần kể... để rồi ông ấy có "châu trời" cũng còn mấy trang giấy ghi cảnh đời mà ông đã sống trong "nhà tù nhỏ, nhà tù lớn", nhất là những điều mắt thấy tai nghe trong cõi nhân sinh này"*; cho nên tôi cố làm tròn lời hứa đó, vì đã kéo dài hơn bốn năm rồi, sợ không còn kịp nữa...

Gặp lại ông Duy Lê không phải tại hãng sản xuất ống nhựa Texas United Pipe (TUP), nơi ông làm công nhân gần tròn 22 năm, mà chính ngay tại nhà riêng của ông trong khu lao động bình thường, xây cất năm 1970 và qua nhiều đời thay đổi chủ, nên nhà nào phía trước cũng có một hộp thư để nhân viên Bưu điện "phát thư và giấy báo quảng cáo" hàng ngày. Ông đã chính thức nghỉ hưu đến cuối tháng 12 năm 2017 là vừa tròn 3 năm. Vậy là theo ngày tháng năm trên giấy tờ khai sanh án toà thời Đệ Nhất Cộng Hoà thì tròn 70 tuổi (nhưng đúng ra ông tuổi Ất Dậu - đã bước qua ngưỡng cửa 74 rồi còn gì!). Bởi vậy gặp lại ông, đôi tròng kính lão xê xê và tóc trên đầu màu mây bông gồm nhiều hơn màu tiêu đen đậm nhuộm, cho thấy tuổi già đang quân quít bên ông. Tôi đã dành thời gian "la cà" tại nhà ông nhiều hơn để cố nghe ông *"trút bầu tâm sự"*... của một kiếp người sắp đi vào cõi vĩnh hằng. Nên truyện kỳ này tôi mới giữ nguyên tựa và ghi thêm số *"II la mã"* cho tròn vẹn. Để ông Duy Lê tiện nhớ lại, tôi có nhắc việc lo dịch vụ xuất cảnh theo hồ sơ HO 18...

- **À**, phải rồi, sống trong "nhà tù lớn" cũng trầy vi tróc vẩy chớ đâu dễ dàng gì. Bạn tôi, cựu trung úy Lâm Văn Cửa (khoa 3/68 trường BBThủ Đức) cũng chạy xe đạp ôm như tôi, vợ thì mua rau muống bó trong khu ao xáng thổi đội bán trong các ngõ hẻm kiếm chút tiền lời, không làm sao lo dịch vụ được. Khi tôi ghé nhà thấy vợ anh có nuôi một con heo nái, đẻ được 10 con heo nhỏ trong chuồng, tôi "xúi dại", anh chị cứ kêu người bán đi, lấy tiền lo dịch vụ, mình không chi tiền họ sẽ không "moi" hồ sơ chuyên đi để được gọi phỏng vấn (!), không lẽ buông xuôi sao? Vợ chồng anh bàn tính và cuối cùng quyết định bán heo, lấy tiền nạp cho dịch vụ. Một thời gian thì họ gọi đi phỏng vấn và cả gia đình anh cũng đã qua được Mỹ định cư, sống ở California mấy năm thì anh phát bệnh qua đời. Vợ và con anh thoát được khỏi "nhà tù lớn", được sống trong đất nước tự do, chắc anh đã mãn nguyện khi lia xa cõi thế.

Cựu tù nhân chính trị, nếu các bạn có ở trại Vườn Đào (Mỹ Phước Tây - Định Tường) gặp mùa nước nổi năm 1977 sang năm 1978, còn nhớ, có khoảng 70 anh em từ căn cứ Đồng Tâm (Mỹ Tho) đưa sang Vườn Đào, một số được xét cho về vào dịp lễ mà chúng cho là ăn mừng Quốc Khánh 2 tháng 9, nhưng do tình hình an ninh giữa hai nước Việt Miên, [bọn lính Pôn Pốt tấn công biên giới phía Tây Nam, tràn vào làng Ba Chúc (Tri Tôn) sát hại rất nhiều người dân vô tội trong chùa Phi Lai] chúng không thả người. Mãi đến trước khi chuyển trại lên Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai, chúng mới thả ra, với giấy ra trại cũ. Do vậy, khi có chương trình tị nạn HO thì các bạn tù này thực tế đã ở trong trại tù trên 3 năm nhưng giấy ra trại đã ký chưa đủ 3 năm, không được chấp thuận tị nạn HO và cũng không khiếu nại gì được. Đó là việc làm tắc trách, vô nhân đạo của hệ thống trại giam, chỉ có cộng sản mới làm như vậy mà thôi!

Ở trại Vườn Đào, tuần nào mỗi đội cũng phải "bầu chọn" trại viên "tiên tiến". Đây là hình thức tác động tâm lý trại viên. Đội 3, liên đội 5 chúng tôi rí tai nhau, kỳ này bầu 5 bạn này, kỳ sau 5 bạn khác, cứ luân phiên như vậy, cả đội ai cũng có nhiều giấy chứng nhận "tiên tiến" hết. Khi chuyển lên Xuyên Mộc, tôi còn nhớ tên Quang, cán bộ chính trị, gốc người Hà Nội đã nói: ***"Các anh ngoan cố, không chịu học tập cải tạo thì làm sao được tha về sum họp gia đình. Phải phấn đấu, chấp hành cải tạo tốt, khi nào được cấp***

giấy chứng nhận Tiên Tiến mới được về". Nói xong mới giải thích thêm: "Giấy chứng nhận Tiên Tiến phải đủ tiêu chuẩn: HỌC TẬP TỐT - LAO ĐỘNG TỐT" mới có giá trị và được tha về". Tôi mới gio tay "xin phát biểu": "Báo cáo cán bộ, nếu chúng tôi có giấy chứng nhận đúng tiêu chuẩn mà cán bộ vừa nói, có được cho về không?". "Chắc chắn là được. Cách mạng nói là làm, trước sau như một!"

Trở về đội, tôi nói với anh em hãy gom hết giấy bình chọn được cấp Tiên Tiến để tôi đưa ra cho cán bộ Quang xem có đủ tiêu chuẩn cho về chưa. Bạn nào cũng có 4, 5 tờ giấy chứng nhận đó hết. Lần "lên lớp" sau, tôi cầm một xấp giấy "Tiên Tiến" của anh em đưa cho cán bộ Quang, anh ta lật từ tờ, nhìn tới nhìn lui rồi nói: **"Không được. Giấy này của Ban Quân Quản chớ không phải của Quản Lý Trại Giam ngành Công An chúng tôi, Thiếu tá Võ Cẩm ký mới có giá trị"**. "Báo cáo cán bộ, giấy này do Thiếu tá Trần Thâu, Trưởng trại Vườn Đào ký mà". "Dù là Thiếu tá, nhưng không phải của ngành Công an chúng tôi!". Anh bạn Thạch Lai (người Gò Công) ngồi kế bên "nhéo" chân tôi nói nhỏ: "Thôi ngồi xuống đi, coi chừng nó "nhốt ông" bây giờ". Người "nhéo" tôi lúc đó là trại viên Đội trưởng Đội 45. Một thời gian sau anh được xét cho về, anh ấy mới giới thiệu tôi làm Đội trưởng thay anh. Và cán bộ Quản giáo của đội 45 là Nguyễn Thanh Hà, người gốc Hải Phòng mà tôi sẽ nói thêm sau đây.

Từ khi tôi làm Đội trưởng, hàng ngày dẫn đội ra công lao động: "báo cáo tổng số ra công", khi về "báo cáo tổng số nhập trại". Mỗi trại viên được mang bên mình túi đựng bình nước và ca y-nốc nhà binh để uống nước, không bị lục xét. Đi với cán bộ quản giáo có 2 vệ binh mang súng canh giữ. Nhờ làm đội trưởng, tôi có dịp gần gũi nói chuyện với cán bộ Hà, rất trẻ, mới biết thân phận của người này. "Bác ơi, cháu quê Hải Phòng, đang học lớp 10 (ngoài Bắc bậc trung học hệ 10 năm) thì "miền Nam được giải phóng", họ kêu gọi tụi cháu tình nguyện vô ngành công an quản lý trại giam sẽ được vào thành phố mang tên Bác rất giàu và đẹp. Tụi cháu là gia đình thương binh liệt sĩ mới được tuyển chọn đi học vài tháng thì đưa vô Nam. Thú thiệt với Bác, từ ngày vô Nam cho tới bây giờ, cháu chỉ ở trong rừng già trại Xuyên Mộc này chớ chưa biết quận lỵ Xuyên Mộc ở đâu, chưa biết thành phố mang tên Bác là

gì?". Tụi cháu viết thư gởi về thăm nhà nhưng mấy năm rồi chưa có đưa nào nhận được tin gia đình cả...". Trong trại này, mấy Bác ăn gì thì tụi cháu cũng ăn như vậy. Mỗi chiều tối các Bác vô phòng khoá kín cửa, ở trong đó còn đọc sách báo, đánh cờ giải trí cho đến khi tắt điện ngủ; còn tụi cháu phải luân phiên đi canh gác bên ngoài...". Nghe cán bộ Hà "tả oán" như vậy mới tìm cách nói lấy lòng anh ta. Các đội khác thế nào tôi không biết, chớ Đội 45 chúng tôi có những đặc biệt mà tôi kể như sau, không thêm thắt chút nào. Khi ra ngoài rừng, trại giao mỗi tổ một cây xẻng cùn, bắt phải đào buri lấy gốc cây bằng lạng (thao lao) thật lớn cỡ ba bốn người ôm, thời gian trong 3 - 4 ngày phải xong; rồi đốt, để lấy đất trồng rẫy: khoai mì, khoai lang, đậu phộng, bắp... Cán bộ Hà nói, "các bác cứ làm từ từ, một hai tuần xong cũng được. Cháu sẽ dặn đồng chí vô trang đứng canh bên ngoài, khi có đoàn thanh tra đi tới thì báo, lúc đó các bác hãy ra làm đồng đủ, cứ luân phiên vừa làm vừa nghỉ...". Khi các loại trồng có trái, có củ, đặc biệt là củ (khoai lang, đậu phộng), quân giáo Hà cho một vệ binh dẫn một trại viên "anh nuôi" gánh nước nấu cho anh em uống, "mọi lấy củ khoai lang hoặc đậu phộng" nấu cho anh em cắt đáy bình đựng nước giấu trong đó để đem về tối ăn, cứ liên tục như vậy. Bắp và khoai mì không làm như vậy được). Buổi chiều anh em xuống suối tắm giặt, vào công, lính gác nghe báo cáo, đứng đếm đủ số người rồi cho vào công mà không xét gì hết.

Mỗi tuần lễ ít nhất 1 lần, cán bộ "kiểm tra, xét phòng" vào buổi sáng sớm trước khi phát đồ ăn sáng để đi lao động. Cán bộ Hà khi họp nhận lệnh xong, xuống ngay phòng có đội 45, gọi dặn tôi "Bác cho gom các dụng cụ bén nhọn cho vô túi này rồi để chỗ góc đó cho cháu, nhanh lên". Rồi biến mất. Tôi nhanh chóng thu gom và làm theo lời chỉ dặn. Khi cán bộ kiểm tra và vệ binh đến cửa phòng đứng nghe đọc lệnh khám xét phòng, thì cán bộ Hà đã nhanh chóng nhặt cái túi mang lên vai không ai để ý. Khám xét phòng xong, cán bộ Hà âm thầm để túi đồ lại vị trí cũ để tôi trả cho anh em. Công việc này kéo dài cho đến khi tôi được cho ra trại vào cuối tháng 12-1980.

Trước khi được ra trại, cán bộ Hà có xin tôi địa chỉ mà tôi được thả về. Căn dặn tôi: "các đồ đạc, mỹ trang của các bác khi vào trại họ lưu giữ, sẽ trả lại cho. Nhưng không đủ đâu, các bác

xem như bị mất, đừng khiêu nại. Khi khiêu nại họ giữ người để tìm đồ thất lạc thì kẹt lại lâu lắm! Khi ra khỏi trại, bác đừng quay đầu nhìn lại, không nên!". "Cháu dặn các bác, khi về tới địa phương, trình giấy tờ theo luật định. Ai nói gì thì nghe nhưng đừng cãi, đừng tỏ vẻ chống đối gì phiền phức lắm. Nghe nhưng đừng tin, họ nói xạo khó tin lắm. Nhất là người Hà Nội và Hà Đông. Nếu là người Hải Phòng như tụi cháu thì có thể tin được". Tôi về Cần Thơ, hơn một năm sau nhận được một bức thư gửi từ Côn Đảo, ngoài bao bì thư đề tên một người gửi xa lạ, nhưng bên trong là bức thư thăm hỏi tôi, tôi không nhớ rõ lắm, nhưng có đoạn viết: "Khi các bác được thả về, mấy tuần sau nhóm bạn quản giáo của cháu và mấy vệ binh thường đi theo cháu bị kiểm điểm và kỷ luật, nói là bị mua chuộc, biến chất nên đưa khỏi trại giam Xuyên Mộc khu A. Riêng cháu họ đưa ra Côn Đảo phục vụ, không liên lạc được với gia đình. Cháu đã nhờ thân nhân của một phạm nhân được thăm nuôi gửi giùm thư này thăm Bác cùng gia đình, và xin bác đừng trả lời thư cho cháu, cháu không nhận được đâu.. Xem như cháu kính lời vĩnh biệt Bác..." (ký tên: Nguyễn Thanh Hà).

Cũng ngay trong phòng có nhiều đội nhốt chung, chúng tôi sinh hoạt riêng từng đội với cán bộ quản giáo. Một hôm, lúc ra giếng múc nước, tôi được anh Nguyễn Phước Tường ở phòng khác "móc nối" tham gia vào "**ủy ban hành động**" để theo dõi tìm trong phòng có bạn nào làm "ăn-ten, chỉ điểm"... để "trừng phạt". Anh dặn phải giữ kín hoàn toàn, chỉ có anh ấy biết tôi và tôi biết anh ấy mà thôi. Rồi tôi cũng tổ chức một người khác giống như vậy. Để khi nào có lệnh sẽ hành động [*lệnh*: cho biết **nằm giường nào, phía trên hay phía dưới, vừa tắt điện ngủ sẽ đi nhanh tới đó sập mùng và đánh hay đập. Nhằm dằn mặt để cảnh cáo, chớ không giết chết**]. Phần tôi, tôi đã "móc nối" bạn Đội trưởng Thạch Lai tham gia ủy ban. Còn Thạch Lai "móc nối" ai thì tôi không biết. Tôi nhớ, suốt thời gian tôi sống trong trại, ủy ban hành động chỉ ra lệnh và hành động duy nhất một lần, mà giờ đây không nhớ rõ ngày tháng. Buổi chiều, khi đi ăn xong trở về phòng, có một bạn đi bên ngoài kêu tên tôi rồi bắn bằng dây thun vào một miếng giấy nhỏ. Tôi vội lượm và đọc: "**tắt đèn, giường số... bên dưới**". Tôi vội vò tròn và bỏ vô miệng nuốt trọn. Buổi tối trước khi lên chỗ nằm ngủ, tôi đi ra đầu hồi chỗ đi vệ sinh lúc nào đèn cũng cháy, tôi cố nhìn tìm "địa

chi" lần cuối để khi tắt đèn thì "hành động". Đúng 9 giờ tối đèn tắt, tôi chạy nhanh lại chỗ đó thì đụng phải nhiều người chen nhau đầm đá tụi bụi. Trong phòng chỉ một người bị đánh mà thôi. Mười ba dãy trại cùng một lúc hành động như vậy. Cả khu A báo động, đèn cháy sáng. Phòng nào cũng có cán bộ và lực lượng võ trang cầm súng chạy đến đọc lệnh và vào khám xét phòng. Trại viên ai cũng đứng ngay tại giường mình. Chỉ có "tên ăn-ten" nằm rên trong mùng bị sập. Họ quát tháo hỏi "*ai đánh, người nào đánh?*". Cả phòng im không ai lên tiếng. Họ hỏi người nào cũng được nghe trả lời "*tôi không biết*". Lần hành động duy nhất đó cả mười ba phòng trong khu đã có 13 tên ăn-ten bị đánh, cán bộ trại giam phải đưa họ đi trạm xá rồi "cách ly" và sau đó chuyển đi đâu không biết vì họ biết bị lộ tổ chức ăn-ten.

Chuyện "Ủy Ban Hành Động" trong khu A trại giam Xuyên Mộc vừa kể đó, xem nhiều báo tôi chưa có dịp đọc được bất cứ bài nào nhắc tới hết. Với riêng tôi, là một trong những thành viên được anh Nguyễn Phước Tường "móc nối tham gia", ra hải ngoại này có dịp gặp lại anh từ Dallas TX xuống Houston tham dự Đại Hội lần I kỷ niệm 80 năm thành lập trường Trung học Phan Thanh Giản của gia đình PTG & ĐTD Cần Thơ tổ chức tại Nhà hàng Kim Sơn 1 ngày 3 tháng 8 năm 1997, lúc đó anh ngồi xe lăn do vợ đẩy. Đến năm 2001 khi vợ chồng tôi đi Dallas Ftworth TX dự Đại Hội lần V tổ chức trong hai ngày 2, 3 tháng 9, tôi được các bạn đưa đến thăm anh Tường bệnh nằm một chỗ tại nhà riêng, không nói chuyện được. Trước mặt Phạm Đắc Thời, Thái Trường Xuân, Trần Chân Hoà,... tôi đã nắm tay Nguyễn Phước Tường bóp nhẹ, và hỏi anh "*Tường ơi, anh còn nhớ Ủy Ban Hành Động của mình ở Xuyên Mộc không?*". Nghe xong, tôi nhìn sâu vào đôi mắt nhấp nháy rồi đầm nước mắt của anh, khiến tôi vô cùng xúc động. Tôi cúi xuống nói với anh: "*Tường ơi, tôi rất cảm ơn anh đã giúp tôi tham gia vào một tổ chức có một không hai trong thời gian mình ở trong lao tù CS - ý nghĩa nhiều lắm, Tường ơi!*". Nói nhỏ bên tai anh mà nước mắt tôi cũng đầm đìa, tôi biết anh nghe nhưng không thể nói ra lời được. Lần dự Đại hội này trở về, tôi có viết bài thơ để viếng tặng anh, nhưng anh đã qua đời, bài thơ "**Tường ơi chuyện cũ anh còn nhớ**". Không biết bạn nào đã kể chuyện tôi đi thăm Nguyễn Phước Tường với lời nhắc nhớ kỷ niệm đó, về lại Houston một thời gian,

Niên trưởng Nguyễn Phước Trang (cựu Đại tá QL.VNCH) là anh cả của Nguyễn Phước Tường đã hỏi tôi về Ủy Ban Hành Động trong trại Xuyên Mộc khu A, tôi kể chi tiết cho anh biết. Anh nói vắn tắt: *"Đây là lần đầu tiên anh Hai mới nghe nói chuyện này! Có tổ chức đánh ăn-ten trong trại sao?"*. Một thời gian sau, anh Trang có lần đi dự đại hội của cựu SVSQTB Thủ Đức tổ chức tại New Orleans LA trở về, gặp tôi, anh hỏi: *"Chú V. có biết Thiếu tá Lưu Nghĩa Hiệp (Trưởng ty CSQG Rạch Giá - sau này tôi mới biết ông học khoá I Biên Tập Viên Cảnh Sát), cũng ở trại cải tạo khu A Xuyên Mộc không?"*. *"Dạ không biết. Có chuyện gì không anh?"*. *"Anh có hỏi về Ủy Ban Hành Động. Chú ấy nói chú cũng có tham gia vào ủy ban này, rồi kể cũng đêm đánh ăn-ten giống như chú kể anh Hai nghe vậy. Bây giờ anh thật sự tin lời chú, chớ ban đầu anh... chưa tin lắm, vì từ trước tới nay có ai viết bài nào kể về Ủy Ban Hành Động trong trại tù đâu!"*.

Nghĩ trong đầu chuyện ông Duy ở trong "trại tù nhỏ" thời gian hơn 5 năm như vậy cũng quá đủ, mà trong lần trước ông đã kể "trại tù lớn" khi được thả về, nên tôi mới gợi ý hỏi thêm một câu nữa, xem ông Duy suy nghĩ thế nào về chuyện quanh cuộc sống ở Mỹ: *"sang tới Hoa Kỳ, nghe nói ông đi làm công nhân suốt hai mươi hai năm mới nghỉ hưu. Chắc có nhiều chuyện vui buồn lắm. Có thể ông kể một chuyện vui và một chuyện buồn lòng nghe chơi, có được không?"*.

Như thói quen, trước khi trả lời câu hỏi này, ông đưa bàn tay mặt lên vò trán mấy lượt, tuồng như ông cố nhớ và gạn lọc điều nào cần nhớ và cần trả lời. Có lẽ chuyện vui buồn đến với cái tuổi 74 này quá nhiều, biết phải nhắc lại điều gì trước điều nào sau để người muốn biết được dễ dàng chấp nhận? Tôi ngồi yên theo dõi từng cử chỉ của ông..., chợt nhiên ông quay mặt nhìn thẳng vào tôi và nói: *"Hai mươi mấy năm ở hải ngoại này, bao nhiêu chuyện xảy ra có vui có buồn. Biết kể chuyện nào đây?"*. Rồi ông thở dài. Để gỡ thế "bí" đó, tôi nói... *"Kể chuyện vui buồn về sinh hoạt trường PTG & ĐTD mà ông bỏ nhiều thời gian tham dự cũng được, bởi vì tôi nhớ năm nào ông cũng "xin lấy phép của hãng để đi dự Đại Hội khắp các tiểu bang, lần nào cũng nghỉ cả tuần mà!"*. Ông Duy mỉm cười, bước lại kệ sách rút ra một cuốn đặc san PTG & ĐTD số 22 chủ đề "Trở Về Mái Nhà Xưa KỶ NIỆM 100 TRƯỜNG PHAN

THANH GIẢN" vừa phát hành trong ĐH. XXI năm 2017 tại Houston TX đưa cho tôi cầm tay, rồi ông ngồi xuống chỗ cũ, bắt đầu...

Lúc còn trong nước, hầu như ít ai nghĩ đến hai chữ "đồng hương", "đồng trường", "đồng khoá"... trong sinh hoạt hàng ngày. Ra hải ngoại này tôi mới thấm thía những chữ "đồng" này lắm. Đồng hương Cần Thơ thì tôi biết ở Houston đã có từ năm 1985 và sinh hoạt cho mãi đến bây giờ qua rất nhiều người làm hội trưởng và cố vấn như các Ông Nguyễn Công Hiền, Trần Huê, Nguyễn Văn Bé, Nguyễn Văn Hà, Lư Lý Thuận, Trần Văn Anh, Trần Long, Phùng Văn Huỳnh, Phạm Phi Long, Trần Bá Quan, Bà Võ Lê Thơ, Cô Đặng Hoàng Thúy... Hội đoàn quân đội thì nhiều lắm và sinh hoạt rất đều đặn, nêu cao tinh "huynh đệ chi binh". Các trường học lớn ở trong nước ngày trước, ra hải ngoại này cũng lập thành hội để họp mặt sinh hoạt nhắc nhớ nhau như Đồng Khánh - Quốc học Huế, Pétrus Ký, Chu Văn An, Nguyễn Đình Chiểu, Võ Trường Toản, Sương Nguyệt Anh, Trưng Vương, Gia Long... khắp nơi, tiêu bang nào cũng có. Riêng trường Phan Thanh Giản khi tôi được định cư tại Houston năm 1993 thì chưa nghe ai nhắc nhớ về ngôi trường này. Đến năm 1995 tôi có viết một bài gửi đăng trên bán nguyệt san Dân Ta "**Trường Tôi Trong Trí Nhớ**" mang bút hiệu Lê Cần Thơ, anh Trịnh Chí Sĩ đọc được rồi thăm dò tìm tác giả qua anh Thoại, anh Danh... để đi đến một buổi gặp gỡ ban đầu chỉ có 12 người tại nhà hàng Kim Sơn 2 (lúc đó địa điểm tại tiệm Tường Ký đường Beechnut bây giờ), để bàn bạc lập thành nhóm "cựu học sinh Phan Thanh Giản" tại Houston. Sau vài lần họp khác tại nhà anh Thoại, bàn tính tổ chức gặp gỡ lần đầu lúc 11 giờ trưa ngày 11 tháng 2 năm 1996 (Tân niên Bính Tý) tại Club House 9600 đường Keegans Wood khu Southwest Houston, nhờ qua thư mời đăng báo Dân Ta nên buổi họp mặt quy tụ được 59 gia đình CHS với 105 người tham dự. Những thành viên trong nhóm đồng ý không lập hội như các trường khác, mà chỉ dùng nhóm chữ rất thân tình là "**Nhóm trách nhiệm tổ chức họp mặt Gia đình Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm Cần Thơ**", nên không bầu Hội trưởng, mà chỉ đề nghị một số anh chị có điều kiện tham gia thường xuyên, cử một người làm Trưởng Nhóm trong nhiệm kỳ một hai năm... Lần lượt mời một số Niên trưởng làm Cố vấn. Nhóm trách nhiệm, gồm Trưởng nhóm,

Nội Ngoại vụ, Thư ký liên lạc, Báo chí, Văn nghệ, Âm thực, Thủ quỹ, Tiếp tân, Trật tự, Khánh tiết. Ngay lần họp mặt đầu tiên với 105 người tham dự, đã bàn đến việc đề nghị thực hiện cuốn Giai phẩm Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm để nhắc nhớ sinh hoạt của trường đã làm hàng năm, đề gởi đi các nơi mà chúng ta có địa chỉ để thông tin liên lạc nhau. Anh Thoại biết tôi có tham gia thực hiện giai phẩm của trường thời đi học nên đề nghị tôi làm "đầu tàu", anh và anh Danh cùng phụ đẩy con tàu đi... Nên cuốn Giai phẩm số đầu tiên chánh thức phát hành trong lần họp mặt Hè 1996 được tung ra với số lượng 1200 cuốn (thay vì 1300 nhưng nhà in làm thiếu). Đề rồi từ Houston toả đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, lan rộng đến một số nước, nhờ các niên trưởng Lưu Phương Thịnh, Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Phước Trang, Phan Ngọc Hoa, Võ Văn Hôn, Lý Hương Huy làm nhịp cầu liên lạc. Các vị giáo sư khắp nơi cũng có dịp đọc được cuốn giai phẩm đầu tiên rất vui. Chính GS Nguyễn Trung Quân, cựu Hiệu trưởng PTG đã trực tiếp đề nghị "*Houston "oánh" thêm lần nữa", làm cuốn giai phẩm số 2 và tổ chức họp mặt nhân kỷ niệm 80 năm thành lập trường PTG (1917 - 1997)*". Và lời đề nghị đó đã được các anh chị tại Houston đáp ứng. Đại Hội lần I chánh thức tổ chức mùa Hè 1997 [(ngày chủ nhật 03 tháng 8 tại đại tửu lầu Kim Sơn 1 số 2001 Jefferson Houston TX từ 11 giờ trưa tới 5 giờ chiều, Trưởng ban Tổ chức là CHS Đại tá Huỳnh Vĩnh Lại)]... rồi liên tục cho đến năm 2018 tổ chức tại San Jose California Đại Hội lần XXII. Thầy cô và đồng môn khắp các tiểu bang Hoa Kỳ và ngoài nước thường gọi đùa "*Houston là "cái nôi" của sinh hoạt gia đình PTG & ĐTD hải ngoại*".

Cái vui mà tôi tìm thấy ở hải ngoại này, là sinh hoạt gia đình Phan Thanh Giản và Đoàn Thị Điểm Cần Thơ mà tôi là một thành viên gắn bó ngay từ đầu. Vui, bởi vì nhờ có sinh hoạt này mà tôi có dịp gặp gỡ hoặc liên lạc được rất nhiều vị Giáo Sư dù tôi có học hoặc không học có liên hệ với trường, nếu như không có sinh hoạt này, chưa chắc gì tôi "tiếp cận" được, như GS Nguyễn Văn Trường (cựu Tổng trưởng Giáo dục), GS Nguyễn Thanh Liêm (cựu Thứ trưởng Giáo dục), Các Niên trưởng như Nguyễn Bá Cẩn (cựu Thủ tướng VNCH), Niên trưởng nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng, Niên trưởng Lưu Phương Thịnh (Hội ái hữu trường PTG tại Sài Gòn trước 1975), Niên trưởng Hồ Văn Chiếu, Niên trưởng Lý

Hương Huy, Niên trưởng Võ Văn Hôn, Niên trưởng Nguyễn Phước Trang, Niên trưởng Phan Ngọc Hoa, Niên trưởng Trương Hiệp Khánh, Niên trưởng Lê Văn Giàu, Niên trưởng Nguyễn Văn Kỳ Cường... Nhờ có sinh hoạt này mà tôi gặp lại được ở hải ngoại sau bao dâu bể dâu cuộc đời những Thầy Cô dạy mình thời học trường PTG năm 1960 - 1968 với nhiều kỷ niệm như Thầy Phan Thanh Thư (dạy nhạc), Cô Trần Tú Quỳnh (dạy Toán), Cô Trần Thị Nhơn (dạy Anh văn), Thầy Đào Ngọc Tứ, Thầy Nguyễn Văn Bằng, Thầy Trần Đức Thắng (dạy Việt văn - Anh văn ở California đã mất), Cô Nguyễn Thị Loan Anh (dạy Lý Hoá), Thầy Hà Ngọc Quang (dạy Toán ở Dallas TX đã mất), Thầy Chiêm Kiêm Chên (dạy Lý Hoá), Thầy Trần Văn Sơn (dạy Toán - ở Anh quốc đã mất), Thầy Nguyễn Đình Sửu (dạy Toán ở Úc châu đã mất), Thầy Nguyễn Trường Hải, Thầy Trần Văn Dinh (dạy Lý Hoá - ở Úc châu)... Tiếc là Cô Châu Thị Năm (dạy Văn đang ở Oregon) và Thầy Đoàn Văn Út (dạy Toán ở Melbourne - Úc châu đã mất), Thầy Dương Hồng Đức (ở Pháp đã mất) tôi chưa gặp được lần nào. Nhờ có sinh hoạt này mà tôi tìm được danh sách địa chỉ của hơn một trăm giáo sư của trường đã có mặt ở hải ngoại, hơn một ngàn hai trăm địa chỉ của các bạn đồng môn PTG & ĐTD lần lượt tham dự các lần đại hội hoặc chuyện trò thăm hỏi nhau qua điện thoại, điện thư. Nhờ có sinh hoạt này mà tôi cập nhật và hiểu biết được nhiều tin vui buồn "quan hôn tang tể" khắp mọi nơi trong gia đình GS và CHS trường cũ năm xưa. Đó là niềm vui mà tôi cho là quá to lớn đối với tuổi già của mình. Nhờ có sinh hoạt này mà tôi học hỏi được rất nhiều cách "xử thế" ở đời. Trong sinh hoạt, hội họp bàn bạc, đóng góp ý kiến, mỗi người một ý, tranh luận đủ điều, nhưng kết cuộc mọi việc đều ổn thoả, vui vẻ để cùng nhau thực hiện công việc tốt đẹp. Tôi đã học được kinh nghiệm *"những tranh luận bàn bạc vấn đề gì khi chưa đi đến kết luận chính thức thì bước ra khỏi phòng họp tuyệt đối không nên nhắc lại, bởi "tam sao thất bản" sẽ tạo luồng thông tin nhiễu, bất lợi cho sinh hoạt chung"*. Tôi đã biết tự kiềm chế, học hỏi và tự sửa đổi những khuyết điểm của mình để hoà nhập vào sinh hoạt với mọi người suốt nhiều năm tháng qua, tôi cho là "bài học trong trường đời" vô cùng quý báu, nguyện sống để dạy, chết mang theo... Thế nhưng ông bà ta có nói "nhân vô thập toàn", nên chắc chắn tôi vẫn còn nhiều khuyết điểm và cũng có thể do trình độ

học vấn, khả năng ngoại ngữ yếu kém hay danh phận thấp ngoài xã hội... nên được nhiều người thương tình thông cảm bỏ qua; cũng có người còn so sánh giai cấp thiệt hơn, có vẻ không thích nên tự cách xa phân biệt. Thậm chí có một vài người tỏ vẻ muốn tách bỏ tôi ra khỏi sinh hoạt chung với họ nữa (!). Đành chịu vậy thôi. Ở đời mà, phải vậy không?

Những lời vừa kể sau cuối này chợt nhiên tôi nghe giọng ông nhỏ xuống, rồi thở dài. Ông Duy đứng lên bước tới cái tủ lạnh đặt ở góc phòng: "*Bây quá, nãy giờ mãi lo kể chuyện mà quên mời khách uống nước*". Ông mở cửa tủ lạnh, lấy hai chai nước, đưa tôi một chai, ông một chai, cùng mở nắp. "*Già rồi ông ơi, uống nhiều nước lạnh là tốt nhất. Sao? Có cần nghe tiếp những chuyện nhạt nhẽo như thế nữa không?*". "*Hấp dân chớ nhạt nhẽo gì! Giờ ông kể chuyện buồn xem sao?*". Ông lại để bàn tay lên trán ra chiều suy nghĩ. Tôi vẫn im lặng sau khi uống thêm một lần nữa chai nước trước mặt.

Chuyện buồn thì cũng nhiều, nhưng như tôi vừa nói ở đời, "nhân vô thập toàn", giữ cái buồn trong đầu óc mình làm gì! Biết đâu, cái buồn đó cũng là bài học để mình suy gẫm, học hỏi và sửa đổi, đừng để tái diễn cho tâm hồn không bị giao động, bất an. Thuyết nhà Phật nói là "buông xả"... Có một chuyện mà tôi sắp kể, nghe được thì nghe, không được thì bỏ phăng đi, đừng ray rứt làm gì... Trước khi kể, bất chợt tôi nghe ông Duy thở dài rồi lắc đầu tỏ vẻ chán nản - một cử chỉ mà từ trước tới giờ tôi chưa từng nghe thấy -

Số là, trong lần Đại Hội năm rồi, qua điện thoại của một Thầy Hiệu trưởng, đề nghị tôi vận động với bạn bè giúp mua vé máy bay khứ hồi cho một đồng môn cũng là giáo sư của trường được BTC gửi giấy mời từ VN sang dự đại hội. Tôi làm xong việc này suông về, đủ mua vé máy bay khứ hồi và còn dư chút đỉnh tôi gửi dịch vụ hết cho bạn để làm lệ phí, cũng nhờ tình bạn khắp mọi nơi tin tưởng tôi mà vui vẻ hưởng ứng. Ngừng ở đây, tôi xin nói thêm với lời cảm ơn đặc biệt, một người bạn cùng cấp lớp năm xưa đang ở Nam Cali vốn là Bác sĩ khi nghe tôi đề cập cuộc vận động này đã nói: "*Hãy cẩn thận nghe bạn. Thời buổi này, khó tin lắm. Khi nào có visa nhập cảnh Hoa Kỳ hãy gửi tiền họ mua vé máy bay!*". Tôi báo tin mừng để bạn làm mọi thủ tục và dặn dò đủ điều, vì từ trước tới giờ

bạn chưa từng đặt chân đến Hoa Kỳ nên tôi đã dặn qua điện thoại liên tục [sau này tôi mới nghe được câu nói của bạn "*than*" với hiền nội của tôi "*lúc này sao anh nói nhiều quá!*"]. Theo lời dặn, tôi và anh bạn nhà cạnh bên đều là thành viên trong ban tổ chức ĐH sẽ ra phi trường IAH đón lúc gần nửa đêm, nhưng khoảng 5 giờ chiều thì có một giọng nữ gọi báo "*tối nay hai bác khỏi ra phi trường, để cháu đón Thầy và sẽ đưa thẳng về nhà hai bác. Cháu là học trò của Thầy...*". Nửa đêm cô học trò đã đưa bạn về ở nhà bạn tôi vì nhà này có một phòng trống. Sau đại hội có chuyến đi cruise một tuần lễ, anh bạn giao chia khoá nhà tôi giữ để hàng đêm bạn nghỉ ngơi, nhưng bạn chỉ ngủ một đêm, từ đêm sau sang nhà tôi suốt thời gian còn lại ngủ ngoài phòng khách, vì nhà tôi không có phòng trống. Thời gian 3 tuần lễ ở Hoa Kỳ, chỉ có 3 đêm BTC mở phòng ở khách sạn đầy đủ tiện nghi cho bạn ở, nơi tập trung GS và CHS khắp thế giới về dự Đại hội, để bạn có dịp gặp gỡ Thầy Cô và đồng môn mà chưa chắc bạn có dịp gặp lại được đông đủ như vậy. Tôi cũng tế nhị (cho bạn không mặc cảm) giới thiệu các bạn "*ân nhân*" đã giúp tôi có đủ khoản tiền mua vé bay để bạn bắt tay chào hỏi cho phải lễ. Về phần tôi, ngoài việc lo ăn ở và đưa đi đây đó là vợ chồng tôi lo, còn dự tính đưa bạn đi chỗ này chỗ kia kể cả dự định đưa đi Arizona xem thắng cảnh Grand Canyon (đã mua vé máy bay), và một vài nơi khác nữa... Thế nhưng, tôi không ngờ (bởi vì bạn giấu kỹ không tiết lộ cho tôi biết), bạn có rất nhiều học trò đang định cư ở đây cũng như các tiểu bang khác kể cả Canada và Úc Châu. Nên ngoài hai buổi Tiền Hội (tại nhà hàng Kim Sơn) và Đại Hội (tại nhà hàng Ocean Palace), bạn tham dự, còn mọi dự tính của vợ chồng tôi đã bị bạn "*gạt*" ra ngoài, với lý do là bạn có hẹn với học trò. Có một đồng môn cũng là đồng nghiệp được con lái xe đưa về dự đại hội, đã mời bạn lên Dallas chơi 3 ngày, dặn tôi ngày giờ lên rước. Nhưng sáng thứ Năm theo lời hẹn tôi bị lên máu xây xẩm không thể lái xe được, hiền nội tôi mới nghĩ tới cô học trò hôm nào, nếu cùng đi được với chúng tôi thì giúp lái xe rước Thầy. Biết sức khoẻ tôi không tốt, cô học trò nói qua điện thoại: "*Xa quá, Bác lớn tuổi còn bị cao máu, lái xe đường trường mệt lắm; Bác cứ ở nhà để cháu đi rước Thầy về được rồi*". Khoảng mười một giờ đêm, cô học trò đưa Thầy về tới nhà tôi. Có một người bạn của vợ chồng chúng tôi, cũng là bạn văn nghệ của bạn ấy ở Austin, qua sắp xếp từ trước, tôi

chờ bạn lên chơi 3 ngày hai đêm, chị ấy đã book chuyến du ngoạn rồi, chúng tôi có báo cho bạn biết trước, nhưng buổi tối trước khi đi, bạn nói *"sáng đi chiều về tôi mới đi, còn ở lại đêm thì tôi không đi"*. *"Dù gì chị ấy cũng đã chuẩn bị đón mình rồi, không đi coi kỳ lắm!"*. Khi lên tới Austin, chị bạn vui vẻ, niềm nở tiếp đón bạn như khách quý. Thế nhưng xế chiều bạn đòi trở về Houston, thuyết phục lắm bạn mới chịu qua đêm; nhưng sáng hôm sau bạn đòi về nữa, đã nói *"nếu anh chị không về thì tôi sẽ gọi học trò lên rước"*. Tôi phải xin lỗi chị bạn ở Austin và xin hủy bỏ chuyến du ngoạn mà chị đã chuẩn bị từ trước. Tôi cũng nhờ anh bạn gọi điện thoại cancel 3 vé máy bay khứ hồi đi về Arizona - Houston một tuần lễ mà tôi đã nhờ anh ấy mua giùm, may là còn thời gian nên không mất tiền phạt. Ngày nào cũng có học trò nam hoặc nữ đến đón chờ đi, từ sáng đến tối mới về. Tôi có báo trước với bạn khi đoàn đi cruise gần hai trăm người về tới, Ban Tổ Chức ĐH sẽ tổ chức bữa ăn tại nhà hàng Jasmin, tôi đưa bạn đi dự để có dịp chia tay Thầy Cô và đồng môn trước khi bạn trở về VN. Vậy mà khi tới ngày giờ, thấy bạn đã thay đồ sẵn, tôi rất mừng, vợ chồng tôi mời bạn ra xe, thì bạn từ chối: *"Tôi có hẹn, đưa học trò tới đón liền bây giờ!"*. Cứ liên tục có những đổi thay như vậy cho đến ngày bạn trở về VN. Trước khi về, con tôi phụ thu xếp hành lý, bạn mang về rất nhiều đồ của học trò và phụ huynh tặng; tuy nhiên bạn cũng bỏ lại một số đồ tặng, trong đó có món quà kỷ niệm của chị bạn nhà bên cạnh (tôi mang qua trả lại cho chị sáng hôm sau), một sổ sách ký tặng của bạn bè, của tôi và cả cuốn đặc san phát hành trong đại hội, cùng một gói quà của đứa học trò gửi nhờ Thầy mang về trao giùm cho ba mẹ em đó (tôi căn cứ vào địa chỉ và số phone có ghi bên ngoài gói quà của đứa học trò bảo đến nhận lại). Tôi và anh bạn đồng môn nhà cạnh bên đưa ra phi trường lúc gần nửa đêm. Có một chuyện ơn nghĩa mà tôi cũng xin kể thêm để chúng ta cùng suy gẫm. Một bạn ở Connecticut hưởng ứng cuộc vận động của tôi hứa đóng góp tiền vé máy bay, nhưng khi gọi check, tôi thấy số tiền quá nhiều, nên gọi điện thoại hỏi thì bạn nói: *"Biết anh chị đã nghỉ hưu, không có thu nhập gì thêm chắc chặt vật lắm, nên gửi thêm để phụ cùng anh chị chút ít chi phí tiếp khách trong mấy tuần lễ ở nhà anh chị"*. Tôi nói lời cảm ơn. Nhưng sau cùng thì vợ chồng tôi quyết định tự dè xẻn để trang trải chi phí tiếp khách, khoản tiền phụ giúp thêm của anh bạn có ý

tốt kia tôi không dùng tới, và đã ký check hoàn trả hết anh ấy trước tình nghĩa đậm đà như thế, ngay sau khi đã tiễn khách ra về. Để minh bạch cuộc vận động dù ngắn hạn, tôi cũng đã ghi chép chi tiết thu được và chuyển tặng khoản tiền cho bạn ở VN qua dịch vụ có biên nhận, đóng thành tập vô bao thư, gửi tất cả các vị "ân nhân" xem cho biết. Tôi cũng niêm phong một phong bì nội dung chi tiết như vậy, trao cho người bạn và dán lên máy bay hãy mở ra xem. Các vị "ân nhân" tôi có ghi địa chỉ liên lạc trong phong bì để người bạn tùy điều kiện mà liên lạc nói lời cảm ơn kể cả copy tờ check hoàn trả lại khoản tiền cho anh bạn ân nhân kể trên.

Thế nhưng, qua cách hành xử của người bạn đàn em cũ, ra trường dạy học mấy chục năm, giờ gặp lại qua sự đề nghị của một vị Thầy, tôi cảm thấy buồn. Nỗi buồn này đeo đẳng hoài trong tâm trí tôi, muốn "buông bỏ" mà không được, bởi đây là một bài học quá cay đắng mà từ nhỏ đến giờ, đâu hai thứ tóc như tôi gặp phải. Tôi nghĩ rằng, phải chăng sống trong xã hội đảng trị bốn mươi mấy năm từ 30 tháng 4-1975 đến nay, con người có trình độ và kiến thức của một nhà giáo như bạn đã thay đổi "bản chất" đến vậy, còn mấy chục triệu người dân bình thường lam lũ để tìm cái ăn cái mặc hàng ngày thì sao? Nếu quả đúng bị thay đổi bản chất "vô cảm" như vậy, thì ngày mất nước trong tay Tàu Cộng sẽ không xa lắm đâu.

Tiếng quả lắc của chiếc đồng hồ treo trên vách tường gõ nhiều tiếng khiến tôi giật mình. Vậy là tôi đã "vấn an" ông Duy mấy tiếng đồng hồ rồi, *"thôi xin lỗi và xin phép được cảm ơn, hẹn sẽ đến quấy rầy ông lần nữa"*. *"Không sao đâu, có bạn đến chơi, mình mới có dịp kể lể cho qua ngày tháng cũng vui. Nếu bạn không hỏi, có lẽ những điều tôi vừa kể... chắc bị quên mất; nếu còn cũng chỉ chấp chờn trong trí óc già cỗi, có khi phải theo tôi vào chiếc quan tài rồi bị thiêu rụi thành tro tàn, thân nhân rải xuống biển cả mênh mông kết thúc một kiếp người. À, khoe cho bạn hiện mình giúp. Tôi đã lo mọi thủ tục ra đi của mình, mọi việc "hậu sự" giao khoán cho họ từ A tới Z để con cháu đỡ lo khi mình trút hơi thở sau cùng. Bởi vì chết là hết. Phải không?"*. Ông Duy cười và tôi cũng cười theo khi bắt tay ông để từ giả ra về. *"Có dịp đến chơi nghe bạn già say mê viết lách!"*. Tôi vẫy tay chào ông với lời hẹn sẽ còn đến nữa.

LÊ CẦN THƠ

[khởi viết 9:26pm ngày 8 tháng 12 năm 2017 * viết xong 7:26am ngày 15 tháng 3 năm 2018]

NGHIÊN CỨU



Tiến sĩ ĐÀM TRUNG PHÁP

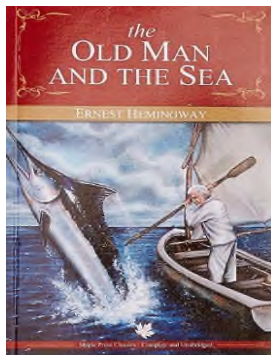
*Professor of Linguistics Emeritus
Texas Woman's University*

VĂN HỌC THẾ GIỚI CHỌN LỌC

I

TIỂU THUYẾT

“THE OLD MAN AND THE SEA”
CỦA ERNEST HEMINGWAY



Sinh năm 1899 tại Illinois, **Ernest Hemingway** được coi là một trong các nhà văn lỗi lạc nhất của Hoa Kỳ trong thế kỷ XX, và được thế giới biết đến nhiều nhất qua các tác phẩm *A Farewell to Arms* và *The Old Man and the Sea*. Ông tự kết liễu đời mình năm 1961 ngay trước cửa nhà tại Idaho. Dùng một khẩu súng săn chim

VĂN HOÁ VIỆT NAM 81 * 118 * MÙA HÈ 2018

muông hai nòng, Hemingway tự bắn vào trán óc văng tung tóe, sau những năm mài mê – ngoài lãnh vực văn chương ra – với chiến trận, săn bắn dã thú, câu cá ngoài biển cả, toàn là những hoạt động hiểm nguy đầy nam tính và thách thức cuộc đời. Văn phong ngắn gọn và trong sáng của ông đã ảnh hưởng lớn lao đến lối viết của nhiều nhà văn Hoa Kỳ và Anh Quốc trong thời đại ông. Lối viết đó thường chỉ sử dụng các câu đơn giản với ít mệnh đề, tránh xa các câu phức tạp dài lòng thòng với nhiều mệnh đề. Các câu ấy sử dụng danh từ và động từ nhiều hơn các tính từ và trạng từ có mục đích làm huê dạng câu văn; chúng cũng ít khi biểu lộ cảm tính. Đây là một thí dụ trích từ tác phẩm này của Hemingway: *“Every day is a new day. It is better to be lucky. But I would rather be exact. Then when luck comes you are ready.”* Lối viết độc đáo này phản ánh trung thành cái *Iceberg Theory* (Lý Thuyết Băng Đảo) của chính Hemingway. Theo đó phần đỉnh băng đảo trên mặt nước là nơi chứa đựng văn viết sơ sài không trang điểm với nhiều yếu tố tác giả “cổ tình bỏ lửng” và phần đáy băng đảo chìm dưới nước là nơi người đọc tự tìm ra hàm ý của những yếu tố đã bị tác giả khéo léo “bỏ lửng” ở bên trên. Kiệt tác *The Old Man and the Sea* cũng là sự đóng góp sau cùng và đáng kể nhất của Hemingway vào nền văn học Hoa Kỳ nói riêng và văn học thế giới nói chung.

Nội dung của tuyệt tác chỉ là câu chuyện giản dị về một ngư phủ già (mang tên Santiago) sau gần 3 tháng không may mắn ngoài biển thì câu đợc một con cá khổng lồ. Con cá chống cự mãnh liệt trong suốt 3 ngày và đêm, kéo thuyền của Santiago ra tuốt ngoài khơi Cuba. Sau nhiều hiểm nguy và thương tích đầy người, Santiago không bỏ cuộc, để rồi cuối cùng đã giết con cá bằng cách dùng cây lao dài đầu nhọn (harpoon) đâm vào tim nó. Cột chặt con cá vào sườn thuyền, ông già dương buồm để vào bờ. Nhưng máu con cá hòa trong nước biển đã lôi cuốn một bầy cá mập bơi tới, tranh nhau xia hết thịt nó. Con cá mập nguy hiểm nhất cũng bị Santiago đâm chết. Ông cụ buồn bã trở về cùng với bộ xương con cá còn cột vào sườn chiếc thuyền, rồi nằm ngủ một giấc dài mơ thấy nhiều cảnh hạnh phúc. Nhiều người coi tiêu thuyết sơ sài này, viết theo “lý thuyết băng đảo,” là một tập hợp các ngụ ngôn và chuyên chở nhiều ẩn dụ cho tôn giáo cũng như cho đời thường. Ta thấy về tôn giáo thì Santiago là ẩn dụ rõ rệt cho Đấng Cứu Thế –

ba ngày vật vã ngoài biển khơi với con cá lớn hơn cả chiếc thuyền của mình nhắc ta đến ba ngày mà Ngài bị đóng đinh và chết trên một thánh giá để chuộc tội cho nhân loại. Con cá mắc mỗi câu của Santiago hàm ý những nét quý phái, mạnh mẽ, đáng nể phục. Bầy cá mập rõ là hiện thân của phá hoại, của ma quỷ. Và Santiago một mình trong chiếc thuyền đánh cá nhỏ bé cũ kỹ giữa biển cả cho thấy vị thế quá mong manh (vulnerable) của con người trong thiên nhiên vô tận.

For Whom the Bell Tolls được xuất bản năm 1940, tức là hơn một thập kỷ trước khi *The Old Man and the Sea* xuất hiện năm 1952. Trong khoảng thời gian 12 năm im lặng giữa hai tuyệt tác, Hemingway bị văn giới coi như đã “hết thời” – một điều làm ông khó chịu vô cùng. Nhưng thành công rực rỡ của *The Old Man and the Sea* đã “giải tỏa” được hết nỗi niềm bức tức bấy lâu cho ông. William Faulkner (1897-1962, khôi nguyên Nobel văn chương 1949) rất ngưỡng mộ *The Old Man and the Sea* với nhận định rằng đã từ lâu Hemingway thường cho các nhân vật trong tiểu thuyết tự tạo ra mình, được hay thua là nằm trong bàn tay của mình để xem ai là nhân vật “chì” (tough) nhất trong đám. Nhưng nay Hemingway đã khám phá ra Ông Trên mới là thâm quyền tạo ra mọi sự, và đã biết đến lòng thương xót (pity) – như khi viết một cách thành tâm về nỗi buồn của ông già Santiago đã mất con cá lớn (đáng giá một lợi nhuận to) vào bụng lũ cá mập dữ dằn.

Ông già Santiago trong truyện được Hemingway mô tả dựa vào nhân dạng thật của *Gregorio Fuentes* – thân mình khắc khổ gầy còm với khuôn mặt phong sương – là người bạn chí thân thường đi câu cá lớn trên biển cả với tác giả. Con cá khổng lồ Santiago “câu” được tên tiếng Anh là *Atlantic blue marlin*. Marlin (Hán-Việt: mã lâm ngư 馬林魚) là một trong những loại cá lớn nhất ở đại dương, có thể dài đến 14 feet và nặng đến 2 ngàn pounds. Con cá mập dữ dằn đáng sợ đã bị Santiago đâm chết tên tiếng Anh là *mako shark* (Hán-Việt: hôi kinh sa 灰鯨鲨). Loại cá mập này bơi nhanh nhất và uyển chuyển đến nỗi có thể nhảy vào thuyền để tấn công ngư phủ. Chúng cũng đã sát hại nhiều người, ngang ngửa với loại cá mập *great white sharks* (Hán-Việt: đại bạch sa 大白鯊) thường được coi như là bá chủ đại dương.

Nguyệt san *LIFE* tháng 9 năm 1952 có trích đăng một đoạn của *The Old Man and the Sea* và chỉ trong có 2 ngày thôi mà tất cả 5 triệu cuốn nguyệt san ấy đã bán hết sạch! Giới phê bình ca ngợi cuốn tiểu thuyết ấy lên đến trời xanh. Nó cũng là lý do chính để Hemingway được giải Nobel văn chương 1954 với lời giải thích súc tích và chính xác của ban tuyên chọn giải Nobel đầy uy tín: “Giải Nobel văn chương 1954 được trao cho **Ernest Hemingway** căn cứ vào khả năng viết văn kiệt xuất, như mới đây đã chứng tỏ trong *The Old Man and the Sea* và vào ảnh hưởng của ông đến văn phong thời đại.” Và ngay năm sau đó nó cũng đã được giới thiệu qua nghệ thuật điện ảnh, với tài tử Spencer Tracy thủ vai ngư ông Santiago một cách xuất sắc.

II

BÀI THƠ “L’ALBATROS” CỦA CHARLES BAUDELAIRE



Sinh ra và sống trọn cuộc đời tại Paris, **Charles Baudelaire** (1821-1867) tuy ngày nay được coi là một nhà thơ lớn của văn học Pháp mở đường khai lối cho trường phái tượng trưng (symbolisme), nhưng lúc sinh thời ông đã bị xã hội mệnh danh là một “nhà thơ đốn mạt” (poète maudit) vì hai lý do. Một là ông đã sống một cách buông thả và trác táng, say mê xác thịt, làm bạn với nha phiến, quít nợ nhiều người, mắc bệnh hoa liễu, và từng tìm cách tự tử khi quá

chán cuộc đời. Hai là ông đã dám viết về những lãnh vực gây nhiều tranh cãi hay cấm kỵ chưa phù hợp với nhân sinh quan thời đó – dùng ngôn ngữ tục tằn hay bạo tàn để nói về tình dục, đồng tính nữ (lesbianisme), sự giả dối, tệ trạng tham nhũng, tâm địa ích kỷ và tàn ác, và nhất là sự thiếu vắng cảm thức về cái đẹp và cái tốt lành trong con người.

Vì thế mà sáu bài thơ rõ ràng mang tính chất “xúc phạm thuần phong mỹ tục” trong thi tập *Les Fleurs du Mal* (Ác Hoa) – xuất bản năm 1857 – đã bị tòa án ra lệnh phải đục bỏ và còn phạt vạ tác giả 300 phật lạng về “tội” này. Vô cùng bức tức, thi hào Victor Hugo đã không những chỉ phản đối quyết định vô lối này của tòa án mà còn khen thơ Baudelaire đã phát sinh ra một “rùng mình mới” (un frisson nouveau) cho thi ca. Vậy mà phải đợi cho đến năm 1949 (sau khi Baudelaire đã qua đời được 82 năm) tòa án mới cho phép sáu bài thơ này được phổ biến! Ta có thể đoán rằng cái quyết định phạt cũng như cái quyết định cho hồi phục của tòa án nhiều phần có “Académie Française” (Hàn Lâm Viện Pháp) rất bảo thủ đứng sau lưng.

Bài thơ *L'Albatros* (Hải âu) trong *Les Fleurs du Mal* của Baudelaire gồm 16 dòng, mỗi dòng là một “alexandrine” gồm 12 âm tiết. Trong bài thơ chia làm 4 “strophes” (đoạn) này, Baudelaire đã gửi gắm tâm sự mình một cách thần kỳ. Tự so sánh mình với một con hải âu uy nghi đang bay lượn như một đồng hành thân thiện với một chiếc thuyền đi biển thì bị lũ thủy thủ ác độc cho vào bẫy để hành hạ vui chơi trên sàn thuyền. Lúc sa cơ biến thành trò đùa cho lũ ác nhân, con hải âu thấy mình bị làm trò hề tủi nhục. Tất cả là một hình ảnh đau lòng, cho thấy rõ sự khác biệt cho con chim biển lúc oai phong bay lượn thì như một “ông vua của trời xanh” (roi de l'azur) và lúc sa cơ thì cảm thấy mình “vụng về, xấu xí” (gauche, laid). Bốn dòng thơ cuối cùng đã xác định kinh nghiệm nghiệt ngã của con ó biển vô tội trong gọng kìm độc ác của loài người cũng chính là thân phận của Charles Baudelaire vậy. Nói cho rõ hơn, lúc hải âu bay bổng tượng trưng cho lúc nhà thơ đầy thi hứng để sáng tác trong tự do, và lúc hải âu đau khổ trong tay ác nhân tượng trưng cho lúc nhà thơ bị người đời xia xối và gọi mình là một “nhà thơ đốn mạt.”

Dưới đây là nguyên tác bài thơ bằng tiếng Pháp:

*Souvent, pour s'amuser, les hommes d'équipage
Preignent des albatros, vastes oiseaux des mers,
Qui suivent, indolents compagnons de voyage,
Le navire glissant sur les gouffres amers.*

*A peine les ont-ils déposés sur les planches,
Que ces rois de l'azur, maladroits et honteux,
Laissent piteusement leurs grandes ailes blanches
Comme des avirons traîner à côté d'eux.*

*Ce voyageur ailé, comme il est gauche et veule!
Lui, naguère si beau, qu'il est comique et laid!
L'un agace son bec avec un brûle-gueule,
L'autre mime, en boitant, l'infirme qui volait !
Le Poète est semblable au prince des nuées
Qui hante la tempête et se rit de l'archer ;
Exilé sur le sol au milieu des huées,
Ses ailes de géant l'empêchent de marcher.*

Bút giả đã xem một số bài dịch *L'Albatros* sang tiếng Việt, nhưng đã lựa bản “phỏng dịch” của dịch giả Đào Hữu Dương, tìm thấy trong tuyển tập “**Những Cánh Hoa Lòng**” do cô đồng nghiệp Bùi Trọng Hợp xuất bản năm 1996 tại Québec, Canada. Mời quý bạn thưởng lãm bản chuyển sang Việt ngữ theo thể thơ lục bát rất chính của dịch giả họ Đào:

*Nhiều khi thủy thủ vui chơi
Lúc tàu lướt sóng biển khơi chập chùng
Bắt chim ó biển vẫy vùng
Bạn đường trầm lặng bay chung lối tàu.*

*Vút trên ván gỗ, hải âu
Xưa kia bay bổng khắp bầu trời xanh
Bây giờ thân thể tan tành
Cánh xòe vụng dại, nhục nhằn nằm trơ.*

Xưa kia lộng lẫy, đâu ngờ

*Xấu xa khờ khạo, bây giờ là đây
Xúm nhau thủy thủ vui vậy
Nhại làm què quặt, lấy cây chọc đùa.*

*“Thi nhân” cùng loại “chim Vua”
Coi thường cung nỏ, cợt đùa phong ba
Đến khi đầy xuống bùn sa
Thế nhân diều cợt, cánh xà thăm thương.*

III

TIỂU THUYẾT “DIE LEIDEN DES JUNGEN WERTHERS” CỦA JOHANN WOLFGANG VON GOETHE



Johann Wolfgang von Goethe (1749 -1832) là vị văn sĩ, thi sĩ, kịch tác gia, triết gia, khoa học gia lừng lẫy nhất của Đức Quốc. Trong vô số những tác phẩm quan trọng của Goethe, vở bi kịch tràn giang mang tên *Faust* được coi là vĩ đại nhất. Trong đó vai chính Faust là một tay đại bịp thành công to nhưng chưa thỏa mãn với đời, cho nên hắn đã bán linh hồn cho quỷ để có được kiến thức lớn lao và tận hưởng thú vui vật chất. Nhưng lạ thay, khi nói đến văn thi hào Goethe thì nhiều người dân Đức nghĩ ngay tới cuốn tiểu thuyết đầu tay do ông sáng tác khi còn là một thanh niên, mang tên *Die Leiden des jungen Werthers* (Nỗi u sầu của chàng trai Werther), dựa vào tâm tư thực sự của tác giả và trình bày theo lối “biên thư” riêng tư và lời cuốn. Tiểu thuyết theo lối viết độc đáo

này được mệnh danh là “Briefroman” (Đức), “epistolary” (Anh), và “thư tín tiểu thuyết 書信小說” (tạm dịch sang Hán-Việt).

Die Leiden des jungen Werthers là một thư tín tiểu thuyết tâm lý và tình cảm về một “cuộc tình tay ba” bi thảm giữa ba nhân vật Werther, Albert, Lotte – với Werther đóng vai chính. Ba người ba tính tình hoàn toàn khác biệt. Werther thông minh nhưng kiêu căng, nghệ sĩ tính nhưng ít hứng thú, lại đa sầu đa cảm và không hài lòng với cuộc đời. Tinh thần Werther thay đổi giữa trạng thái vui tươi quá mức và trạng thái u sầu đến tận cùng. Anh ở trong một thế giới quay cuồng sau khi gặp và mê cô Lotte ngay lần đầu. Duyên dáng, đảm đang và tử tế, Lotte đã đính hôn với Albert lớn hơn nàng cả chục tuổi. Cô có nhiều cảm tình với Werther, nhưng cô biết “điều chỉnh” xúc cảm và chỉ coi anh như một người bạn thôi. Còn Albert, vị hôn phu của Lotte, là một người đàn ông bình tĩnh, thân thiện, và có trách nhiệm – hoàn toàn trái ngược với Werther. Mới đầu Werther và Albert khá thân thiện với nhau, mãi cho đến khi sự mê say và chú ý đến Lotte của Werther đã đi tới mức quá lộ như điên loạn. Mỗi tình say đắm “một chiều” này cuối cùng đã dẫn tới thảm kịch Werther tự tử bằng khẩu súng mà anh mượn của Albert, nói dối là để đi săn bắn giải sầu.

Ta thử đọc đôi lời than thân khóc phận mà Werther* diễn tả trong những lá thư gửi cho người bạn Wilhelm thân nhất của anh:

“Đôi khi tôi không hiểu tại sao là một người nam có thể yêu nàng hoặc được phép yêu nàng, bởi vì tôi yêu nàng trọn vẹn rồi, yêu đến nỗi tôi chẳng còn ham gì, chẳng còn biết gì, tôi chẳng có gì cả, tôi chỉ có nàng thôi!”

“Cả hàng trăm lần rồi tôi gần như sắp được ôm nàng. Trời ơi, thực là một sự hạnh hạ đau đớn mỗi khi thấy nàng đi qua đi tới với bao duyên dáng mà mình không dám chạm tay đến! Chạm vào nhau là cái bản năng tự nhiên nhất của loài người mà. Trẻ nít luôn đòi có trong tay mọi vật chúng nhìn thấy và thích thú, phải không? Nhưng còn tôi, thì”

“Trời biết đấy, tôi đã bao lần nằm trên giường với lời ước rằng tôi sẽ không thức dậy. Và trong buổi sáng, khi tôi nhắm mắt trời thêm một lần nữa, lòng tôi càng tan nát thêm!”

Ngay sau khi được xuất bản năm 1774, *Die Leiden des jungen Werthers* đã làm rung động Âu châu và đưa Goethe lên

đỉnh cao danh vọng lúc mới 24 tuổi đời. Tuyệt tác ấy là một “bestseller” tại Đức, Anh, và Pháp quốc và đã được dịch sang ngôn ngữ của hầu hết các quốc gia kế cận. Tên tuổi lớn nhất đã công khai ca ngợi cuốn sách và tác giả chính là *Napoléon Bonaparte*, vị hoàng đế yêu văn chương, đã đọc nó nhiều lần, ngay cả trong lúc tuần du. Nó cũng là khởi điểm cho trào lưu *Sturm und Drang* (cuồng phong và thúc hối), trong đó trên hết là yếu tố *Selbstaussdruck* (tự ngã biểu hiện). Văn thi sĩ thả cửa thốt ra trong văn chương những cảm xúc thâm kín nhất cũng như những thành quả vinh quang nhất của mình một cách ngay thẳng và chân thành. Chủ quan tính cũng được tán thành trong giai đoạn “cuồng phong và thúc hối” này. Cái trào lưu nhấn mạnh và nâng cao những xúc cảm riêng tư này cũng chính là tiền thân của trào lưu *Romantik* (lãng mạn) bên Âu châu.

Goethe xa lánh và nhạt nhẽo với thành công văn chương vĩ đại này của mình khi thấy nó đã gây ra *Wertherfieber* (cơn sốt Werther), trong đó một số độc giả mang tâm sự đau thương tương tự đã theo gương Werther trong truyện để tự kết liễu đời mình – với cuốn sách ấy còn để trong túi! Cũng vì lẽ đó ông cũng không thiết tha gì lắm với trào lưu *Sturm und Drang* và *Romantik* sau đó. Ông thất vọng vì thấy có người đã theo lối sống của Werther, một cá nhân mà ông cho thấy đã biểu hiện “tất cả những gì bệnh hoạn nhất” trong tâm trí loài người.

(*) Các bác sĩ tâm thần (psychiatrists) ngày nay, sau khi quan sát tâm trạng và hành vi của Werther, có lẽ sẽ kết luận chàng mắc chứng “rối loạn tâm thần lưỡng cực” (bipolar mental disorder). Tâm thần người bị chứng bệnh này luân phiên giữa “rối loạn hưng cảm” (mania disorder) và “rối loạn trầm cảm” (depression disorder), với mỗi giai đoạn rối loạn kéo dài khoảng vài tuần lễ. Trong giai đoạn hưng cảm, người bệnh thấy mình lên tinh thần, thêm nhiều nghị lực, và thích hành động sôi nổi quá mức bình thường (như lúc Werther tiếp tục mê say theo đuổi Lotte, mặc dù biết rõ nàng đã là vợ hôn thê của Albert). Trái lại, giai đoạn trầm cảm chỉ mang đến cho người bệnh những u sầu, mệt mỏi, tuyệt vọng, và ý muốn rời bỏ cuộc đời (mạnh đến nỗi Werther đã tự tử).



TRẦN HỒNG VĂN
phóng tác
truyện ngắn Tô Cách Lan

LÚ LẦN

Tác Giả: Robert Dundas là người Tô Cách Lan, tốt nghiệp tại Đại Học Edinburgh, nói thông thạo 9 thứ tiếng. Ông làm việc trong bộ Ngoại Giao Anh và từng giữ nhiệm vụ Lãnh Sự nhiều năm tại Trung Đông. Những truyện ngắn, truyện dài cũng như những bài viết về du lịch của ông được đăng tải rộng rãi tại Anh Quốc.

Bà Victoria Liddell sống một mình trong căn nhà mái tận đỉnh đồi làng Newbridge, nếu ai muốn tới thăm thì phải trèo lên mái 50 mét, mà các bậc lên lâu ngày bị mòn lở nên rất khó đặt chân, vì vậy rất ít người tới thăm bà.

Mỗi tuần một lần, bà Woolley chủ tiệm tạp hoá đem những đồ cần dùng rồi nhận tờ đặt hàng mới cho tuần tới. Bác sĩ Wharton thỉnh thoảng ghé lên thăm bà. Trong nhiều năm, người đưa thư không bén mảng lên nhà bà, nhưng rồi mọi việc bắt chợt thay đổi. Với số tuổi 87, bà là người già nhất trong làng, mọi người yêu mến gọi bà là “Victoria của mình”. Ai cũng nghĩ là bà không có một thân nhân nào, ngoài việc bà thỉnh thoảng nhắc đến người cháu, nhưng chẳng ai gặp hay biết người này cả, mọi người đều cho là bà chỉ tưởng tượng ra mà thôi. Lâu lắm bà cũng cố gắng ra khỏi nhà để đi thăm viếng vài nơi, lúc đó bà nói cho mọi người biết tin tức của đứa cháu. “Hiện nay nó đang làm chủ một công ty xây cất ở mái tận bên Hy Lạp ấy”. Vài người ranh mãnh hỏi căn kẽ về người cháu này, họ còn yêu cầu bà cho coi hình của nó nữa. Bà thường chia xẻ

tin tức về người cháu này với bà Woolley. Một hôm, khi đang rời cửa hàng tạp hóa, bà nghe tiếng thì thầm của bà Woolley nói với người nào đó:

- Tôi không nghĩ là bà ta biết nhiều về đứa cháu này. Bà ta lại chẳng bao giờ nhận được thư của nó cả. Tôi là người gần gũi bà ấy nhất nên biết rất rõ.

Có tiếng trả lời:

- Tôi nghĩ là bà ấy lú lẫn rồi.

Bà Victoria nghĩ thầm: “Hừ, lú lẫn à, để xem ai lú nhé”.

Rồi bà nghĩ ra một kế là phải tạo ra một đứa cháu, một đứa cháu hư cấu có đầy đủ đức tính hiển nhiên trong trí tưởng tượng của bà. Phải mất một thời gian vài tuần mới có một kế hoạch rõ ràng. Sau đó bà tới thư viện để tìm địa chỉ các Lãnh Sự Quán Anh Quốc tại Hy Lạp vì bà đã nói với mọi người là cháu bà đang điều hành một công ty xây cất tại nước này.

Có hàng chục Lãnh Sự Quán Anh Quốc tại đây, như tại Athens, Corfu, Damos, Rhodes, Patras, Heraklion và Kavalla. Khi đọc tới Kavalla, bà cảm thấy như quen thuộc và thân thiết nên quyết định chọn toà Lãnh Sự này. Bà viết một lá thư cho ông Tổng Lãnh Sự như sau:

“Thưa ngài Tổng Lãnh Sự:

“Tôi là một bà già 87 tuổi, sống cô độc tại một làng hẻo lánh xứ Tô Cách Lan. Tôi viết lá thư này xin ngài làm cho một việc như sau: Kèm theo lá thư này là một tấm thiệp mừng Lễ Giáng Sinh năm nay cùng với địa chỉ của tôi. Việc tôi nhờ ngài giúp rất đơn giản là xin gửi lại cho tôi tấm thiệp này, dưới đề tên người cháu gọi tôi bằng bác là Edgar. Điều cần nhất là xin ngài tính làm sao cho tấm thiệp này tới tôi một hay hai ngày trước ngày Lễ. Cũng kèm theo đây là một chi phiếu cho chi phí tiền tem và những chi phí khác nếu có. Ngài cũng có thể gửi tấm thiệp trong một phong bì không cần dán để đỡ tiền cước phí.

“Xin thành thật cảm ơn ngài.

“Victoria Liddell (Miss)”

Đĩ nhiên là bà không cho bà Woolley, tức là cả làng Newbridge biết là bà viết thư cho Tổng Lãnh Sự tại Kavalla.

Thực ra tại toà Lãnh Sự tại Kavalla trong nhiều năm nay không có Tổng Lãnh Sự mà chỉ có viên Phó Tổng Lãnh Sự tên là

Jimmy Papadopoulos. Ông ta là người Anh gốc Hy Lạp, đã từng theo học tại các trường Đại Học bên Anh.

Gần hai tuần sau, bà Victoria nhận được thư trả lời với tem nước Hy Lạp và dấu bưu điện tỉnh Kavalla, dĩ nhiên việc này được các nhân viên bưu điện tại làng Newbridge chú ý. Viên đưa thư hăm hở leo lên tận đỉnh đồi để trao lá thư cho bà. Bà nghĩ đó là công việc của anh ta phải làm và chính lá thư này cũng làm anh ta hứng khởi như vậy. Lá thư trả lời viết như sau:

“Thưa bà:

“Tôi đã nhận được thư cũng như tấm thiệp mừng Lễ Giáng Sinh cùng địa chỉ của bà. Tôi sẽ làm theo lời yêu cầu của bà như lời dặn trong thư.

“Tôi xin gửi trả lại tấm chi phiếu vì ở đây không thể nào cash được tấm chi phiếu này, tôi cũng vinh dự được gửi lá thư này cho bà với tem của tôi.

“Kính thư.

“Jimmy Papadopoulos

“Phó Tổng Lãnh Sự.

“Tái bút: Vài ngày nữa tôi sẽ gửi cho bà một tấm thiệp hình ảnh thành phố Kavalla để bà rõ thành phố này như thế nào.”

Jimmy là một nhà ngoại giao tuyệt trần. Bà hân hoan, toại nguyện với con người lịch sự như vậy.

Một tuần sau đó, một tấm thiệp có hình thành phố Kavalla tới làng Newbridge, người nhận là bà Victoria Liddell, trên đó vòn vẹn chỉ có hàng chữ: *“Thương mến gửi bác, ký tên: Edgar”*. Jimmy đã làm đúng như lời dặn trong thư, ngoài ra còn một đường vẽ dọc trong hình, cuối là mũi tên chỉ vào một căn nhà, dưới đó là hàng chữ: *“Nhà của cháu đây”*.

Tấm card này như một quả bom nổ giữa làng lâu nay trầm lặng như mặt nước hồ. Tại các cửa tiệm, chợ, hàng ăn, người ta bàn tán xôn xao, tấm thiệp được chuyền qua tay người này sang người kia cả tuần trước khi được giao tới chủ nhân.

- Thành phố đẹp quá nhỉ.

- Căn nhà cháu bà Victoria của mình chắc là đẹp và đắt lắm đấy.

- Chắc là nó giàu lắm.

- Không hiểu tại sao chưa bao giờ thấy nó về thăm bác nó cả. Chắc là nó quá bận rộn với việc kinh doanh.

- Không hiểu bà Victoria của mình đã tới thăm nó bao giờ chưa?

Đĩ nhiên là bà Victoria hớn hở ra mặt. Bà quyết định gửi cho Jimmy Papadopoulos một lá thư cảm ơn và hỏi vài câu về thành phố này.

“Cám ơn ông về tấm thiệp. Thành phố thật đáng yêu và căn nhà của ông thật đẹp. Tôi xin phép làm bận rộn ông lần nữa với vài câu hỏi, xin ông tha thứ cho.

“Thành phố Kavalla lớn cỡ nào và có bao nhiêu dân? Tôi có người cháu làm công việc xây cất ở đây. Xin hỏi là hiện nay thành phố có đề án xây cất nào đang thực hiện không?

“Kèm theo đây là một thiệp hình ảnh làng Newbridge tôi đang cư ngụ. Tôi sợ là ông không nhìn thấy căn nhà nhỏ của tôi, nó nằm ngay trên một đỉnh đồi nơi tôi vẽ mũi tên”.

Jimmy Papadopoulos là một trung niên khoảng 40 tuổi, khi nhận được thư của bà, hấn tò mò và bị kích thích. Công việc trong toà Lãnh Sự thật là nhàn rỗi, dù cho ngay cả trong mùa du lịch. Vì vậy anh ta có ý làm vui lòng bà già ở mãi tận xứ Tô Cách Lan xa xăm kia như việc đóng vai trò là cậu cháu Edgar của bà, và lại việc này cũng vô hại. Chắc là bà già kia cũng sung sướng mỗi khi nhận được những lá thư như vậy. Lá thư trả lời viết như sau:

“Kavalla là thành phố có khoảng 50,000 dân ...

Ngừng lại một chút để suy nghĩ, hấn viết tiếp:

“Tôi không biết là bà có biết về lịch sử thành phố này không. Kavalla trước kia có tên là thành Neapolis mà thánh Paul đã đặt chân tới trên đường đi Philippi như trong thánh kinh mô tả. Nếu có dịp tới đây thì tôi sẽ đưa bà đi thăm những di tích còn lại sau khi thành này bị xập đổ vì động đất ...

Thành phố có nhiều bãi biển đẹp nhưng coi chừng vì ở đó có nhiều con nhím biển. Có lần tôi đạp phải một con và sau đó phải vào bệnh viện cho họ lấy những gai ra để tránh bị làm độc ...”.

Không ai trong làng nghĩ là tại sao đột nhiên cậu cháu Edgar của bà Victoria bây giờ lại chăm viết thư cho bà như vậy, mà lại viết rất đều đặn sau bao nhiêu năm im lặng.

- Tôi nghiệp cho thằng cháu Edgar của tôi. - Bà nói vừa lớn để cho mọi người trong tiệm nghe rõ. - Hôm tháng trước nó phải vào nhà thương vì đâm phải con nhím lúc đi tắm biển.

- Có sao không bà? Chắc là không trầm trọng lắm chứ? - Một người tỏ vẻ quan tâm hỏi bà.

- Phải nằm lại một hôm để họ lấy hết gai ra, sau đó phải nghỉ làm cả tuần lễ.

- Chắc là không bị làm độc.

- Thi nó báo cho biết là đã lành hẳn rồi.

Jimmy Papadopoulos viết xong lá thư hỏi bà tên người cháu cũng như công ty xây cất để có thể liên lạc, nhưng sau khi suy nghĩ một lát, anh ta xé lá thư này đi. Anh ta suy luận là có lẽ bà già này chẳng có người cháu nào ở đây cả, chỉ vì cô độc nên bà ta tưởng tượng ra mà thôi. Điều mà Jimmy nên làm nhất là tôn trọng sự bí mật và giúp bà bảo vệ lấy hình bóng tốt đẹp này. Jimmy viết cho bà:

“Thành phố này đang ở trong thời kỳ kinh tế suy thoái nên hiện nay những hoạt động dài hạn như xây cất không còn nữa, nhưng may mắn là kỹ nghệ thuốc lá vẫn còn duy trì được nên số người thất nghiệp không nhiều lắm. Hiện nay các kho hàng chất đầy những bao lá thuốc, công nhân phải thường xuyên kiểm tra xem đã tới thời gian chế biến chưa. Tôi xin gửi kèm theo đây vài lá thuốc để bà thưởng thức mùi lá thuốc và kỹ nghệ chế biến thuốc lá tại xứ này ...”

Lá thuốc kèm trong thư vẫn còn mùi dịu ngọt, anh ta nghĩ là bà Victoria chắc sẽ ngạc nhiên vì hương thơm của nó.

Cẩn thận cất những chiếc lá thuốc vào ngăn kéo, bà Victoria chỉ cầm chiếc bao thư không đi xuống tiệm. Mọi người tranh nhau ngửi chiếc bao thư trong khi bà cất nghĩa kỹ nghệ làm thuốc lá của người cháu. Bà Woolley hỏi:

- Sao cháu Edgar của bà lại làm công việc này, bà nói là nó có công ty xây cất cơ mà?

- Ô, tôi đã nói cho bà biết chưa nhi? Ngành xây cất ở đó đang bị trì trệ nên nó quay sang kỹ nghệ làm thuốc lá đấy mà.

- À, ra vậy. Nó thật giỏi.

Vào giữa tháng 12, Jimmy Papadopoulos gửi cho bà một tấm thiệp chúc Giáng Sinh trong một phong thư không dán như lời yêu cầu. Hơn cả một trái bom nổ tung giữa làng Newbridge mà là một trận địa chấn với cường độ thật mạnh 8.0 làm rung chuyển ngôi làng nhỏ bé này. Tấm thiệp được chuyển tay hết từ người này sang người kia, họ xem xét cẩn thận và phê bình từng chữ viết trên đó, phải mất cả tuần sau mới được bỏ lại vào trong phong thư rồi đưa cho người đưa thư mang lên cho bà. Một hàng chữ ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa của một người thân ở nơi xa gửi về chúc mừng như sau:

“Chúc bác một mùa lễ an vui và nhiều sức khỏe. Cháu Edgar của bác”.

Kể từ đó, người đưa thư tới thăm bà thường xuyên.

Để đáp lại những lá thuốc lá, mùa xuân năm sau bà Victoria gửi cho Jimmy vài bông huệ ép bà hái sau vườn, sau đó bên trong lá thư nhận được từ Jimmy có một bao nhỏ có bột màu vàng. Thư đó viết:

“Krokos, đó là tiếng Hy Lạp có nghĩa là lòng đỏ trứng gà”.

Bây giờ cuộc sống của bà tràn đầy niềm vui. Những lá thư qua lại giữa bà già người Tô Cách Lan và viên Phó Lãnh Sự trung niên cũng đem lại niềm hứng khởi cho dân trong làng, mọi người háo hức chờ đợi lá thư từ phương xa. Mỗi khi có thư gửi tới, họ lại được đọc, được phân tích, bàn tán cho đến khi lá thư kể tiếp gửi đến.

Jimmy gửi cho bà chai dầu Olive làm tại Hy Lạp, nhưng hẳn đâu biết là cửa hiệu tạp hoá của bà Woolley cũng có bán loại dầu này. Bà gửi cho Jimmy loại mật ong sản xuất tại đây mà không biết là dân Hy Lạp hãnh diện với loại mật ong nổi tiếng sản xuất từ nơi rặng núi Hymettus.

Một năm sau, bà báo cho Jimmy một tin không vui: *“Tôi không thể viết thư thường xuyên được nữa, tôi cũng không thể một mình đi xuống phố. Tôi cũng không muốn gửi thư qua người đưa thư được vì những lá thư tôi đưa cho ông ta sẽ bị cả làng đọc trước*

khí được gửi đi. Những thư tôi viết phải nhờ bác sĩ Wharton để ông ta gửi qua bưu điện làng bên ...”

Một lần sau buổi thăm bà lần cuối, bác sĩ nói với bà Woolly:

- Bà Victoria không bệnh tật gì nhưng già quá rồi. Tôi sợ là điều gì xấu sẽ xảy ra bất cứ lúc nào. Không hiểu là bà có thân nhân nào để báo trước cho họ biết không nhỉ?

- Bà có người cháu tên là Edgar hiện sống tại tỉnh Kavalla bên xứ Hy Lạp, nhưng tôi lại không nhớ địa chỉ.

Bác sĩ Wharton suy nghĩ thật nhiều. Ông là người hiểu biết rộng và chợt nhớ ra việc bà nhờ ông gửi thư cho một người trong toà Lãnh Sự bên Hy Lạp, mà thư phải gửi tận bưu điện bên làng khác. Ông viết một lá thư cho Lãnh Sự này, trình bày vấn đề của bà Victoria và yêu cầu họ liên lạc với một người tên Edgar, cháu của bà. Dĩ nhiên lá thư này đến thẳng tay Jimmy Papadopoulos và hai mươi bốn giờ sau, Jimmy đã trên đường tới Tô Nhĩ Lan.

Hắn đứng ngay tại cửa tiệm tạp hoá của bà Woolly. Bà Woolly chưa bao giờ gặp con người có thân hình cao, nước da ngăm đen, râu rậm kia cho tới khi Jimmy hỏi thăm đường tới nhà bà Victoria, lúc đó bà mới hiểu hắn ta chính là Edgar, cháu của bà ta.

- Ôi, cưng ơi, bà Victoria của chúng tôi đã ra đi tối hôm qua rồi.

Jimmy như chưa kịp hiểu rõ câu nói của bà, hỏi lại:

- Gì cơ? Bà nói gì? Bà ấy chết rồi sao?

Bà Woolly gật đầu.

Jimmy Papadopoulos nhắm chặt hai mắt lại, cả khuôn mặt co rúm rồi hai hàng nước mắt chảy dài xuống hai bên má.

Bà Woolly từ trong quầy chạy ra ôm chèoàng lấy hắn, miệng mếu máo:

- Cháu Edgar yêu quý, đừng quá đau thương như vậy. Dù sao Victoria của chúng ta ra đi rất bình thản và hạnh phúc. Cả làng này cầu nguyện cho bà.

Jimmy Papadopoulos nói lời từ biệt và hiểu rằng bây giờ cả làng biết là bà Victoria có đưa cháu bằng xương bằng thịt và ba không phải là người sống cô độc trên cõi đời này.

*** TRẦN HỒNG VĂN**

CHUYỆN VĂN HỌC



ĐỖ CHIÊU ĐỨC

U CU NGUYỄN DU



Thanh Hiên thi tập 清軒詩集 là tập thơ chữ Hán đầu tiên của Nguyễn Du (阮攸; 1765–1820, tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên). Thi tập này được ông viết vào những năm trước 1802, để nói lên tình cảnh, tâm sự của mình trong hoàn cảnh lãnh đênh, lưu lạc hoặc trong thời gian ẩn náu ở quê nhà, lúc gia đình đã sa sút theo đà sụp đổ của chế độ Lê - Trịnh.

Sau đây là hai bài thơ U CU của ông được làm trong khoảng thời gian lưu lạc ở

quê vợ ở Thái Bình mà ta tạm gọi là...

Mười năm gió bụi: (1786 - khoảng cuối 1795 đầu năm 1796): tức năm Tây Sơn bắt đầu đưa quân ra Bắc Hà, cho đến năm Nguyễn Du trở về quê nhà ở Hồng Lĩnh.

幽居其一 五言

桃花桃葉落紛紛，
門掩斜扉一院貧。
住久頓忘身是客，
年深更覺老隨身。
異鄉養拙初防俗，
亂世全生久畏人。
流落白頭成底事，
西風吹倒小烏巾。

* Bản chữ Hán cổ của bài U CƯ (1):

幽居其一

桃花桃葉落紛紛， Đào hoa đào diệp lạc phân phân,
門掩斜扉一院貧。 Môn yểm tà phi nhất viện bần.
住久頓忘身是客， Cử trú đôn vong thân thị khách,
年深更覺老隨身。 Niên thâm cánh giác lão tùy thân ,
異鄉養拙初防俗， Dị hương dưỡng chuyết sơ phòng tục,
亂世全生久畏人。 Loạn thế toàn sinh cử úy nhân.
流落白頭成底事， Lưu lạc bạch đầu thành để sự,
西風吹倒小烏巾。 Tây phong xuy đảo tiêu ô cân.

阮攸

Nguyễn Du

Chú Thích:

- * Lạc Phân Phân: là rơi lả tả, nếu là mưa thì là Mưa lất phất.
- * Yểm :là Đóng. Tà Phi: là cánh cửa xéo, là cánh cửa xiên xẹo, chỉ nhà nghèo.
- * Đôn Vong: là Quên bẵng đi.
- * Lão Tùy Thân: là Cái già nó đeo đuổi theo thân mình.
- * Dị Hương: là Quê hương lạ, chỉ ở xứ người.
- * Dưỡng Chuyết: là Nuôi nâng cái vụng về, ý chỉ già ngây già dại.

* Tây Phong: Gió tây là gió mùa thu.

* Tiểu Ô Căn: Cái khăn thâm(đen) nhỏ vấn trên đầu.

Nghĩa Bài Thơ:

Ở Nơi Vắng Vẽ

Hoa đào cùng lá đào rơi lả tả, ta đóng cái cửa xiêu vẹo để nhốt một sân nghèo nản lại. Ở nơi xứ lạ lâu ngày ta cũng quên bằng đi mình là người khách tha phương. Năm tháng càng chồng chất càng cảm thấy cái già luôn đeo đuổi bên mình. Ở nơi quê hương xa lạ này ta luôn giả ngây giả dại để đề phòng những đứa phàm tục tiểu nhân. Ở trong thời loạn lạc muốn bảo toàn mạng sống nên lâu dần gặp ai cũng thấy lo sợ. Đem thân lưu lạc đến bạc đầu mới ra nông nổi thế này. Đến đổi gió tây vừa vi vút thổi thì cái khăn thâm quấn đầu cũng sút ra rớt xuống!

Diễn Nôm:

Ở Nơi Hẻo Lánh (1)

Tôi bời hoa lá đào rơi rụng,
Nghiêng nắng chiều buông khép cửa nghèo.
Quên bằng lâu ngày thân đất khách,
Buồn trông năm hết cái già đeo.
Quê người giả dại e tai tiếng,
Thời loạn giữ mình sợ họa theo.
Lần lữa bạc đầu nên đến nỗi...
Khăn ô lông rớt gió tây vèo!

Lục Bát:

Lá hoa đào lả tả rơi,
Cửa nghiêng xiêu vẹo khép lợi sân nghèo
Quên thân đất khách bao chiều,
Năm chồng tháng chất già đeo đẳng sầu.
Giả ngây xứ lạ bấy lâu,
Sợ người ly loạn chỉ cầu sống yên,
Bạc đầu nên nỗi ưu phiền,
Gió tây thổi rớt khăn niền đầu thâm.

Đỗ Chiêu Đức



ĐÀO ANH DŨNG

**KHÔN NGOAN
ĐỐI ĐÁP NGƯỜI NGOÀI (*)**

Cuối tháng sáu, khi mùa hè vừa trở về vùng Bắc Âu, nhóm du lịch ba cặp, sáu người chúng tôi lên đường làm một chuyến du thuyền, đánh một vòng từ Copenhagen (Đan Mạch), viếng thăm các thành phố Stockholm (Thụy Điển), Tallinn (Estonia), St. Petersburg (Nga Sô) và Helsinki (Phần Lan) trước khi trở về bến xuất phát.

Ngày đã dài hơn đêm. Khí hậu thật mát mẻ, dễ chịu. Bầu trời luôn trong xanh. Biển yên lặng. 12 ngày trên du thuyền, khi tham dự các chương trình du hí chúng tôi có dịp giao thiệp thật thú vị với một số khách du lịch đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Đa số khách trên du thuyền chỉ biết vui chơi, hưởng thụ. Trong lúc trò chuyện, nếu có điều gì nghe không thuận tai họ nhanh chóng bỏ qua, lãng sang chuyện khác.

Sáng hôm ấy, du thuyền cặp bến Tallinn, thủ đô của Estonia, một quốc gia nhỏ bé từng sống dưới ách thống trị của cộng sản Nga sô gần 50 năm. Sau khi Liên Bang Xô Viết tan rã, người dân Estonia mới thở được không khí tự do. Nhóm du lịch chúng tôi mua tua, thăm viếng vài danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử của Estonia như đỉnh đồi Toompea nhìn xuống phố cổ Tallinn, ngôi nhà thờ Chính Thống Giáo Alexander Nevsky, tháp Tall Hermann...

Bà hướng dẫn viên là một cựu giáo chức nên chúng tôi được thưởng thức một buổi thuyết trình thật thích thú về lịch sử, văn hoá của Estonia cũng như những nhọc nhằn người dân Estonia phải gánh chịu khi bị cộng sản Nga sô cai trị. Nhiều người bị tù 'cải tạo' ở tận Tây Bá Lợi Á rồi biệt tích luôn. Đời sống thật cực khổ, thiếu thốn mọi bề, thông tin bế tắc. Bà hướng dẫn viên nói rằng xứ Phần

Lan nằm ở phía bên kia biển Baltic, cách Estonia chỉ có hai tiếng đồng hồ đi phà mà mấy chục năm trời bà không biết nó ở đâu, cho đến khi Estonia trở về với thế giới tự do.

Vào cuối chuyến tua, anh Hùng, một người bạn vong niên trong nhóm du lịch chúng tôi lên tiếng cảm ơn bà hướng dẫn viên và chia sẻ cùng đoàn tua những gì người Việt Nam đã phải chịu đựng dưới chế độ cộng sản, không khác những gì người dân Estonia đã trải qua. Dân chúng cũng đói khát, cũng phải sắp hàng mua thực phẩm, đi đâu cũng phải xin phép, cũng bị tù 'cải tạo'... Anh xin chia vui với người Estonia vì từ khi trở về với thế giới tự do, quốc gia nhỏ bé của họ đã có những phát triển đứng đầu trên thế giới, nhất là trong lãnh vực Internet. Và, anh nói rằng cộng sản Nga và Tàu chính là những kẻ đã gây ra biết bao tang tóc cho các quốc gia như Estonia, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Cuba, Tây Tạng, Cao Miên, Việt Nam... Đó là mối hận anh không bao giờ quên.

Ngày hôm sau, du thuyền ghé thành phố Saint Petersburg. Trong lúc nhóm du lịch chúng tôi đang đứng trong hàng chờ xuống bến thì một vị khách lên tiếng, nhắm vào nhóm chúng tôi:

"Ê, hôm qua quý vị nói rằng quý vị hận cộng sản Nga, vậy thì hôm nay quý vị đến đây để làm gì?"

Tôi quay lưng lại, thấy vị khách nói móc lò chúng tôi là ông Morris. Ông ta nói xong, miệng còn cười khinh khỉnh nữa. Mấy hôm trước, nhóm chúng tôi đang ăn trưa trên du thuyền thì ông ta cùng bà vợ đến xin phép ngồi cùng bàn vì phòng ăn không còn chỗ trống. Cùng nhau trò chuyện xã giao, khi biết chúng tôi là người Việt ông ta đưa ra những luận điệu thật là ngớ ngẩn về chiến tranh Việt Nam. Đây là một người Mỹ thuộc giới *liberal* (cởi mở? cấp tiến?) xưa nay có tiếng là thân cộng, yêu xã hội chủ nghĩa. Anh Hùng, anh Ngọc và tôi thay phiên nhau giải thích cùng ông ta những gì đã xảy ra tại Việt Nam trong thời chiến lẫn thời bình, nhưng ông ta vẫn giữ lập trường. Cuối cùng thì mọi người chấp nhận sự khác biệt của nhau (*agree to disagree*) và chia tay với một nụ cười thông cảm. Hôm qua, ông Morris có mặt trong chuyến tua Tallinn với chúng tôi; sau khi nghe lời phát biểu của anh Hùng, ông ta không có ý kiến nào. Câu hỏi móc lò ấy chứng tỏ rằng ông ta vẫn còn cay cú với anh em chúng tôi.

Anh Ngọc và tôi chưa tìm được câu trả lời thích hợp thì anh Hùng lên tiếng:

"*We get off the ship to take a dump there!*" (Chúng tôi lên bờ để làm một đồng!)

Câu trả lời nửa đùa nửa chọc tức của anh Hùng làm anh em chúng tôi đồng cười xoà lên nhưng ông Morris cau mặt rồi ngo sang chỗ khác.

Hôm ấy, chúng tôi viếng thăm vài di tích lịch sử của Saint Petersburg với những kiến trúc đặc thù của nước Nga từ thời quân chủ rất là thú vị nên quên luôn cuộc đối thoại không được lịch sự lắm với ông Morris vào buổi sáng. Vào buổi cơm chiều hôm ấy, vợ chồng ông ta tình cờ đi ngang qua bàn ăn của nhóm chúng tôi khiến cho chị Ngọc nhớ lại và hỏi anh Hùng:

"Nề anh thật! Anh đối đáp rất thích ứng với cái ông *liberal* đáng ghét đó. Làm sao mà anh có cái ý nghĩ đó một cách đột ngột nhưng thật tự nhiên như vậy hả anh?"

Anh Hùng lắc đầu nói:

"Thật ra tôi không nên trả lời như vậy vì nó có thể gây tổn thương cho người Nga hay những ai có cảm tình với nước Nga, nhưng tôi không có cách nào khác để bịt cái lỗ miệng của ông *liberal* cố chấp đó. Một chế độ tàn bạo không có nghĩa là dân chúng cũng tàn bạo luôn mà trái lại họ là nạn nhân của nó. Như hôm nay anh em chúng ta đã nghe bà hướng dẫn viên nói lúc đến viếng ngôi đền Church on Spilled Blood, bao năm dưới chế độ cộng sản nơi này đã bị đập phá, cướp mất những di tích quý giá, đã trở thành một nhà xác rồi một nhà kho chứa khoai tây. Sau khi Liên Xô tan rã, người Nga đã tái thiết lại ngôi đền, khôi phục lại văn hoá của họ làm cho chúng ta rất cảm phục. Cũng như cái tên của thành phố này, từ Saint Petersburg bị đổi tên thành Petrograd rồi Leningrad, cuối cùng trở lại tên nguyên thủy của nó là Saint Petersburg. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy đáng lý ra tôi phải nhắc với ông Morris rằng nước Nga đã từ bỏ chủ nghĩa cộng sản và chúng ta sẽ đến ngôi đền Church on Spilled Blood để cầu nguyện cho thành phố Sài Gòn của chúng ta một ngày nào đó sẽ lấy lại tên cũ của nó."

"Nhưng làm sao mà anh có câu trả lời có thể nói là bốp chát, tài tình như vậy?"

Tôi thắc mắc hỏi và anh Hùng mỉm cười trả lời:

"Không, tôi nào có tài giỏi gì đâu! Số là Tây Ninh quê tôi nằm sát biên giới Cao Miên, bị một trận cáp duồn vào năm 1945-46. Tiếng Miên, cáp có nghĩa là chặt đầu, duồn là người Việt, nên đồng bào tỉnh Tây Ninh tôi không ai ưa người Miên. Hồi tôi còn nhỏ, mỗi lần tôi theo ba tôi đi công chuyện ở biên giới, tôi thấy ai cũng bước qua lằn ranh tè một cái trên xứ Cao Miên cho bỏ ghét nên tôi bắt chước làm theo và nhớ cho đến bây giờ. Nạn cáp duồn này xảy ra thêm hai lần nữa vào năm 1970 và 1977-78. Tôi nghe nói xưa nay, người Việt mình làm ăn trên xứ Miên nhưng thường hay lấn áp người bản xứ. Vì vậy mà họ ghét, họ thù người mình, mỗi khi có dịp là họ nổi lên giết chóc. Thật là đáng tiếc!"

"À, thì ra là vậy! Thay vì tè một cái anh Hùng đổi thành làm một đồng. Ha ha ha! Quá hay!"

Anh Ngọc nói và cười một cách thích thú. Anh Hùng tiếp lời:

"*Taking a piss* hay *taking a dump* tiếng mình có nghĩa xấu nhưng tiếng người chưa chắc vậy. Theo tôi biết thì họ dùng để chế giễu mà thôi."

"Nhưng nó làm cho ông *liberal* đó tịt ngòi thì mình thành công rồi! Tuy nhiên, tôi đồng ý với anh Hùng là thôi, mình không nên dùng nó. Dĩ hoà di quý!"

Anh Ngọc nói xong, nâng ly rượu vang mời mọi người. Ai cũng nhập cuộc, nói cười rôm rả...

ĐÀO ANH DŨNG

Brisbane, 21/12/2017

(* *Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.*" (Ca dao)

Nguyễn Văn Sâm *phiên âm và giới thiệu.*

samnguyen20002002@yahoo.com

Toàn quyền **NHÂN QUẢ BÁO ỨNG**

đã in và sẽ kính chuyển đến những vị nào có nhu cầu.

Xin gửi chút ít chi phí bưu điện về:

Ngoc Anh Tran:

12960 High Vista, Victorville, CA 92395



NGUYỄN VĂN SÂM

NHỮNG CÂY CẦU TRONG ƯỚC MƠ

1.

Tôi chạm mặt Sáu Huê ở sân sau của Sở khi còn đương lum khum khóa cái xe đạp cà tàng nhưng cũng có thể bị thổi mát của mình. Tối để nói về chuyện lương hưởng chậm trễ cả ba tháng nay ấy mà! Tiền túi cấp ca cấp cùm lâu nay đã cạn, tiền vay mượn đầu này đầu nọ đã bắt đầu khó khăn, bị nhẹ nhàng từ chối ở nhiều mối rồi. Tính lên đây xoay đỡ ai đó chút đỉnh sống qua ngày chờ Sở nhận được tiền từ trên rót về rồi mới tính tiếp.

Giữa đám cô thầy đồng cảnh đương lao nhao xầm xì, tôi được Sáu Huê kéo vai, bộ như thân thiết lắm, nói nhỏ: *‘Chút xíu nữa anh Khâm có hườn hườn lên văn phòng tôi, mình bàn chút việc’*. Khi nói Sáu Huê kê miệng hô bịt răng vàng của anh gằn sát mặt tôi, mùi nước phở nhiều hôi và mùi hành Tây sống còn thoảng bay, khiến tôi khó chịu, cây tăm anh ngậm nơi khõe miệng khi nói như có chum tay đánh đu qua lại từ mép này tới mép kia của hai tầng môi đen làm tôi ớn ớn xương sống. Hình như những người gốc ở trồng ra hay ở bển về, đều thích ngậm tăm sau khi ăn sáng, và có tài vặt về chuyện làm xiệc với cây tăm trên miệng!

Tôi né mặt ra chút đỉnh, ậm ờ.

Trước khi về, tôi tạt vô phòng Sáu Huê thì anh ta không có mặt, người phó phòng nào đó trao lại cho tôi một phong thơ mỏng, có đóng dấu Khâm & Mật. Tưởng gì, té ra là quyết định cử đi dạy lớp Bình Dân Học Vụ, xóa nạn mù chữ ở xã Mỹ Tú mỗi tuần ba tối cho tới khi có quyết định mới.

Tôi bỏ bàn toán vô đầu khi đọc quyết định. Mỗi tuần dạy 3 tối, từ 6 giờ tới tám giờ rưỡi thì về tới nhà xấp xỉ 10 giờ khuya cha nó

rồi. Tôi mịt, chỉ còn lẩn đùn ra ngủ chớ nghĩ ngợi mẹ gì nữa! Thêm từ nhà tôi tới trường, qua khỏi Xóm Giữa một đỗi khá xa, tuốt ở trong ngọn, thì cũng ngót nghét cả chục cây số ngàn, chắc như bấp bặn về sẽ không còn chiếc xe ôm nào. Phải đạp xe đạp đi đi về về thôi. Vậy thì còn khổ dài dài cho chun căng, cho bàn tọa trợ xương to thịt lâu nay!

Hoặc là bỏ dạy hoặc là ép xác. Bỏ dạy thì phải đối phó với rất nhiều chuyện, từ chuyện hộ khẩu tới chuyện hồi hương, chuyện mua nhu yếu phẩm, ôi hằm bà lằng xấn cầu đủ thứ trong đó có chuyện ba tôi là nguy quân, đương đi học tập nhưng ông còn đứng tên căn nhà vợ chồng con cái tôi đương ở, tôi có thể bị đuổi ra bất cứ lúc nào. Thôi, trời sanh thì trời dưỡng, chịu khó hành xác đi dạy thí mấy tháng coi sao. Dạy nít nhỏ 6, 7 năm nay cũng quen quá rồi, đâu thử dạy người lớn coi khác giống gì!

2.

Khâm bước vô lớp, gần ba mươi học trò già phần lớn đã ngồi sẵn sàng đâu vô đó rồi. Nhiều người tăng hắng để lấy lại bình tĩnh, mấy ông xồn xồn ở cuối lớp ghiền thuốc kinh niên cũng lật đật dụi sau khi hít dài hơi chót, giữ tàn trong một tấm giấy nhựt trình nho nhỏ, xếp cẩn thận bỏ vô túi rồi mới chịu ngồi xuống len len ngó thầy để đánh giá.

Khâm chào cả lớp, nói lên vài câu than thở là mình sẽ đạp xe tới đạp xe về, cực nhọc lắm, xin các cô các bác chăm học giùm. Đừng nói là mình già học nay quên mai, đừng nói là hồi nào tới giờ quen cầm cuốc, cầm dao bây giờ cầm viết thì khó khăn, lọng cọng. Khâm thao thao về ước mơ được làm thầy của mình lúc nhỏ, giờ xin cô bác nên có ước mơ đọc được báo chí sách vở để biết những chuyện xảy ra trên thế giới chung quanh. Có ước mơ, có quyết tâm, có sự nhứt định làm cho được thì sẽ được thôi. Chuyện gì cũng phải học mới biết. Anh nói như diễn thuyết: *Điều khó không phải là học, cũng không phải là tìm thời giờ rảnh rang để học, điều khó là thắng sự chần chừ, can đảm bước qua sự cù nhầy của chính mình để hăng hái học.*

Có tiếng của một bà ứng lên, không cần phép tắc gì:

‘Thầy nói coi bộ dễ ợt mà tui thấy khó dàng mây. Tui tính đi học lớp này năm ba bận rồi mà bận nào thì cũng như có ông bà

khuất mày khuất mặt cản lái cản mũi biểu dừng. Lúc thì có bầu dứa lớn, lúc thì mang bì con nhỏ kè, lúc thì thằng Tư còn đỏ hỏn, lúc thì ông nhà tui bình rề rề... rồi bây giờ đây hai con heo đương độ lớn phải lo kiếm món ăn cho chúng nó, nội cái vụ xắt chuối với trộn cám không cũng đủ hết ngày giờ. Còn lo đi làm rầy nữa, bỏ lún sao được! Ông tui hồi sanh tiền, có ghi tên mà học trâm trảy trâm trật, thuộc được bao nhiêu chữ đâu, không đây lá mít, nhom nhem ba chữ rồi cũng quên tuốt...’

Khâm mỉm cười, ngoại giao:

‘Nhìn giờ chỗ này chút đỉnh, kéo giờ chỗ kia chút xíu thì sẽ có thời gian học thôi bác à! Như ông bà mình nói: khéo ăn thì no, khéo co thì ấm, mình khéo hà tiện thời giờ của các công chuyện phải làm thì té thời giờ cho chuyện mình muốn làm.’

Khâm vừa nói vừa đưa tay lấy viên phấn, quay mặt vô bảng:

‘Lớp này bà con đã biết viết biết đọc chút đỉnh rồi thì mình học ý nghĩa trong sách vở, chỉ tập viết để chữ được đẹp thôi, không có tập đánh vần nên cũng gọn, mình sẽ học những điều có ích lợi cho cuộc sống...’

Anh chỉ vô một ông ngồi tuốt gần vách, nãy giờ coi bộ lao chao, nhờ đọc câu anh vừa viết.

‘Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời di ghè có thương con chồng.’ Chú Tám He đọc coi bộ hơi sưng sưng rồi, không cần ai đốt pháo sau lưng cũng bình luận lớn giọng: ‘Đúng quá rồi, bánh đúc mềm, sao có xương được. Còn má ghè thì ối thôi, nói bắt mệt, trăm người như một, ghét con chồng thậm tệ, hành hạ tụi nó thấy mà phát thương luôn. Xóm Láng The của mình đây nè, tui không cần nói tên ai nhưng bà con đều biết là có ba bốn bà mẹ ghè hành hạ con chồng thiếu điều muốn giết cho tụi nó chết.’

Lớp hơi ồn ào, mấy bà phản đối, mấy ông được dịp cười phá, châm chọc. Khâm đưa tay ra dấu im lặng:

‘Tôi đưa ra câu này là có mục đích. Ca dao tục ngữ là mấy câu nói của ông bà mình truyền qua từ bao nhiêu đời trước, do nhận xét từ kinh nghiệm đời sống chung quanh họ, điều đúng do đó thì nhiều, nhưng điều sai không phải không có. Mẹ ghè thương con chồng thiếu giống gì ở đời này. Nít nhỏ không có mẹ ruột, không ai săn sóc, ta thương không hết, sao lại hành hạ nó, sao lại đành tâm ghét bỏ nó. Mà Trời sanh mỗi người mỗi tánh, có người ghét con

ghê thì cũng có bà thương con chồng. Sao lại quơ đũa cả nắm, sao lại trói hết cả bầy bỏ vô một giỏ... Khi ta ghét trẻ con là ta nhỏ mọn, hẹp hòi.’

Bên góc mặt một thanh niên chừng 17, 18 tuổi chồm lên bàn giơ tay thiết cao, phấn khởi, Khâm cho cậu ta nói:

‘Con tên Tèo. Hai Tèo. Xin nói. Người ty tiện là người xấu xa. Má con không sanh ra con nhưng có ghét con đâu. Con cũng được cưng như bao nhiêu con ruột của những nhà chung quanh. Hoan hô Má Ba! Hoan hô!’ Thằng Tèo vừa hoan hô vừa chỉ vô người đàn bà than không có thời giờ hồi nầy...

Cả lớp vỗ tay rần rần... Khâm nhấn mạnh về sự sai lầm của ca dao tục ngữ chẳng hạn như câu áo mặc sao qua khỏi đầu. Con cái có thể khôn hơn cha mẹ chứ sao không, đời bây giờ người ta được đi học, được đọc báo xem sách nên kiến thức mở mang nhiều, khôn hơn cha mẹ là lẽ bình thường thôi. Còn nữa, chẳng hạn như câu: Con vua thì lại làm vua. Con sãi ở chùa lại quét lá đa. Đâu chắc là đúng. Con cháu vua đi xe ô tô, chạy xe ô tô cũng chạt đường. Trẻ con lúc nhỏ sống trong chùa, trong Cô Nhi Viện, sau ra đời thành công đâu phải là hiếm...

Khâm mừng là buổi học đầu tiên vui vẻ, thuận lợi. Lớp học kết thúc trong nét mặt luyến tiếc thời giờ qua mau của từng người.

3.

Bữa hôm đó lớp tan mà hai mẹ con Bác Ba và thằng Tèo cứ lẩn xẩn theo Khâm hoài. Họ cứ nháy nhó nhau, đùn đẩy qua lại, như là muốn nói gì đó với Khâm. Cuối cùng Bác Ba nói:

‘Không nói giầu gì thầy. Mẹ con tôi trước khi vô lớp có ghé chợ mua sáu cái hột vịt Bắc Thảo tính về ngày mai cả gia đình ăn mừng mới mua được bốn con heo con, xin kiếng cho thầy 2 cái để tỏ lòng biết ơn thầy cực khổ chỉ dạy chúng tôi.’

Khâm cảm động, nhưng từ chối khéo:

‘Cám ơn thêm Ba. Thêm giữ lại cho gia đình. Tôi xin được không nhận vì gan tôi yếu, không dùng được trứng vịt trứng gà. Anh nói dối thêm: ‘Thường tôi ăn ngã về chay nên dùng nhiều rau củ, không dám dùng trứng.’

Người đàn bà hơi ngỡ ngàng, nhưng cũng từ tốn bỏ hai trứng vịt kia vô lại với số còn lại trong giỏ.

Khâm vỗ vai thằng Tèo:

‘Em Tèo, Em nói với Má Ba là không nên ăn nhiều trứng vịt Bắc Thảo. Nó ngon vì lạ miệng nhưng rất độc hại vì có thể họ làm theo một quy trình có tác dụng xấu cho sức khoẻ người tiêu dùng. Đó là họ ngâm trong nước pha Sulfit đồng để cho trứng mau đổi màu đen và trông trắng sớm có màu trong suốt như rau câu.

...Sulfit đồng làm cho trứng ăn được trong vòng nửa tháng còn bó vôi trộn trấu theo cách thường phải mất hơn ba tháng... Ăn nhiều trứng làm theo kiểu tốc hành sẽ bị ung thư gan vì chất Sulfit đồng vô cơ thể mình thì tích tụ lại chờ ngày giờ phát tán chớ không bị thải ra...

Hai người học trò của Khâm le lưỡi, tỏ ý hiểu.

Sấn đà Khâm nói thêm:

‘Ông bà mình nói: Bệnh tùng khẩu nhập nghĩa là bệnh theo thức ăn mà vô mình con người, ăn những món tuy ngon miệng, tuy sang trọng nhưng hoặc dơ dáy, hoặc chứa những thành phần độc hại thì chẳng khác gì tự tử từ từ, chẳng hạn như ăn nhiều bột ngọt, bột nêm, nhiều đường, nhiều muối, ăn lạp xưởng, ăn mắm sống, ăn bánh canh giò heo có nhiều da nhiều mỡ, ăn dưa đầu heo chua, ăn phá lấu, lòng heo, ăn chao ăn tương quá mặn, dùng dấm hóa học...

Thằng Tèo cười lớn:

‘Mấy món đó trừ tương với chao, may quá gia đình con vì nghèo chạy ăn từng bữa nên đương nhiên đã cũ, thầy khỏi lo.’

Khâm thấy mình hơi dài dòng, anh kết thúc bài giảng ngoài giờ học của mình:

‘Nói chung ăn nên chọn món lành, món sạch hơn là món ngon miệng, món sang trọng, mắc tiền mà cầu kỳ. Món càng ngon miệng càng có hại cho người ăn.’

Thằng Tèo biện luận:

‘Thầy nói vậy, chẳng lẽ cả nước ăn những món đó bấy lâu nay đều chết hết?’

Khâm cười hiền, từ tốn:

‘Không chết hết, nhưng mọi người đều bị chết từ từ, nghĩa là giảm tuổi sống trên đời năm bảy năm, có khi cả chục năm. Làm cho một hai người chết liền thì bị tội giết người nhưng làm cho nhiều người chết từ từ vì những món ăn có hại thì được làm giàu cho nên thiên hạ cứ vô tư mà làm, hãnh diện mà làm...’

Thằng Tèo đưa hai tay ra bắt tay Khâm tỏ ý tâm phục khẩu phục thầy mình:

‘Thầy là ngôi sao chi đường cho cả lớp được biết đâu là chuyện đúng sai. Con cảm ơn thầy nhiều.’

Khâm thấy thằng Tèo đã trưởng thành qua câu nói đó. Anh cũng cảm thấy tội nghiệp cho những người dân ở xã trên ngọn này. Họ dốt và bị bịt mắt bấy lâu nay nên sống quờ quạng, tự dốt bết đời sống của mình mà không hay biết.

4.

Khâm làm tài khôn dẫn người đồng nghiệp nữ mắt đỏ hoe vô phòng Sáu Huê khiếu nại. Thường thì Sáu Huê niềm nở, nhưng hôm nay như biết trước chuyện hơi khó khăn anh ngồi chễm chệ sau bàn giấy kèn càng, mặt nghiêm nghị, lạnh lùng.

Cô giáo Trang ngồi rút lại trong ghế coi nhỏ nhít làm sao, rụt rè thưa hỏi:

‘Thưa, nhờ anh Sáu cho em được đổi qua xã khác dạy, chớ ở đây có ngày bà ta giết chết em.’

Sáu Huê đôi thế ngồi, tay chống cằm, tay kia cầm cây viết bic quay quay như giỡn chơi với nó.

‘... Em Đức, con của bà ta không chịu học, bài không thuộc, không nộp bài cho về nhà làm, tập thì rách nát dơ dáy... Hôm qua em Đức lại nghịch, lấy dây cột tóc của bạn gái ngồi trước mặt, cột vô chum bàn. Con nhỏ vô tình đứng dậy, đau quá, khóc. Em giận mới khê tay nó mấy cái mà nó đã bỏ chạy về nhà. Má nó, bà vợ ông chủ tịch xã xách dao bầu xắt chuối chạy vô lớp xĩa xối em, đòi chém chết cô giáo ngụ quen thói khùng bố con của cách mạng. Em càng cắt nghĩa thì bà càng nổi giận giờ dao xĩa, giá vô mặt em nói là không muốn thấy em ở xã này nữa. May mà có anh Hiệu Trường và mấy thầy cô giáo khác can gián không thôi thì em không biết số phận của mình ra sao.’

Sáu Huê tỉnh bơ, cười cười:

‘Mà cô giáo ngụ có bị sút mè... chút xíu nào không cà! Thôi đừng làm cho chuyện om xòm thêm nữa. Về dạy bình thường đi. Tôi sẽ gọi điện nói chuyện với chồng bà ta. Tôi cũng cho rút thằng Đức, học trò cung của em qua lớp khác, nhưng em Trang không đi

đâu hết. Phòng Giáo Dục Quận với nhân dân trong Quận phải gắng bó, có đâu mà chuyện mới có chút nị đã làm cho tầy huầy...’

Và Sáu Huê lịch sự xin lỗi tôi ra ngoài uống nước trà ngồi chờ để anh ta chỉ đạo việc này riêng với cô Trang.

Tôi ra sân hút thuốc chờ đợi. Tôi hơi chủ quan mới đi với Trang vô phòng của Sáu Huê, thường mấy chuyện như thế này Sở không muốn có người thứ ba nhúng tay vô.

Mười lăm phút sau, tôi hút tàn hai điếu thuốc, Trang bước ra ngó tôi kín đáo lắc đầu, mặt buồn buồn. Tôi biết là cô giáo nguy này sẽ còn chịu đựng những giông tố cô linh cảm trước nhưng không thể làm gì được. Cũng như số phận những người khác đang đặt dờ trên quê hương này thôi. ‘Người ta’ có những cách giải quyết khác.

5.

Tối Thứ Hai thẳng Tèo tới lớp với cái mặt trầy trụa băng dãn tùm lum và một cánh tay gãy bó bột treo trên cổ. Nó cười vô tư với Khâm, miệng mở rộng chẳng hoạc:

‘Thầy đừng lo! Con thử nhào xuống coi sông sâu hay cạn vậy mà. Sông cạn sợt, đi bộ ở dưới còn được, nước chỉ mới tới cần cổ nhưng mà có nhiều cây nhọn, nhiều gạch đá quá! Lại trơn lù bầu vịu vô đâu cũng không được!’ Nó lại cười lớn hơn.

‘Bữa đó bộ quắc cần câu sao mà nhảy xuống cầu bắt cá?’

‘Cầu nhỏ mà cao quá cỡ, chạy vừa mới lên chưa hết dốc, thấy hai mẹ con chị nọ cuốc bộ lên gần hết dốc đầu kia, thằng nhỏ thấy xe mình phóng tới, nó hết hồn giựt tay má nó ra vụt chạy bắt kè, con lo sợ cho nó nên quên sợ cho mình. Hên là không hát hai mẹ con họ xuống sông, cầu đầu có lan can đầu nà, trống trơn nên lọt xuống dễ dàng...’

‘Tèo quên cầu Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi... mà cần thận chạy chậm chậm khi qua cầu...’

‘Cầu tre thì đã không sao rồi thầy! Họ góp tiền của dân trong xã xây cầu xi măng, nhưng làm cho có, bề ngang nhỏ quá, chất lượng kém, nhiều chỗ sát mé bị sút mẻ làm cho mình chạy xe cũng khó khăn. Tai nạn hà rầm đó thầy, hai tháng trước có một đứa con gái 9, 10 tuổi té cầu chết. Con cái đầu xia thuốc kiểu này là nhẹ...’

Rồi nó vừa tâm sự vừa triết lý:

‘Nước mình nhiều sông, nhiều rạch, cần phải thông thương bằng thiết nhiều cầu, để dân chúng bên này dễ liên lạc được với bên kia vậy mà. Còn không thôi ai ở đâu ở đó, tới bao giờ người ta mới mở mắt thân thiện với những người không phải ở khu xóm mình. Con mơ ước có thiết nhiều những cây cầu đơn sơ nhưng chắc chắn bắc qua sông qua rạch, trước là mở đường lưu thông, sau là nối tình người. Con mơ, con mơ... nước mình có những cây cầu chắc chắn như mấy xứ nghèo chung quanh. Dân chúng họ coi lắm rầm vậy mà may mắn, những cây cầu bên xứ họ làm cho cuộc sống dễ chịu hơn, không làm cho người ta té sông, không làm cho con nít chết đuối...’

Thằng Tèo nói như bà nhập, Khâm kêu nó về chỗ ba hồi bốn chập nó mới về chỗ ngồi, mắt lim dim chắc là mơ những cây cầu vũng vàng để thanh niên như nó chạy xe khỏi nhào xuống sông mất công đo coi nước sâu hay cạn...

6.

Nửa năm sau, Khâm đi thăm Sáu Huê trong phòng cấp cứu bệnh viện tỉnh.

Người đàn ông lớn con, mạnh khỏe da mặt hồng hào ngày xưa đã thành một con bệnh đang đi xuống tuyệt cùng đường dốc của sức khỏe: ốm o, xanh xao và không cử động được nhiều, dây nợ chằng chịt ở mũi, ở tay.

Sáu Huê ứa nước mắt thều thào trong cổ họng:

‘Tiếc là ngày trước anh Khâm khuyên tôi đừng hút thuốc, nên cứ rượu và bớt trác táng nhưng tôi cười khinh để bỏ qua khi thấy mình mạnh khỏe, tôi cứ cái húp nước, ít hút thuốc lúc làm việc nhưng đi karaoke nhiều hơn. Mà anh biết đó, vô trùng là rượu như nước và biết bao nhiêu thứ khác dung tới miệng không thể ngó lơ được. Cứ nói mình không phải là thánh nên xả cảng.... bây giờ...’

Khâm khuyên anh Sáu đừng nói nhiều, tịnh dưỡng và báo tin buồn là cô giáo Trang bị nhiều áp lực nên đã vượt biên cho tới bây giờ hơn 3 tháng rồi mà không nghe tin tức gì. Có thể là chuyện không may đã xảy ra cho cô ta....

Khâm nói mà không dám nhìn Sáu Huê, anh ngó qua cái màn mỏng che ơ hờ cửa sổ. Ngoài kia trời nắng u u buồn.

Sáu Huê thở dài, day mặt vô vách, sợi dây nylon chuyền nước biển trên cánh tay trái anh, vương vịu, Khâm sửa lại. Dầu sao Sáu Huê vẫn tốt hơn nhiều người khác đương quyền mà Khâm biết.

Anh nói để người bệnh vui lòng khi nhìn trong phòng chỉ có hai giường sạch sẽ với hai bệnh nhon, người nuôi bệnh chỉ ngồi ngoài hành lang hay đứng lơ ngơ trước cửa phòng, không dám vô:

‘Bệnh viện này cao cấp, anh lại thuộc diện tiêu chuẩn cao, chắc chắn rồi sớm muộn gì cũng bình phục...’

Nụ cười buồn tuy héo hắt nhưng cũng nở trên mặt Sáu Huê đầu là một thoáng rất mau:

‘Chuyến này về tôi tu. Tu theo hai cách, đi chùa, sống lành mạnh hơn và giải quyết công việc hợp lý hơn.’ Tiếp theo câu nói là tiếng thở dài và cơn ho xé phổi của Sáu Huê. Khâm kéo tấm mền che cái bụng bự óc ách mềm nhũng của anh ta.

‘Anh là gạch nối giữa người cũ và người mới. Chúng tôi cảm ơn anh nhiều. Anh nghĩ coi nếu gặp người khó khăn hơn chúng tôi còn khổ biết bao nhiêu.’

Hình như Sáu Huê hiểu câu nói của Khâm là câu trách ngầm nên nhắm mắt lại, phân trần:

‘Áp lực từ nhiều phía anh ơi. Áp lực mạnh lắm! Cơ chế anh ơi. Cơ chế như gọng kềm sắt! Có những quyết định mình cảm thấy bất công mà không ký là không xong đâu. Chuyến này hết bệnh về tôi nguyện sẽ làm cây cầu nối kết giữa những người hai bên sông vì cho tới bây giờ phải nói là thiếu sự thông cảm giữa chúng tôi với các anh. Phải có những cây cầu và có nhiều người thông thả đi qua cầu, đem chuyện của bên mình chia xẻ với bên kia. Phải hiểu nhau vì lâu nay xa lạ do sống trụ ở hai bên bờ, không có phương cách giao tiếp...’

Khâm ứa nước mắt. Câu nói của người sắp chết là câu nói thiệt lòng, nhưng Trời ạ, bi thương quá đỗi, như tiếng của con chim cố gắng hết sức hót lần chót. *‘Chúng ta hai bên chưa tương thông. Cần phải có những cây cầu, cây cầu tượng trưng, nhưng mà là cây cầu.’*

Và chuyện té sông của thằng Hai Tèo nhảy vô trong trí làm cho những giọt nước mắt của Khâm đột ngột rớt lên chéo mền bông thông của Sáu Huê. Khâm bước như chạy ra khỏi phòng bệnh nhân, mắt còn ràn rụa, bất chấp những cái nhìn nửa ngạc nhiên nửa

khinh khinh của nhiều người trong Sở vừa mới tới để làm bồn phạt
viếng thăm xếp lớn. Khâm nói với chính mình:

‘Vâng! Rất cần những cây cầu. Và rất cần người qua lại.
Càng nhiều càng tốt.’

Victorville, CA June 18- 23/ 2013

NGUYỄN VĂN SÂM

 <p>CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT DO PHẠM VĂN NHÂN VÀ BẢNG HỮU THỰC HIỆN:</p> <p>TRẦN HOÀI THƯ VĂN CÒN MÃI ĐAM MÊ</p> <p>THƯ QUÁN BẢN THẢO</p> <p>SỐ 79 THÁNG 4.2018</p>	<p>TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM trang trọng giới thiệu: THƯ QUÁN BẢN THẢO số 79 THÁNG 4.2018 số chủ đề đặc biệt do PHẠM VĂN NHÂN và BẢNG HỮU thực hiện: TRẦN HOÀI THƯ VĂN CÒN MÃI ĐAM MÊ</p> <p>nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">o Giới thiệu 14 truyện ngắn tiêu biểu của Trần Hoài Thư trước năm 1975o Bảng hữu viết về Trần Hoài Thư:
<p>Phạm Văn Nhân * Nguyễn Lệ Uyên * Tô Thâm Huy * Nguyên Minh * Lữ Quỳnh * Lữ Kiều * Lâm Thúy * Lê Văn Trung * Nguyễn Âu Hồng * Mang Viên Long * Lê Hoàng Viện (Lê Cận Thơ) * Lê Ký Thương * Nguyễn Dương Quang:</p>	
<p>o Phòng vấn Trần Hoài Thư:</p>	
<p>Trần Doãn Nho * Phạm Cao Hoàng.</p>	
<p>o Phụ bản:</p>	
<p>Đình Cường * Nguyễn Quang Chơn * Hoàng Ngọc Biên.</p>	
<p>Nhà văn PHẠM VĂN NHÂN thay mặt nhóm chủ trương TQBT kết thúc Lời Toà Soạn đã viết: "... Những người bạn cầm bút cùng thời với chúng tôi đã nhiệt tình để hoàn thành một số chủ đề về nhà văn Trần Hoài Thư. Tôi rất vui. Vì trên con đường tôi đi, đã có những bạn bè cùng đồng hành".</p>	
<p>Toà soạn TQBT : 719 Coolidge Street Plainfield - NJ 07062 Email: tranhoaitu16@gmail.com</p>	

CHUYỆN VĂN CHƯƠNG



TRƯỜNG THY

DIỄN CỐ TÌNH YÊU TRONG VĂN HỌC

(tiếp theo VHVN số 80 mùa xuân 2018)

Một trong những yếu tố cơ bản ấy phải chăng là nhan sắc. Sắc đẹp thường dẫn tới dục tính chỉ là gang tấc; những mỹ nhân đã từng làm điên đảo và điêu đứng bao tâm hồn, từ đó ái tình bùng lên như lửa những ham muốn khó kìm hãm nổi. Trong tích sử nhân gian đã có khá nhiều trường hợp điển hình, chẳng hạn như:

Samson, người đàn ông mạnh mẽ, một Nazarite thực thụ, sống bằng lời nguyện (không được uống rượu và phải để tóc dài).

Khi lớn lên gặp một cô gái Philistine trẻ, đẹp, chàng yêu và muốn cưới, nhưng cha mẹ anh phản đối việc hôn nhân với con gái dòng thù địch...

Thời gian sau Samson lại gặp cô gái Philistine khác tên là Dalilah rồi cũng vì yêu nàng, chiều ý, thổ lộ bí quyết làm chàng có sức mạnh phi thường là để tóc dài. Biết được bí mật đó dân Philistine đã tìm cách để cạo đầu lúc chàng ngủ say khi gối đầu trên chân người yêu, kết cục sức mạnh chàng suy sụp và bị hành hạ. Trong thời gian này tóc mọc dần, đến một hôm bọn người Philistine mở hội mừng tại một ngôi miếu, lợi dụng cơ hội bị đưa ra làm trò cho đám hội, Samson nhổ cột miếu làm sập mái dè chết nhiều người trong đó có chàng.

Rồi nữa, vua **Salomon**, nổi tiếng là nhà thông thái, khôn ngoan, mặc dù được ghi nhận là ông có đến 700 vợ chính thức và 300 vợ lẽ, trong đó có hai người vợ được nhiều người biết tới là Naamah và con gái Pharaoh, song vì quá yêu nàng Djinn mà đã

chịu nhiều đau khổ khi bị 9 vị chúa đảng thử thách nhất là vì những kỷ niệm với nàng khi Djinn cũng bị họ hành hạ.

Người ta bước vào cuộc tình mà không mấy ai dám chắc sẽ bên nhau bao lâu hay cuối cùng chỉ có tim mình và nỗi đau còn lại.

Chúng ta đã từng hứa với nhau bằng hai tiếng ‘mãi mãi’ mà quên đi rằng trên thế giới tương đối không có gì là tuyệt đối, nên điều không thể thay đổi duy nhất chính là sự đổi thay.

Hôn nhân luôn tặng con người một đặc ân là chỉ những ai có nó mới có thể ly dị được.

Có những người đổi diện với tổn thương bằng những con say, có những người khép cửa lòng suốt tháng ngày còn lại, và không ít kẻ đã, đang, và sẽ khờ dại vì yêu.

Với người con gái người đời có những nhận định:

Con gái khi có nhiều người theo đuổi sẽ làm cao, khi có một người theo đuổi sẽ làm dáng, khi không có ai theo... sẽ làm thơ; và ngược lại khi cô ta theo đuổi nhiều người sẽ làm ...ca-ve.

Bất cứ lúc nào, trong hoàn cảnh nào, hầu như con người vẫn luôn khao khát yêu và được yêu, trái tim còn nhip đập là còn tình yêu. Trong thơ Xuân Diệu đã có những dòng tình tự thiết tha:

- *Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi*
- *Lúc chưa sinh vợ vẫn giữa dòng đời*
- *Tôi sẽ yêu khi đã hết tuổi rồi*
- *Không xương vóc chỉ huyền hồ vóc dáng.*
-
- *Làm sao sống được mà không yêu*
- *Không thương không nhớ một kẻ nào.*

Giám mục Bùi Tuần cũng với những lời nhận định về giá trị tình yêu:

“Tình yêu không phải là thứ xa xỉ phẩm, nó làm nên đời sống, ở trong cuộc sống, là chuyện của mỗi người.”

Trong tình trường có muôn vạn cảnh tượng và nhiều ý hướng, muôn vạn tình tự như ta thường nghe:

- Phụ nữ chơi với sắc đẹp như trẻ chơi dao, hoặc mình hoặc người khác bị thương, thông thường thì cả hai đều chảy máu.
- Nếu bạn chưa từng khóc, đôi mắt của bạn khó có thể đẹp.
- Tình bạn có thể, và trở thành tình yêu, nhưng tình yêu không bao giờ đi để trở lại tình bạn.

• (Friendship may, and often does, grow into love, but love never subsides into friendship.)

(Lord Byron)

Nhà thơ Percy Bysshe Shelley trong tiểu luận “Triết lý về tình yêu” đã viết:

“Tình yêu là gì?

- Hãy hỏi người đang sống ‘đời là gì?’
- Hãy hỏi người đang cầu nguyện ‘Thượng Đế là ai?’
- Tôi không biết điều gì ở trong những người khác.”

Và rồi cũng như nhà thơ Hàn Mặc Tử trong thi phẩm “Đà Lạt Trăng Mờ” với những câu:

- *Ai hãy làm tinh chó nói nhiều*
- *Để nghe dưới đáy nước hồ reo*
- *Để nghe tơ liễu run trong gió*
- *Và để xem trời giải nghĩa yêu.*

Sau cùng, sự hài hước đúng lúc, đúng chỗ, và đúng người đôi khi cũng cần trong mối quan hệ hàng ngày để cân bằng, làm hài hòa giữa tình yêu và cuộc sống.

Nếu quan niệm tình yêu đến với con người là do duyên nợ thì huyền tích Vi Cố, Nguyệt Lão xe sợi tơ hồng hẳn đã khởi nguồn từ ý niệm ấy. Từ đó tình yêu được coi như nhu cầu thiết yếu của con người nên cho dù “nước mắt có là độ chín của tình yêu”, con người vẫn yêu, vẫn đau khổ, và vẫn đi tìm những khuôn mặt tình yêu bởi đã có câu:

Yêu là đau khổ mà không yêu là chết

(Aimer c'est souffrir, mais ne pas aimer c'est mourir.)

Truyện tình Romeo và Juliet, chết cho tình yêu, chết vì tình yêu, và chết với tình yêu không chỉ đã nói lên mãnh lực của tình yêu mà còn là động lực đưa đến sự cảm thông, hàn gắn mối quan hệ giữa hai giòng họ Capulets và Montagues.

Trong những chuyện tình nhân gian, đâu đó vẫn thấp thoáng bóng dáng người tình điển hình như Narihira yêu cô gái giúp việc trong hoàng gia, chàng tìm gặp nhưng nàng ngăn cản vì sợ bị phạt nhưng chàng lên tiếng:

- *Khi đã yêu*
- *Giác quan anh mất nhiều*

- *ấn tàng trong thị giác*
- *nếu được gặp người yêu*
- *chết đáng giá bao nhiêu.*

I love with you

I have lost all sense of

Hiding from men's eyes

If in exchange for meeting you

Is death so great a price to pay?!

Trên quê hương Việt Nam thật cũng không thiếu những gương trung nghĩa, từ ngàn xưa đến nay. Từ

huyền tích “Thiếu phụ Nam Sương”, “Hòn Vọng Phu”, đến những chuyện tình chung thủy của người vợ lính VNCH, trong những ngày chiến tranh điêu tàn cho đến những tháng năm người chồng uất ức phải buông súng rồi bị giam cầm trong ngục tù Cộng sản.

Những tình tự quý giá ấy như đã gói ghém trong những dòng thơ sau của người vợ lính:

- *đêm nay chẳng ngủ anh biết không*
- *em gom thi tứ viết cho chồng*
- *thương anh em khóc trên từng chữ*
- *thơ lạnh hơn trời đêm lập đông.*

- thơ viết cho anh giữa chốn này

- đâu lời mật ngọt chuốc hương say

- thân anh cá chậu chim lồng ấy

- định mệnh an bài bao đắng cay!

Để rồi mang về một ấn tượng buồn muôn thuở:

- *đoàn người 'cải tạo' về ngang đó*
- *cúi mặt thương chồng lệ ướt mi!*

(không rõ tên tác giả)

Tình yêu là mẫu số chung ai cũng có song lại như rất riêng tư, riêng tư đến độ không ai chấp nhận chung chạ, sang đoạt hoặc chuyển nhượng vì đó là sản nghiệp tinh thần, tình cảm không thể dùng để thế chấp, cầm cố hay vay mượn; mỗi cá nhân mang một định nghĩa và lý lịch riêng cho tình yêu của mình.

Tình yêu có rất nhiều ngôn ngữ, trên thế giới có bao nhiêu sắc dân thì có bấy nhiêu ngôn ngữ của tình yêu; tuy nhiên cho dù ngôn ngữ có bất đồng, văn hóa dị biệt, khi nhập vào thế giới yêu đương,

thế giới của con tim, người ta chỉ còn lại một ngôn ngữ đặc thù, “ngôn ngữ tình yêu”. Ngôn ngữ tình thật kỳ diệu,

không chỉ là thanh âm, là từ ngữ trao gửi cho nhau, nhắn nhe qua đối thoại, những trang thư, qua ca khúc, vãn thơ mà còn là những thông điệp không lời qua ánh mắt, làn môi, và những vòng ôm v.v.

Tình yêu có một danh xưng nhưng nhiều danh hiệu: *tình yêu lý tưởng, tình vô vị lợi, tình không biên giới, tình yêu kết tinh, tình một chiều, tình câm* v.v.

Phải chăng vì thế mà Ngày Tình Yêu (Valentine’s Day), ngày đã, đang, và sẽ diễn ra theo thời khóa biểu hàng năm của dòng nhân sinh được hiểu theo nghĩa là nhiều...nhiều lắm trong dòng giao lưu của trái tim, nơi có trí nhớ riêng của nó. Cũng vì trái tim là kho tàng kỷ niệm yêu thương, nơi ban phát những ngọt ngào, lưu luyến nên có người như Annette Wynne cho rằng:

*Trái tim được tạo nên để phân phát
(Hearts were made to give away)*

Và Eleanor Leah Woods lại khẩn thiết trong lời xin một khi đã yêu nhau hãy viết tên nhau trong trái tim và đừng quên câu “*xin hãy là của nhau.*”

- *Wrote it on a heart*
- *And added, “Please be mine.”*

Trong một khúc tình ca tiếng Việt “Tôi Nhớ Tên Anh” của nhạc sỹ Hoàng Thi Thơ ta vẫn từng nghe những lời ca mang âm hưởng ngôn từ trái tim:

Tôi viết tên anh trong trái tim tôi

.....

Tôi viết tên anh trên trán trên tay

.....

Tôi nhớ tên anh như nhớ trông ai

Tôi nhớ tên anh muôn kiếp không phai

Tôi nhắc trong tôi đời đời còn nhớ thương hoài

Ngày nay, gần gũi với chúng ta hơn, những ngày quê hương khói lửa, một Hữu Loan bên ngọn đèn khuya,

nhớ thương người vợ bé bỏng miền quê với bao kỷ niệm khó quên:

- *Ngày xưa*

- *nàng yêu hoa sim tím*
- *áo nàng*
- *màu tím hoa sim*
- *Ngày xưa*
- *đèn khuya bóng nhỏ*
- *nàng và cho chồngtắm áo*
- *ngày xưa...*

(Màu Tím Hoa Sim)

Đến như Quang Dũng niêm nhớ mênh mang, vời vợi:

- *Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai*
- *Sông xa tình lớp lớp mưa dài*
- *Mắt kia em có sầu cô quạnh...*

(Đôi Bờ)

Trở lại với Ngày Tình Yêu mà ta đón nhận hàng năm bắt nguồn từ yếu tố tôn giáo. Người để lại dấu ấn tình yêu chứa chan lòng nhân ái là một Linh mục Thiên

Chúa Giáo, L.M. Valentine, người đã sống đạo tại La Mã vào thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch.

Thời kỳ này Claudius II làm vua đế quốc La Mã, nghiêm khắc cấm đạo và cấm binh sỹ không được kết hôn trong lúc tòng quân.

L.M. Valentine đã cương quyết phản đối lại sắc lệnh vô luân và vô lý ấy. Ngài đã lấy tính mạng mình ra

chống lại bạo quyền bằng cách vẫn bí mật làm phép hôn phối cho binh lính. Kết cục ngài bị bỏ tù, trong thời gian bị giam cầm trong ngục, cô bé mù lòa Julia, con của chủ ngục, thường đem hoa đến tặng và xin ngài cầu nguyện. Niềm tin của cô được ơn trên chữa lành đôi mắt, song cô chỉ kịp nhỏ lệ nhìn L.M. Valentine đường hoàng bước ra pháp trường vào ngày 14 tháng 2 năm 270 scn.

Để nhớ ơn vị thánh ấy, hàng năm người ta, nhất là các đôi tình nhân trao tặng nhau những đóa hồng với lời yêu thương nồng thắm trên những tâm thiệp.

Vùng trời yêu thương dành cho ngày Valentine's Day chính là vương quốc sương mù Anh Cát Lợi.

Vào thời Trung cổ (Middle Ages) và thời Phục Hưng (Renaissance) những tâm thiệp như ngày nay chưa

được phổ biến. Tấm thiệp Valentine xưa nhất được viết vào năm 1415 của Quận công Charles gửi cho vợ (hiện lưu giữ tại Bảo tàng viện Anh quốc, theo tài liệu của Phạm Phong Dinh)

Với người Anh thì mãi năm 1800 mới in những tấm

thiệp đầu tiên trên những bảng đồng, còn tại Hoa Kỳ, cánh thiệp đầu tiên được ghi nhận là bắt nguồn từ cô gái trẻ Esther Howland ở Massachusetts vào năm 1847. Cô đã nghĩ ra và tự làm những tấm thiệp cho người Mỹ dùng thay vì phải nhập cảng với giá đắt từ Anh hay Đức quốc. Công việc sản xuất thiệp của chị em nhà Howland rất thành công.

Trên tấm thiệp thường có hình trái tim, phải chăng trái tim là trung tâm tình cảm.

Tên **Valentine** mãi tới thế kỷ 14 khi thi hào Geoffrey Chaucer đưa vào thi phẩm “The Parliament of Fowls”, từ đó ngày lễ tình nhân luôn mang dấu ấn tình lãng mạn và anh hùng tính qua hàng thế kỷ.

Tên Valentine đã đi vào tự điển nhân gian để chỉ

‘người yêu’, người bạn đời’ – My valentine (My sweetheart).

Trong những bản tình ca cũng đã thấy có nhiều ca khúc trong tựa đề có 2 chữ ‘trái tim’: *Trái tim hoang vu*, *Trái tim không ngủ yên*, *Trái tim ngục tù*, *Trái tim làm lỡ...v.v.*

Trong những tác phẩm của các nhạc sỹ nổi tiếng như Bach, Beethoven, Mozart, Schubert v.v.; các thi sỹ thời danh như Shakespeare, Byron, Jean Apolinaire, Lamartine, Tagore...., các nhà danh họa như: Rembrandt, Picasso...; những phim ảnh như Romeo-Juliet, Nữ hoàng Cleopatra, tàu Titanic v.v., đều có bóng dáng tình yêu con người.

Riêng tại Việt Nam, những thi gia nổi tiếng như Tân Đà, Nguyễn Du, Chu Mạnh Trinh, các cây bút trong phong trào Thơ Mới, Thơ Tiền Chiến, các thi văn sỹ trong Tự Lực Văn Đoàn, và gần đây như Nguyễn Sa, Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Thiên Thư, đồng thời những phim ảnh tại miền Nam tự do trước 1975 như Nắng Chiều, Bão Tình v.v.

Chuyện tình yêu thì thật nhiều, nhiều vô kể; tất cả mọi tác phẩm, từ văn thơ, nghệ thuật đến điện ảnh đều chứa đựng những chuyện tình nhân bản dựa trên tâm lý và tình tự dân tộc qua từng

giai đoạn của quê hương, đất nước. Từ đó cho ta thấy những cái nhìn về tình yêu của nhân gian, đặc biệt là các danh nhân thế giới:

- James Joyce: *Tình yêu là cái sai lầm diệu dàng nhất của sự giả dối trần gian.*

- Marguerite Ipourcenar: *Tình yêu là một hình phạt, chúng ta bị kết án không được sống một mình.*

- François Sagan: *Tình yêu như một trò đùa của cuộc sống, gây nên những phong trào yêu cuồng sống vội, tạo nên những hụt hẫng, chao đảo.*

Với các triết gia thế giới như:

Tiền sỹ Richard Lewinsohl trong cuốn “Lịch Sử Đời Sống Tình Ái” đã khẳng định bản năng tình yêu là bản năng đầu tiên và sâu xa nhất của con người.

Trong Ca Dao Việt Nam có câu:

- *Mình với ta tuy hai mà một*
- *Ta với mình tuy một mà hai*

thì thi hào Ấn Độ Tagore cũng với câu nói mang cùng triết lý tình:

Toujours un et toujours deux, c'est le chant de l'amour.

(luôn luôn một và luôn luôn hai, đó chính là bài ca ái tình.)

Trong cuộc sống vô thường, tình yêu cũng có khi đến và đi như chưa bao giờ hẹn trước; có thể trong một tình huống bất ngờ nào đó, trong mưa gió bão bùng:

- *Chiều nay sâu thẳm một màu*
- *Tự dung lộp độp ngang đầu... ở mưa*
-
- *Vội vàng ta nép vào nhau*
- *Mái đầu che lấy mái đầu thoảng hương*
-
- *Từ môi mưa giọt xuống môi*
- *Nhắm chung một hạt mưa rơi mặn mà*

(Nguyễn Duy)

Và rồi trong một bài khác tác giả nối tiếp chuyện tình trời mưa:

- *Trắng trong từng hạt mưa rơi*

- Để cho em nép vào tôi thế này
- Trắng trong từng hạt mưa bay
- Để cho tay chạm vào tay ...giật mình.

Mưa gió cũng đã từng tạo điều kiện cho tình yêu phát sinh, thậm chí đến như tiên giáng trần còn sa vào lưới tình giăng trong mưa, như câu chuyện kể trong nhạc bản “Huyền Thoại Một Chiều Mưa” của Nguyễn Vũ:

*“Một chiều cuối tuần mưa bay lát phát
và mây trắng giăng giăng
Em đến thăm anh vì trời mưa mãi
nên không kịp về*

.....
*Thiên quốc đang vui
Một nàng tiên nữ làm rơi ly ngọc ngà
Đang say nên Trời bèn đọa đây
nàng tiên xuống trần gian...*

.....
*Tiên ơi, nếu mà Trời gọi về
thì tiên có về không?
Mím cười tiên nói...
Tiên thích dương gian
với chiều mưa thật nhiều....*

Mưa là thế, huông chi trong bão bùng, giông tố như trong truyện “The Storm” (con bão), tác giả Kate Chopin đã khéo léo mô tả tình yêu đến bất thần và tự nhiên trong hoàn cảnh ‘chặng đặng dừng’ (không thể lui bước), đã thôi thúc Calixta và Alcee sa vào lưới tình. Họ không là vợ chồng nhưng đã đột nhiên ‘cho nhau’ một cách tự nhiên tuy không lạnh mạnh.

Những tình huống gây nên tình sự vừa là do nhịp điệu lên xuống, nhấp nhô của cây kim trong chiếc máy may (sewing machine) mà Calixta đang may, thêm vào đó vì bão tố nên chồng và con nàng không về nhà được mà vợ cùng các con của Alcee Laballiere là Clarisse đang nghỉ hè ở Biloxi nên gặp bão chàng tìm nơi trú chân và gặp Calixta đang ở nhà một mình, trong căn phòng ẩm áp, ánh đèn lung linh, mờ ảo, làm sao ngăn được ngọn lửa tình.

Maldives, Thiên đường tình yêu.

Maldives, một quốc đảo độc lập ở phía Nam Ấn Độ và Sri Lanka với cảnh trí trữ tình tuyệt vời đã trở nên nơi lý tưởng cho những cặp tình nhân trong thời kỳ trăng mật và những ngày vui sống bên nhau.

Nơi đây có khoảng 200 hòn đảo, khí hậu ấm áp với biển xanh và cát trắng. những khu du lịch được xây dựng trên những hòn đảo khác nhau, dưới biển những loài cá nhỏ nhiều màu sắc bơi lội...

Một khi đã yêu làm sao tránh khỏi nhớ nhung và nhớ hẳn sẽ dẫn tới tương tự như trong “Tương Tư Khúc” Tiểu Vũ Vi viết:

- *Biển biệt mấy độ thu sang*
- *Tóc mây sương điểm mà chàng nơi đâu*
- *Biết chăng mòn mỏi đêm thâu*
- *Trăng nghiêng bóng, thiếp rũ sầu bên song!*

Tình là thể, yêu là thể, có khi kết quả của ái tình là ‘yêu những cái mình không được và được những cái mình không yêu’, trong yêu thương có hương thơm và mật đắng, có ngày không có đêm và ngược lại, có tổ ấm và địa ngục trần gian v.v., dầu vậy vũ trụ này vẫn là chiếc nôi của tình yêu.

trường thy

ĐÃ PHÁT HÀNH MỜI BẠN TÌM ĐỌC VÀ ỦNG HỘ	
	<p>CÒN KHÔNG CHÓN QUAY VỀ tự truyện HOÀI ZIANG DUY</p> <ul style="list-style-type: none">* Bìa: Nghiêu Minh* Trình bày, layout: Nguyễn Nam An* Thân Hữu xuất bản * Giá 18 mỹ kim* Chi phiếu xin đề: BINH DO 21269 Mirror Ridgew PI Sterling, VA 20164* Liên lạc email (đã sửa): hoaiziangduy@gmail.com cell: 571-232-2989

HOÀI ZIANG DUY

(Sterling - Virginia)

LẶNG MỘT ĐỜI RIÊNG

*Ta đứng đây một mình nơi chốn vắng
Thật lòng trong khoảng trống chính là không?
Không có ai, không nỗi niềm trước mặt
Mênh mông xa, không vọng tới bên lòng.*

*Đã buông hết tay không cầm nắm
Một đời riêng, chỉ giữ bên mình
Trong bóng tối một màu sâu thẳm
Kính không cầu, đâu thấy dáng hình.*

*Không đã thấy lòng sao ngỡ vực
Chốn hoang sơ tận có bến bờ?
Qua bên kia vác thuyền cất bước
Hết trọn đời sống lại tuổi thơ?*

*Mắt không nhắm nước đầu chảy ngược?
Bạn lấy bè chở thả trôi sông
Sớm chim gọi tình không đáp trả?
Thì thức chi lẽ nghĩa bạn lòng.*

*Ở cõi riêng dành, thơ với thân
Đời điểm trang, giả bộ nhu mì
Ta gởi chút tình, nhen nhúm lửa
Tình còn hỏi lại lấy tình chi?*

*Thôi thì vay lấy buồn xưa cũ
Hạnh phúc cho người soi bóng ta
Đi giữa quãng đời sau hay trước
Ở đâu một thế giới nhân hoà?*

KIỆP SAU CÒN CÓ THỆ NGUYỄN?

*Nếu sau có thấy tôi đời trước
Ta lạ người rồi hay chính ta*

*Có phải chốn xưa sông núi cũ
Cõi tạm đi về đâu đã xa.*

*Em có nhớ gì thân kiếp trước
Chia sẻ cho đời thêm dễ thương
Có cánh phượng hồng trên mái tóc
Về đâu chiếc bóng hẹn bên đường.*

*Ta nhớ ngày xưa làm thi sĩ
Lãng mạn trong đời tựa nhánh rong
Yêu người như thể yêu mệnh bạc
Gom hết tình ta sống dối lòng.*

*Nếu phải tình cờ sau gặp lại
Biết còn níu lấy nợ tình xưa
Có tưởng môi cười son mắt ướt
Hay bước quên chào vội tiễn đưa.*

*Ở buổi chiều hôm rời cuộc chiến
Nắng vàng hanh yên phận mộ người
Vẳng nghe vọng tiếng chuông theo đuổi
Báo thức hồn ai oán nụ cười.*

*Cho đến cuối đời làm ẩn sĩ
Cánh lá chưa khô hết muộn phiền
Về đâu dưới bóng trăng viễn xứ
Chỗ đâu nằm, gió thoảng an nhiên.*

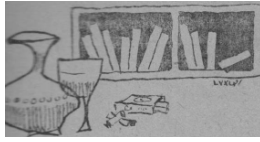
*Ai nói thệ nguyện câu son sắt
Cả lúc ái ân ở cuối trời
Tưởng nhớ mùi hương ơn đáp trả
Tiếng chim lẻ bạn gọi tình ơi.*

*Ta thà như giọt sương mai sớm
Động ở đâu cành nụ hướng dương
Ở chỗ quên về trong cõi mộng
Nghe gọi tên em đoá vô thường.*

HOÀI ZIANG DUY

(Sterling - Virginia)

GIÁO DỤC - VĂN HOÁ - VĂN NGHỆ



LINH VANG

(Seattle - WA)

**TƯỜNG THUẬT BUỔI RA MẮT
SÁCH và CD CỦA YÊN SƠN**



Chủ nhật, ngày 20 tháng năm, năm 2018, vào lúc 2:15 chiều, tại Trung tâm Cao Niên Sunrise Mai Vàng, góc đường Wilcrest và Bissonnet, có buổi giới thiệu Sách và CD của Yên Sơn.

Lâu nay, Yên Sơn được biết tới như là nhà thơ vì anh làm thơ và đã cho ra hai tập thơ: "**Cho Quê Hương - Tôi - Và Tình Yêu**", "**Một Đồi Trường Tiếc**". Không ai biết là anh còn viết văn và làm nhạc. Nên hôm nay việc anh ra mắt tập truyện **Mưa Nắng Bên Đồi** và CD **Góp Chút Hương Cho Đồi** là một điều ngạc nhiên lẫn sự thán phục đối với nhiều người.

Tuy bị trùng với rất nhiều cuộc họp mặt trong ngày, cũng như Picnic Hè của Hội Không Quân Houston, lễ Phật Đản, lễ ra trường, hay nhiều người đi nghỉ hè xa, nhưng cũng có hơn 200 quan khách đến dự, ngồi rải rác trong một hội trường có sức chứa 300 chỗ ngồi.

Mở đầu chương trình là phần nghi thức khai mạc do ông Đặng Minh Hùng điều khiển cùng với Ban Hợp Ca Anh Thư Thiện Nguyễn, trong những tà áo dài xinh đẹp Việt Nam.

Tiếp đó là phần giới thiệu hai MC điều khiển chương trình: một Thu Nga duyên dáng của đài SBTN - Dallas và một Sơn Huy thiên tài khéo léo, đầy kinh nghiệm, cựu Xướng Ngôn Viên chủ lực của đài VOVN Houston.

Nhà văn, nhà thơ Túy Hà, đương kim Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ, một sĩ quan thuộc binh chủng Biệt Cách Dù 81 đã ân cần chào mừng quan khách. Ngoài những khách địa phương như nhà báo Lê Phú Nhuận, nhà văn (NV) Đặng Phùng Quân, NV Trần Ngọc Tụ và NV T. Vấn, nhà thơ (NT) Vĩnh Tuấn, NT Song Thy, cựu Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ NV Phạm Ngũ Yên về từ Austin, cựu phóng viên RFA Hiền Vy, nhà thơ Phạm Tương Như... Khách phương xa đặc biệt có nhà thơ nữ Hạt Cát từ tiểu bang Pennsylvania, nhà văn nữ Linh Vang từ Seattle, Washington và nhiều bằng hữu, thi hữu về từ các thành phố lớn của Texas như Dallas, Austin, San Antonio.

Các diễn giả đã giúp giới thiệu và chia sẻ nội dung của 2 tác phẩm đến độc giả và khán giả một cách trung thực.

Giới thiệu tập truyện là nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, cựu Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ. Là một nhà văn quân đội, một cựu sĩ quan đại đội trưởng của một đơn vị bộ binh, đã can trường chiến đấu đến giờ phút cuối cùng bảo vệ Miền Nam. Rất nổi tiếng về tài

ứng khẩu giới thiệu các tác phẩm văn chương lôi cuốn và sâu sắc trong giới cầm bút tại địa phương và những thi văn hữu từ các nơi về Houston.

Vẫn như thường lệ, giọng anh sang sảng, phân tích sâu sắc, nói năng mạch lạc... đưa khán giả đi qua từng giai đoạn, từng phần của tập truyện **Mưa Nắng Bên Đồi**. 20 phút nói chuyện của anh đã lôi cuốn, hấp dẫn người nghe tạo một không gian tĩnh lặng bất thường.

Xin được chia sẻ đoạn cuối của bài nói chuyện của NV Nguyễn Mạnh An Dân với độc giả. *“Gã tha hương đã có gần như tất cả những gì đời thường mơ ước nhưng anh vẫn thiếu một thứ mà anh cần là quê hương và những mộng ước mà anh kiên trì theo đuổi suốt 42 năm của đời lưu lạc đó là ngày tự do, dân chủ nở hoa trên đất nước mình, cho đồng bào mình; ngày anh và bè bạn có thể được trở về cố quốc, hoà nhập đời cùng đồng bào thân yêu trong niềm hoan ca hạnh phúc.*

*Yên Sơn không viết truyện để giải trí hay để giải trí cho người đọc. Yên Sơn cũng không viết truyện cho mình mà anh muốn nói thay cho nhiều người về một giai đoạn nhiều đau thương nhưng cũng lắm tự hào nhất của dân tộc mình. Hãy đọc “**Mưa Nắng Bên Đồi**” của Yên Sơn để ít nhiều gặp lại mỗi chúng ta trong đó”.*

Tiếp đến là nhà thơ Bùi Huy, một nhà thơ đa năng, tinh thông thơ Hán Nôm, thường có những nhận định và phê bình văn học rất thâm thúy và sắc bén, cho biết cảm tưởng và nhận xét của ông về tác giả YS. *“Người ta hay nói: Văn tức là người. Vậy thì đọc văn Yên Sơn chúng ta thấy gì ở con người ấy? Có nghe thấy tiếng quyền tiếng cước vù vù của Đệ Bát Đẳng Huyền Đai đó không?*

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân trong phần lời tựa cũng bảo, *“Yên Sơn viết văn không phải để giải trí cho mình, mà cũng không phải để giải trí cho người đọc.”* Thế thì Yên Sơn viết văn để làm gì vậy? Và chúng ta, những người độc giả đọc văn Yên Sơn, nếu đọc không phải để giải trí thì chúng ta đọc để làm gì?

Thưa quý vị, tôi không thể nói hộ anh Yên Sơn là anh ấy viết văn để làm gì... Nhưng trong tư cách một người đọc, tôi xin vụng về trả lời câu hỏi: Tôi đọc văn Yên Sơn để làm gì? Dĩ nhiên, câu trả lời chỉ dựa trên cái nhìn cổ hủ, quê kệch của tôi. Tôi đọc văn Yên Sơn tôi thấy mình yêu dân tộc, yêu đất nước Việt Nam này quá đi thôi. Làm sao không yêu được cái đất nước có những con người

lành như cây cỏ, hồn nhiên như nắng mưa, khí khái, chính trực như trong truyện cổ tích, như Yên Sơn Trương Nguyên Thuận..."

Về hình thức: "Đây là một truyện dài, chứ không phải là một tập truyện ngắn. Tuy nó được cắt ra thành từng lát, từng truyện riêng rẽ. Nhưng có một sợi dây xuyên suốt, kết nối những mẩu chuyện ấy lại với nhau."

Về nội dung: "Là câu chuyện dài của một thanh niên Việt Nam, từ lúc thơ thẩn giữa núi sông, ruộng đồng nước Việt, lớn lên giữa tình thương yêu của cha mẹ, anh em, xóm giềng bè bạn, đến lúc lớn khôn, nghe thấy thôi thúc trong lòng tiếng gọi của trách nhiệm, tiếng gọi lương tri của kẻ sĩ sống giữa thời đao binh, loạn lạc. Không muốn đi theo con đường hoạn lộ trở thành bác sĩ, anh mộng trở thành một phi công phản lực bay tới tận cung Hằng ngắm nàng Hằng Nga xinh như mộng, rồi lộn trở về bảo vệ non sông, gìn giữ tự do cho dân tộc.

Ông Trời chỉ chiều anh một nửa, không cho anh có cơ hội lái phản lực, nhưng mở lối cho anh sang Mỹ học lái máy bay chong chóng, rồi trở về lái máy bay bắn đại liên yểm trợ đồng đội ở dưới đất. Nhưng rồi tai ương đã vội chụp xuống miền Nam, biển có lịch sử ấy đã đưa đẩy chàng thanh niên ấy trở lại đất Mỹ... để bây giờ ở đây, có mặt tại căn phòng này.

Những năm đầu tiên sau 1975, người Việt tỵ nạn đặt chân trên đến đất Mỹ được rải tung ra khắp nơi, khắp các tiểu bang, sống tan hoà vào cái xã hội mới, với đây những bờ ngõ trước lối suy nghĩ, cách sống, cách ăn uống khác hẳn những gì mình quen thuộc từ trước đến giờ. Mỗi người mỗi hoàn cảnh khác nhau, mỗi cách khác nhau, đã đương đầu với sự va chạm của hai nền văn hoá dị biệt. Và cái cách đương đầu, ứng xử ấy chính là nét son của cái gọi đích danh là văn hiến dân tộc, mà với nó, chúng ta, những người dân miền Nam nước Việt đã hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ.

Câu chuyện đời trên đất Mỹ của người thanh niên phi công ấy trong 43 năm vừa qua là một chuỗi những kỷ niệm tương tự như mỗi chúng ta đã gặp; nhưng ở Yên Sơn chúng có những nét đặc thù, cảm động, hào hứng, gay cấn riêng của nó...

...là một tuyển tập góp nhặt những kinh nghiệm sống như thế. Những chuyện buồn vui, hạnh phúc, đau khổ, thành công, thất

bại, chuyện nuôi dưỡng dạy dỗ con cái, chuyện vừa hành diện vừa lo âu khi tiễn con lên đường tham chiến ở Iraq, vân vân, ..."

Và nhà phê bình Bùi Huy khuyến "có lẽ quý vị cũng nên mua thêm vài quyển nữa để tặng cho những người bạn nào đó của quý vị, những người mà với họ quý vị đã chia sẻ những ngày tháng đầu tiên sống trên đất Mỹ."

Tiếp theo là phần giới thiệu CD Nhạc **Góp Chút Hương Cho Đời** của nhạc sĩ Viễn Phương - một nhạc sĩ tên tuổi đã và đang hoạt động rất mạnh trong lãnh vực âm nhạc từ thập niên '60; thường xuyên hát trên đài phát thanh Sài Gòn và Quân đội trước 1975. Là một nhạc sĩ có sức sáng tác rất mạnh, nhiều thể loại, nhất là Thánh ca. Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của phong trào Hưng ca VN tại hải ngoại; là Giám khảo các chương trình "Houston Hát" trên đài truyền hình SGN 51.3 và "Giọng Ca Vàng" của ABTV 55.4 tại Houston, TX. Ngoài ra, ông hiện là Trưởng Ban Thánh Nhạc của giáo xứ Lavang và Trưởng Ca đoàn TRI ÂN.

Sau đây là một số nhận xét của ông về CD Nhạc của Yên Sơn được ghi nhận:

1- Dòng nhạc của Yên Sơn, tuy lạ nhưng rất DỄ NGHE, rất gần gũi với tâm trạng chung của mọi người, tuy có thi vị hóa ngôn ngữ nhưng lại rất đời thường, những rung cảm của Yên Sơn được thể hiện trong ca khúc cũng là những rung cảm chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày.

2- Yên Sơn vốn là một thi nhân, nên phần LỜI anh viết rất đẹp! Đây là một ƯU THẾ mà nhiều tác giả khác không có được, nhất là những tác giả trẻ thời nay. Mà đối với âm nhạc Việt Nam, phần LỜI giữ một vai trò quan trọng, có thể chiếm trên 50% giá trị Ca khúc.

3- Một số ca khúc của Yên Sơn trong CD **Góp Chút Hương Cho Đời**, từ giai điệu đến tiết tấu nghe rất lạ, vượt ra khỏi những khuôn mẫu thông thường, nhưng rất dễ đi vào lòng người, cũng ví như thời xa xưa, khi người ta làm thơ, người ta thường dựa vào những mẫu mực của THO ĐUỖNG, nhưng từ khi phong trào THO MỚI ra đời, đã nhanh chóng đi vào lòng quần chúng.

4- Với CD đầu tay này, Yên Sơn đã may mắn tìm được một giọng ca tuyệt vời để diễn tả các ca khúc của anh; giọng ca Thanh Ngọc thanh thoát, ngọt ngào, nhẹ nhàng và rất tự nhiên, không đồm dáng, không trau chuốt nhưng dễ làm mềm lòng người.

Cuối cùng, là lời chúc mừng của Ông dành cho Yên Sơn "*đã cho ra đời một đứa con vừa xinh đẹp vừa dễ thương.*"

Nhà thơ Phạm Tương Như, đương kim Tổng Thư Ký Văn Bút Nam Hoa Kỳ, giới thiệu tác giả Yên Sơn là bạn thân, là một chiến hữu phục vụ cùng đơn vị, cùng thuê nhà chung vách một thời gian khá dài ở khu Lăng Cha Cả; là một trong những người từng bị bắt buộc tập võ với Yên Sơn tại sân cờ Bộ Chỉ Huy Không Đoàn trong những ngày không đi bay.

Tác giả Yên Sơn đã ngỏ lời cảm ơn nồng nàn đến Ban Tổ Chức, đến quan khách và bạn bè. Anh giới thiệu Mẹ già gần 100 tuổi đến tham dự cùng với các anh em dâu rể đề huề; có Cụ bà sui gia với Mẹ, có ông bà sui gia của anh. Sau hết anh trình diện với mọi người một gia đình hạnh phúc, có đầy đủ các con trai, gái, gồm cậu con út làm việc ở tiểu bang xa về, con rể; đặc biệt có cô cháu quý Hạ-Vy Ellie Vu gần được 9 tháng. Một gia đình mà với anh là động lực giúp anh tạo nên các tác phẩm về văn chương và âm nhạc để trình làng với quan khách hôm nay.

Xen kẽ giữa những bài nói chuyện là phần trình bày hầu hết những nhạc phẩm trong CD **Góp Chút Hương Cho Đời.**

Tất cả các ca sĩ đã hầu hết hát rất chuyên nghiệp, xuất sắc như: Ban Hợp Ca Anh Thư với *Chạnh Nhớ Ngày Qua*, Phương Nga với *Dòng Đời Trôi*, Kim Phượng với *Trăng Tôi và Biển*, Xuân Diệp với *Mùa Đã Thay Rồi*, Bích Vân với *Chiều Thu Trên Biển Vắng*, Như Ly với *Phượng Của Ngày Xưa*, Hoàng Long với *Cuộc Tình Khôn Ngươi...* và một lần nữa Nhóm Anh Thư hợp ca bản *Cho Quê Hương Thống Khổ.*

Ban Tổ Chức cũng khoản đãi nhiều món ăn ngon miệng, rất sung túc và đặc biệt thấy có mấy chục chai rượu vang đỏ để khách nhâm nhi với những đĩa đậu phộng rang thơm ngon trên mỗi bàn khi gặp gỡ, hàn huyên trước khi buổi ra mắt sách và CD bắt đầu.

Chương trình được sự bảo trợ của các cơ quan truyền thông OB Dương Phục Vũ Thanh Thủy và BGĐ đài Saigon Houston 900AM, Thu Nga và BGĐ Saigon Dallas 1560AM, Dương Thượng Trúc và BGĐ Việt Radio 1650AM, OB Đỗ Hạnh -Thu Nga và BGĐ SBTN TV, Nhạc sĩ Hoàng Văn và BGĐ ABTV, Nam Sơn và nhân viên Tuần Báo Trẻ.

Tác giả đã ký sách kỷ niệm liền tay, chụp hình liên tục... và số đông quan khách cũng nán lại đông đầy cho tới giờ phút cuối.

Chương trình kết thúc lúc 5g chiều như dự định, lúc trời bên ngoài vẫn còn nắng đẹp.

Buổi ra mắt được quan khách và thân hữu đánh giá rất thành công đối với một cộng đồng lớn luôn có quá nhiều sinh hoạt cuối tuần; đặc biệt ngày 20 tháng 5 năm 2018.

Linh Vang

University Place, Seattle 5/2018



HUYỀN VÂN THANH

(Về Nguồn – Tây Đô)

BÓNG THỜI GIAN

* kính nhớ Thầy Cô và bạn học năm xưa

* riêng tặng học trò già HTT với "bộ tư điển kỷ niệm vô giá"

*Đầu năm lục lại chồng ảnh cũ
Chợt thấy lòng nghe nỗi ngậm ngùi
Những Bạn, những Thầy Cô buổi trước
Dậy lên thương cảm nhớ khôn nguôi.*

*Có thể giờ này nơi chụp ảnh
Còn ai chạnh nhớ chỗ ngồi xưa
Còn ai điểm lại người bên cạnh
Để nhắc nhau kỷ niệm sớm trưa.*

*Nhớ mặt quên tên sao tránh khỏi
Thời gian mòn xoáy trí con người
Nếu chưa lẫn lộn quanh cuộc sống
Điểm phúc nào hơn một kiếp đời.*

*Bao nhiêu chuyện cũ về trong trí
Thoáng hiện... dường như mới thuở nào
Cái tuổi học trò nhiều mộng mị
Xa vời như một giấc chiêm bao.*

*Ảnh cũ người xưa nhòa sắc nét
Thầy Cô đứng giữa học trò yêu
Bạn bè hoan hỉ vui ra mặt
Động lại niềm thương đẹp mỹ miều.*

*Nhớ lắm một thời thơ mộng cũ
Giờ đây khép chặt bóng thời gian
Kẻ còn người mất đời rêu phủ
Muôn kiếp mờ phai giữa dặm ngàn.*

10-15-2013

HUYỀN VÂN THANH

(Về Nguồn – Tây Đô)

THỈNH CÔ HỒN VĂN

bản Unicode:

GS LÊ VĂN ĐẶNG

請孤魂文 Thỉnh Cô Hồn Văn

Tác giả: Tôn Nghi

Bản Nôm: Sư Chánh Đại

Bản Unicode: Lê Văn Đặng

Nguyên: bản in chữ Nôm do Alexandre Lê cung cấp, dùng trong TĐCNTD.

Có thuyết cho tác giả là Nguyễn Du, nhưng chưa có tài liệu thuyết phục.

Gia đình của Cụ Nguyễn cũng chưa thừa nhận. Hơn nữa, đoạn kết có vẻ do một nhà tu hành soạn nên.

Thể Thơ song thất lục bát (7-7-6-8) biến thể, nơi phần cuối.

Số mã trong dấu ngoặc vuông [] ghi số trang trong bản Nôm.

[23a]

國音文

自節膾匙至次罍撥陰七韻用

自拈香請至妬麻傷心 通用

1

節膾匙湄泮屎涑

Tiết thảng bảy mưa ngâu hi hụi,

澗馨枚冷律昌枯

Gió heo may lạnh lọt xương khô.

惱濃台傘朝秋

Não nùng thay máy chiều thu,

岸犖点鼻研梧用鑽

Ngàn lau điểm trắng, giếng ngô rụng vàng.

5

塘白楊俸朝蛮莫

Đường bạch dương bóng chiều man mác,

蔬棠梨落得湄沙

Ngọn đường lê lác dác mưa sa

悉市悉庄切他

Lòng nào lòng chẳng thiết tha,

墜陽羣世况罍墜陰

Cối dương còn thể, huống là cõi âm.

9

拈香請孤魂諸位

Gõ hương thỉnh cô hồn chư vị,

妙加持法器三通

Diệu gia trì pháp khí tam thông.

專誠敬待壇中

Tác thành kính đãi đàn trung,

泣逝南北西東精魂

Khấp mời nam bắc tây đông tinh hồn.

13

兼上下乾坤艮巽

Kiên thượng hạ càn khôn cấn tốn,

袍共糲粿嫪別包

Trề cùng già trai gái biết bao.

嘆浪坦穰歪高

Than rằng đất rộng trời cao,

輭移物对別包饒吝

Sao dời vật đối biết bao nhiêu lần.

17

持油伞湄春爆夏

Đãi dầu máy mưa xuân nắng hạ,

斂暑共媵墨靴花

Sớm khuya cùng [23b] trắng gió cỏ hoa.

袂罍同類馱些

Cũng là đồng loại người ta,

沙機輒沛拷麻傷心

Sa cơ nên phải nghĩ mà thương tâm.

21

艸長夜最心歪坦
爽靈魂彷彿幽冥
傷台十類眾生
魂單魄禮冷汀圭馱

25

香魂匏空尼娘拚
魂蒲催吝侶咕顛
羣之埃可埃愜
羣之麻吶埃賢埃愚

29

節初秋鄴垓超度
浩甘露密咒加持
閉伽佛德慈悲
解冤救苦攝術西方

33

共固几算塘僥倖
志仍淋拮梗嫩淹
喇台當暝爭雄
市弓勢屈運窮麻疔

37

俸丿兜孺蹙墜瑣
坤扰踰夕彥匹夫
奇霸霹礮惡晉
舛鮮來朗昌枯也移

41

團無祀洛類天沃
鬼空頭憐伏知誅
市能成敗罷机
麻孤魂別包徐朱散

45

市仍婀幔蘭帳蕙
仍悵踰宮桂嫦娥
返番台對山河
身如旻蕘別罷夕牢

49

連樓高霽湘渚泚

Trong trường dạ tối tăm trời đất,
Sáng linh hồn phảng phất u minh.
Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phách lẻ lênh đênh quê người.

Hương khói đã không nơi nương tựa,
Hồn bỏ cõi trần lữ đêm đen.
Còn chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.

Tiết sơ thu dâng đàn siêu độ,
Nước cam lồ mật chú gia trì.
Muôn nhờ Phật đức từ bi,
Giải oan cứu khổ, dắt về Tây phương.

Cũng có kê toan đường kiêu hãnh,
Chỉ những lăm chắt gánh non sông.
Gớm thay đang buổi tranh hùng,
Nào ngờ thế khuất vận cùng mà đau.

Bỗng phút đầu tro bay khói tỏa,
Khôn đem mình làm đũa thất phu.
Cả giàu sang, nặng oán thù,
Máu tươi lai láng, xương khô rã rời.

Đoàn [24a] vô tự lực loài eo óc,
Quý không đầu lẩn lóc tri tru.
Nào hay thành bại là cơ,
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan.

Nào những ả màn lan trướng huệ,
Những cậy mình Cung Quế, Thường Nga.
Gặp phen thay đổi sơn hà,
Tám thân mảnh lá biết là làm sao.

Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,

分缶停簪鬢屏隄
欺鞞冬鑄愜嘒
麻欺旺昧空馱拍昌
53

疔疽罽空香空埽
魂痕魚罨棧頹慘
傷台眞要狎戮
強齧強焯強哂強戩
57

市仍蹲帽帶襖麟
葦筭批托鞋連狎
經綸撮沒撮苔
缶哂管葛吏哂伊周
61

盛滿夥怨督強夥
冫類魔侵捻終觥
斲鑽坤贖特踰
樓歌院唱散情羣兜
65

几親戚髡縻永尾
別裊埃扰祭炤香
孤魂佛彷彿他方
礪冤坤罽尋塘化生
69

市仍蹲排兵布陣
啣令差領印元戎
疊湄霽霽同同
排屍閉戶夕功沒馱
73

欺失勢銘隄碑落
罨沙場厓涅弗溜
巴為浴液边歪
捻昌無主別隄准市

Phận đã đành trâm gãy bình rơi.
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương

Đau đớn nhẽ không hương không khói,
Hồn耿耿 ngơ bãi ngãi đòi sim.
Thương thay chân yếu tay mềm,
Càng nằm càng héo, càng đêm càng dài.

Nào những đáng mũ đai áo rộng,
Ngọn bút phê thác sổng trên tay.
Kính luân xếp một túi đầy,
Đã đêm Quăn Cát, lại ngày Y Chu.

Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma xấm nắm chung quanh.
Ngàn vàng khôn chuộc được mình,
Lầu ca viện xướng tan tành còn đâu.

[24b] Kẻ thân thích trước sau vắng vẻ,
Biết lấy ai đem tế lửa hương.
Cô hồn phát phởng tha phương,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.

Nào những đáng bài binh bố trận,
Vâng lệnh sai lĩnh ấn nguyên nhung.
Gió mưa sấm sét đùng đùng,
Bài thầy muôn họ làm công một người.

Khi thất thế tên rơi đạn lạc,
Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
Bơ vơ góc bể bên trời,
Năm xương vô chủ biết rơi chốn nào.

歪幽鬱渭喬叠切

氣陰沓霖震耀萎

暮薛霜雪待焯

市兜吊祭市兜蒸嘗

81

共固几尋唐致富

夕罪踰忍昨扒咬

脾脚空几至親

晒夕穢女抵分朱埃

85

欺齟窳空得眼啼

貼浮雲晒固如空

雖浪錢趾泊泖

欺移芒特汶同市移

89

哭魔擾傷之行箠

函枯多拈媧遂暄

矧踈躑涓同占

春秋享祀别尋臥兜

93

共固几位求笄貴

振踰匄城市繁花

伞秋离鞞离茹

文章缶取兜甕致身

97

准行館濟旬湄燬

媯琨市餒曩京堪

倍鑽殮插拊迎

伴笈天下朗堂得虵

101

俸桑梓賒澄鄉曲

摆沙魔几育得昂

孤魂恹改他鄉

斲腴焯篆香冷泚

105

Trời u uất mưa gào gió thét,

Khí âm ngưng mờ mịt trước sau.

Trăm năm sương tuyết dài dài,

Nào đâu điệu tế, nào đâu chung thường.

Cũng có kẻ tìm đường trí phú,

Làm tội mình nhịn ngũ bát ăn.

Ruột rà không kẻ chí thân,

Đầu làm nên nửa để phần cho ai.

Khi nằm xuống không người gấn bó,

Của phù vân đâu có như không.

Tuy rằng tiền chảy bạc dòng,

Khi đi mang được một đồng nào đi?

Khóc [25a] ma mướn thương gì hàng xóm,

Hòm gỗ đa bó dóm đưa đêm.

Thần thơ lồi dọc đồng chiêm,

Xuân thu hưởng tự biết tìm vào đâu.

Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý,

Dấn mình vào thành thị phồn hoa.

Mấy thu lia cửa lia nhà,

Văn chương đã chắc, đâu là trí thân.

Chòn hàng quán tế tuần mưa nắng,

Vợ con nào nuôi nắng kiêng khem.

Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng,

Bạn bè thiên hạ, lảng giềng người dung.

Bóng tang từ xa chùng hương khúc,

Bãi sa ma kẻ dọc người ngang.

Cô hồn nhờ gửi tha hương,

Dưới trăng héo hắt, triện hương lạnh lũng.

共固几戈淹越液
更帆陟丿戲臉東
返干脞膝冲泅
肫身埋没怵悉鯨鯢
109

共固几針芸奔半
枕梗筵尫間連棘
返干燥炇湄陟
苜与旅次除制濕鑽
113

固几躡例廊給仿
補網茹移梗役官
渚瓢鉗捻艱難
待焯閉屣淋炭沒莪
117

欺臨陣身馱如茗
分缶亭碑落魁陟
立燥蕪炤魔髒
嗜冤冰咏最歪感傷
121

共固几汝蒙沒節
眈歲撐半月奔花
苜与欺阻術蕪
空馱餒意別甯悒埃
125

甦缶韶韜枚煩惱
托吏恹哈槩莩多
惱濃台效桃花羗
劫苔番世別甯爲兜
129

共固几齧球踰坦
為飢寒行乞每尼
傷台裊沒劫馱
甦恹行處托培塘官

Cũng có kẻ qua sông vượt bể,
Cánh bướm rơi, phút hé gió đông.
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Tắm thân mai một vào lòng kinh nghê.

Cũng có kẻ chăm nghề buôn bán,
Đòn gánh tre chín rán trên vai.
Gặp cơn nắng gắt, mưa rơi,
Nào ngờ lũ thú xa chơi suối vàng.

[25b] Có kẻ đến lệ làng góp lính,
Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan.
Nước bầu cơm nắm gian nan,
Dãi dầu muôn dặm, lảm than một đời.

Khi lâm trận thân người như rác,
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
Lập lòe ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan văng vẳng, tối trời cảm thương.

Cũng có kẻ nhớ nhàn một tiết,
Lúc tuổi xanh bán nguyệt buôn hoa.
Nào ngờ khi trở về già,
Không chồng nổi ấy biết là cậy ai.

Sống đã chịu mĩa mai phiền não,
Thác lại nhờ hộp cháo lá đa.
Nào nùng thay số đào hoa,
Kiếp đày ra thế, biết là vì đâu.

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Vi cơ hàn hành khất mọi nơi.
Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xú, thác vui đường quan.

133

共固几默冤囚弋
改身衲詔落没萌
捨昌拊拉垆城
包暴解待冤情意移

137

共固孀孤兒怵爛
買生罌离媿离吒
市埃唏唆鞞麻
幽於喑哭怵車惱濃

141

共固几俸空雷打
吏固馱爲我梗核
固馱沙研比續
馱瀦瀦瀦來炤城

145

馱辰默山精水獸
穷毒蛇辟虎豺獠
固馱棘蔡迷制
多芒嘒岌貼歪破散

149

齏及暝無顏買醒
丿登仙坤另纏歪
固馱固穢空餒
几爲小產命馱臨危

153

默沛昞塘移汝跣
椽柰河几嚮得娄
每得没業恪饒
魂漂魄落别兜悲暴

157

或兜隱勳坡競壩
或兜娘頭岗边淹
或兜蒙篋同空

Cũng có kẻ mắc oan tù rạc,
Gởi thân vào chiếu lác một manh.
Nắm xương chôn lấp góc thành,
Bao giờ giải được oan tình ấy đi.

[26a] Cũng có đứa cô nhi tám bé,
Mới sinh ra lia mẹ lia cha.
Nào ai bú mớm dây mà,
U ư tiếng khóc xót xa não nùng.

Cũng có kẻ bồng không lời đánh,
Lại có người vì ngã cành cây.
Có người sa giếng bứt dây,
Người trôi xuôi lũ, người lay lừa thành.

Người thời mắc sơn tinh thủy thú,
Cùng độc xà, vuốt hổ ngà voi.
Có người thuốc sái mê chơi,
Đa mang nghiệp ngập, cửa trời phá tan.

Sau gặp buổi vô nhan mới tỉnh.
Phút đặng tiên khôn lánh lưới trời.
Có người có để không nuôi,
Kẻ vì tiểu sản mạng người lâm nguy.

Mắc phải lúc đường đi nhỡ bước,
Cầu Nại Hà kẻ trước người sau.
Mỗi người một nghiệp khác nhau,
Hồn phiêu phách lạc biết đâu bây giờ.

Hoặc là ẩn ven bờ, cạnh lối,
Hoặc là nương đầu núi, bên sông.
Hoặc là mong quạnh đồng không,

或尼遠塞趣穷閻閻

161

或毘拏神祠佛寺
或毘娘蒞靴俸檛
欺楛怒眈館尼
幣圭每准偷噤塢啖

165

余秋韶翹皮愁苦
腓煠枯吼毳如針
待焯别余慕辭
咀嘆斷坦啖縵連霜

169

聃鶻嘅尋塘另隱
吝柄歪憐矧尋罽
雷催掩裊攢蓀
聃啞召請吏麻證明

173

恩諸佛垂情救苦
接引術淨土遨遊
羣蝻四大部洲
煩惱滓沍怨督沿空

177

洳佛法靈通廣大
紳戢迷摳醒占包
自卑及璣篋高
媽糊糝裊調叻聃經

181

伽佛特超生瘳淨
買别浪萬境皆空
豎勸裊佛夕悉
自然超脫塊紳輪迴

185

玆賑濟哪啞遺教
物固之鉢槩赧香
噲毘萌襖梭鑽
替朱夕貼啖塘生天

Hoặc nơi viễn tái thú [26b] cùng diêm lu

Hoặc là tựa thần từ Phật tự,
Hoặc là nương ngọn cỏ bóng cây.
Khi cầu nọ, lúc quán này,
Chợ què mọi chốn thân ngày ủ ê.

Mấy thu chịu nhiều bề sâu khổ,
Ruột héo khô, hồng nhỏ như châm.
Dãi dầu biết mấy trăm năm,
Thờ than dưới đất, ăn nằm trên sương.

Nghe gà gáy, tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt trời, lẩn thần tìm ra.
Lôi thôi ăm trẻ dất già,
Nghe lời triệu thỉnh lại mà chứng minh.

Ơn chư Phật thù tình cứu khổ,
Tiếp dẫn về tịnh độ ngao du.
Còn trong tứ đại bộ châu,
Phiền não rớt sạch, oán thù rửa không.

Nhờ Phật pháp linh thông quảng đại,
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao.
Tự ty kịp đến ngôi cao,
Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh.

Nhờ Phật được siêu sinh cõi tịnh,
Mới biết rằng vạn cảnh giai không;
Dám khuyên lấy Phật làm lòng,
Tự nhiên siêu thoát khỏi [27a] trong luân hồi.

Đàn chẩn tế vâng lời di giáo,
Vật có gì, bát cháo nén (noãn) hương.
Gọi là manh áo thoi vàng,
Giúp cho làm của ăn đàng sanh thiên.

189

缶鞞鞞連跣吏
證悉誠渚碍包饒
法馱變沙絨慙
伽柴尊者支調分明

193

果無生勸埃早證
欸帆慈彼岸同登

南無佛
南無法
南無僧
普願一切
超昇寶臺

197

吏固排偈嘆浪
寒林罷准最淫淫
苦惱悉箕蹠余辭
疎矧蠱膝香煨狂
吟嘯花靴哭嘆恹
晒尼鞞返塘方便
屢眾棚戈墜最沁
豐粵天堂除余跣
清台脫塊准寒林

206

次 Thú
自三皈
自皈蒸佛
願朱眾生
啗通道奇
翽悉無上菩提
自皈蒸法
願朱眾生
詳燻義牟
智慧絃淪如液
自皈蒸僧
願朱眾生

Đã đến đây, dưới trên ngồi lại,
Chúng lòng thành, chớ ngại bao nhiêu.
Phép thiêng biến ít thành nhiều,
Nhờ thầy tôn giả chia đều phân minh.

Quả vô sinh, khuyên ai tảo chứng,
Giọng buồm từ, bĩ ngạn đồng đăng.

Nam Mô Phật,
Nam Mô Pháp,
Nam Mô Tăng,
Phổ nguyện nhứt thiết
Siêu thăng bửu đài.

Lại có bài kệ thần rằng:

Hàn lâm là chốn tối râm râm,
Khổ não lòng kia trải mấy năm.

Thơ thần gió trắng hương khói chớ,

Ngậm ngùi hoa cỏ khóc than thắm,
Bữa nay may gặp đường phương tiện,
Lũ chúng mừng qua cõi tối tăm.

[27b] Gang tác thiên đường xa mấy bước,
Thánh thời thoát khỏi chốn hàn lâm.

Tự tam quy.

Tự quy chung Phật.
Nguyện cho chúng sinh

Lâu thông đạo cả.

Mở lòng Vô Thượng Bồ Đề.

Tự quy chung Pháp.

Nguyện cho chúng sinh

Tường tỏ nghĩa màu.

Trí tuệ rộng sâu như bể.

Tự quy chung Tăng.

Nguyện cho chúng sinh

統理群眾 Thống lý trong chúng.
 一切空垠碍丕 Nhứt thiết không ngần ngại vậy.
 棄屍之所曰寒林 Khí thi chi sở viết “hàn lâm”.

221

又附 Hựu, phụ
 讚般若心經 Tán Bát-nhã Tâm Kinh,
 偈一律 kệ nhứt luật.
 行深般若波羅蜜 Hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật
 照見本來無一物 Chiếu kiến bản lai vô nhứt vật¹
 色卽是空空是色 Sắc tức thị không, không thị sắc
 以無所得故得佛 Dĩ vô sở đắc cố đắc Phật
 南無觀自在菩薩摩訶薩 Nam-mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát.

PHỤ CHÚ :

¹ *Bản lai vô nhứt vật* là câu thứ ba trong Bài kệ của

Tuệ Năng 慧能, hoá lại Thần Tú 神秀

菩提本無樹 Bồ đề bản vô thụ
 明鏡亦非臺 Minh kính diệc phi đài
 本來無一物 Bản lai vô nhứt vật
 何處惹塵埃 Hà xứ nhạ trần ai

[Bồ đề là tổ biết lẽ chân chính, vốn chẳng phải cây]

Bài kệ của Thần Tú :

身是菩提樹 Thân thị bồ đề thụ
 心如明鏡臺 Tâm như minh kính đài
 時時勤拂拭 Thời thời cần phát thức
 勿使惹塵埃 Vật sử nhạ trần ai

Theo *Lục Tổ Đàn Kinh Giảng Ký*, Tịnh Không Giảng thuật, Trang 32 & 41.

GS LÊ VĂN ĐẶNG

MỜI BAN ĐÓN ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NHIỀU NGƯỜI CÙNG ĐỌC & ỦNG HỘ VĂN HOÁ VIỆT NAM - TẠP CHÍ BẢO TỒN, PHÁT HUY VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM, PHÁT HÀNH 3 THÁNG MỘT SỐ.

Thư từ, bài vở, chi phiếu ủng hộ gửi về tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM:

PO Box 683276 - Houston Texas 77268 USA

Email: Tanpham99@hotmail.com. Tel/Fax: (281)826-0415

ĐIỀU VĂN PHÂN ƯU CỐ THIẾU TƯỚNG NGUYỄN VĂN KIỂM

Kính thưa Quý Cha, Kính Tang quyền cùng Cộng Đoàn dân Chúa và quý vị hiện diện.

Được tin Cố Thiếu Tướng Gabriel Nguyễn Văn Kiểm đã già từ gia đình, Cộng Đoàn, đồng đội, bạn bè thân hữu ra đi vĩnh viễn, chúng tôi vô cùng xúc động. Gia đình chúng tôi từng có Cha, Anh và Chồng là Sĩ quan trong quân đội, không khỏi ngậm ngùi nhớ lại những ngày còn trong quân ngũ, tinh huynh đệ chi binh gặp nhau vui vẻ, tinh thần niên trưởng vẫn tráng kiện, thanh liêm, chí khí còn sáng suốt, và nghĩ rằng niên trưởng sẽ còn ở với anh em mãi mãi để cố vấn việc đào tạo những tầng lớp lãnh đạo cho QLVNCH.

Lịch sử sẽ ghi danh các chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) người con yêu của Tổ quốc như niên trưởng mãi mãi, con người đã một thời chiến đấu can trường, là một chiến sĩ oai hùng với lòng ái quốc cao độ, luôn trung thành trong Lữ đoàn phong vệ Phủ Tổng Thống thời Đệ nhất Cộng Hòa. Hướng dẫn và đào tạo nhiều tầng lớp thanh niên cho QLVNCH trong trường Hạ sĩ quan Đồng Đê, trường Sĩ quan Võ bị Đà Lạt, Đại Học quân sự Đà Lạt v.v... nêu gương cho những kẻ đương thời và cho lớp hậu duệ noi theo, nêu cao tinh thần tôn trọng **“TỔ QUỐC - DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM”**.

Trung thành với Tổ quốc, nhiệt tâm đối với Thiên Chúa là con người của niên trưởng. Tuy tuổi đã cao nhưng tinh thần rất tráng kiện. Sinh thời trong quân ngũ niên trưởng thanh liêm, luôn hoàn thành mọi trọng trách được trao phó, thể hiện ý nguyện thành tâm với Thiên Chúa, nhiệt tình với dân tộc và tràn đầy tình nghĩa với anh em.

Niên trưởng Nguyễn Văn KIỂM không còn nữa! người thực xứng đáng được Tổ Quốc ghi ơn, xứng đáng với lòng tín cẩn của anh em. Công trạng ấy Tổ quốc không bao giờ quên lãng. Hồn thiêng dân tộc cũng không quên những người con ưu tú của Tổ Quốc như niên trưởng. Lịch sử sẽ ghi công trạng những chiến sĩ can trường của QLVNCH những người con thân yêu đã một lòng vì nước vì dân.

Chúng tôi đại diện Phong Trào CURSILLO cùng các cựu chiến sĩ QLVNCH xin được phép gửi lời chân thành phân ưu cùng Phu Nhân cố Thiếu Tướng và tang quyền. Ước mong rằng sự tiếc thương, lòng ngưỡng mộ của Cộng Đoàn dân Chúa, cũng như anh em cựu chiến sĩ QLVNCH đối với Thiếu Tướng sẽ làm vui đi nỗi đau đớn của Tang

quyển. Tinh thần yêu quê hương dân tộc của niên trưởng sẽ trường tồn vĩnh cửu làm cho tang quyển được phần nào an ủi, sự nghiệp bất khuất của Thiếu Tướng đã cống hiến cho Tổ quốc sẽ mãi mãi là niềm hạnh diện cho gia đình và con cháu khi người chiến sĩ dũng cảm đã về bên an bình với Chúa!

Lạy Chúa! là Đấng từ bi và nhân hậu xin thứ tha mọi lỗi lầm cho Linh hồn GABRIEL và những thiếu sót khi còn trong thân phận mỏng giòn con quá cố đã làm khi còn trên dương thế đối với Thiên Chúa cũng như Tổ Quốc, và đưa linh hồn GABRIEL về nghỉ ngơi ở nơi đầy ánh sáng và bình an trong nước Chúa muôn đời. Xin niên trưởng cũng cầu bầu cùng Chúa cho quả phụ Phu nhân và tang quyển được sẵn sàng tuân hành ý Chúa, và cho chúng tôi những người còn ở lại được giữ vững Đức tin. Xin vĩnh biệt niên trưởng và Kính chúc niên trưởng được vui mừng diện kiến tôn nhan Chúa sau khi đã hoàn tất hành trình Đức tin trần thế. Phong Trào CURSILLO, Các cựu chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và bạn bè thân hữu đồng:

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN **ỦNG HỘ TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM SỐ 81 - mùa hè 2018**

1225 - Ông Nguyễn Tấn Phước	<i>Houston TX</i>	\$50.00
1226 - Ô.B. Trần Quốc Tuấn - Phạm Thu Nguyệt	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1227 - Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1228 - Ô.B. Ung Ngọc Đạt - Mai Thị Ngọc Bích	<i>Houston TX</i>	\$40.00
1229 - Bà Trương Thị Hồng Hoa	<i>Worcester MA</i>	\$40.00
1230 - Bà Ngọc Nhân D. Trần	<i>East Brunswick, NJ</i>	\$50.00
1231 - Ông Nguyễn Hồng Quân	<i>Los Angeles CA</i>	\$50.00
1232 - Nhà Văn Trần Bá Xứ	<i>Spring Field, MA</i>	\$50.00
1233 - Ông Việt Trần	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1234 - Ông Trần Phê	<i>Shoreview MN</i>	\$50.00
1235 - Nhà Thơ Phạm Cây Trâm	<i>Arlington TX</i>	\$30.00
1236 - Ông Lâm Hữu Sáng	<i>Onion City CA</i>	\$100.00
1237 - GS Phạm Thị Kim Chi	<i>Houston TX</i>	\$20.00

(còn tiếp)

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tạp chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Xin kính chúc quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khỏe, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT.

Trân trọng
Tạp chí VHVN

**XIN ĐỂ TÔI GIÚP QUÍ VỊ
VỀ CÁC NHU CẦU BẢO HIỂM CỦA QUÍ VỊ**

- * XE CỘ**
- * NHÀ CỬA**
- * NHÂN THỌ**
- * KINH DOANH**

**Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất...
của một công ty quý vị quen thuộc**

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng
hoặc gọi điện thoại cho tôi



Leon VŨ TIẾN LẬP

Agent

**Allstate Insurance
Company**

13120 Veterans Memorial Dr
Houston, TX 77014

Bus: 281-866-0343

Fax: 281-866-0373



Allstate
văn phòng thành phố Houston

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, Illinois, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, Texas. ©2000 Allstate Insurance Company.

Tuỳ thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.

TRUNG TÂM NHA KHOA
VAN THO DENTAL CENTER



Bác Sĩ Nha Khoa



PETER NGUYỄN VĂN THỌ, D.D.S.

Với sự cộng tác của các Bác Sĩ Nha Khoa

Timothy Nguyễn Văn Thiện, D.D.S.

Lily Chen, D.D.S.

Phòng Nha Khoa được trang bị dụng cụ tối tân với hệ thống bảo vệ nhiễm trùng cho bệnh nhân và nhân viên đúng tiêu chuẩn OSHA và Bộ Y Tế.

NorthWest

12002-B3 Veterans Memorial Dr.
 Houston, Texas 77067

(281) 580-7446

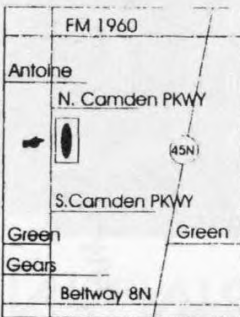
Fax **281-580-7520**
 (Trong khu siêu thị Lê Lai)

SouthWest

11574 Bellaire Blvd
 Houston, TX 77072

(281) 561-7800

Fax **281-561-9978**
 Góc Belle Park & Bellaire



Giờ Làm Việc:

Hai-Sáu: 10AM-6PM
 Thứ Bảy: 10AM-4PM
 Chủ Nhật: Đóng cửa



Nhận:
Bảo Hiểm - Medicaid
 Để khỏi mất thì giờ xin
 vui lòng lấy hẹn trước

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI .

Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp sự thay đổi đó.

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn. Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới? Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường? Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen

(713) 462-1447

9585 CLAY RD, Ste # 8

Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate.

You're in good hands.

Auto
Home
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tài Nạn Allstate: Northbrook, IL. © 2007 Allstate Insurance Company